

Pháp trích lục

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Sài Gòn, 1973 (PL 2517)

Mục lục

Lời tựa

Tập 1:

1. Ba tháng trước khi Đức Phật Thích-Ca Gotama nhập Niết Bàn
2. Tám kiến thức cao thượng
3. Tám giai đoạn thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của tâm ái dục về các sắc trần
4. Lời hứa với Ma vương
5. Những di ngôn tối hậu tại Vesali
6. Chế ngự nổi kinh hoàng nơi rừng vắng
7. Dòng nước từ sanh
8. Đức Phật giải về tính cách vô thường của những cảnh vật thiên nhiên

Tập 2

9. Kỳ thị về giai cấp
10. Thế nào là bậc Sa Môn?
11. Kiến thức của những người mù

Tập 3:

12. Những nguyên tố
13. Những phép màu
14. Đức Phật chế những phép thần thông và tha tâm thông.
15. Đức Phật trách phạt Tỳ kheo Pindola Bharadvaja
16. Lời giáo đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Tập 4

17. Ông hoàng Mahanama chưa dứt trừ được phiền não.
18. Giây oan trái nên mở chớ không nên buộc
19. Khúc gỗ trôi ra biển cả
20. Tư cách dứt bỏ
21. Công phu hành đạo - Tinh tấn để bảo tồn những phép cao thượng

Lời tựa

*Tư cách chẳng làm điều dữ
 Tư cách làm thêm việc lành
 Tư cách làm cho tâm trong sạch
 Đó là Giáo Pháp của chư Phật*

Cũng như vua Mĩ Lan Đà muốn làm cho Đức Na Tiên bí lỗi, một trí giả có tánh hay nguy biện thời Trung Cổ hỏi nhà hiền triết Hy Lạp: "Vậy trên thế gian này việc gì khó làm nhất?"

Nhưng ông ta hết sức ngỡ ngàng không hiểu gì cả khi nghe nhà hiền triết trả lời: "Việc khó làm nhất là học để tự biết lấy mình"

Câu này đồng nghĩa với câu "Tu để thấy tánh thành Phật" mà chúng ta thường được xem qua trong các kinh sách.

Mà thật vậy, đã trải qua nhiều thế hệ, các bậc thánh nhân, các nhà hiền triết, các tư tưởng gia đều không ngớt tìm hiểu cái thực chất của con người là thế nào. Các ngài khám phá trong con người có nhiều đặc tính trái nghịch nhau: Khi thì chìm đắm xuống tận đáy sâu của tội lỗi, khi thì vượt lên điểm cùng tột của giới đức thanh cao.

Trong mỗi cá nhân thường có hai hạng người: lúc thì tượng trưng cho loài yêu quái hung tàn, khi thì thánh thiện như bậc đại hiền cao quý.

Những nghi vấn về nhân loại là bài toán rắc rối nhứt, suốt sáu ngàn năm lịch sử thế giới đã làm bận lòng biết bao nhà tâm lý học, huyền học, triết luận..., đã làm mệt mỏi biết bao người bút đặc sắc, đã làm rối rắm những câu ngôn ngữ hùng hồn, đã làm điên đảo nhiều trí óc thông minh trong việc tìm kiếm một lời giải đáp thích nghi.

Trong mỗi con người đều có một điểm linh quang cứu cánh, nhưng nó thường bị che lấp bởi vô minh dày đặc được cái tâm ái dục củng cố từ vô lượng kiếp. Điểm linh quang đó (Trí Tuệ Giải Thoát) chỉ phát hiện đến những con người dũng cảm nhiệt thành, biết nhận thức đúng theo chân lý ba tướng: Vô thường - Khổ não - Vô ngã của muôn loài.

Người đời cố duy trì liên tục những tư tưởng về đục lạc và cũng ráng sa thải đối tượng của nó là sự khổ đau, nhưng đã vô tình kéo dài niềm thống khổ.

Phân tách toàn diện hiện tượng sinh linh giữa cái sống và cái chết cho thấy chúng ta biết cái sống còn cái chết thì không biết. Ta sợ cái mình không biết và cũng sợ mất cái mà ta biết. Tuy nhiên sống và chết đều cũng nằm trong một chuỗi dài diễn biến nối tiếp với nhau mà thôi.

Thật ra, sự sống chỉ là tư cách lang thang trôi dạt triền miên của tâm thức, một hiện sinh làm bằng tranh đấu, bằng lo âu, bằng ái dục, bằng sự bất an khốn khổ để tìm một nơi yên nghỉ mà không sao đạt được.

Với nền văn minh khoa học hiện đại, trên khắp mặt quả địa cầu, từ chót cao tột của dãy Hi Mã Lạp Sơn đến vực sâu cùng tận của Đại Tây Dương, từ bãi sa mạc Trung Phi nắng cháy đến miền tuyết băng đông đặc của Bắc Cực và còn hơn thế nữa... đến cung trăng, chẳng một nơi nào thoát khỏi dấu chân của loài người. Nhưng ai nấy đều thúc thủ ngẩn ngơ, vì không tài nào thám hiểm nổi vực sâu của cái thế giới thu hẹp bề cao không tới hai thước là chính bản thân mình.

Hạng phạm phụ thiếu tri quan niệm con người qua xác thân bằng xương bằng thịt với tư chi ngũ tạng và chẳng thích thú gì khi thấy xác thân đó bị côn trùng đục khoét tan rã sau khi chết, nhưng ráng tập quen với cảnh tượng chán chê này cho đỡ khổ.

Nhiều tôn giáo với lý tưởng nông cạn thô sơ cũng nhìn nhận rằng thế gian là khổ nên cố suy tạo ra những cảnh giới khác an vui hạnh phúc hơn dành riêng cho con người sau khi chết. Kì Tô Giáo cho rằng con người là kẻ có tội. Hồi Giáo nói rằng con người thuộc hạng xấu số và Bà La Môn Giáo thì dùng con người để trắc nghiệm lý thuyết Nhị Nguyên.

Riêng Phật Giáo lại có một lẽ lối nhận định vi tế thuần túy về bản chất bí ẩn của tất cả chúng sanh, cho rằng sở dĩ chúng sanh phải bị luân hồi khổ ải do luôn luôn đeo đuổi theo những hình ảnh giả tạo bên ngoài và bỏ rơi cái chân tánh thiêng liêng đã sẵn có bên trong.

Căn bản của đạo Phật là một cuộc cách mạng triệt để về tâm lý để đưa con người từ ngoại cảnh trở lại nội tâm, từ lãnh vực phạm nhân sang lãnh vực siêu nhân, bằng những đường lối luân lý đạo đức rất thực tiễn và khoa học. Đức Phật nói tâm ái dục là nguyên thợ tạo ra cái nhà ngũ uân và hân hoan tuyên bố khi vừa thành đạo: "Ta đã tìm ra người thợ cất nhà rồi! Từ nay người chẳng còn tạo tác nữa" (Pháp Cú). Ngài thêm rằng chính cái thân ô trược này là nguồn gốc của muôn vàn thống khổ.

Các tôn giáo khác cho rằng sự khổ chỉ có ở trong thế gian này. Đức Phật nói rằng nỗi khổ lan tràn khắp Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đó là chư thiên trên cõi trời vô sắc cũng vẫn chịu khổ nhỏ nhen vì phải mang một thân xác tuy vô hình nhưng sẽ tan biến trong thời gian nào đó. Vì lẽ ấy, người hành đạo cần phải diệt trừ ái dục, để phá vỡ cái nhà ngũ uân thì mới mong thoát khổ.

Người đời cho rằng hơn là vui, thua là khổ. Phật Giáo dạy rằng hơn hay thua cũng đều là khổ. Trong suốt quá trình sanh tử, từ sanh, nhiều duyên nghiệp đã biến con người trở thành tham lam ích kỉ, hung hăng tàn bạo, sống động, tranh chấp, xung đột giết hại lẫn nhau, nước mắt đổ ra nhiều hơn nước trong biển cả và đã phơi xác trên khắp bãi tha ma.

Đúng theo tinh thần Phật Giáo, tư cách an vui tuyệt đối không phải là một cảnh giới cố định, cũng chẳng phải là cõi thiên đàng hay cực lạc mà là một trạng thái siêu việt bất di bất dịch như Đức Thế Tôn đã thuyết trong tập kinh Udana (Phật Tự Thuyết): "Thật ra, có một vương quốc mà tại đó không có gì là rắn chắc, lưu động, nung nóng, rung chuyển (Tứ Đại), không có quá địa cầu này hay quá địa cầu khác, không có mặt trời, mặt trăng, không cao, không thấp, không tới, không lui, không sanh, không diệt, không nền móng, không tiến triển, không hình thành. Đó là trạng thái chấm dứt nguồn thống khổ (Niết Bàn)".

Phần lớn những thánh kinh trong các tôn giáo khác đều được dành cho vô số giáo điều và nghi lễ phụng thờ khẩn vái, cầu xin ân trên đóai hoài cứu rỗi. Trái lại, Đức Phật nói rất ít về bổn phận ở đời của người Phật Tử tại gia, không dạy cúng kiến khẩn cầu và hầu hết tám muôn bốn ngàn pháp môn đều chú trọng về đường lối hành đạo, trau giồi giới đức, rèn luyện nội tâm để mau thoát khổ.

Tất cả những Phật Ngôn trong quyển "Pháp Trích Lục" đều nhằm về các pháp hành, đường lối tu tập, có tánh cách lợi ích quan trọng dành riêng cho bậc hành giả nhiệt thành dũng cảm quyết tâm đi tới mục đích an vui cao thượng.

*Huỳnh Văn Niệm
Sài Gòn, 1973*

-ooOoo-

[\[Mục lục\]](#)[\[Tập 1\]](#)[\[Tập 2\]](#)[\[Tập 3\]](#)[\[Tập 4\]](#)

Pháp Trích Lục

T1

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch
Sài Gòn, 1973 (PL 2517)

---oOo---

Nguồn

*<http://www.tuvienlienhoa.net>
Chuyển sang ebook 06-12-2017*

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Vài đặc-điểm về lịch-sử Đức Thích-Ca

Đức Phật thuyết cho vua Adjasattu nghe về những phương-pháp hành đạo

- 1- Nhà vua đi viếng Đức Thế Tôn
- 2- Vua Adjasattu xin Đức Phật giải về đạo-lý
- 3- Bước đầu của bậc xuất-gia
- 4- Phần Giới
- 5- Phần Định
- 6- Phần Huệ
- 7- Sự hối-hận của đức vua Adjasattu

Quán tưởng về sự chết

Năm điều lo sợ của hành giả ngụ nơi rừng vắng

1. Điều lo-sợ thứ nhứt
2. Điều lo-sợ thứ nhì
3. Điều lo-sợ thứ ba
4. Điều lo-sợ thứ tư
5. Điều lo-sợ thứ năm

Mãnh-lực của Thiên định

Bốn cách hành-động của chúng-sinh

Quán tưởng về sự già, đau, chết, chia lìa và luật nhân quả

Giới hạnh của người tu tại gia

Trí xét đoán chân-chánh của các bậc thiện-trí-thức

Cách dạy bảo của những bậc thiện-trí-thức

Ba cách điều-ngự

1. "Mà thế nào mới gọi là cách điều-ngự cái ta?"
2. "Còn thế nào mới gọi là cách điều ngự tam giới?"

3. "Và cách điều-ngự giáo pháp là thế nào?"

Tư-cách thoát khỏi thế-gian

Những cách mà thiên-hạ có thể nói về Đức Phật đúng theo sự thật

Đức Phật giải về đạo-quả của người tại-gia cư-sĩ

Những điều làm cho quốc-gia được cường-thịnh

Đức Phật thuyết về tư-cách phồn-thịnh của Tăng-chúng

Ba điều so-sánh của đức Bồ-tát trước khi đắc-đạo

Lý-thuyết "tứ diệu đế" và "thập nhị nhân duyên"

Tứ diệu đế

Thập-nhị nhân-duyên

Đức Phật tiên-đoán về sự suy-đồi của Phật giáo

Trước khi nhập Niết-Bàn, đức Phật giải về cách cúng dường cao-thượng

Phần Phụ-Trương

Tư-cách giảng-sinh vào lòng mẹ và tư-cách xuất-gia của đức Bồ-Tát trong kiếp chót

Sự-tích ông Devadatta hãm-hại Phật và chia rẽ Tăng-hội

Những việc đã xảy ra trong khi đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn

Sử-tích kết-tập Tam-tạng Pháp-bảo

---o0o---

Lời tựa

Người tu Phật hằng xem vạn-vật với cặp mắt bàng-quan, không ước-đoán rằng đây là tốt, đó là xấu, đây đáng trọng, đó đáng khinh, mà chỉ tìm hiểu coi chúng nó có lợi-ích hay chẳng.

Người tu Phật, mỗi khi nghe được điều gì, chẳng vội tin mà cũng không vội bỏ, nên thí-nghiệm coi điều ấy đúng chân-lý hay sai chân-lý.

Người tu Phật không làm vừa lòng ai một cách trái lẽ, mà cố tìm phương-tiện để dìu-dắt đồng-loại đi đến nơi sáng-sủa.

* * *

Phật-giáo đã được phần lớn nhân-loại hoan-nghinh và thực-hành theo. Hiện nay, từ Âu sang Á, đâu-đâu cũng có nhiều bậc trí-thức để tâm nghiên-cứu Phật-pháp. Nhưng họ rất hoang-mang, điên-đảo trước vô-số tông-phái, không khác nào người thợ đốn cây phải lo-ngại lúc vào rừng để tìm cây danh mộc đang lẫn-lộn với các thứ cây khác.

Với thời-gian đã qua, Phật-giáo tại nước Ấn Độ bị ảnh-hưởng của các cuộc chiến-tranh, nên phải sai-lạc rất nhiều. Từ chỗ đơn-sơ khi xưa, các nhà vua ngoại-đạo đã chinh-phục xứ Ấn Độ, cho len-lỏi vào Phật-Giáo những nghi-thức thờ-phụng và tế-lễ rất phức-tạp mà chúng ta hằng thấy.

Hiện nay, khắp hàng Phật-tử trên thế-giới đều nương theo 84.000 pháp-môn của Đức Phật-Tổ "Thích-Ca Mâu-Ni" để tu học, đều lấy Niết-Bàn làm mục-đích giải-thoát, dầu rằng hình-thức Phật-Giáo bên ngoài có khác nhau, tùy theo phong-hóa của mỗi nước. Tuy-nhiên, chúng ta chớ chấp-nê vì đó mà bỏ mất cơ-hội để trau-giồi đạo-đức trong kiếp sống thừa.

Vì nghĩ như thế, nên chúng tôi không nệ tài hèn đức kém, soạn ra cuốn "Pháp Trích Lục" này để cung-hiến trong muôn một, cho các bạn nhiều bài pháp ngắn - nhưng đầy ý-nghĩa - trong những kinh sách mà chúng tôi đã được xem qua.

Ngôn-ngữ trong cuốn sách này chứng tỏ sự giản-dị của Phật-Giáo hồi lúc sơ-khai. Mỗi khi có dịp tiếp-xúc với hàng tứ-chúng, tùy theo sự hiểu biết của từng hạng người, Đức Thế Tôn dùng lời nói gọn-gàng và dễ hiểu, để dạy bảo người tu Phật về những phương-pháp tu-hành cho mau dứt khổ. Ngài có tránh những lý-thuyết viển-vông, chẳng có lợi-ích chi cho đường giải-thoát.

Vậy chúng tôi mong cầu các bạn vui lòng hưởng-ứng và cứ tự-tiện xét đoán về sự lợi-ích của soạn phẩm này và cũng xin chư cao tăng đại-đức, cùng các bậc cư-sĩ, nếu thấy điều chi sơ-thất, xin quý ngài vui lòng chỉ giáo, chúng tôi rất đa-tạ.

Quyển sách này chia làm ba đoạn:

- 1) Đoạn đầu nói về những pháp của Đức Phật đã thuyết ra để dạy bảo hàng tại-gia và bậc xuất-gia nên tu cách nào cho mau tấn-hóa.
- 2) Đoạn giữa là phần phụ-trưng, có chép những sử-tích về: Tư-cách giảng-sinh của Đức Bồ Tát trong kiếp chót, Tích ông Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng-hội và hãm-hại Đức Phật, và cuộc lễ trà-tỳ (thiêu) kim-thân Đức Thế Tôn.
- 3) Đoạn chót nói về "Lịch-sử kết tập Tam-Tạng Pháp Bảo".

Mong thay!

Soạn-giả

Huỳnh Văn Niệm.

---o0o---

*"Hết ngày này qua ngày khác, hết giờ nọ sang giờ kia, anh thợ vàng phải công-phu mới lọc ra được chất vàng-ròng như thế nào?"
"Người muốn cho thân tâm mình trở nên trong sạch cũng phải cố-gắng khó-nhọc như thế ấy".*

-- DHAMMAPADA (Pháp Cú Kinh)

Vài đặc-điểm về lịch-sử Đức Thích-Ca

Muốn tin-tưởng, hấp-thụ Phật-Giáo phải cần biết rõ thân-thế và những đức-tính của Đức Phật.

* * *

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Đức Phật Thích-Ca, lúc chưa thành đạo, lấy tên là Siddhattha (Sĩ Đạt Ta), Ngài vốn thuộc giòng Sakya (Thích-Ca), ra đời vào năm 623 trước Tây lịch, tại huê-viên Lumbini (Lâm-Tỳ-Ni), trong một nước nhỏ (hiện nay là xứ Népal) nằm dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Ngài là con của quốc-vương Suddhodana (Tịnh Phạm) trị-vị tại thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) và hoàng-hậu Mahamayā (Ma Da). Lịnh Mẫu-Hoàng thăng-hà 7 hôm sau khi sinh Ngài. Vợ của Ngài là công-chúa Yasodhara (Da Du Đà La) của tiểu quốc Deva-Gaha, sanh được một trai là thái-tử Rahula (Ra Hầu La), cùng một hôm với cơ-hội xuất-gia của Ngài.

Từ thuở bé, đông-cung Siddhattha đã có tánh hay ngồi yên-tĩnh trong nơi thanh-vắng, trầm-tư mặc-tượng. Đây là khởi-điểm của phép thiền-định về sau.

Nhờ trải qua nhiều kiếp Bồ-Tát, tâm từ-bi, bác-ái của Ngài được tấn-triển một cách triệt-đề. Sự đau khổ của một con vật nhỏ-nhít cũng đủ làm cho Ngài cảm-động, xót thương. Một lá vàng rơi xuống đất cũng khiến Ngài nghĩ-ngợi. Mỗi hoàn-cảnh quanh mình đều đem lại cho Ngài một bài học đích-đáng về ba tướng: vô-thường, khổ-não, vô-ngã, của muôn loài.

Sau khi ra dạo chơi ngoài bốn cửa thành, được mục-kiến những cảnh-tượng: già, bệnh, chết, Ngài thấy rằng tất cả vạn-vật trên vũ-trụ toàn là bào-ảnh.

Tự xét rằng: "Ở trong gia-đình, hằng bị nhiều điều ràng buộc. Chỉ có ra khỏi gia-đình mới mong được tự-do hạnh-phúc". Lúc vừa 29 tuổi, một thời-kỳ tươi đẹp nhất của con người, Đức Bồ-Tát rời bỏ cung vàng điện ngọc, đoạn-tuyệt thân-bằng quyến-thuộc, cắt tóc, cạo râu, mặc áo cà-sa, dấn thân vào rừng sâu núi thẳm, sống trong cảnh màn trời chiếu đất, bữa đói, bữa no. Ngài mang theo chí-nguyện: làm sao tìm được khoa linh-dược để chữa bệnh sâu-khổ cho tất cả chúng-sinh.

Đem ngôi-vị đế-vương đổi lấy cuộc đời vất-vả của một người hành-khất, trong sáu năm suy-xét tìm tòi, Đức Bồ-Tát có dịp đem ra thí-nghiệm nhiều

phương-pháp hành đạo của mấy phái cực-đoan. Ngài khổ-hạnh cho đến mức tột cùng của hàng tu khổ hạnh, xong vô hiệu-quả.

Rốt cuộc, Ngài tìm được chân-lý, đúng với con đường trung-đạo của Chư Phật quá-khứ. Chẳng nệ nắng táp mưa sa, cố công, trì-chí, hành-trình kham-khổ theo đường ấy, lần hồi Ngài gỡ được mối thắt-mắc của sợi dây nhân-duyên gồm có mười hai khoen, cái này dính với cái kia, cái kia nối theo cái nọ. Tất cả sự bí-mật về tư-cách sinh diệt của vạn-vật, chúng-sinh, đều ở trong mười hai cái khoen ấy. Muốn khỏi sanh diệt, cần phải đập vỡ sợi dây nhân-duyên kia mới được. Ngài biết rõ rằng sở-đĩ chúng-sinh phải khổ là vì lòng tham muốn. Nhờ đặc huệ nhãn, Ngài dòm thấy trong tất cả chúng-sinh, dầu ở cõi trời¹, cũng bị sinh diệt. Ngoài ra, chẳng có bậc Tự-Tại Thiên nào có đủ năng-lực tạo-tác và cai-quản vạn-vật cả. Trong lúc ấy, Ngài tự tìm thấy hai pháp-môn: Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Duyên Khởi, có thể đem chúng-sinh ra khỏi vòng sanh tử luân-hồi.

Từ khi đắc đạo quả và trở thành một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài luôn-luôn đi từ thành này đến thành nọ để hoằng-pháp, độ-sinh; Ngài đem giáo pháp của Ngài ra chỉ bảo cho mọi người để khỏi khổ, được vui, và đó cũng là một giải-pháp duy-nhất để diệt-tận phiền-não.

Bên trong, Đức Phật dựng ngôi Tam-Bảo, rèn tập tăng-chúng ăn ở theo khuôn-khổ giới-luật, tham-thiền, quán tưởng. Bên ngoài, Ngài khuyến hóa hàng thiện-nam, tín-nữ lánh dữ làm lành, tu thân, tích đức. Đức Thế Tôn dùng xác thân giả tạm của mình làm gương mẫu cho người bất chước hành theo. Mỗi việc làm, lời nói hay ý nghĩ của Ngài đều đúng theo chân-lý. Từ hàng vương-giả đến nhóm cần-lao, Ngài đều đề tâm ái-truất một cách bình-đẳng và cương-quyết đánh đổ lý-thuyết phân chia giai-cấp của Bà La Môn Giáo. Trong 45 năm hoằng-pháp, vô-số chư-thiên, nhân-loại nhờ hấp-thụ lời giáo-huấn của Ngài mà được giải-thoát.

Tiểu-sử Đức Bổn Sư Thích-Ca Mâu-Ni gồm lại có ba thời-kỳ:

- a) 29 năm ở ngôi thái-tử trong cung-cấm,
- b) 6 năm làm bậc sa-môn đi tìm đạo giải-thoát nơi chôn rừng sâu, và
- c) 45 năm hoằng-pháp độ-sinh.

Đến khi tuổi chẵn tám mươi, phận-sự độ đời vừa dứt, Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn trên tảng đá giữa hai cây Sa La, gần thành Kusināra. Tuy Ngài đã diệt độ, nhưng còn truyền lại 84.000 pháp-môn để tiếp-dẫn kẻ hậu-lai cho đến khi Phật-Giáo được năm ngàn năm.

Pháp trích lục

"Nếu không có cái sanh, cái già, cái chết, thì đáng Như Lai chẳng giáng-trần làm gì, và Phật Pháp cũng chẳng có cơ-hội để rải tủa ánh-sáng siêu-việt trên khắp thế-gian".

-- Anguttara Nikāya

Đức Phật thuyết cho vua Adjasattu² nghe về những phương-pháp hành đạo

1- Nhà vua đi viếng Đức Thế Tôn

Ta³ có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Radjagaha (Vương Xá), trong vườn xoài của ông Jīvaka, cùng với 1.250 vị tỳ-khưu.

Cũng trong khi ấy, nhằm hôm trăng tròn tháng Kattika (từ tháng 9 đến tháng 10 âm lịch, sau lúc ra hạ), đức vua trị-vì xứ Magadha (Ma kiệt Đà), là Adjasattu, cùng các quan văn-võ triều-thần đồng nghiêm-trì giới hạnh⁴. Đức vua ngự lên tầng cao nhất trong đền. Lúc bấy giờ, với tâm trong sạch, nhiệt-thành, ngài phán ra như vậy: "Đêm trăng hôm nay vui thật, đêm trăng hôm nay đáng mến thật! Đẹp đẽ thay, quý-hóa thay, cái đêm sáng-lạng như vậy! Đêm nay ắt đem lại cho chúng ta nhiều điềm tốt chẳng sai! Vậy chẳng biết có bậc đạo-sĩ nào, bậc sa-môn nào, đáng cho ta sùng-bái để mong cầu cho tâm-trí được an vui, mát mẻ hay chẳng?" (Có vài vị quan yêu cầu nhà vua nên đến viếng sáu vị giáo-chủ ngoại-đạo, nhưng đức vua chẳng nhận lời).

Khi ấy, có ông Jīvaka đang đứng yên lặng gần bên đức vua. Ngài phán hỏi ông Jīvaka rằng: "Này Jīvaka, hôm nay tại sao hiền-khanh lại đứng lặng thinh như thế?"

- "Tâu Bệ-Hạ, bậc tối-thượng, bậc trọn-lành, bậc hoàn-toàn giác-ngộ ấy, hiện bây giờ đang ngự tại vườn xoài của kẻ hạ-thần với một số đông thầy tỳ-khưu gồm lại có 1.250 vị. Tâu Bệ-Hạ, thỉnh-danh của Đức Gotama được đồn ra khắp xa gần như vậy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc trọn-lành, bậc hoàn-toàn giác-ngộ, có sự thông-hiểu nhiệm-mầu, có giới hạnh thanh-cao, bậc đã thoát khỏi vòng khổ-não, bậc thầy cả chư-thiên và nhân-loại, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác!" Tâu Bệ-Hạ, vậy xin ngài ngự đến đó để cúng dường Đức Thế Tôn, thì tâm-trí Bệ-Hạ sẽ được an vui, mát mẻ chẳng sai".

Đức Vua phán rằng: "Này hiền-khanh Jīvaka, vậy khanh hãy lo sắp đặt một đoàn voi cho trầm".

- "Tâu Bệ-Hạ, kẻ hạ-thần xin vâng".

Ông Jīvaka liền cho thặng 500 voi cái và một thớt voi riêng của nhà vua. Xong việc, ông đến tâu cho vua rõ.

Đức vua liền truyền-lệnh đặt các công-phi mỹ-nữ trên lưng 500 voi cái, còn ngài thì ngự trên thớt voi riêng của mình. Rồi đó, cùng với đoàn tùy-tùng, đèn đuốc sáng rõ, vua Adjasattu rời khỏi thành Radjagaha để thân-hành đến vườn xoài của ông Jīvaka. Lúc gần đến nơi, nhà vua bỗng-nhiên phát tâm bồn-chôn, lo-sợ, và hỏi ông Jīvaka rằng: "Này hiền-khanh có ý gạt-gẫm, hãm-hại trẫm, đem trẫm nạp cho quân-thù chăng? Chớ tại duyên-cớ nào, với một nhóm đông thầy tỳ-khuru gồm tới 1.250 vị, mà chúng ta chẳng nghe một tiếng khua-động, một tiếng ho, một tiếng kêu la gì cả?"

Ông Jīvaka liền tâu rằng: "Tâu Bệ-Hạ, kẻ hạ-thần chẳng có ý gạt-gẫm, hãm-hại hoặc đem Bệ-Hạ nạp cho quân nghịch đâu. Vậy xin Bệ-Hạ hãy bình tâm bước tới. Đàng trước kia là ánh đèn trong tịnh-xá".

Đức vua cho đoàn voi đi suốt khoảng đường thuận-tiện, rồi ngài để chân xuống đất, đi lần đến cửa tịnh-xá. Lúc tới nơi, ngài phán hỏi ông Jīvaka rằng: "Vậy chớ Đức Thế Tôn ở chỗ nào?"

- "Tâu Bệ-Hạ, Đức Thế Tôn chính là vị đang ngồi gần cây cột giữa, trước mặt Ngài là hàng tầng-chúng".

Nhà vua đến gần Đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Ngài nhìn xem khắp hàng tầng-chúng, thấy mỗi vị đều ngồi im-lìm như mặt nước hồ trong-trẻo, phẳng-lặng. Vua Adjasattu liền bạch với Đức Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, đông-cung Udāyibhadda là con yêu-quí của trẫm. Trẫm nguyện sao cho đông-cung hằng được tâm-trí yên lặng cũng như chư-tăng hôm nay!"

Đức Phật thốt lên rằng: "Lành thay! Lành thay!".

2- Vua Adjasattu xin Đức Phật giải về đạo-lý

Vua Adjasattu chấp tay, nghiêng mình, đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi kế bên. Ngồi xong, nhà vua bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, trẫm muốn hỏi vài điều, nhưng chẳng biết Đức Thế Tôn có vui lòng chỉ dạy chăng?"

- "Đại-Vương cứ việc tùy-tiện".

- "Bạch Đức Thế Tôn, có rất nhiều công việc khác nhau, như những nghề: khiển voi, giữ ngựa, đánh xe, vác cờ, sĩ-quan, cung-cấp quân-nhu, công-hầu, vương-tôn, hoàng-tử, dẫn đường cho chiến-binh, dũng-sĩ, kỵ-mã, tôi-tớ, đầu bếp, thợ cạo, thợ kết tràng hoa, thợ giặt, thợ dệt, thợ đan thúng, thợ gốm, bút-toán, thợ-ký, vân-vân ... Bạch Đức Thế Tôn, những nghề ấy đem lại

phước báu rõ-rệt cho người đời trong kiếp hiện-tại. Nhờ các công-nghệ đó mà họ được an vui, giàu có, và làm cho tất cả cha mẹ, vợ con, thân-bằng quyến-thuộc cũng được vui-vẻ, giàu có như họ. Bạch Đức Thế Tôn, còn các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn⁵ thì chế-biến ra những cuộc tế-lễ đáng đem lại phước báu an vui nơi cõi trời. Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ hiện bây giờ đây, chẳng biết có cách nào để chỉ cho họ thấy rõ phước báu về sự hành đạo của các bậc xuất-gia tu theo Phật-Giáo chẳng?"

Đức Phật liền giải cho vua nghe các phước báu cao-thượng về sự xuất-gia hành đạo, nhất là trong khi Đức Phật còn tại thế. Xong rồi, Đức Thế Tôn lại thuyết cho vua Adjasattu nghe luôn những cách trau-giồi thân tâm của thầy tỳ-khuru theo phương-pháp: Giới, Định, Huệ.

3- Bước đầu của bậc xuất-gia

Đức Phật thuyết tiếp như vậy: "Này Đại-Vương, trong trường-hợp này, có một đấng Như Lai, một bậc Toàn-Giác, một bậc Trọn-Lành, một bậc Thế Tôn suốt-thông Tam-Giới, một đấng thầy cả chư-thiên và nhân-loại, một vị Phật Tổ, xuất-hiện trong thế-gian".

"Này Đại-Vương, có một người kia nghe Phật-pháp, bèn hết lòng tin-tưởng Đức Như Lai, phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Sống trong gia-đình, phải gặp biết bao nhiêu điều trở-ngại, xấu-xa. Chỉ có rời khỏi gia-đình mới mong đến chỗ tự-do. Kẻ tại-gia khó bề thực-hành đạo-đức cho được trong sạch, vuông tròn, trọn-tru như hòn ngọc quý. Vậy tương-lai sẽ ra sao, nếu ta cắt tóc, cạo râu, mặc y màu vàng, bỏ nhà để đi tìm một đời sống vô gia-đình?"

4- Phần Giới

"Ra đi rồi, thầy tỳ-khuru luôn-luôn ở trong khuôn-khổ giới-luật, cố gắng ăn ở theo đường chánh. Dầu một lỗi nhỏ, người cũng chẳng dám phạm và coi đó là một điều tai-hại. Thầy tỳ-khuru ráng tu tập cho mau dứt khổ. Mỗi việc làm hay lời nói của người đều đúng theo chân-lý. Thầy tỳ-khuru nuôi mạng mình bằng một cách chính-đáng⁶, gìn giữ giới-luật luôn-luôn trong sạch, thu-thúc lục-căn, có đầy đủ sự ghi nhớ biết mình. Người phát tâm thoả-thích, vừa lòng trong giới bản".

"Này Đại-Vương, vậy chớ thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có giới trong sạch?"

"Trong điều này:

1) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh sự sát hại sinh-vật và phải diệt trừ cái tâm muốn sát hại. Người chẳng dùng đến dao mác, luôn-luôn khiêm-nhượng và có lòng từ-bi, bác-ái đối với tất cả mọi loài;

- 2) Ngoài các vật dụng do tín-thí dâng cúng, thầy tỳ-khuru chẳng hề lấy món chi không phải của mình; người cố gắng diệt trừ tánh tham-lam và xa-lánh những sự trộm cắp;
- 3) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh xa tình-dục và tìm sống riêng-biệt một cách tinh-khiết;
- 4) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh xa sự nói dối, không nói lời giả-trá, chẳng gạt gẫm ai; người chỉ nói điều chân-thật đáng cho kẻ khác tin-cậy;
- 5) Thầy tỳ-khuru phải tránh xa sự nói xấu kẻ khác, không nói lời đâm thọc, chẳng đem chuyện người này đi nói cho kẻ khác biết để sanh ra sự cãi-lẫy. Người phải có tánh hòa-nhã, rất vui thích trong sự hòa-nhã, khao-khát sự hòa-nhã, hằng đem lại sự hòa-thuận cho tất cả mọi người. Thầy tỳ-khuru phải cố tránh nói lời hung-dữ; người chỉ thốt ra những lời lành, dịu ngọt, lễ-độ nghe vừa tai;
- 6) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh những lời nói vô-ích, chỉ nói những lời ngay thật, có lợi-ích và những chuyện đạo-đức;
- 7) Thầy tỳ-khuru phải cố tránh sự phá-hại cây trái;
- 8) Thầy tỳ-khuru phải dùng vật thực theo giờ nhất-định, chẳng ăn chiều và ăn quá độ;
- 9) Thầy tỳ-khuru phải tránh xa sự múa hát, kèn đờn, dùng tràng hoa, chất thơm, các vật trang-điểm, nằm giường cao chiếu rộng, thọ lãnh vàng bạc, trái cây tươi⁷, thịt sống. Không nên thu-nạp phụ-nữ, tôi-tớ trai hay gái, dê, cừ, gà, vịt;
- 10) Thầy tỳ-khuru không được lãnh đem tin hay giúp việc cho kẻ thế, không nên mua bán, thêm bớt cân lượng, làm đồ kim-khí giả-mạo, không nên gạt-gẫm dối-trá làm cho người thất-vọng, không nên làm khó kẻ khác.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có giới trong sạch".

"Này Đại-Vương, vậy chớ thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru biết thu-thúc lục-căn?"

"Trong điều này, khi mắt trông thấy vật chi, thầy tỳ-khuru không nên quan-tâm đến hình-sắc của nó. Muốn ngăn-ngừa những tư-tưởng xấu-xa, tội-lỗi có thể xâm-nhập vào tâm, thầy tỳ-khuru phải cố thu-tâm con mắt lại, không cho nó tiếp-xúc với sắc trần. Khi lỗ tai nghe, khi lưỡi nếm, khi mũi ngửi, khi thân đụng chạm vật chi, khi tâm tiếp-xúc với vật gì, thầy tỳ-khuru phải giữ về bình-tĩnh, không để cho tâm xao-động vì các sự vui hay khổ. Khi lục-căn trở nên thanh-tịnh, thầy tỳ-khuru phát tâm thoả-thích, vừa lòng.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru biết thu-thúc lục-căn".

"Này Đại-Vương, còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sự ghi nhớ và biết mình?"

"Trong điều này, khi thầy tỳ-khuru đi tới, phải biết rằng mình đi tới, khi đi lui, cũng phải biết mình đi lui, khi ngó phía trước, xem chung-quanh, đứng một chỗ hay khi nằm, lúc mặc y, mang bát, bát ở bên trong, y phủ bên ngoài, lúc độ vật thực, đi tiểu-tiện, vân-vân ... mỗi-mỗi đều phải biết mình.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có sự ghi nhớ và biết mình".

"Này Đại-Vương, còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có đức tri-túc?"

"Trong điều này, thầy tỳ-khuru phải có tâm vừa lòng, thỏa-thích, khi có cái y để che thân, có chút ít vật thực để nuôi mạng sống. Đi đến đâu, người chỉ đem theo có bấy nhiêu.

Như thế gọi là thầy tỳ-khuru có đức tri-túc".

5- Phần Định

"Khi thầy tỳ-khuru giữ gìn giới-luật được trong sạch, biết thu-thúc lục-căn cho thanh-tịnh, có sự ghi nhớ biết mình và có đức tri-túc rồi, thì phải tìm một nơi thanh-vắng, hoặc nơi nhà bỏ trống, trong rừng, dưới cội cây, trên ngọn đồi, trong hang đá, nơi mộ-địa hay một đồng rơm ngoài đồng trống. Sau lúc đi trì-bình trở về, độ ngộ xong, thầy tỳ-khuru ngồi bán-già, thân mình ngay thẳng, chăm chú vào pháp thiên-định".

A) Diệt trừ năm điều chướng-ngại:

- 1) Phá-tan được sự tham muốn ngũ-trần, thầy tỳ-khuru phát tâm trong sạch và thơ-thới;
- 2) Phá-tan được sự thù-oán, giận-hờn, thầy tỳ-khuru phát tâm từ-bi, thương-xót tất cả chúng-sinh;
- 3) Phá-tan được sự lười-biếng, thầy tỳ-khuru trở nên siêng-năng, sáng-suốt, biết mình;
- 4) Phá-tan sự phóng-tâm, thầy tỳ-khuru trở nên bình-tĩnh và không xao-lãng;
- 5) Phá-tan sự hoài-nghi, thầy tỳ-khuru có sự tin chắc về đạo quả của bậc thánh-nhân.

"Này Đại-Vương, không khác nào một người kia trả được xong món nợ, được qua khỏi cơn bệnh, được ra khỏi khám đường, khỏi làm tội mọi, tìm

được đường để ra khỏi bãi sa-mạc. Thầy tỳ-khưu rất vui lòng, toại-nguyện, khi đã thoát khỏi năm điều chướng-ngại ấy".

B) Đắc thiên-định:

"Khi đã tẩy-trừ được năm điều chướng-ngại rồi, lần-lần với tâm cố gắng, quả-quyết thực-hành những pháp cao-thượng, thầy tỳ-khưu đắc được bốn bậc thiên-định⁸. Chừng ấy, thầy tỳ-khưu trở nên trong sạch, nhẹ-nhàng, luôn-luôn vui thích trong chánh pháp".

6- Phần Huệ

A) Thấy rõ ba tướng: Vô-thường, Khổ-não, Vô-ngã

"Với cái tâm an-định, trong sạch, không nao-núng, không còn tham-dục ấy, thầy tỳ-khưu quán tưởng⁹ cho thấy rằng: "Đây là thân của ta, nó do bốn chất (tứ đại): đất, nước, gió, lửa tạo thành. Thân này do cha mẹ sinh ra, được nuôi dưỡng bằng sữa, bằng cơm, và phải bị rã rời, tiêu hoại. Còn đây là tâm của ta. Tâm này nương theo xác thân tứ-đại và phải chịu số-phận của ba tướng: vô-thường, khổ-não và vô-ngã".

B) Đắc các phép thần-thông, thiên-nhĩ-thông, tha-tâm-thông, túc-mạng-thông, thiên-nhãn-thông và lậu-tận-thông

"Với cái tâm an-định và cái chí tinh-tấn của mình, lần-lần thầy tỳ-khưu đắc được:

- 1) *Các phép thần-thông*, như là: bay trên hư không, đi trên mặt nước, chun xuống đất, hóa hình, vân-vân ...;
- 2) *Thiên-nhĩ-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể nghe được tiếng của chư-thiên và tiếng người, bất cứ xa hay gần;
- 3) *Tha-tâm-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể đoán biết được tư-tưởng của kẻ khác;
- 4) *Túc-mạng-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể nhớ lại các tiền-kiếp của mình. Thầy tỳ-khưu biết rằng kiếp nào mình có tên gì, thuộc về giòng-dõi nào, làm nghề gì, vui khổ ra sao, lúc chết thế nào, rồi được tái-sanh lại ở chỗ nào, có tên họ chi, vân-vân ... mỗi-mỗi đều nhớ rõ;
- 5) *Thiên-nhãn-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu có thể thấy rõ cách sanh diệt của tất cả chúng-sinh. Người thấy các sinh-vật được sanh lên rồi bị diệt, diệt rồi lại tái-sanh, trong mỗi kiếp được vui hay khổ, sang hay hèn, tùy theo duyên nghiệp. Người thấy rõ rằng chúng-sinh nào có tà kiến, hay khinh rẻ những bậc hiền-triết, hằng làm việc

dữ do Thân, Khẩu, Ý; sau khi chết, phải chịu khổ trong cảnh địa-ngục. Còn chúng-sinh nào có chánh-kiến, biết kính-trọng những bậc đạo-đức, hằng làm việc lành do Thân, Khẩu, Ý; sau khi chết, được hưởng quả vui nơi cõi trời.

6) *Lậu-tận-thông*: với phép mầu này, thầy tỳ-khưu thấu rõ được lý "Tứ Diệu Đế" và phương-pháp diệt trừ phiền-não: Tham, Sân, Si. Người biết rằng đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là sự diệt khổ và đây là con đường diệt khổ. Người biết rằng đó là nguyên-nhân làm cho phát-sinh phiền-não và đó là con đường để tẩy-trừ phiền-não. Khi thầy tỳ-khưu thấu rõ lý "Tứ Diệu Đế" và phương-pháp diệt trừ phiền-não rồi, thì tâm người được giải-thoát ra khỏi những sự: tham-dục, sân-hận, si-mê, và màn vô-minh cũng tận-diệt. Đạt được trí-huệ giải-thoát, thầy tỳ-khưu biết rằng đời đạo-đức mình đã được sống đầy đủ, việc nên làm, mình đã làm rồi, và chẳng còn phận-sự gì ở thế-gian này nữa".

7- Sự hối-hận của đức vua Adjasattu

Tới đây, vua Adjasattu bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, tuyệt-diệu thay! Tuyệt-diệu thay! Như người ta đỡ đứng dậy những vật chi ngã, tìm được vật gì bị giấu kỹ, chỉ nẻo cho người lạc lối, đem ngọn đuốc vào chỗ tối-tăm cho người có mắt thấy rõ mọi vật thế nào? Bạch Đức Thế Tôn, cũng như thế ấy, Đức Thế Tôn đã giải rõ giáo-pháp cho trăm nghe nhiều cách khác nhau. Vậy trăm xin nương nhờ nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng. Xin Đức Thế Tôn nhận trăm là người thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời. Bạch Đức Thế Tôn, vì có tâm hung-dữ, si-mê, lầm-lẫn, và muốn đoạt ngôi vàng, nên trăm đã lỡ tay sát hại đấng phụ-vương là một vị vua công-bình và đức-hạnh. Bạch Đức Thế Tôn, vậy trăm xin sám-hối tội-lỗi đã qua, để trăm lo làm lành kể từ đây cho đến trọn đời".

- "Này Đại-Vương, quả thật vậy. Thuở trước kia, vì có tâm hung-dữ, si-mê, lầm-lạc, muốn đoạt ngôi vàng, nên Đại-Vương lỡ sát hại cha lành. Như Lai nhận lời thú-tội của Đại-Vương. Vì người nào biết ăn-năn, sám-hối tội-lỗi đã làm, người ấy đã được tấn-hóa trong giáo-pháp của Như Lai vậy".

Tới đây, đức vua Adjasattu đứng dậy từ-giã Đức Thế Tôn như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, trăm xin cáo-từ Đức Thế Tôn, vì trăm còn nhiều công việc phải làm".

- "Xin Đại-Vương cứ việc tùy-tiện".

Sau khi nhà vua đi rồi, Đức Phật liền thuyết các vị tỳ-khưu nghe như vậy: "Này các thầy tỳ-khưu, nhà vua rất ăn-năn, sám-hối. Nếu trước kia không có

phạm-tội giết cha, thì nội trong đêm nay đạo quả thánh-nhân sẽ mở rộng cho người chẳng sai".

-- *DĪGHA NIKĀYA*

---oOo---

Cái hại của ngũ-trần

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, có một vùng nọ mà bề giao-thông rất cam go, bất-tiện. Vùng ấy không phải dành riêng cho loài khí, mà cũng chẳng thuộc quyền sở-hữu của loài người. Có một vùng khác nữa, cũng khó-khăn, hiểm-trở như thế, để cho loài khí an-trú, nhưng hàng nhân-loại rất khó bề xâm-nhập được. Lại có những cánh đồng bằng, rộng-rãi phì-nhiều, để cho cả loài khí và loài người cùng sinh-sống. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Chính tại chốn này, trên những đường mòn, mà các bầy khí thường lui tới, người thợ săn có đặt một cái bẫy bằng nhựa cây. Khi ấy, những con khí nào sáng-suốt, không tham ăn, dòm thấy cái bẫy nhựa đều nhảy ngang qua để tránh. Nhưng có một con khí kia dốt, tham ăn, men lại gần, lẩy một chân rờ lên bẫy. Chân ấy bị dính vào chất nhựa. Nó bèn nghĩ rằng: "VẬY ta hãy gỡ chân ấy ra". Nó để một chân khác lên bẫy, nhưng cũng bị dính luôn. Muốn gỡ hai chân trước, nó để thêm một cái chân thứ ba. Muốn gỡ chân thứ ba, nó đặt thêm cái chân thứ tư, rồi cũng dính nốt. Rót cuộc, muốn giải-thoát cả bốn chân kia, nó liền kê mỏ vào bẫy, nhưng cũng bị dính luôn vào chất nhựa".

"Như thế, con khí bị vướng vào bẫy nhựa năm lần, lăn lộn, la rên. Nó đã lọt vào cảnh khổ, bị sa vào chốn diệt-vong. Nó là con thịt mà người thợ săn muốn xử-dụng cách nào tùy-ý. Người thợ săn phanh thây nó ra, để nướng lên trên lò lửa, ăn uống no-nê rồi rời khỏi chốn ấy, đi về nơi khác theo sở-thích".

"Kẻ nào bước chân vào đồng cỏ bị ngăn-cấm, vào những vùng thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác, phải bị khổ-não như vậy đó. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các người chẳng nên hành-trình sai-lạc như thế. Những kẻ nào lâm vào chỗ không phù-hợp với địa-vị mình, tức nhiên phải bị ma-vương men đến gần để hãm-hại chẳng sai. Nay các thầy tỳ-khuru, mà thế nào mới gọi là đồng cỏ bị ngăn-cấm, là vùng đất thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác? Chính là ngũ-trần vậy. Mà những ngũ-trần ấy như thế nào? Là những sắc do mắt trông thấy, những tiếng do lỗ tai nghe, những vật thơm do mũi ngửi, những vị ngon do lưỡi nếm, những sự vừa lòng do thân đụng chạm. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đó là đồng cỏ bị ngăn-cấm, thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác vậy. Nay các thầy tỳ-khuru, các người nên đi vào đồng cỏ nào không bị ngăn-cấm, thuộc quyền sở-hữu của các người và phù-hợp với địa-vị các người. Những kẻ nào biết

hành-trình chân-chánh như thế, ma-vương không tài nào men đến gần để hãm-hại được. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Vậy chớ đồng cỏ không bị ngăn-cấm và phù-hợp cho người hành đạo ra thế nào? Chính là bốn pháp niệm tưởng (Tứ Niệm Xứ) vậy. Mà bốn pháp ấy như thế nào? Muốn biết rõ chúng nó, thầy tỳ-khuru nên luôn-luôn cương-quyết, chăm-chú biết mình. Thầy tỳ-khuru nên quán tưởng cho thấy rõ thân trong thân, thấy thọ trong thọ, thấy tâm trong tâm, thấy pháp trong pháp, thấy thấy như nhau, chẳng phải riêng-biệt. Khi đã thấy rõ như vậy, thầy tỳ-khuru không để cho sự vui thích về ái-dục, hoặc-giả những sự thất-vọng, khổ-não của đời lung-lạc mình được. Đó là cánh đồng cỏ không bị ngăn-cấm, là vùng đất phù-hợp cho người hành đạo vậy".

-- SAMMYUTTA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Đức Thế Tôn thuyết ra thời pháp trên đây để nhắc nhở hàng xuất-gia về sự tai-hại của ngũ-trần. Ngài ví ngũ-trần như cánh đồng cỏ bị ngăn-cấm, không cho ai léo-hánh đến, như một vùng kia thuộc quyền sở-hữu của kẻ khác. Những bậc tu-hành sáng-suốt, mong tìm sự giải-thoát, không nên sa-lạc vào nơi ấy để khỏi bị đau-đớn, khổ-não, vì sự cám-dỗ và hãm-hại của ma-vương. Cũng như con khỉ kia, đã mang tánh ngu-ngốc, ham ăn, đáng lẽ phải ở tận chốn sơn-lâm là nơi phù-hợp cho sự sinh-hoạt của nó, lại đi tìm len-lỏi vào chốn đồng bằng phì-nhiều để thân-cận với loài người. Nên chi anh thợ rừng (ma-vương) mới có dịp gài bẫy, bắt nó đem đi sát hại để làm vật thực sở-thích.

Đức Phật dạy các thầy tỳ-khuru nên chọn lấy đồng cỏ nào không bị ngăn-cấm, vùng đất nào phù-hợp với địa-vị mình, tức là bốn pháp ềTứ Niệm Xứ", làm phương-pháp quán tưởng để diệt trừ cái tâm ái-dục, ngã-chấp, làm-lạc trong ngũ-trần ảo-ảnh, để thấy rõ ba tướng: vô-thường, khổ-não và vô-ngã của vạn-vật.

---o0o---

Quán tưởng về sự chết

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Tư-cách quán tưởng về sự chết, nêu con người chú-tâm đến nó, biết dùng nó làm một phương-tiện, thì sẽ được nhiều quả-báo và

lợi-ích chẳng sai; chừng ấy con người sẽ được thắm-nhuần trong cái không chết, sẽ được thành-tựu trong cái không chết. Tại sao vậy?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! các người thử nghĩ rằng có một bậc hành-giả kia, khi mặt trời vừa khuất bóng, trong đêm tối, quán tưởng rằng: "Thật vậy, biết bao nhiêu điều nguy-hiểm, tai-hại, có thể làm cho ta phải chết: một con rắn độc, một con bò cạp, một con rít có thể mổ cắn làm cho ta phải chết và đó là một trở-ngại cho bề hành đạo của ta. Ta có thể vấp té; vật thực ta dùng có thể làm cho ta mang bệnh; mật có thể làm lay-chuyển gân cốt; đàm có thể xâm-nhập vào thân làm cho ta phát lên run-rẩy; hoặc giả có những hạng phi-nhân toan hãm-hại ta ... vì vậy mà ta phải chết và đó là một trở-ngại cho bề hành đạo của ta".

"Lúc ấy, hành-giả lại quán tưởng rằng: "Vậy chớ hiện bây giờ đây, trong thân tâm ta còn sót những tật xấu nào, những nét sai-làm nào chưa được chừa cải, và chúng nó có thể làm trở-ngại cho bề hành đạo của ta? Mà nếu ta phải chết nội trong đêm nay, thì sẽ ra sao?" Nếu sau khi suy xét, thấy mình chưa diệt được các ác pháp kia, thì hành-giả cần phải gây cho mình một tâm chí cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, luôn-luôn chăm chú biết mình, không nài khó nhọc, để ráng thực-hành những pháp cao-siêu".

"Này các thầy tỳ-khuru, như khăn hay tóc của mình đang bị lửa cháy, hành-giả cần phải cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, chăm chú biết mình, ráng sức để dập tắt ngọn lửa kia như thế nào thì hành-giả cũng phải ráng gây cho mình một tâm chí cố gắng, tinh-tấn chiến-đấu, luôn-luôn chăm-chú biết mình, không nài khó nhọc, để diệt-tận những điều xấu-xa, làm-lạc".

"Nhưng nếu sau khi suy xét, hành-giả thấy không còn tật xấu-xa, làm-lạc nào chưa trừ-tuyệt, và có thể làm trở-ngại cho bề hành đạo của mình, mà nếu mình phải chết nội trong đêm nay, chừng ấy hành-giả phát tâm toại-chí, hài-lòng, hăng-hái trau-giồi ngày đêm cho được tinh-vi thêm những pháp mà mình đã có".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! tư-cách quán tưởng về sự chết, nếu con người hằng chú-tâm đến nó, biết dùng nó làm một phương-tiện, thì sẽ được nhiều quả-báo và lợi-ích chẳng sai. Chừng ấy, con người sẽ được thắm-nhuần trong cái không chết, sẽ được thành-tựu trong cái không chết".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA*

Lời của soạn-giả:

Tất cả chúng-sinh, vì chẳng thấu lẽ vô-thường, khổ-não, vô-ngã của vạn-vật, nên hay hờ-hững, để cho trần cảnh lôi cuốn vào mảnh lưới của tam-giới,

phải luân-hồi, chuyển-kiếp luôn-luôn, không sao thoát-ly ra khỏi thế-lực của ma-vương đặng.

Muốn nhắc-nhở hàng nhân-loại để khỏi say mê trong miếng mồi dương-thế, Đức Phật có truyền pháp quán tưởng về sự chết. Các bậc thiện-trí-thức ví cái chết như chất đất bao-phủ trên đầu tay nắm, khi nó vừa trôi lên khỏi mặt đất; như mặt trời ló mọc từ đông để khuát bóng về tây; như điểm sưng-sa trên ngọn cỏ buổi mai phải biến tan dưới sức nóng của thái-dương trong chốc lát; như tảng đá từ trên núi cao rơi xuống, mang theo các loài thảo-mộc dính quanh mình... Nói cho dễ hiểu, khi nào cái sanh được phát khởi, thì luôn-luôn có cái diệt đi kèm một bên.

Vì lẽ đó, người nào quán tưởng thường-thường về cái chết, ắt đâm ra chán-nản cõi đời giả tạm, nhòm góm tất cả những vật hữu-vi, mộng-ảo, chẳng còn chấp rằng: Đây là ta, đây là người, đây là của ta, đây là của người, vân-vân ... Chừng ấy, mùi vị của đạo xuất thế-gian mới bắt đầu thâm-nhiễm vào trí óc con người tinh-khiết.

Trên đây, Đức Thế Tôn dạy hàng xuất-gia luôn-luôn niệm tưởng về sự chết xảy ra bất-ngờ, có thể ngăn trở bề hành đạo của mình. Nhờ suy xét thường về cái chết mà hành-giả phát tâm cố gắng, cương-quyết trên đường giải-thoát.

---o0o---

Năm điều lo sợ của hành giả ngụ nơi rừng vắng

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đây là năm điều lo-ngại về buổi tương-lai; thầy tỳ-khưu ngụ nơi rừng thanh-vắng, có tâm thành-thật, hăng-hái, cương-quyết, cần phải quán tưởng đến năm điều ấy, phải biết ăn ở cách nào để đạt mục-đích cao-thượng mà mình chưa có, để làm chủ các pháp mà mình chưa đắc và để thực-hành những đức-tính nào mình chưa thành-tựu. Mà năm điều lo-sợ ấy như thế nào?"

1. Điều lo-sợ thứ nhất

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng phát tâm quán tưởng như vậy: "Hiện nay, ta ngụ tại rừng đây chỉ có một mình, và trong lúc sống cô-độc tại chốn này, ta có thể bị các loài rắn, rít, bò cạp, mổ cắn chết được; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ

các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ nhất".

2. Điều lo-sợ thứ nhì

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Ta có thể vấp té, vật thực ta đã dùng có thể làm cho sanh bệnh; mật đàm có thể làm cho ta phát lên rung-rẩy, nghẹt thở, một luồng gió độc có thể xâm-nhập vào ngũ-tạng làm cho ta phải lung-lạc; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ nhì".

3. Điều lo-sợ thứ ba

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Lúc ta đang sống cô-độc trong rừng này, ta có thể gặp các loài ác thú, như: sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói, chúng nó có thể hãm-hại ta được; mà nếu ta phải chết vì những lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ ba".

4. Điều lo-sợ thứ tư

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Lúc đang sống cô-độc trong rừng này, ta có thể gặp kẻ trộm cướp, chúng nó có thể giết hại ta được; mà nếu ta phải chết vì lẽ ấy, tất-nhiên bề hành đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, để đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Đó là điều lo-sợ thứ tư".

5. Điều lo-sợ thứ năm

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Hoặc-giả các người nên nghĩ rằng có một bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, phát tâm quán tưởng như vậy: "Hiện nay ta ngụ tại

rừng đây chỉ có một mình, giữa chốn này có nhiều hạng phi-nhân rất hung-ác, chúng có thể hãm-hại ta được; mà nếu ta phải chết vì lẽ ấy, tất-nhiên bề hành-đạo của ta phải bị ngưng-trệ. Vậy ta hãy tinh-tấn, nỗ-lực thêm lên, hầu đạt mục-đích cao-thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực-hành những đức-tính nào mà ta chưa thành-tựu".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đó là điều lo-sợ thứ năm về buổi tương-lai".

"Thầy tỳ-khuru ngụ nơi rừng vắng có tâm thành-thật, hăng-hái, cương-quyết, cần phải quán tưởng đến năm điều ấy, phải biết ăn ở cách nào để đạt mục-đích cao-thượng mà mình chưa có, để làm chủ các pháp mà mình chưa đắc và để thực-hành những đức-tính mà mình chưa thành-tựu".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III, 100-102

Lời của soạn-giả:

Bậc hành-giả chân-chánh, quyết-chí thành-tựu trong đạo giải-thoát, hằng luôn-luôn sáng-suốt tinh-tấn trong mỗi giờ, mỗi phút thóang qua. Các ngài thường lo-sợ về sự chết có thể xảy đến bất-ngờ, trong nhiều trường-hợp khác nhau, làm trở-ngại cho bề hành-đạo của mình. Vì lẽ ấy, các ngài cố-gắng thâm-thập những pháp cao-thượng nào mà mình chưa đắc, hầu thâm-ngần con đường sanh tử luân-hồi mau chững nào hay chững nấy, và không chịu bỏ qua thời-giờ quý-báu mà người đời thường phung-phí trong ngũ-trần lục-dục, tới khi cái chết đến gần, ăn-năn đã muộn. Chừng đó, chỉ có nước khóc than, sợ-hãi vô-ích trước bốn con đường ác-đạo rộng-rãi đang chờ đón lấy con người mà trong lúc thiếu-thời hằng hững-hờ, khinh-rẽ bề đạo-đức.

---o0o---

Mãnh-lực của Thiên định

Đức Phật có thuyết như vậy: "Thuở ấy, nam-nhân Pukkusa, thuộc dòng Malla, học trò của đạo-sĩ Alara Kalama, đang hành-trình trên đường cái, từ Kusināra để sang thành Pava. Pukkusa gặp Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cội cây. Thấy vậy, chàng ta đi lần đến chỗ Đức Phật ngự; khi tới nơi, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi cung-kính ngồi gần một bên. Ngồi xong, Pukkusa bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của các bậc đã ra khỏi thế-gian! Bạch Đức Thế Tôn, trong hồi xưa kia, một ngày nọ, thầy Alara Kalama, đang lúc viễn-hành trên đường cái, nhằm buổi trưa nóng-nực, tách ra bên đường và đến ngồi dưới cội cây để an-nghi. Bạch Đức Thế Tôn, khi ấy có năm trăm cỗ xe đi ngang qua, gần bên thầy Alara Kalama. Một lữ-khách đang đi phía sau đoàn xe, lần đến chỗ ngụ của thầy; khi tới nơi, anh ta liền hỏi thầy Alara Kalama như vậy: "Bạch ngài, vậy chớ ngài có thấy 500 cỗ xe vừa đi qua ngang đây không?"

- "Này bạn, ta không có thấy".
- "Bạch ngài, vậy chớ ngài có nghe tiếng ào-ạt của những cỗ xe ấy không?"
- "Này bạn, ta không có nghe chi cả".
- "Bạch ngài, chắc ngài đang ngủ thì phải?"
- "Không đâu bạn, ta nào có ngủ".
- "Bạch ngài, vậy chớ ngài còn đầy đủ giác-quan chăng?"
- "Còn nguyên vẹn".
- "Bạch ngài, như thế thì có lẽ nào, với lục-căn đầy đủ và tỉnh-thức, mà ngài lại không thấy đoàn xe, không nghe tiếng 500 cỗ xe, cái này nôi gót cái kia, ào-ạt đi ngang qua gần bên ngài? Đây này, xin ngài dòm lại cái y của ngài bị dính bụi do đoàn xe tung lên".
- "Thật đúng như vậy đó bạn".

Người lữ-khách bèn nghĩ rằng: "Rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của những bậc đã ra khỏi thế-gian. Sự tỉnh-tâm ấy có mãnh-lực đến nỗi một nhân-vật đang tỉnh-thức và có đầy đủ giác-quan, mà vẫn không thấy 500 cỗ xe đi ngang qua cận bên mình".

Sau khi tỏ lòng khâm-phục và sự tin-tưởng của mình đối với thầy Alara Kalama, người lữ-khách bèn lui gót".

Nghe xong, Đức Phật hỏi thầy Pukkusa như vậy: "Này Pukkusa, vậy chớ đối với một nhân-vật đang tỉnh-thức, có đầy đủ giác-quan mà không thấy 500 cỗ xe, không biết gì đến 500 cỗ xe đi ngang qua cận bên mình, và một nhân-vật khác, cũng tỉnh-táo, có đầy đủ lục-căn mà vẫn không thấy, không nghe biết chi cả về một đám mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời và những tiếng gầm, tiếng sét vang-rền khủng-khiếp, nhà người cho nhân-vật nào kỳ-diệu, phi-thường hơn?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, nếu so-sánh như vậy, thì không những là 500 cỗ xe ấy, mà cho đến 600, 700, 800, 900, hoặc hàng trăm ngàn cỗ xe đi nữa, thì bậc huyền-diệu phi-thường hơn, tức-nhiên là nhân-vật đang tỉnh-thức, có đầy đủ giác-quan, mà vẫn không thấy, không nghe biết gì cả về đám mưa tuôn dữ-dội tiếp theo đó, những làn chớp-nhóang đỏ trời và tiếng gầm tiếng sét vang-rền khủng-khiếp vậy".

Đức Phật nói rằng: "Này Pukkusa, ngày nọ, Như Lai đang ngụ trong một nhà trọ¹⁰ tại vùng Atuma. Lúc ấy, mưa bắt đầu tuôn xuống dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm, tiếng sét vang rền khủng-khiếp. Hai anh em người nông-phu đang cày ruộng và bốn con bò phải bị sát

hại. Lúc bấy giờ, những dân-cư tại vùng Atuma họp lại đông-đủ, kéo nhau đến tại chỗ hai anh em người nông-phu cày ruộng và bốn con bò đã bị sát hại".

"Này Pukkusa, khi ấy Như Lai đang đi kinh-hành, trước cửa nhà trọ, tâm-trí chăm-chú vào phép thiền-định. Này Pukkusa, có một người kia tách ra khỏi đám đông, đi ngay đến chỗ Như Lai đứng, khi tới nơi người ấy đánh lễ rồi đứng kế bên. Thấy vậy, Như Lai liền hỏi người ấy rằng: "Này bạn¹¹, tại có chi mà có sự hội-họp như vậy?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, vì khi nãy mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm tiếng sét vang rền khủng-khiếp, có hai anh em người nông-phu và bốn con bò đã bị sát hại. Đó là nguyên-nhân phát-sinh cuộc hội-họp này. Bạch Đức Thế Tôn, vậy lúc ấy Ngài ở đâu?"

- "Này bạn, Như Lai đang ở tại chỗ này".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có thấy gì không?"

- "Này bạn, Như Lai chẳng thấy chi cả".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có nghe chi không?"

- "Này bạn, Như Lai chẳng nghe biết chi cả".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài đang ngủ chăng?"

- "Này bạn, Như Lai đâu có ngủ".

- "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ Ngài có đầy đủ giác-quan không?"

- "Còn nguyên vẹn".

- "Bạch Đức Thế Tôn, như thế có lý nào, với giác-quan tinh-thức và đầy đủ, mà Ngài không thấy, không nghe chi cả về đám mưa tuôn dữ-dội, tiếp theo đó những làn chớp-nhóang đỏ trời, tiếng gầm, tiếng sét vang rền khủng-khiếp?"

- "Thật đúng như vậy đó bạn".

"Này Pukkusa, lúc bấy giờ người ấy nghĩ rằng: "Rất lạ thay, rất tuyệt-diệu thay cho sự định-tâm của những bậc đã ra khỏi thế-gian. Sự định-tâm ấy có mãnh-lực đến nỗi một nhân-vật có đầy đủ giác-quan và đang tỉnh-thức mà vẫn không thấy, không nghe biết gì đến làn chớp-nhóang đỏ trời và tiếng gầm, tiếng sét, vang rền khủng-khiếp". Sau khi tỏ lòng khâm-phục và tin-tưởng đối với Như Lai, người ấy liền đánh lễ và lui gót".

Khi Đức Thế Tôn nói vừa xong, thầy Pukkusa, thuộc dòng Malla, bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, sự tin-tưởng của tôi đối với thầy Alara Kalama đã bị

luồng gió cuốn đi, đã bị dòng rạch lồi đi mất. Bạch Đức Thế Tôn, cao-siêu thay, những lời châu ngọc tự kim khẩu Ngài thốt ra!".

"Nhu người ta đỡ đứng dậy vật chi đã bị ngã, tìm được vật gì bị giấu kỹ, chỉ nẻo cho người lạc lối, đem ngọn đuốc vào chỗ tối-tăm cho người có mắt thấy rõ mọi vật thế nào? Bạch Đức Thế Tôn, cũng như thế ấy, Ngài đã giải rõ cho tôi nghe giáo pháp bằng nhiều cách. Bạch Đức Thế Tôn, vậy tôi xin nương nhờ nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng. Xin Đức Thế Tôn nhận tôi là người thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời".

-- MAHĀ PARINIBĀNA SUTTA

Lời của soạn-giả:

Trong nhiều chi đạo, vị giáo-chủ sáng-lập thường lấy phép thiên-định làm căn-bản. Mạnh-lực của thiên-định lớn hay nhỏ, tốt hay xấu, đều tùy theo sự cố gắng ít hay nhiều, tà hay chánh của hành-giả. Theo chúng ta được biết thì thiên-định có hai: tà-định và chánh-định. Chánh-định lại chia ra làm hai nữa, là: phàm-định và thánh-định.

- Phàm-định là nói về các bậc sa-môn hay đạo-sĩ, cố công trì-chí, thành-tựu được nhiều bậc thiên, nhưng chưa diệt-tận phiền-não. Vì đó, phàm-định cũng vẫn ở dưới thế-lực của sự vô-thường như các pháp khác.

- Trái lại, thánh-định là nói về pháp định-tâm của các bậc thánh-nhân đã thấy rõ lý "Tứ Diệu Đế", đã bước vào vòng thánh-vực. Tâm-trí của các ngài rất vững chắc, như dãy núi cao, không hề bị lay-chuyển dưới cơn giông tố. Các ngài đang tiến bước một cách vững-vàng trên con đường về nơi cực-lạc.

---o0o---

Bốn cách hành-động của chúng-sinh

Đức Phật có thuyết cho các thầy tỳ-khuru nghe như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! đây là bốn cách hành-động của chúng-sinh:

- 1) Cách hành-động làm cho người vui sướng trong kiếp này, mà đem lại sự khổ-não về kiếp vị-lai;
- 2) Cách hành-động làm cho khổ-cực trong kiếp này, mà cũng đem lại sự đau-đớn về kiếp vị-lai;
- 3) Cách hành-động khổ-sở trong kiếp này, mà đem lại sự an vui cho kiếp sau;
- 4) Cách hành-động làm cho an-lạc trong kiếp hiện-tại và luôn đến các kiếp sau.

"Này các thầy tỳ-khuru, như thế nào gọi là: cách hành-động làm cho vui sướng trong kiếp này, mà chỉ đem lại sự khổ-não về buổi tương-lai?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! có nhiều hạng đạo-sĩ xuất-gia tu-hành rồi lại phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Sự ham muốn về ngũ-trần không có hại chi đâu". Nghĩ như thế, nên họ hằng để cho ngũ-trần lôi cuốn. Vì sự hờ-hững ấy nên sau khi thác, họ phải bị sa vào đường ác đạo, phải khổ-não vô-hồi trong cảnh địa-ngục".

"Này các thầy tỳ-khuru, ví-dụ như trong lúc cuối mùa hè, một hột giống của loài dây bìm-bìm rơi xuống gốc một cây cổ-thụ (cây da). Vị chư-thiên ngự trên ấy phát tâm lo-sợ, mất sự an vui của mình nếu ngày sau hột giống dây bìm-bìm sẽ sinh-sản, cao lớn lên và làm hại thân cây. Khi ấy, những vị chư-thiên khác, cũng ở vào vòng thân-bằng quyền-thuộc của ngài, ngụ chung quanh đó, như những vị chư-thiên ở trong rừng, ở khắp huê-viên, ngụ trên cây to, trong đồng cỏ, trong các kho-tàng ngũ-cốc, vân-vân ... đều tề-tự lại chỗ cây cổ-thụ mà an-ủi, khuyên-lơn vị chư-thiên ấy như vậy: "Này ngài ơi! ngài chẳng nên sợ-hãi vô-ích vì chuyện nhỏ-nhặt ấy. Có thể cái hột giống dây bìm-bìm đang nằm tại chốn này sẽ bị chim chóc nuốt đi, hoặc-giả nó sẽ bị loài hưu nai ăn mất, bị lửa rừng thiêu-hủy, bị kẻ tiều-phu lượm đi, bị kiến tha đi nơi khác, hoặc-giả nó không nảy nở được".

"Nhưng thí-dụ không có chim chóc nào, hoặc-giả chẳng có hưu nai, lửa rừng, tiều-phu, kiến bọ gì đến làm tiêu-hoại giống ấy; trái lại, nó vẫn được sinh-sản, nảy-nở như thường. Mùa mưa đến, đem sự mát mẻ và giúp sức cho dây bìm-bìm kia mau tấn-hóa, to lớn. Lúc ấy, nó là một dây bìm-bìm tươi-tắn, tốt xinh, mềm-mại, đậm vôi, quấn chung quanh thân cây cổ-thụ. Vị chư-thiên ngự trên cây ấy bèn nghĩ như vậy: "Vì lẽ gì mà các hàng thân-quyền của ta có ý nghĩ rằng hột giống dây bìm-bìm đó không làm hại đến ta, và họ muốn cho nó bị chim chóc, hưu nai, lửa rừng, tiều-phu, hoặc-giả các loài côn-trùng khác làm cho tiêu hoại, hay là nó không nảy nở được? Thật ra, dây bìm-bìm này rất đẹp đẽ, xanh tươi, vôi và lá nó ôm lấy thân cây một cách dịu-dàng, mát mẻ".

"Này các thầy tỳ-khuru, nhưng thí-dụ thêm nữa rằng dây bìm-bìm tơ kia, không phải chỉ quấn dính vào thân cây cổ-thụ mà thôi. Lần hồi nó bò lên tới ngọn cây, đậm vôi trở lá thêm và bao-phủ tất cả tàn cây cổ-thụ, làm cho ánh-sáng khó lọt vào. Vì lẽ đó, lần-lần các nhánh cây phải bị khô-khan, mục nát. Lúc bấy giờ, vị chư-thiên ngự trên cây cổ-thụ mới nghĩ rằng: "Các vị chư-thiên thân-thích với ta thấy rõ sự tai-hại về buổi tương-lai của hột giống dây bìm-bìm đó. Nhưng họ muốn an-ủi ta, nên mới bày-vẽ rằng nó có thể bị

nhiều trường-hợp làm cho tiêu hoại, hoặc giả nó không nảy nở; song hiện bây giờ đây, chính hột giống ấy mà ta phải chịu khổ-sở vô cùng".

"Này các thầy tỳ-khưu, cũng như thế ấy, có nhiều hạng đạo-sĩ xuất-gia không dòm thấy tội-lỗi của ngũ-trần, hờ-hững để cho nó lồi cuốn. Sau khi xác thân ngũ-uẩn tan rã, sẽ gặp nhiều điều khổ-não, tai-hại. Chừng đó, họ mới biết rằng chính ngũ-trần là nguyên-nhân làm cho họ phải khổ-não như thế ấy".

"Đó là cách hành-động làm cho vui sướng hiện-thời, nhưng sẽ đem lại điều thống-khổ về buổi tương-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, như thế nào là sự hành-vi khổ-sở trong kiếp này, mà cũng đem lại điều tai-hại về buổi vị-lai?"

"Ví-dụ có hạng đạo-sĩ thực-hành triệt-để cách tu khổ-hạnh, lang-thang vất-vả, không màng chi đến sự bố-thí, không chịu thọ-dụng những vật thực của người đem đến dâng cúng, không chịu tìm nơi phù-hợp để khát-thực, chỉ ăn một hoặc hai vắt cơm trong mỗi ngày, hay chỉ thọ-lãnh vật thực của một hoặc hai thí-chủ trong mỗi buổi. Họ mặc y-phục bằng vải thô bản-thiêu, rách rưới, hoặc bằng vỏ cây, bằng cỏ, bằng lông chim ... chằm vá lại với nhau, hoặc-giả họ dùng bất cứ vật hèn-hạ nào có thể che thân cho kín đáo. Họ không ngồi ghé, nằm trên gai, hành thân hoại thể đủ điều".

"Sau khi chết, những hạng đạo-sĩ ấy, vì lầm-lạc theo tà đạo, nên phải bị sinh vào cảnh khổ".

"Đó là cách hành-động khổ cực trong kiếp này, mà cũng đem lại sự khổ-não về buổi tương-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, còn thế nào là sự hành-động khổ-cực trong kiếp này, mà đem đến sự an vui trong kiếp sau?"

"Ví-dụ có một người kia biết rằng vì các tiền-nghiệp nên ngày nay phải bị sanh vào cảnh thấp-hèn, phải gặp nhiều nỗi khó-khăn trong sự nuôi mạng. Tuy vậy, người vẫn luôn-luôn cố gắng tu tập, ăn ở hiền-lành, ngay thẳng. Sau khi lâm-chung, người ấy được thọ-sinh về cõi trời, an-hưởng hạnh-phúc lâu dài".

"Đó là hành-động khó-nhọc trong kiếp này, nhưng sẽ đem lại điều an vui cho kiếp vị-lai vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, như thế nào là sự hành-động làm cho an vui trong buổi hiện-tại và luôn đến các kiếp sau?"

"Ví-dụ có một người kia thấy đời là giả tạm, rời bỏ gia-đình để tìm nơi tu tập, cố công hành theo chân-lý và đắc được bốn bậc thiên. Sự kết-quả trong

pháp thiên-định đem lại cho hành-giả nhiều điều an-lạc về kiếp hiện-tại. Sau khi chết, người ấy được sanh về cõi thiên-đàng, vui-thú trong phước-báu của mình".

"Đó là cách hành-động làm cho an vui trong kiếp này và luôn đến các kiếp về sau".

-- MAJJHIMA NIKĀYA

---o0o---

Quán tưởng về sự già, đau, chết, chia lìa và luật nhân quả

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Có năm điều mà các hàng tại-gia, hoặc những bậc xuất-gia, đã rời bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, cần phải quán tưởng luôn-luôn. Năm điều ấy là thế nào?"

Nên quán tưởng:

- 1- "Ta phải già, ta không sao tránh khỏi sự già nua đặng". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.
- 2- "Thế nào ta cũng phải mang bệnh tật ốm đau, ta không sao tránh khỏi được". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.
- 3- "Thế nào ta cũng phải chết, ta không sao tránh khỏi sự chết đặng". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.
- 4- "Thế nào ta cũng phải bị chia lìa những vật thương yêu, trứu-mến, ta không sao tránh khỏi sự phân chia ấy được". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.
- 5- "Ta phải chịu quả-báo của các sự hành-vi do ta gây nên, cái nghiệp là gia-tài, sự-sản của ta, là cái thai-bào (để bảo-trợ xác thân ta), là cha mẹ ta; ta phải chịu sự kết-quả và những hành-động đó. Bất cứ nghiệp lành hay dữ mà ta đã tạo, ta phải lãnh hậu-quả về buổi tương-lai". Những hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường như vậy.

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! sự quán tưởng rằng: "Ta phải già, ta không sao tránh khỏi sự già nua đặng", của các hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia sẽ đem lại lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! các chúng-sinh trong thời thanh-niên trai trẻ, hằng kiêu-căng, tự-đắc về chỗ trẻ-trung; vì say mê trong sự kiêu-căng, tự-đắc ấy,

họ gây nên nhiều tội-lỗi, do thân, do khẩu, do ý. Bởi có ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự già thì tánh kiêu-căng, tự-đắc, của buổi thiếu-niên, dầu cho tánh ấy có mãnh-lực, to lớn, thế nào, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng bị giảm-sút".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường (về sự già)".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Sự quán tưởng rằng: "Thế nào ta cũng phải bệnh-hoạn, ốm đau; ta không sao tránh khỏi sự đau ốm được" của các hàng tại-gia hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại sự lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các chúng-sinh trong lúc khoẻ-mạnh, hằng kiêu-căng, tự-đắc về sức-khỏe; vì say-mê trong sự kiêu-căng, tự-đắc ấy, họ gây nên nhiều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Bởi có ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự đau, thì tánh kiêu-căng, tự-đắc của hồi khỏe-mạnh, dầu cho tánh ấy có mãnh-lực, to lớn đến thế nào, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng bị giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khuru, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường về sự đau ốm".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! sự quán tưởng rằng: "Thế nào ta cũng phải bị chia lìa cùng những vật thương yêu, trứu-mến, ta không sao tránh khỏi sự phân chia ấy được". Sự quán tưởng ấy của các hàng tại-gia, hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại điều lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! chúng-sinh hằng có lòng ham muốn, si-mê về những người và vật mà mình thương yêu, trứu-mến. Vì mê-muội, say-đắm trong những người và vật ấy, nên họ gây ra nhiều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Vì lẽ ấy, kẻ nào cố tâm quán tưởng cho thường về sự chia lìa cùng những vật thương yêu, trứu-mến, thì lòng ham muốn, si-mê kia, dầu cho nó có mãnh-lực, to lớn đến đâu, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng phải giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khuru, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường về sự chia lìa của vạn-vật".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! còn sự quán tưởng rằng: "Ta phải chịu quả-báo của những hành-vi do ta gây nên; cái nghiệp là gia-tài, sự sản của ta, là cái thai-bào để bảo-trợ xác-thân ta, là cha mẹ ta; ta phải chịu ảnh-hưởng của nó. Bất cứ nghiệp lành hoặc dữ mà ta đã tạo, chính ta phải nhận hậu-quả của nó về buổi tương-lai". Sự quán tưởng ấy của những hàng thiện-nam, tín-nữ, hoặc các bậc xuất-gia, sẽ đem lại điều lợi-ích như thế nào?"

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! những chúng-sinh, vì không tin, hoặc chẳng thấu rõ luật nhân-quả, nên thường làm những điều tội-lỗi do thân, do khẩu, do ý. Những ai chú tâm quán tưởng cho thường (về những điều tai-hại do sự hành-động xấu-xa gây nên), thì những tật xấu kia, dầu có mãnh-lực, to lớn đến đâu, cũng bị diệt-tận, hay ít ra cũng phải giảm sút".

"Này các thầy tỳ-khưu, bởi có sự lợi-ích như vậy, các người nên quán tưởng cho thường như vậy: "Ta phải chịu quả-báo của những hành-vi do ta gây nên; cái nghiệp là gia-tài, sự sản của ta, là cái thai-bào để bảo-trợ xác thân ta, là cha mẹ ta; ta phải chịu ảnh-hưởng của nó. Bất cứ nghiệp lành hoặc dữ mà ta đã tạo ra, chính ta phải nhận lấy hậu-quả về buổi tương-lai".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Bậc xuất-gia hành theo pháp cao-thượng suy xét như vậy: "Chẳng phải riêng một mình ta chịu sự già nua, không tránh khỏi sự già ấy đâu; vì bất cứ tại chốn nào, hễ có đi thì phải có về, có sanh thì có diệt. Tất cả chúng-sinh đều phải chịu sự già như nhau, không ai tránh khỏi. Chẳng phải riêng một mình ta chịu sự đau ốm, sự chết, sự chia lìa cùng những người và vật thân yêu, trứu-mén, sự quả-báo của hành-vi do ta gây nên đâu, mà tất cả chúng-sinh đều phải chịu khổ-não như nhau trong những hoàn-cảnh ấy ...". Quán tưởng thường-thường như vậy, đường đạo-đức của hành-giả sẽ được mở sáng tỏ rõ. Bậc đó hằng luôn-luôn tinh-tấn, chăm chú, tấn-hóa thêm trên đường hành đạo, cho đến khi diệt-tận được mười điều chướng-ngại và năm ác pháp".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III

Lời của soạn-giả:

Trong pháp trên đây, Đức Phật khuyên những hàng tại-gia, hoặc xuất-gia, nên quán tưởng cho thường về sự già, sự đau, sự chết, sự chia lìa các vật thương yêu, trứu-mén, sự quả-báo của các nghiệp lành hoặc dữ. Sở-dĩ chúng-sinh tạo ra nhiều nghiệp xấu-xa đáng tiếc, là vì hay quên mình, ý-lại rằng mình luôn-luôn còn trẻ, còn mạnh, còn sống, còn sum-họp với những vật mình ưa thích và không thông-thấu luật nhân-quả công-bình. Nếu con người cố công trì-chí quán tưởng về những pháp ấy lâu năm chầy tháng, ắt diệt được những điều khổ-não, bất cứ trong hoàn-cảnh nào, vì tự hiểu rằng cái già, cái đau, cái chết, cái sanh tử biệt-ly không phải chỉ dành riêng cho mình thôi, mà cả thầy chúng-sinh đều phải chịu khổ như nhau. Cũng nhờ đó mà tâm lòng kiêu-căng, ngã-chấp không sao tấn-triển được. Tâm từ-bi, bác-ái được phấn-khởi dễ-dàng và con người sẽ nhìn xem vạn-vật trong thế-gian với cặp mắt bình-đẳng, không còn muốn hơn thua, tranh-đấu với ai cả.

Giới hạnh của người tu tại gia

Đức Thế Tôn có thuyết cho nhóm người tại-gia cư-sĩ trong xóm Pāṭali nghe như vậy: "Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Có năm điều hại thường xảy đến cho kẻ tại-gia nào không biết nghiêm-trì giới hạnh:

1. thường bị hao tài mất của vì sự hờ-hững của mình;
2. thường có tên tuổi không tốt do người khác đồn-đãi;
3. tâm-trạng thường bất an, rụt-rè, sợ-hãi giữa chỗ đông người;
4. thường có tâm bối-rối trong khi gần chết;
5. sau khi chết, phải bị sanh vào cảnh khổ, là cõi địa-ngục".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Còn đây là năm điều lợi thường xảy đến cho kẻ nào biết giữ gìn (nghiêm-trì) giới hạnh cho trong sạch:

1. thường được giàu có thêm vì sự siêng-năng của mình;
2. được tiếng-tấm tốt do kẻ khác đồn-đãi;
3. thường có tánh bình-tĩnh trong lúc đàm-luận giữa chỗ đông người;
4. không sợ-hãi, bối-rối trong khi gần chết;
5. sau khi thác, được sinh về cảnh vui, nhất là cõi thiên-đàng".

-- UDĀNA

---o0o---

Trí xét đoán chân-chánh của các bậc thiện-trí-thức

Đức Thế Tôn có thuyết cho Tôn-giả Ananda nghe như vậy: "Này Ananda, thuở trước kia, chỗ này là một đô-thị to-tát, phồn-thịnh, có dân-cư đông-đúc và gần bên là nơi trú-ngụ của Đức Chánh-Đẳng Chánh-Giác Ca Diếp (Kassapa).

Đồng khi ấy, có thầy đạo-sĩ Gavesin là môn-đệ của Đức Phật Ca Diếp; nhưng ông ta không nghiêm-trì giới-luật. Tuy vậy, cũng nhờ sự dạy-dỗ của Thầy Gavesin mà có nhiều hàng tại-gia cư-sĩ được cảm-hóa. Nhưng họ đều không gìn giữ giới-luật chi cả. Thầy Gavesin bèn phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Chính ta đã giúp ích cho những người tại-gia cư-sĩ kia nhiều; ta là kẻ cầm đầu, mà tất cả những người ấy và ta đều chẳng nghiêm-trì giới-luật. Bởi có ấy, ta và họ đều như nhau; ta không có chi hơn họ cả. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Nghĩ xong, thầy Gavesin liền đi tìm nhóm tại-gia cư-sĩ mà nói rằng: "Xin cho các người biết, bắt đầu từ bữa nay, tôi là kẻ đã thọ-trì giới-luật". Này Ananda, khi ấy những người cư-sĩ liền phát tâm tự nghĩ rằng:

"Nếu thầy Gavesin biết gìn giữ giới-luật, thì lẽ nào chúng ta lại không làm theo". Rồi đó, cả thầy đều xin thọ-trì giới-luật như thầy Gavesin vậy.

Thấy thế, thầy Gavesin lại nghĩ rằng: "Nếu vậy, thì ta và những hàng cư-sĩ kia đồng nhau; ta không có gì hơn họ cả. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Rồi thầy Gavesin nói với họ như vậy: "Xin cho các người biết rằng bắt đầu từ bữa nay, tôi ăn ở theo bậc Phạm-hạnh, ngụ nơi thanh-vắng và lánh xa tình-dục". Nhóm cư-sĩ kia lại tự nghĩ rằng: "Lẽ nào chúng ta lại chẳng làm theo". Rồi cả thầy hành theo Phạm-hạnh pháp, ngụ nơi vắng-vẻ và lánh xa tình-dục.

Thầy Gavesin bèn nghĩ rằng: "Nếu thế, thì ta và nhóm cư-sĩ kia đồng nhau; ta không có chi hơn họ cả. Vậy ta nên cố gắng thêm một chút". Rồi thầy Gavesin nói với họ như vậy: "Xin cho các người biết rằng bắt đầu từ bữa nay, tôi chỉ ăn mỗi ngày chỉ có một lần thôi; tôi bỏ ăn chiều và ăn sái giờ". Nhóm cư-sĩ bèn tự nghĩ rằng: "Lẽ nào chúng ta lại chẳng làm theo". Rồi cả thầy đều làm như vậy.

"Hỡi này Ananda! Thầy Gavesin liền ôn lại những hành-vi của mình và của nhóm cư-sĩ đều giống nhau, bèn nghĩ rằng: "Nếu vậy thì ta và họ đồng nhau cả; ta không có chi hơn họ. Vậy ta phải cố gắng thêm một chút". Thầy Gavesin liền đến bạch với đức Phật Ca Diếp, xin Ngài cho phép xuất-gia tu-hành theo chánh giáo. Thấy vậy, tất cả nhóm cư-sĩ cũng xin phép xuất-gia hành đạo theo. Không bao lâu thầy Gavesin đắc được đạo quả A La Hán. Thầy ta bèn nghĩ rằng: "đây là một điều rõ-rệt vậy; ta có thể đạt được sự an vui giải-thoát theo sở-nguyện, không có chi khó-khăn cả. Ta mong cho tất cả hàng xuất-gia kia cũng được toại-nguyện như ta vậy". Trong một thời-gian sau, nhóm tỳ-khuru kia, do thầy Gavesin hướng-dẫn, cố gắng tinh-tấn, để hết năng-lực vào các pháp hành cao-thượng cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát".

"Này Ananda, bởi có ấy, người nên trau-giồi các pháp cao-thượng cho được cao-thượng thêm, các pháp tinh-tấn cho được tinh-tấn thêm, phải cố gắng tấn-hóa luôn-luôn cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát".

"Này Ananda, người nên trau-giồi giới-hạnh như thế ấy".

-- ANGUTTARA NIKĀYA, III, 215-218

Lời của soạn-giả:

Khác hơn các phàm-nhân, bậc thiện-trí-thức thường dùng trí-huệ của mình để xét đoán, so-sánh những điều lành, lẽ phải. Các ngài chẳng để lơ-đễnh, bỏ mất cơ-hội đặng tìm sự lợi-ích cho mình và cho kẻ khác, luôn-luôn chăm chú về mỗi hành-vi của mình, để chừa cải những tật xấu-xa, cố gắng tìm các

phương-tiện tinh-tấn thực-hành những pháp cao-thượng hơn cho đến khi được hoàn-toàn giải-thoát.

---o0o---

Cách dạy bảo của những bậc thiện-trí-thức

Đức Phật hỏi người giữ ngựa tên là Kesi như vậy: "Này Kesi, nhà người phải làm thế nào để điều-khiển con ngựa (cho nó trở nên thuần-thục, dễ dạy)?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi hằng dùng cách dụ ngọt dỗ-dành nó, hoặc-giả dùng cách cứng-cỏi, cương-quyết, hay dùng cả hai cách ấy một lượt".

Đức Phật hỏi nữa rằng: "Mà nếu cả ba cách dạy dỗ ấy đều vô hiệu-quả, thì nhà người phải làm sao?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, lúc ấy tôi sẽ giết chết con ngựa cho xong. Bạch Đức Thế Tôn, còn Ngài là bậc diu dắt hàng nhân-loại, vậy chớ Ngài dùng cách-thức nào để dạy dỗ họ?"

- "Này Kesi, Như Lai thường dùng cách hòa-nhã hay là phương-pháp nghiêm-khắc, hoặc-giả dùng cả hai phương-pháp ấy một lần:

1. Đây là cách dụ ngọt dỗ-dành; Như Lai nói với những kẻ ấy như vậy: "Đây là thiện nghiệp do nơi thân, do nơi khẩu, do nơi ý, nó sẽ đem lại kết-quả như thế nào; những chư-thiên được an hưởng lạc-thú nơi cõi trời như thế nào, hàng nhân-loại có nhiều sự hạnh-phúc ra sao".

2. Còn đây là cách dạy-dỗ nghiêm-khắc hơn; Như Lai nói với họ như vậy: "Thế này là ác nghiệp do nơi thân, do nơi khẩu, do nơi ý, nó sẽ đem lại kết-quả ra sao; thế này là các điều thống-khổ trong cảnh địa-ngục; thế này là điều tai-hại khi phải thọ sinh làm cầm-thú; thế này là các sự đói khát, khổ-não trong cõi nạ-qui".

3. Còn đây là cách khuyến-hóa bằng cả hai phương-pháp dụ ngọt và nghiêm-khắc; Như Lai nói với họ như vậy: "Thế này là thiện thân nghiệp, thế này là ác thân nghiệp, thế này là thiện khẩu nghiệp, thế này là ác khẩu nghiệp, thế này là thiện ý nghiệp, thế này là ác ý nghiệp, và quả-báo của những nghiệp lành và dữ ấy ra sao; thế này là chư-thiên; thế này là nhân-loại; thế này là địa-ngục; thế này là cảnh giới súc-sinh; thế này là cõi nạ-qui".

Người giữ ngựa Kesi hỏi tiếp Đức Phật thêm rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, mà nếu dùng cả ba phương-pháp ấy, nhưng họ không chịu nghe theo, thì Ngài sẽ làm thế nào?"

- "Nhu Lai sẽ diệt họ".

- "Bạch Đức Thế Tôn, mà hành-vi ấy sẽ sai với giới hạnh của Ngài chăng? Không lẽ Đức Thế Tôn có thể nói rằng: "Nhu Lai sẽ diệt họ"?"

- "Này Kesi, cách diệt bỏ mà Nhu Lai thông-báo ra đây có ý-nghĩa là Nhu Lai sẽ làm ngơ, không nói điều gì nữa, nếu một kẻ nào cần học hỏi đường chân-lý mà có tánh khó dạy, chẳng chịu nghe theo ba phương-pháp kể trên. Đó là sự diệt bỏ đúng theo phẩm-hạnh của các bậc thiện-trí-thức vậy".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA, II, 112 -113*

---o0o---

Ba cách điều-ngự¹²

Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Đây là ba cách điều-ngự:

Một là điều-ngự cái ta¹³,

Hai là điều-ngự tam giới,

Ba là điều-ngự giáo pháp.

1. "Mà thế nào mới gọi là cách điều-ngự cái ta?"

Ví như có một bậc hành-giả¹⁴ nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải bị lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm được phương-pháp để diệt-tận các điều thống-khổ ấy. Mà nếu đã lìa bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, đã dứt bỏ sự ham muốn kia rồi, ta lại đi tìm những điều ham muốn khác, xấu-xa hơn trước bội-phần. Thật ta không xứng-đáng chút nào!".

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả kia lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình; làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động; làm cho tâm ta được an-định".

Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được thân tâm mình rồi, bậc hành-giả ấy liền vứt bỏ các điều xấu-xa tội-lỗi, và rán trau-giồi những nét tốt, trong sạch. Bậc hành-giả ấy diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, cố gắng thực-hành những pháp cao-thượng hơn và hằng giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch tốt đẹp luôn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Con người gọi đó là cách điều-ngự cái ta vậy".

2. "Còn thế nào mới gọi là cách điều-ngự tam giới¹⁵?"

Ở vào trường-hợp này, nếu bậc hành-giả nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải bị lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm phương-pháp để diệt-tận các điều thống-khổ ấy. Mà nếu đã lia bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, ta lại để tâm suy-nghĩ đến tình-dục. Nếu ta có tư-tưởng xấu-xa, hoặc có ý hãm-hại kẻ khác, tất-nhiên trong đám-đông hàng chúng-sinh ở trên thế-gian này có những vị đạo-sĩ, hoặc Bà la Môn, và những bậc chư-thiên có năng-lực cao-thượng, sáng-suốt biết rõ tư-tưởng của kẻ khác, tuy ở xa, nhưng có thể trông thấy ta được và các ngài dùng phép tha-tâm-thông để thấu rõ ý nghĩ của ta. Các vị ấy có thể xét đoán về ta như vậy: "Những người thuộc về hạng như vậy, đã rời bỏ gia-đình để tìm sống trong cảnh vô gia-đình, mà vẫn còn ăn ở theo cách xấu-xa, tội-lỗi". Như vậy sự xuất-gia của ta đây không xứng-đáng chút nào!

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình, làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động, làm cho tâm ta được an-định". Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được tam-giới rồi, bậc hành-giả ấy liền vất bỏ các điều xấu-xa, tội-lỗi, ráng trau-giồi những nét tốt, trong sạch. Bậc ấy diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, ráng thực-hành những pháp nào đứng-đắn, cao-thượng hơn, và hằng gìn giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch, tốt đẹp hơn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Người ta gọi đó là cách điều-ngự tam-giới vậy".

3. "Về cách điều-ngự giáo pháp là thế nào?"

Nếu bậc hành-giả nghĩ rằng: "Đã bị sa vào cái sanh, cái già, cái đau, cái chết, cái khóc than khổ-não, tức-nhiên ta phải lọt vào cảnh xấu-xa, đau đớn. Nhưng con người cũng có thể tìm được phương-pháp để tận-diệt các điều thống-khổ ấy. Giáo pháp đã được Đức Thế Tôn diễn-giải đứng-đắn; giáo pháp đang còn hiện bây giờ, không phải một lý-thuyết nhất-thời mà thiên-hạ vừa thấy đâu; giáo pháp hằng đem tới sự tấn-triển thêm; các bậc thiện trí-thức đã thông-thấu rõ-rệt như vậy. Hơn nữa, ta lại còn có nhiều bạn lữ-đồng đi trên con đường phạm-hạnh, biết thực-hành theo chánh giáo một cách sáng-suốt và hiểu biết rõ-rệt. Mà nếu trong khi đang thực-hành theo chánh giáo, tuân giữ kỷ-luật đứng-đắn như vậy, mà ta lại hờ-hững, ươn-hèn thế này, thì thật ta không xứng-đáng chút nào".

Nhưng nếu tiếp theo đó, bậc hành-giả kia lại nghĩ rằng: "Phải làm thế nào cho ta trở nên tinh-tấn, quả-quyết, sáng-suốt, biết mình; làm cho thân ta trở nên bình-tĩnh, không cho nó bồn-chôn, xao-động; làm cho tâm ta trở nên an-định trong một cảnh-giới nào". Lúc bấy giờ, đã điều-ngự được giáo pháp rồi,

bậc hành-giả liền vất bỏ các điều xấu-xa, tội-lỗi, rán trau-giồi những nét hạnh tốt, trong sạch, diệt bỏ những pháp nào đáng chê trách, và cố gắng thực-hành những pháp đúng-đắn, cao-thượng hơn. Bậc ấy hằng gìn giữ cẩn-thận cho mình được trong sạch, tốt đẹp luôn.

Hỡi các thầy tỳ-khuru! Người ta gọi đó là cách điều-ngự giáo pháp.

Tất cả là ba cách điều-ngự vậy".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA, I, 147-150*

---o0o---

Tư-cách thoát khỏi thế-gian

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người hãy chăm-chỉ nghe rõ những lời của Như Lai sẽ giảng-giải ra đây:

"Các người nên tưởng-tượng rằng có 4 nhân-vật đứng tại 4 hướng của quả đất. Mỗi nhân-vật ấy đều có tốc-lực mau-chóng vô-cùng, có một bước sải dài tột-bực. Họ đi nhanh như mũi tên của một tay thiện-xạ thuần-thực, đại-tài, có thể bắn dễ-dàng dưới bóng cây cung của mình. Các người nên tưởng-tượng rằng cả 4 nhân-vật ấy có tốc-lực mau-chóng như thế, có một bước sải dài bằng khoảng từ biển đông sang biển tây. Ví-dụ rằng, người đứng tại hướng đông thốt ra như vậy: "Nếu ta ráng sức đi, thế nào ta cũng ra khỏi thế-gian này". Nhưng dầu cho kiếp con người là trăm tuổi, và kẻ lữ-hành ấy sống đến trăm tuổi đi nữa, nó cứ đi mãi trong thời-gian một trăm năm, chỉ nhín lại chút ít thời giờ để ăn uống, tiểu-tiện, nghỉ-ngoi thôi, rốt cuộc kẻ lữ-hành ấy cũng phải chết trước khi ra khỏi thế-gian này".

"Các người nên tưởng-tượng rằng cả ba nhân-vật đứng tại hướng tây, hướng nam, hướng bắc, cũng nói như vậy, và cũng đi mãi trong thời-gian một trăm năm, chỉ nhín lại chút ít thời giờ để ăn uống, tiểu-tiện, nghỉ-ngoi thôi; nhưng, rốt cuộc, cả ba nhân-vật ấy cũng phải chết trước khi ra khỏi thế-gian này. Tại sao vậy?"

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Như Lai không cho rằng cuộc hành-trình như vậy có thể đem lại điều lợi-ích và dắt dẫn chúng-sinh ra khỏi thế-gian đâu. Hỡi các thầy Bà la Môn! Tuy-nhiên, Như Lai quả-quyết rằng nếu không thoát khỏi thế-gian thì con người chẳng làm cách nào để diệt-tận các điều thống-khổ được".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Trong giới bốn của các bậc phạm-hạnh, người ta dùng tiếng "thế-gian" để ám-chỉ về ngũ-trần vậy. Mà những trần ấy như thế nào? Chính là những sắc do mắt trông thấy, làm cho phẩn-khởi sự vừa lòng, sự say mê, sự yêu-mến, sự tham-dục. Chính là những tiếng do tai nghe,

những mùi thơm do mũi ngửi, những hương vị do lưỡi nếm, những sự vừa lòng do thân đụng chạm, làm cho phân-khởi sự thoả thích, say mê, yêu-mến, tham-dục".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người nên tưởng-tượng rằng có một bậc xuất-gia kia đã xa lánh ngũ-trần, cố công hành đạo và đắc được sơ thiên. Khi ấy, có kẻ cho rằng bậc hành-giả đó đã thoát ra khỏi thế-gian, đã ở tại nơi cùng-tốt của thế-gian. Kẻ khác lại nói rằng: "Bậc ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa ra khỏi thế-gian". Như Lai cũng cho rằng: "Hành-giả ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa ra khỏi thế-gian".

"Hỡi các thầy Bà la Môn! Các người nên tưởng-tượng rằng: "Có một bậc xuất-gia khác đắc được nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, không-vô-biên thiên, thức-vô-biên thiên, vô-sở-hữu thiên, phi tướng phi phi tướng thiên, vân-vân ... và hưởng sự an-lạc trong các cảnh ấy. Trong mỗi bậc thiên, có người cho rằng hành-giả đã thoát ra khỏi thế-gian, đã ở tại nơi cùng-tốt của thế-gian. Có người khác lại cho rằng hành-giả vẫn còn dính mắc trong thế-gian. Như Lai cũng cho rằng: "Kẻ ấy còn dính mắc trong thế-gian và chưa thoát ra khỏi thế-gian".

"Hỡi các thầy Bà La Môn! Trái lại, có một bậc xuất-gia đã vượt qua khỏi các bậc thiên ấy để nhập vào bậc "Diệt Thọ Tướng Định". Hành-giả ở trong cảnh này với đầy đủ sự sáng-suốt, biết mình. Ấy là bậc có trí-tuệ hoàn-toàn và đã diệt-tận các phiền-não. Nay các thầy Bà La Môn, người ta nói rằng bậc xuất-gia ấy đã đi đến nơi cùng-tốt của thế-gian, đã ở ngoài vòng thế-gian, đã lướt qua khỏi mảnh lưới của thế-gian vậy".

-- ANGUTTARA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Một số đông hàng đạo-sĩ hoặc Bà La Môn, nhờ sự cố công trì-chí trong pháp hành, thâm-thập được nhiều kết-quả về thiên-định và lắm khi đắc được các phép thần-thông, rồi lầm tưởng rằng mình đã thoát ra khỏi vòng sanh tử luân-hồi. Nhưng thật ra, chẳng phải vậy đâu. Thiên-định và trí-huệ là hai pháp cao-thượng trong Phật-Giáo hằng nương-nhờ lẫn-nhau, ví như người chiến-sĩ với món khí-giới hộ-thân của mình. Nhờ trí xét-đoán và thực-hành trên con đường trung-đạo của Đức Phật đã di-huấn, những bậc xuất-gia, hoặc tại-gia, thường được thành-tựu trong các bậc thiên. Với thiên-định ấy, hành-giả chân-chánh hằng dùng nó để trau-giồi trí-huệ của mình cho được tinh-vi, hầu thấy rõ lý "Tứ Diệu Đế", một khoa linh-dược duy-nhứt để diệt-tận các điều thống-khổ của thế-gian.

Đức Thế Tôn thuyết thời pháp trên đây để thức-tỉnh các thầy tỳ-khuru, không nên quá say mê, thỏa-thích trong các bậc thiền mà mình đã đắc. Ngài dạy các nhà tu-hành chỉ nên coi pháp thiền-định như món khí-cụ để dùng vào việc tạo ra con thuyền bát-nhã, đừng đưa hành-giả qua đến bờ Niết-Bàn an vui tuyệt-đối.

---o0o---

Những cách mà thiên-hạ có thể nói về Đức Phật đúng theo sự thật

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy:

"Này Đại-Quan¹⁶, vậy chớ với cách nào mà thiên-hạ có thể nói về Như Lai đúng theo sự thật, khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama tuyên-bố cái chi không nên làm; ông ta khuyến-hóa một giáo pháp về cái chi không nên làm và chính theo lối ấy, ông ta hằng diu-dắt nhóm đệ-tử của mình?"

"Này Đại-Quan, quả thật vậy. Như Lai hằng tuyên-bố những tật xấu của thân, của khẩu, của ý, là những cái không nên làm; Như Lai hằng tuyên-bố những điều bất-chánh và sai-lầm là những việc không nên làm".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama tuyên-bố cái chi nên làm; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng tuyên-bố về cái nét tốt của thân, của khẩu, của ý là những cái nên làm; Như Lai hằng tuyên-bố các đức-tánh cao-thượng là những điều nên làm".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có tánh ghét bỏ; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng ghét bỏ những tật xấu của thân, của khẩu, của ý, và dạy bảo các đệ-tử nên lánh xa các điều tội-lỗi".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có tánh hay xa-lánh; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng khuyến-hóa một giáo pháp về sự xa-lánh các điều xấu-xa, lầm lạc".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người hay phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt, ông ta khuyến-hóa một giáo pháp về sự phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt và chính theo lối ấy, ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng nói về những điều xấu-xa, lầm-lạc, luôn-luôn thiêu-đốt, nhất là những nét xấu-xa, tội-lỗi của thân, của khẩu, của ý. Này Đại-Quan, kẻ nào đã diệt-tận các điều ác có tánh-cách thiêu-đốt, không cho chúng nó phát-sinh nữa được, ví cũng như cây thốt-nốt kia bị chặt tận gốc,

không sao mọc lên nữa được. Như Lai gọi kẻ ấy là người đã phá-hoại ngọn lửa thiêu-đốt vậy. Nay Đại-Quan, đối với bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác, thì những điều xấu-xa, lầm-lạc, có tánh-cách thiêu-đốt kia đều bị diệt-tận, không sao phát-sinh được nữa".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người không còn có sự biến-triển nào khác nữa; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Kẻ nào trong buổi tương-lai chẳng còn kết-tụ vào một thai-bào, đã diệt-tận sự biến-triển và không còn sinh-trưởng nữa, cũng như cây thốt-nốt kia bị chặt tận gốc. Như Lai gọi kẻ ấy là người không còn sự biến-triển nào khác nữa. Đối với bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác, thì trong buổi tương-lai, sự kết-tụ vào một thai-bào, sự biến-triển và nguồn-gốc sinh-trưởng đều bị diệt-tận".

"Này Đại-Quan, còn với cách nào mà ... khi họ nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama là một người có sự tin chắc; ông ta ...?"

"Quả thật vậy. Như Lai hằng có sự tin chắc cao-thượng về đạo-quả giải-thoát (của các bậc thánh-nhân)".

-- VINĀYA, I. 234-236

Lời của soạn-giả

Thuở ấy, Phật Pháp rất thanh-hành; Tam-Bảo được phân đông tôn-trọng, cúng dường. Một số thiện-nam, tín-nữ, của Đức Phật đều thuộc hàng vương-giả, đại-thân, hoặc triệu-phú-gia, hết tâm trong sạch đem tiền của ra bố-thí một cách rộng-rãi. Tăng-chúng nhờ đó mà sinh-sống được dễ-dàng, đầy-đủ. Nên chi, các nhóm ngoại-đạo sinh lòng ganh tị, tuyên-truyền khích-bác Phật-Giáo. Họ dựng ra lời này lẽ nọ để đem kiến-thức của một nhóm người có đức tin Phật-Giáo ra ngoài vòng chánh-giáo. Đức Thế Tôn khuyến-hóa thế này, họ hiểu theo thế khác, vẽ-vòi ra đủ chuyện, cốt ý làm cho Phật Pháp phải suy-bại. Muốn đánh-đổ sự phá-hoại ấy, Đức Thế Tôn có thuyết cho vị thống-tướng Siha nghe những điều trên đây, để gỡ mối sai-lầm của một nhóm cư-sĩ tại-gia đã lỡ tin theo lẽ quấy.

---o0o---

Đức Phật giải về đạo-quả của người tại-gia cư-sĩ

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy: "Thuở nọ, Đức Phật đang ngự tại thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), trong vườn cây da. Khi ấy, có vài vị tỳ-khưu đang lo may một cái y mới dâng cho Đức Thế Tôn để Ngài đi truyền đạo sau lúc ra hạ. Ông Mahānāma, thuộc giòng Thích-Ca, hay tin Đức Phật sắp đi ta-bà, liền đến nơi đánh lễ Ngài rồi ngồi kế bên và bạch như vậy: "Bạch Đức

Thế Tôn, xin Ngài vui lòng chỉ dạy chúng tôi nên làm thế nào để khuyển-lon một người tại-gia cư-sĩ đang lâm bệnh nặng".

Đức Phật thuyết rằng: "Này Mahānāma, khi có người tại-gia cư-sĩ lâm-bệnh nặng, một kẻ khác có trí phán-đoán nên an-ủi bệnh-nhân như thế này: "Này bạn, xin bạn hãy an lòng:

1. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với Đức Phật, một bậc Thế Tôn, một bậc Trọn-Lành, một đấng Toàn-Giác thông-suốt tam-giới, một bậc thầy cả chư-thiên và nhân-loại;
2. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với Pháp-Bảo do Đức Thế Tôn đã khẩu-truyền một cách chánh-đáng, không sai-lạc. Đức Phật hằng dìu-dắt chúng-sinh ra khỏi vòng khổ-não, và được các bậc hiền-triết tôn-sùng;
3. Vì bạn là người có sự tin-tưởng trong sạch đối với đức-tăng. Chư thánh-tăng là những bậc tinh-văn đệ-tử của Đức Thế Tôn. Các ngài có hành-vi chân-chánh, đứng-đắn trong 4 đạo và 4 quả thánh-nhân¹⁷. Chư-tăng ấy đáng cho nhân-loại cúng dường, là miếng ruộng báu của tất cả chúng-sinh;
4. Vì bạn là người có đức-tin trong sạch đối với giới bốn của các bậc thiện-trí-thức. Giới bốn ấy rất cao-quí, trong sạch, nguyên vẹn, để dẫn-dắt chúng-sinh đến nơi giải-thoát và hằng được các bậc thánh-nhân khen ngợi".

Đó là bốn điều an-ủi người tại-gia cư-sĩ đang lâm-bệnh nặng".

"Tiếp theo đó, nên hỏi người bệnh như vậy: "Vậy chớ bạn còn mến tiếc cha mẹ không?" Nếu người trả lời còn, thì nên giải rằng: "Này bạn, thế nào bạn cũng phải chết. Dầu có thương tiếc cha mẹ đến đâu, hay không thương tiếc, bạn cũng phải chết. Vậy bạn nên vất bỏ sự thương tiếc ấy đi".

"Rồi cũng theo cách giải trên đây, kẻ đến an-ủi bệnh-nhân, coi người còn trứu-mến vợ con không và cũng khuyển-lon người nên dứt bỏ sự trứu-mến ấy đi".

"Sau khi bệnh-nhân trả lời rằng chẳng còn thương tiếc vợ con, thì nên hỏi nữa: "Vậy chớ bạn còn tham muốn ngũ-trần không?" Nếu người bệnh trả lời còn, thì nên giải như vậy: "Bạn ôi, sự an vui nơi cõi trời rất cao-thượng hơn sự an vui của ngũ-trần. Vậy bạn nên dứt bỏ sự tham-muốn ngũ-trần và nên chú tâm về sự an vui nơi cảnh trời 'Tứ Đại Thiên Vương'". (Rồi lần-lần, từ cõi trời 'Tứ Đại Thiên Vương' đến những cõi trời: Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu

Suất, Lạc Biến Hóa, Tha Hóa Tự Tại, cho tới khi người bệnh được chú-tâm vào cõi trời Phạm Thiên)".

"Tới đây, nếu bệnh-nhân nói mình đã chú-tâm vào cõi trời Phạm Thiên rồi, thì người đến khuyên-lơn nên giải nữa rằng: "Này bạn ôi! Cõi trời Phạm Thiên cũng còn chịu ảnh-hưởng của sự vô-thường, cũng không bền vững và hãy còn ở trong vòng cá-nhân¹⁸. Vậy bạn nên cố gắng đem nấc tâm lên tới bậc 'Diệt Thọ Tướng Định'¹⁹".

Đức Phật thuyết rằng: "Này Mahānāma, nếu bệnh-nhân cho biết rằng tâm mình đã vượt khỏi cõi trời Phạm Thiên và đã tới bậc 'Diệt Thọ Tướng Định', thì người ấy đã được giải-thoát rồi. Này Mahānāma, coi đó thì biết rằng, bất-luận là người tại-gia cư-sĩ hay là bậc xuất-gia, nếu kẻ nào ráng tu tập và trau-giồi tâm-trí để thoát khỏi vòng phiền-não: Tham - Sân - Si, hẳn nhiên kẻ ấy sẽ được hoàn-toàn giải-thoát vậy".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

---o0o---

Những điều làm cho quốc-gia được cường-thịnh

Ta²⁰ có nghe như vậy:

"Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Radjagaha (Vương Xá), trên đỉnh núi Kỳ Xà Quật (núi kên-kên). Lúc ấy, Vua Adjatasattou (A Xà Thế) định đem binh đi đánh nước Vajjis. Ngài phán rằng: "Ta sẽ tấn-công dòng Vajjis ấy; dầu cho chúng nó hùng mạnh thế nào, ta cũng sẽ dẹp yên chúng nó, ta sẽ diệt tận gốc rễ chúng nó".

Kế đó, nhà vua liền dạy vị đại-thần Vassakara như vậy: "Này hiền-khanh, hiền-khanh mau tìm Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, và cung-kính chuyển sang Ngài lời chào mừng của trăm. Khanh nên ân-cần thăm hỏi dùm trăm coi Đức Thế Tôn được mạnh giỏi, an vui, thế nào? Xong rồi, khanh nên bạch lại cho Ngài rõ rằng vua xứ Magadha, là Adjatasattou, trong cơn nóng giận, định đem binh sang đánh xứ Vajjis". Nhà vua đã nhất-quyết như vậy: "Ta sẽ tấn-công dòng Vajjis ấy; dầu cho chúng nó hùng mạnh thế nào, ta cũng sẽ dẹp yên; ta sẽ diệt tận gốc rễ chúng nó". Hiền-khanh nên cẩn-thận, nhớ kỹ lời tiên-đoán của Đức Thế Tôn để về tâu lại cho trăm rõ; Chư Phật không khi nào nói đến việc gì sai với sự thật".

Nghe lời phán dạy của nhà vua, vị quan đại-thần Vassakara tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, hạ-thần xin làm y theo lệnh Ngài". Rồi đó ông ta liền bước lên long xa của vua ban cho, cùng một nhóm quân tùy-tùng, rời khỏi thành Vương Xá, nhắm về hướng dãy núi Kỳ Xà Quật mà trực-chỉ. Sau khi trải

qua hết khoảng đường mà xe cộ có thể giao-thông được, ông ta xuống xe, đi bộ và tìm lần đến nơi Phật ngự. Lúc đến nơi, vị đại-thần Vassakara đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi kế bên và bạch cho Ngài rõ mấy điều quyết-định của nhà vua.

Khi ấy, tôn-giả Ananda đang đứng phía sau quạt cho Đức Phật. Đức Thế Tôn liền dạy lại hỏi tôn-giả Ananda như vậy: "Vậy chớ nhà ngươi có nghe các nhân-vật Vajjis biết ăn ở có đoàn-thể, hòa-thuận và thường hay hội-họp cùng nhau để lo việc nước như thế nào không?"

Đại Đức Ananda trả lời rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử có nghe như vậy".

Đức Phật liền thuyết rằng: "Này Ananda, khi nào các nhân-vật Vajjis biết đoàn-kết, ăn ở hòa-hảo cùng nhau, thường hay hội-họp để lo việc nước, thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh và phong-phú thêm lên".

"Này Ananda:

- Khi nào các nhân-vật Vajjis biết ăn ở hòa-thuận, ráng làm cho sự hòa-thuận ấy thêm tấn-triển, và bất cứ trong công việc chi, họ vẫn lấy tư-cách hòa-thuận để thực-hành;

- Khi nào họ không bày vẽ ra những luật-lệ mới, khác với luật-lệ sẵn có, không xoá bỏ những điều cũ và biết ăn ở theo qui-lập của các vị tiền-bối Vajjis thuở xưa;

- Khi nào họ biết tôn-trọng, kính-nê, sùng-bái, cung-phụng các bậc hiền-triết Vajjis và năng cần nghe lời dạy bảo của những bậc ấy;

- Khi nào họ không bắt bớ, hãm hiếp đàn bà, con gái, của những gia-đình lương-thiện;

- Khi nào họ biết quý-trọng, tôn-kính, sùng-bái và tu-bỏ các đền-tháp Vajjis đã được dựng lên trong khắp nơi, từ thành-thị đến thôn-quê, và họ không còn chấp những cách tế-lễ hủ-lậu;

- Khi nào họ biết che-chỡ, bảo-bọc, phụng-sự các bậc thánh-nhân, để cho những bậc ấy - hoặc ở trong xứ, hoặc từ phương xa đến - được tự-do hành đạo".

"Này Ananda, khi nào các nhân-vật Vajjis thực-hành được những điều-kiện kể trên thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh, phong-phú thêm lên".

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy qua nói với đại-thần Vassakara như vậy: "Này đại-quan, thuở nọ, Như Lai đang ngụ tại thành Vesali, nơi mộ-địa Sarandada, đã

có dịp giải cho các nhân-vật Vajjis biết rõ những điều-khien làm cho họ trở nên cường-thịnh. Khi nào các nhân-vật Vajjis làm tròn mấy điều-khien ấy, họ sẽ đạt được sự lợi-ich của những điều ấy, thì không mong gì họ sẽ bại-vong. Trái lại, họ sẽ được cường-thịnh, phong-phú thêm lên".

Vị quan đại-thần Vassakara liền bạch với Đức Phật rằng: "Nếu chỉ làm tròn vài điều-khien như đã nói trên, mà các nhân-vật Vajjis tránh khỏi sự bại-vong và được thịnh-vượng thêm lên, như vậy thì họ sẽ hùng mạnh đến bậc nào, khi làm đủ cả bảy điều-khien ấy? Bạch Đức Gotama, như thế thì nhà vua xứ Magadha không mong gì đánh bại được dân Vajjis bằng võ-lực, hoạ may phải dùng lối ngoại-giao hay là chờ dịp họ chia rẽ cùng nhau mới được. Bạch Đức Gotama, vậy tôi xin kiêu-từ Ngài, vì tôi còn nhiều công việc phải làm".

Đức Thế Tôn đáp rằng: "Đại-quan cứ việc tùy-tiện". Rồi đó, vị đại-thần Vassakara đứng dậy ra về, tỏ vẻ rất hài-lòng, thỏa-thích, về những lời diễn-giải của Đức Thế Tôn.

---o0o---

Đức Phật thuyết về tư-cách phồn-thịnh của Tăng-chúng

Sau khi vị đại-thần Vassakara đi rồi, Đức Thế Tôn liền dạy tôn-giả Ananda như vậy: "Này Ananda, người triệu-tập ngay vào phòng nhóm này, với tất cả tăng-chúng đang ngụ tại thành Vương-Xá".

Đại-đức Ananda vâng lời, sau khi xong việc rồi, trở lại bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, các thầy tỳ-khuru đã tề-tụ đông-đủ. Vậy xin Ngài chỉ dạy".

Đức Phật đứng dậy đi vào phòng nhóm. Ngồi xong, Ngài nói rằng: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Như Lai diễn-giải cho các người nghe về bảy pháp làm cho tăng-hội được phồn-thịnh. Vậy các người nên chăm-chỉ nghe rõ mấy điều mà Như Lai sẽ thuyết ra đây".

Tăng chúng đồng bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi xin vâng".

Đức Phật liền thuyết ra như vậy:

- "Khi nào tăng-chúng biết ăn ở có đoàn-thể, thường hay hội-họp cùng nhau;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết ăn ở hòa-nhã, biết hội-họp hòa-nhã và hằng thực-hành tăng sự với tư-cách hòa-nhã;
- Khi nào những thầy tỳ-khuru không sửa đổi những điều học, không hủy bỏ những điều học, đã quyết-định và hằng giữ đúng giới-luật hiện-hành;

- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết quý-trọng, tôn-kính, sùng-bái những bậc trưởng-lão có nhiều kinh-nghiệm, là các bậc cha lành cao-cả trong tăng-hội, có bốn-phận nghe lời dạy-bảo của các ngài;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn để cho lòng ham muốn làm chủ thân tâm, vì đó mà phải bị luân-hồi nhiều kiếp;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru có tâm thoả-thích chốn rừng sâu thanh-vắng;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết tự-chủ, biết điều-dắt các đệ-tử nào có nhiều tài đức và đem lại sự an vui, hạnh-phúc, cho họ.

Được vậy thì tăng-hội sẽ tấn-triển thêm, chẳng sợ gì phải bị suy-bại lu-mờ".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi nào cả bảy pháp ấy được tăng-chúng thông-hiểu và hành theo, thì tăng-hội sẽ được tấn-triển thêm, không sợ gì phải bị suy-bại lu-lờ".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Các người nên chăm-chỉ nghe rõ bảy pháp khác nữa mà Như Lai sẽ thuyết ra đây:

- Khi nào các thầy tỳ-khuru không làm nghề buôn bán, không cầu lợi-lộc trong sự buôn bán;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thói quen ưa nói chuyện san-đàng, vô-ích, không thoả-thích và hằng xa lánh những chuyện ấy;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn lơ-là, biếng-nhác, không vui-thích trong sự lười-biếng;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thân-cận với kẻ thế, không vui thích trong thế-sự;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn ham muốn tình-dục và chẳng còn làm nô-lệ cho tình-dục;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không còn thân-cận với kẻ dữ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru không ngưng sự hành-trình của mình khi đi được nửa đường chân-lý và hài-lòng trong kết-quả của mình đã đạt được.

Chừng ấy, tăng-hội khỏi phải bị suy-bại lu-mờ, mà được thêm phần tiến-triển".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi nào các pháp ấy được tăng-chúng thông-hiểu và hành theo, thì tăng-hội sẽ được tấn-triển, chẳng sợ gì phải suy-bại lu-lờ".

Đức Phật thuyết thêm:

- "Khi nào các thầy tỳ-khuru có đầy đủ đức-tin, có sự khiêm-nhượng, biết ghê sợ tội-lỗi, hằng niệm tưởng biết mình, có sự tinh-tấn, có tâm-trí an-trụ, có đầy đủ trí-huệ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru năng trau-giỏi bảy nhân căn-bản làm cho sinh quả bồ-đề (thất bồ-đề phần), có sự suy-xét chân-chánh, sự vui thích trong pháp, sự an-tịnh, sự chăm chú trong phép thiền-định, sự bình-đẳng của tâm;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru hằng để-ý hiểu rõ về pháp vô-thường của vạn-vật, về các nét hư-hỏng, sự dễ-duôi, sự diệt-trừ phiền-não, và tư-cách giải-thoát ra khỏi điều thông-khổ;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết chứng tỏ sự tốt lành của mình đối với những bạn đồng-đạo bằng hành-vi, bằng lời nói, bằng ý-nghĩ, dầu trước mặt hay sau lưng cũng vậy;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết chia sót theo qui-định của tăng-hội cho những bạn tu-hành có đức-hạnh trang-nghiêm, bốn món vật-dụng, nhiều hay chút ít thực-phẩm mà mình đã được trong lúc khát-thực;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru biết gằn-gũi những bậc thiện-trí-thức, dầu ở trước mặt hay sau lưng các ngài cũng vậy, ráng cương-quyết thực-hành những pháp cao-siêu cho được toàn vẹn, trong sạch, không chút bợn-nhơ, để đi đến nơi giải-thoát, biết trau-giỏi những pháp mà các bậc hiền-triết hằng khen ngợi, biết thực-hành những pháp làm cho tâm trí được an-tĩnh;
- Khi nào các thầy tỳ-khuru, dầu ở trước mặt người hay sau lưng người cũng vậy, biết gằn-gũi các bậc thánh-nhân, biết cố gắng đạt đến mục-đích an vui, hầu tận-diệt tất cả các phiền-não ...

Được vậy, thì tăng-hội khỏi phải suy-bại lu-lờ, mà sẽ được thêm phần tấn-triển".

-- *DĪGHA NIKĀYA*

Lời của soạn-giả

Sở dĩ Đức Thế Tôn có danh hiệu "hoàn-toàn sáng-suốt" là vì mỗi khi làm điều chi, hay nói chuyện gì, Ngài luôn-luôn làm và nói đúng theo chân-lý, hợp theo thời và có ích cho phần đông. Đức Phật rất công-bình, thương-xót tất cả chúng-sinh như nhau, chẳng luận kẻ tốt người xấu, kẻ sang người hèn. Ngài chỉ mong sao mỗi lời hoặc hành-vi của mình sẽ đem lại nhiều điều hạnh-phúc, an vui cho chúng-sinh.

Tích trên đây nói về đức vua Adjatasattou, là bậc hộ-pháp rất đặc-lực thời-kỳ Đức Phật còn tại thế. Nhà vua định đem binh xâm-chiếm nước Vajjis, nhưng không biết thắng bại thế nào. Hơn nữa, nhà vua lại nghĩ rằng mình là

người sang cả, hết lòng hộ-độ Tam-Bảo, là bậc đã từng làm vừa lòng Đức Thế Tôn và khắp hàng tăng-chúng, thì thế nào Phật cũng dạy bảo mình nhiều điều lợi-ích về quốc-sự. Do đó, vua Adjatasattou mới sai quan đại-thần Vassakara đến lãnh ý Đức Phật coi có nên xuất-chinh hay không. Trong trường-hợp đó, Đức Thế Tôn chẳng trả lời câu hỏi của sứ-giả, nhân dịp ấy thuyết cho tôn-giả Ananda nghe về những kết-quả tốt đẹp, phồn-thịnh của một nước, của một nhóm người, của tăng-chúng khi những nhân-vật biết ăn ở hòa-thuận và đoàn-kết cùng nhau.

---o0o---

Ba điều so-sánh của đức Bồ-tát trước khi đắc-đạo

Đức Thế Tôn thuyết cho ông Aggivessana nghe như vậy:

"Này Aggivessana, khi ấy bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai ba điều so-sánh mà từ nào đến giờ không ai biết tới.

"Này Aggivessana, ví dụ có một khúc cây ướm, dính bùn, bị dể dưới nước và có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho nẩy lửa để tìm ánh-sáng". Này Aggivessana, như vậy có thể được chăng?

- "Bạch Đức Gotama, không thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì cây ấy đã ướm, dính bùn mà lại bị ngâm dưới nước, thì người kia chỉ phí công, vô-ích đó thôi.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ, hay Bà La Môn, nào hằng làm nô-lệ cho cả xác thân và tâm-trí, có nhiều tham-dục, vui thích trong tham-dục, sống trong vòng tham dục, say-đắm vì tham-dục và hằng bị lửa tham-dục luôn-luôn thiêu đốt, thì dù cho những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó có hành thân hoại thể, chịu đau khổ cách mấy đi nữa, họ cũng không thể nào đạt được chân-lý cao-siêu. Hoặc-giả các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó hành-động cách nào cho khỏi đau-đớn thống-khổ, thì họ cũng chẳng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ.

"Đó là điều so-sánh thứ nhất mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới".

"Này Aggivessana, tiếp theo đó bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai điều so-sánh thứ nhì, mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới.

"Ví dụ, có một khúc cây ướm, dính bùn bị ngâm dưới nước và được vớt lên bỏ trên đất; có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ

rằng: "Ta sẽ làm cho nầy lửa để tìm ánh-sáng". Này Aggivessana, như vậy có thể được chăng?

- "Bạch Đức Gotama, không thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì cây ấy đã ướt, dính bùn mà lại mới vừa được vớt lên khỏi nước, thì người kia chỉ phí công vô-ích đó thôi.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn nào đã kèm-chê xác thân, không cho nó hành-động theo sự tham-dục; nhưng, trái lại tâm-trí của họ còn dính-mắc trong vòng tham-dục, vui thích trong sự tham-dục, sống với sự tham-dục, say-đắm vì tham-dục và hằng bị lửa tham-dục luôn-luôn thiêu đốt, thì dầu cho những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó có hành thân hoại thể, chịu đau khổ cách mấy đi nữa, hoặc-giả họ hành-động cách nào cho khỏi đau đớn, khổ-sở, thì họ cũng chẳng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ.

"Đó là điều so-sánh thứ nhì mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới".

"Này Aggivessana, kế tiếp theo đó, bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai điều so-sánh thứ ba mà từ nào đến giờ chẳng ai biết tới.

"Ví dụ, có một khúc cây khô, sạch sẽ, bị ngâm dưới nước nhưng được người vớt lên để trên mặt đất một thời-gian, và có một người kia đem lại một khúc cây khác cọ vào nó mà nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho nầy lửa, để tìm ánh-sáng". Này Aggivessana, như vậy có thể được không?

- "Bạch Đức Gotama, hẳn có thể được.

- "Tại sao vậy?

- "Bạch Ngài, vì khúc cây ấy được vớt lên khỏi nước trong một thời-gian và đem để trên đất nên nó khô và sạch sẽ.

- "Này Aggivessana, cũng như thế ấy, những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn nào không còn làm nô-lệ cho xác thân và tâm-trí, đã phủi sạch điều tham-dục, không còn vui thích trong sự tham-dục, không còn sống với sự tham-dục, không bị hư-hỏng say-đắm vì tham-dục, chẳng còn bị ngọn lửa tham-dục thiêu đốt và đã tìm được sự an-tĩnh cho thân tâm, thì những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đó, dầu cho có hành-động đau đớn, khó nhọc, hoặc không đau đớn, khó-nhọc, đi nữa, thì họ cũng đạt được chân-lý cao-siêu, đạt được trí-huệ để đi đến sự hoàn-toàn giác-ngộ".

"Này Aggivessana, đó là điều so-sánh thứ ba mà từ nào đến giờ không ai biết tới, bỗng-nhiên phát-khởi trong trí Như Lai".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Lý-thuyết "tứ diệu đế" và "thập nhị nhân duyên"

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Một cái đèn kia cháy được là do chất dầu và cái tim của nó. Tỉnh-thoảng, người nhà lại châm dầu thêm và kéo tim lên. Nhờ vậy mà ngọn đèn cháy được lâu ngày, như thế nào?"

"Thì cũng như thế ấy, kẻ nào cố tâm suy xét về những sự vui thích của ngũ-trần, tất-nhiên lòng tham muốn của kẻ ấy sẽ tấn-triển thêm".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Trái lại, kẻ nào hằng chú-tâm suy xét về nỗi thông-khổ của vạn-vật, thì lòng tham muốn của kẻ ấy phải tiêu tan. Mà khi nào sự tham muốn bị tẩy-trừ, thì tất cả các điều thông-khổ cũng dứt hẳn".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Cũng như một cái đèn kia cháy được là do chất dầu và cái tim của nó. Nếu tỉnh-thoảng không có ai đến châm dầu và kéo tim lên, thì ngọn đèn phải tắt vì hết dầu".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Những ai muốn hấp-thụ Phật-Giáo một cách chân-chánh và khỏi sai-lạc vào nẻo thân-quyền, dị-đoan, cần phải tìm hiểu rõ-rệt hai lý-thuyết: tứ diệu đế (Ariyaccadhamma) và thập nhị nhân duyên (Paticca-Samuppada) của Đức Phật đã tìm ra. Nhờ cố công suy xét đúng theo phương-pháp, Đức Thế Tôn thấy rằng tất cả sự thay-đổi của vạn-vật trên thế-gian đều do những nhân và duyên gây ra: cái này tạo ra cái khác, cái kia có để sanh ra cái nọ; nhân tạo ra duyên, rồi duyên trở lại thành nhân. Cũng như nhờ có đất nên cây mới mọc. Người ta lấy cây đem về làm củi, củi đốt ra lửa, lửa dùng để nấu vật thực, vật thực để nuôi sinh mạng, vân-vân ... Ngoài ra, chẳng có vị Chúa cứu thế hay tạo-hóa nào cả.

Muốn cho phân đông dễ hiểu, chúng ta nên đem hai lý-thuyết ấy ra so-sánh với y-khoa hiện-thời. Một vị lương-y, trước khi điều-trị, cần phải dò xét coi bệnh-nhân đau chứng gì và bệnh ấy bởi tự đâu mà phát-sinh. Thầy thuốc Á-đông thì chẩn mạch coi có điều chi trắc-trở trong ngũ-tạng, y-sĩ người Âu Mỹ thì hay thử: phân, nước tiểu, máu, đàm ... để tìm các loại vi-trùng phá-hoại cơ-thể. Khi biết rõ bệnh và nguyên-nhân của chứng bệnh, vị lương-y lại cần phải biết chọn lựa những vị thuốc nào cho phù-hợp, thì sự điều-trị mới công-hiệu.

Về Phật-Giáo, chính Đức Thế Tôn là vị lương-y đã được thấu-đáo bệnh khổ của chúng-sinh. Gia-công suy xét, Ngài tìm ra được nguyên-nhân của các

điều thống-khổ là lòng tham muốn: muốn được sinh sống, muốn chấp giữ, muốn ưa mến, muốn thọ lãnh tình-cảm, muốn tiếp-xúc với ngũ-trần, vân-vân ... Mà lòng tham muốn được phần-khởi là do sự không biết phân-biệt (vô-minh) gây ra. Nếu diệt được vô-minh, thì tâm tham muốn không còn. Mà khi nào hết tham muốn, thì con người mới mong thoát ra khỏi bánh xe sanh tử luân-hồi được. Nhưng muốn diệt-tận vô-minh, dứt lòng tham muốn để khỏi khổ, nhà hành đạo sáng-suốt cần phải noi theo con đường ềBát Chánh" (Atthangikamagga) của Đức Thế Tôn đã vạch ra, thì mới mong thành-tựu đạo-quả.

---o0o---

Tứ diệu đế

Đức Thế Tôn có thuyết ra như vậy:

"Này các thầy tỳ-khưu, có hai điều thái-quá mà các bậc xuất-gia cần phải xa lánh. Hai điều ấy như thế nào?

- Một là đời sống buông-tuồng theo ngũ-dục, say mê trong ngũ-dục, rất là xấu-xa, thô-bỉ, thấp-hèn và vô-ích.

- Hai là ăn ở theo lối khổ-hạnh, hành thân hoại thể, đau đớn khổ-não, không thanh-cao mà cũng chẳng bổ-ích vào đâu.

"Này các thầy tỳ-khưu, nhờ tránh xa hai cách tu thái-quá ấy, mà Như Lai tìm được con đường trung đạo, con đường để mở mắt, mở trí con người, khiến cho tâm được an-tĩnh, được thông-suốt, hoàn-toàn giác-ngộ, được chứng-quả Niết-Bàn.

"Này các thầy tỳ-khưu, vậy chớ con đường TRUNG ĐẠO mà Như Lai đã tìm ra đó như thế nào? (Đức Phật lập lại những lời như đoạn trên): ấy là con đường Bát chánh vậy.

- Khổ đế:

Này các thầy tỳ-khưu, đây là chân-lý cao-siêu về sự khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh tật là khổ, chết là khổ, phải gần cái gì không thích là khổ, phải xa cái gì vừa lòng là khổ, mong cầu cái gì chẳng được là khổ. Nói tóm lại, sự chấp và quỵên-luyên xác thân ngũ-uẩn là khổ.

- Tập đế:

Này các thầy tỳ-khưu, đây là chân-lý cao-siêu về nguyên-nhân của sự khổ, chính là tâm tham muốn cho được sống còn. Vì đó mà phải sanh tử luân-hồi, hết kiếp này qua kiếp khác. Mỗi kiếp sự vui thích về sắc-dục càng thêm dòn-

dập; khi chỗ này, lúc chỗ khác, được vui rồi lại muốn vui thêm. Tham ngũ-trần, tham sống, tham quyền-thế, lợi-danh.

- Diệt đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về sự diệt khổ. Thật ra, muốn diệt khổ thì phải dứt lòng tham-dục, phải dứt tâm tham sống, phải giải-thoát ra ngoài vòng tham muốn.

- Đạo đế:

Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về đạo diệt khổ. Chính là con đường Trung Đạo, con đường "Bát chánh": Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, mà Như Lai đã tìm ra.

"Này các thầy tỳ-khuru, đây là chân-lý cao-siêu về sự khổ, nguyên-nhân của sự khổ, về sự diệt khổ và đạo diệt khổ. Những điều mà từ nào đến giờ chưa ai biết đến, mắt ta đã thấy rõ, trí ta đã suốt-thông. Ta đã được sự trực-giác, đạt được trí-tuệ. Này các thầy tỳ-khuru, coi đó thì biết rằng, ngoài ta ra, từ nào đến giờ chưa ai được biết những điều ấy".

"Này các thầy tỳ-khuru, khi ta chưa đạt được sự trực-giác, chưa được thông-hiểu rõ-rệt về bốn Diệu Đế ấy, mỗi đế có ba phần, bốn đế gồm lại mười hai khoản, thì ta biết rằng trong khắp các cảnh-giới: người, trời, ma-vương, phạm-thiên, trong vòng nhất-thiết chúng-sinh, cho đến các bậc sa-môn, Bà La Môn, chư-thiên và nhân-loại, ta chưa phải bậc Đại-Giác (Phật)".

"Này các thầy tỳ-khuru, nhưng đến khi ta đã đạt được sự trực-giác, đã thông-hiểu rõ-rệt về bốn Diệu Đế ấy, mỗi đế có ba phần, bốn đế gồm lại có mười hai khoản, thì ta biết rằng trong khắp các cảnh-giới: người, trời, ma-vương, phạm-thiên, trong vòng nhất-thiết chúng-sinh, cho đến các bậc sa-môn, Bà La Môn, chư-thiên và nhân-loại, ta đã là một bậc Đại-Giác (Phật) vậy".

"Sự thông-hiểu và trực-giác ấy phát-sinh đến khiến cho ta biết rằng: "Tâm ta đã được hoàn-toàn giải-thoát. Đây là kiếp chót của ta. Ta sẽ không còn sinh lại nữa".

-- MAHAVAGGA

---o0o---

Thập-nhi nhân-duyên

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Trước khi đắc đạo, lúc chưa được giác-ngộ và hãy còn là một vị Bồ-Tát, ta có suy-nghĩ như vậy: "Than ôi! Thế-gian này khổ

thật! Chúng-sinh được sanh ra rồi phải già, phải chết, phải bị tiêu-diệt, rồi lại tái-sinh. Mà nào đâu có ai tìm ra được phương-cách để thoát khỏi những sự: đau đớn, già nua, tử-biệt và chẳng biết đến lúc nào con người mới tránh khỏi những khổ-nạn ấy".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta lại nghĩ rằng: "Vậy chớ đến chừng nào mà một chúng-sinh mới già, mới chết, và cái chi là nguyên-nhân làm cho phát-sinh sự già, sự chết ấy? Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, sự thông-hiểu rõ-rệt bỗng-nhiên phát-khởi, khiến ta được biết rằng: chính vì có sự tái-sinh nên phải già, phải chết và sự tái-sinh là nguyên-nhân của nạn già và chết vậy".

"Này các thầy tỳ-khuru, chừng ấy ta lại nghĩ rằng: "Vậy chớ đến lúc nào một chúng-sinh mới tái-sinh, và cái chi là nguyên-nhân làm cho tái-sinh? Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, sự thông-hiểu rõ-rệt bỗng-nhiên phát-khởi, ta được biết rằng:

- Hữu: Chính vì sự muốn có thân sau nên mới tái-sinh, và thân sau là nguyên-nhân của tái-sinh vậy;

(Rồi cũng theo cách-thức kể trên, Đức Thế Tôn giải tiếp rằng:)

- Thủ: Vì có sự chấp giữ nên mới có thân sau, và tâm chấp giữ là nguyên-nhân của thân sau;

- Ái: Vì có sự ưa mến nên mới chấp giữ, và tâm ưa mến là nguyên-nhân của sự chấp giữ;

- Thọ: Vì có sự nhận lãnh các cảm-giác nên mới ưa mến, và sự nhận lãnh các cảm-giác là nguyên-nhân của tâm ưa mến;

- Xúc: Vì có sự đụng chạm sắc-trần nên mới có sự nhận lãnh các cảm-giác, và đụng chạm sắc trần là nguyên-nhân của sự nhận lãnh các cảm-giác;

- Lục nhập: Vì có giác-quan nên mới đụng chạm sắc trần, và giác-quan là nguyên-nhân của sự đụng chạm sắc trần;

- Danh sắc: Vì có tâm thần và hình sắc nên các giác-quan mới được sanh ra, và danh sắc là nguyên-nhân sanh ra giác-quan;

- Thức: Vì có thức-tính để phân-biệt nên mới có danh sắc, và thức là nguyên-nhân sanh ra danh sắc;

- Hành: Vì có hành-vi tạo-tác nên mới có thức-tính và chính hành-vi tạo-tác là nguyên-nhân sanh ra thức-tính;

- Vô-minh: Vì có sự tối-tăm, chẳng biết phân-biệt nên mới có hành-vi tạo-tác, và chính sự tối-tăm là nguyên-nhân của hành-vi tạo-tác.

"Này các thầy tỳ-khuru, như thế chính Vô-minh sanh ra Hành, Hành sanh ra Thức, Thức sanh ra Danh Sắc, Danh Sắc sanh ra Lục-Nhập, Lục-Nhập sanh ra Xúc, Xúc sanh ra Thọ, Thọ sanh ra Ái, Ái sanh ra Thủ, Thủ sanh ra Hữu, Hữu là nguyên-nhân của sự tái-sinh, và tái-sinh là nguyên-nhân của sự Già, sự Chết. Đó là nguyên-nhân của các điều thống-khổ vậy".

"Trong khi ta đang quán tưởng đúng theo phương-pháp về những điều lạ-lùng ấy, bỗng-nhiên sự sáng-suốt, sự thông-hiểu, sự giác-ngộ hoàn-toàn phát-sinh đến cho ta".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta nghĩ rằng: "Vây chớ cần phải không có cái chi để chẳng có sự già, sự chết, và phải diệt bỏ cái chi để khỏi già, khỏi chết?"

"Trong khi đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, bỗng-nhiên sự thông-hiểu rõ-rệt phát-sinh đến, ta được biết rằng chính khi nào chẳng có sự tái-sinh thì mới khỏi già, khỏi chết, và lúc nào sự tái-sinh không còn thì sự già, sự chết cũng dứt hẳn".

"Này các thầy tỳ-khuru, lúc bấy giờ ta lại suy-nghĩ nữa rằng: "Vây chớ phải diệt bỏ cái chi mới khỏi tái-sinh?"

"Trong lúc đang quán tưởng đúng theo phương-pháp, bỗng-nhiên sự thông-hiểu rõ-rệt phát-sinh đến, ta được biết rằng chính khi nào chẳng còn muốn có thân sau (Hữu) thì mới khỏi tái-sinh, và lúc nào tâm muốn có thân sau không còn thì sự tái-sinh cũng dứt hẳn".

(Rồi cũng theo cách-thức kể trên, lần lượt Đức Thế Tôn giải rằng:)

* Khi nào chẳng có sự chấp giữ (Thủ) thì mới không có thân sau, và chừng nào tâm chấp giữ chẳng còn thì thân sau cũng không có;

* Khi nào chẳng có sự ưa mến (Ái) thì mới không chấp giữ, và chừng nào tâm ưa mến chẳng còn thì sự chấp giữ cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có sự nhận lãnh các cảm-giác (Thọ) thì mới không ưa mến, và chừng nào sự nhận lãnh các cảm-giác chẳng còn thì tâm ưa mến cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có sự đụng chạm với các sắc trần (Xúc) thì mới không nhận lãnh các cảm-giác, và chừng nào sự đụng chạm với sắc trần chẳng còn thì sự nhận lãnh cảm-giác cũng dứt hẳn;

* Khi nào chẳng có giác-quan (Lục Nhập) thì mới không có sự đụng chạm với sắc trần, và chừng nào giác-quan chẳng còn thì sự đụng chạm sắc trần cũng dứt hẳn;

- * Khi nào chẳng có tâm-thần và hình-sắc (Danh Sắc) thì mới không có giác-quan, và chừng nào Danh Sắc chẳng còn thì các giác-quan cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có thức-tính để phân-biệt (Thức) thì mới không có Danh Sắc, và chừng nào thức-tính không còn thì Danh Sắc cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có hành-vi tạo-tác (Hành) thì mới không có thức-tính, và lúc nào các hành-vi tạo-tác không còn thì thức-tính cũng bị diệt-tận;
- * Khi nào chẳng có sự tối-tăm, không biết phân-biệt (Vô-minh) thì mới không hành-vi tạo-tác, và lúc nào sự tối-tăm không còn thì hành-vi tạo-tác cũng dứt hẳn".

"Nhu thế, khi nào: Vô-minh không còn thì Hành cũng bị diệt, Hành không còn thì Thức cũng bị diệt, Thức không còn thì Danh Sắc cũng bị diệt, Danh Sắc không còn thì Lục-Nhập cũng bị diệt, Lục-Nhập không còn thì Xúc cũng bị diệt, Xúc không còn thì Thọ cũng chẳng có, Thọ không còn thì Ái cũng chẳng có, Ái không còn thì Thủ cũng chẳng có, Thủ không còn thì Hữu cũng chẳng có, Hữu không còn thì sự Tái-Sinh cũng bị diệt, sự Tái-Sinh không còn thì những nạn Già, nạn Chết cũng dứt hẳn. Cũng như thế, tất cả các sự thống-khổ đều dứt tuyệt".

"Trong khi đang quán tưởng đúng theo phương-pháp về những điều lạ-lùng ấy, bỗng-nhiên sự sáng-suốt, sự thông-hiểu, sự giác-ngộ hoàn-toàn phát-sinh đến cho ta".

-- SAMYUTTA NIKĀYA, II, 10

---o0o---

Đức Phật tiên-đoán về sự suy-đòi của Phật giáo

Đức Thế Tôn có thuyết như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khưu! Thuở trước kia, các nhóm người Dasaraha có một cái trống mà họ đặt tên là "Trống Chiêu Tập". Khi trống bắt đầu muốn lủng, họ liền đóng thêm nhiều cái móc (để căng da cho thẳng); một thời gian sau, cái trống ấy bị hỏng cả, chỉ còn lại có cái thân bằng cây và những móc sắt mà thôi".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Cũng như thế ấy, hàng tăng-chúng trong buổi vị-lai sẽ có các hành-vi, cử-chỉ tương-tợ như vậy. Những lời giáo-huấn của Đức Chánh Biến Tri rất cao-thâm, huyền-diệu, đầy ý-nghĩa, họ chẳng cần nghe, hoặc tìm hiểu đến. Họ không màng gì đến sự học hỏi cho thông-suốt chân-lý, và chẳng hết lòng ủng-hộ giáo pháp chánh đáng, cao-siêu này. Trái lại, họ lại ưa thích, chăm-chú tìm nghe, tìm hiểu những lý-thuyết không thuộc về chánh-giáo như những áng-văn thi-phú do các nhà thi-sĩ thốt ra, có nhiều danh-từ, ngôn-ngữ trôi-chảy, hoạt-bát. Họ sẽ hết lòng ủng-hộ và cho rằng

những lý-thuyết ấy là chân-chánh, đáng học hỏi, đáng hấp-thụ. Vì lẽ đó, cho nên những lời giáo-huấn do Đức Chánh Biến Tri đã giải ra, rất cao-thâm, huyền-diệu, đầy ý-nghĩa, sẽ phải lu-lò".

-- SAMYUTTA NIKĀYA, II, 266-267

Lời của soạn-giả:

Trong tích trên đây, Đức Thế Tôn đem phẩm-hạnh của hàng tăng-chúng hồi Ngài chưa nhập Niết-Bàn ra so-sánh với cái trống còn nguyên vẹn tốt lành. Tiếng trống vang-dội khắp nơi, xa gần đều nghe biết. Cũng như chân-pháp do Ngài, hoặc các bậc Thinh Văn, thuyết ra rất đúng-đắn, cao-thâm, từ đầu chí cuối, được phần đông các thầy tỳ-khuru chăm-chú tìm nghe, tìm hiểu, để hành theo cho được lợi-ích.

Về thời-kỳ xa chánh-pháp, Đức Phật so-sánh hàng tăng-chúng với cái thân và những móc sắt của cái trống hư còn sót lại. Cũng như hiện nay trong khắp nơi, có biết bao nhiêu người bỏ gia-đình quyến-thuộc, đi tìm sự sống xa thế-sự, mà chẳng nghiêm-trì giới-luật, không biết áp-dụng Phật pháp một cách chính-đáng. Mang lấy danh-hiệu là bậc "xuất-gia", họ chẳng chịu làm theo phận-sự mình, chẳng chịu sống thành-thật bên cạnh Tam-Bảo, mà chỉ thích nghe và làm theo những lý-thuyết sai-lầm do các nhà tu-hành không chân-chánh thốt ra. Rốt cuộc, vì những thuyết ấy mà Phật pháp phải lu-lò.

---o0o---

Trước khi nhập Niết-Bàn, đức Phật giải về cách cúng dường cao-thượng

Khi ấy, Đức Phật nói với tôn-giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi về phía huê-viên Upavattana, thuộc xứ Kusinara (của quốc-vương Malla) ở, về phía bên kia giòng rạch Hirayavati".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng".

Rồi đó, Đức Phật với một số đông thầy tỳ-khuru đồng thân-hành vào vườn bông Upavattana, ở phía bên kia vòng rạch Hirayavati. Lúc tới nơi, Đức Phật nói với Đức Ananda: "Này Ananda, người nên sắp đặt tại khoảng giữa hai cây song-long-thọ (cây Sala) một chỗ nằm trở đầu về hướng bắc. Như Lai hiện đang có bệnh và muốn nằm để nghỉ ngơi".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng".

Rồi đó, tôn-giả Ananda bèn sắp đặt giữa hai cây song-long-thọ một chỗ nằm quay đầu về hướng bắc. Đức Thế Tôn nằm xuống, nghiêng mình về phía tay mặt, để chân trái nằm trên chân phải. Ngài tỏ vẻ bình-tĩnh và nhẫn-nại trong lúc ấy.

Hai cây song-long-thọ bỗng-nhiên trở bông sum-sê, dầu rằng không phải đúng thời-tiết. Những bông ấy rụng xuống, rải-rác khắp thân-hình Đức Như Lai để tỏ ý cúng dường đáng kể-nghiệp của các vị Phật quá-khứ; những nhánh bông Mandarava (Hoa tiên) và phấn-chiên-đàn hương từ cõi trời rơi xuống, bao-phủ khắp thân-hình Đức Như Lai; tiếng nhạc-thiền trời dậy khắp hư-không; tiếng ca-xang, lãnh-lót, ai-bi, tự các cõi chư-thiên đưa xuống, tỏ ý cúng dường đáng kể-nghiệp của các vị Phật quá-khứ.

Đức Phật nói với Đức Ananda rằng: "Này Ananda, nhưng đó chẳng phải là cách mà nhân-loại tôn-kính, thờ-phụng, sùng-bái, cúng dường Như Lai bằng cách cao-thượng đâu. Mà chính các tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, thiện-nam, tín-nữ nào, luôn-luôn làm tròn phận-sự, biết ăn ở theo chánh-giáo, biết noi theo đường chân-lý, mới đáng gọi là những người biết tôn-kính, thờ-phụng, sùng-bái, cúng dường Như Lai bằng cách cao-thượng vậy. Này Ananda, bởi có ấy, người nên làm tròn bổn-phận, phải biết ăn ở theo Chánh-Giáo và phải luôn-luôn noi theo chân-lý. Đó là những việc nên làm".

Lúc ấy, có thầy tỳ-khưu Upavana đang đứng phía trước để quạt cho Đức Phật. Đức Thế Tôn nói với vị ấy rằng: "Này Upavana, người chẳng nên đứng trước mặt Như Lai".

Tôn-giả Ananda bèn phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Thầy Upavana là bậc hậu-cận Đức Thế Tôn tự bấy lâu nay. Nhưng không hiểu tại duyên-cớ chi, trong lúc cuối cùng, Đức Thế Tôn lại nói vậy!".

Đức Ananda liền hỏi Đức Phật những điều nghĩ trên.

Đức Phật trả lời rằng: "Này Ananda, có vô-số chư-thiên trong khắp mười ngàn thế-giới đang tề-tụ đông-đủ nơi đây để yết-kiến Như Lai. Chung quanh khắp huê-viên Upavattana, đi xa tới 12 dặm, chẳng có một khoảng trống nào, dầu cho nhỏ bằng sợi tóc, mà không có các bậc chư-thiên cao-cả đang đứng. Này Ananda, những vị chư-thiên ấy nói xàm-xì với nhau rằng: "Chúng ta ở xa-xôi, cùng nhau tới đây để yết-kiến Đức Như Lai. Vì trải qua một thời-gian dài dạn, rất ít khi được có các Đấng Như Lai, các Đức Phật toàn-giác xuất-hiện trong thế-gian này; hơn nữa, vào lúc canh năm nội đêm nay, Đức Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn, mà ông Upavana kia lại đứng án phía trước, làm cho chúng ta không thấy được mặt Ngài trong những giờ cuối cùng". Này Ananda, các chư-thiên họ nói thàm-thì với nhau như vậy".

-- MAHA-PARINIBBANA SUTTANTA

Lời của soạn-giả:

Để ngăn-ngừa sự hiểu biết sai-làm về Phật-giáo, Đức Thế Tôn, trước khi nhập Niết-Bàn, lấy tư-cách thành-kính cúng dường của chư-thiên và nhân-

loại trong buổi Ngài gần lâm-chung mà giải-thích cho Đức Ananda nghe. Ngài không cho những cách cúng dường đó là cao-thượng, mà chỉ những người nào biết ăn ở theo Phật-ngôn để mau được giải-thoát mới đáng gọi là những người cúng dường cao-thượng vậy.

---o0o---

Phân Phụ-Trương

"Khi biết được rằng không sao tránh khỏi những nạn: sinh, già, đau, chết, Ta phát tâm nhàm-chán cõi trần.

"Rồi đó, chẳng màng chi đến cuộc đời phong-phú, trẻ-trung, đến những lời hờn-trách, khóc than của thân-quyến, ta rời bỏ gia-đình, cắt tóc, cạo râu, mang áo cà-sa.

"Trở nên một nhà hành-khất ta-bà, Ta đi tìm điều lợi-ích thiêng-liêng, đi tìm con đường về chốn an-vui tuyệt-đối". -- Phật Ngôn

Tư-cách giáng-sinh vào lòng mẹ và tư-cách xuất-gia của đức Bồ-Tát trong kiếp chót

Lời của Đức Ananda:

Ta có nghe từ cửa miệng của Đức Thế Tôn thuyết ra như vậy: "Này Ananda, thưở nọ Đức Bồ-Tát, với cả tâm-trí sáng-suốt, được thọ-sinh lên cung trời Đâu-Xuất. Trong thời-gian an-hưởng nhàn lạc nơi cõi ấy, cho đến lúc được thọ-sinh vào lòng mẹ, Đức Bồ-Tát vẫn luôn-luôn sáng-suốt biết mình.

Khi Đức Bồ-Tát từ cung trời Đâu-Xuất giáng xuống thế-gian, để thọ-sinh vào lòng Đức Hoàng-hậu Ma-Da (Maya), thì tất cả cõi trời, những cảnh-giới ma-vương, các thế-giới của hàng nhân-loại, thầy-thầy đều được thọ lãnh sự sáng-lạng tuyệt-đối, lặn hẩn ánh-sáng của tất cả chư-thiên hiệp lại. Sự sáng ấy loan ra cho đến các ta-bà thế-giới, nơi cõi xa-xăm đen tối mà đã từ lâu ánh-sáng của mặt nhật và mặt nguyệt cũng không tài nào soi-thấu. Nhờ ánh-sáng thiêng-liêng này mà vô-số chúng-sinh đang ở trong các thế-giới tối-tăm mờ-mịt ấy mới được trông thấy lẫn nhau và biết rõ vạn-vật ở chung-quanh mình. Tất cả mười ngàn thế-giới đều rung-động khi tiếp được ánh-sáng lạ-thường này.

Lúc Đức Bồ-Tát nhập vào bào-thai trong lòng mẹ, thì có bốn thiên-thần trông coi bốn hướng, không cho bất cứ chúng-sinh nào có thể lại gần làm tổn-thương đến Ngài và mẹ Ngài.

Bắt đầu từ đó, đức Ma-Da hoàng-hậu phát-tâm thọ-trì giới hạnh thêm phần trong sạch. Bà đâm ra chán-chê đường tình-dục, tự-chủ lục-căn luôn-luôn thanh-tịnh, chẳng hề biết đau đớn, mỗi-một.

Đức Bồ -Tát ra đời được bảy ngày thì hoàng-hậu Ma-Da thăng-hà và được sanh lên cung trời Đâu-Suất. Thế thường, phụ-nữ mang thai lồi hơn chín tháng, hoàng-hậu Ma-Da phải cưu-mang đức Bồ-Tát trong bụng đến mười tháng. Các trẻ con của thường nhân, khi sinh ra, thì năm. Đức Bồ-Tát lúc lọt lòng thì đã đứng được vững-vàng.

(Tới đây dứt lời của đức Ananda).

Lớn lên, đức Bồ-Tát trở nên một bậc văn hay võ giỏi, thông-minh. Hai trường-hợp dưới đây nhắc-nhở chúng ta về tư-cách từ-bi, bác-ái, của Ngài.

Lần nọ, có một con hạc bị hoàng-thân Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) bắn trúng một mũi tên, đến té trước mặt Ngài. Ngài ôm lấy con vật để tìm cách cứu chữa và chẳng chịu trả lại cho ông Đề Bà Đạt Đa. Vì Ngài cho rằng chính kẻ cứu-mạng mới có đủ quyền về con vật hơn người sát hại nó.

Một lần khác, trong lúc tranh đua tài-nghệ cùng các hàng vương-tôn công-tử trong dòng Thích-Ca, chẳng ai đủ sức đàn-áp nổi con ngựa hung-hăng, dù rằng họ dùng đủ mánh-khoé và võ-lực, song vô hiệu-quả. Nhưng chỉ với mấy cái vuốt-ve và vài lời dịu ngọt, Đức Bồ-Tát cảm thắng được con thú một cách dễ-dàng.

Trí-huệ, lòng từ-bi, tâm nhân-nại là ba đức-tính cao-thượng của đức Bồ-Tát vậy.

Dầu bị giam-hãm trong cảnh xa-hoa, hầu đẹp, vợ xinh, giường ngọc, chiếu ngà, đủ mùi phú-túc, tâm Ngài vẫn chán-chê thế-sự. Những cảnh-tượng sanh, lão, bệnh, tử, làm tăng-trưởng mỗi đạo-tâm đã ung-đức nơi lòng.

Quyết dạ tầm đường giải-thoát, và nhờ nghị-lực thiên-nhiên do trí-huệ của Ngài rèn tập kham-khổ không biết bao nhiêu A-Tăng-Kỳ kiếp đã qua, đức Bồ-Tát không ngần-ngại gì mà lia bỏ cả ngai vàng, giang-san, lâu-đài, cung-điện, để tìm nơi thanh-vắng suy-tâm chân-lý.

Một đêm nọ, thừa dịp tốt, sau buổi dạ-yến linh-đình, quân-lính say-sưa, mòn-mỏi dưới cảnh trời đông gió lạnh, đức Bồ-Tát, với chí-khí cương-quyết, đoạn-tuyệt cả vợ đẹp con thơ, thót lên lưng ngựa, ra khỏi hoàng-cung, nhắm rừng tòng trọc chỉ.

Trời vừa rạng sáng, đức Bồ-Tát xuống yên, trao áo mao cân đai cho nghĩa-bộc Sa Nặc (Channa), với mấy lời ân-cần vĩnh-biệt cha già, vợ yếu. Thần-mã

Kiên Trắc (Kantaka) nghe được lời tâm phúc, thương tiếc chủ lành, cảm-động quá đỗi, bể tim té lặn ra chết.

Dem long-bào đôi áo cà-sa, Ngài trải qua sáu năm trường tầm đạo, được tiếp-xúc, học hỏi với nhiều nhà bác-học trong thời-kỳ ấy. Nhưng Đức Bồ-Tát vẫn không toại-nguyện. Vì giáo pháp gắt-gao khô-hạnh của mấy vị đạo-sĩ ấy không đem lại được sự giải-thoát hoàn-toàn mà Ngài mong mỏi.

Không lòng thối-chuyển, Đức Bồ-Tát quyết-dạ hành-đạo một mình. Ngài tăng-gia các điều khô-hạnh đến mức cùng-tốt của hàng tu khô-hạnh, giảm bớt vật-thực cho đến nỗi chỉ còn ăn có một hột cơm trong mỗi ngày. Thân mòn sức kiệt, ngày nọ, đức Bồ-Tát lặn mò xuống mé sông tắm gội. Vì lưng mỏi gối run, Ngài té quỵ xuống. Gom cả thân-lực, cố-gắng đủ điều, Ngài cũng không sao đứng dậy nổi. Ngài vớ một cành cây sà thấp xuống gần đó để đứng dậy.

Đức Bồ-Tát, thân-tâm mòn mỏi như sắp lìa trần. May đâu có cô gái tín tên là nàng Sujjata, buổi sáng ấy, định đem món cơm trộn với sữa tươi đến dâng cho một bậc vĩ-nhân nào ngự nơi vùng ấy. Gặp Ngài, nàng vội-vã dâng cúng vật thực ngon lành bổ-dưỡng.

Sau khi độ xong, thân hình khỏe-khoắn, thần-trí trở lại sáng suốt hơn xưa, Ngài bèn nghĩ như vậy: "Tinh-thần không thể nào được tấn-hóa với một xác-thân mòn-mỏi". Nghĩ vậy, Ngài ráng sức lặn mò vào rừng Uruvela, và chính tại nơi đây, đức Bồ-Tát được đắc-quả Chánh-Đẳng Chánh-Giác vậy.

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA 123

---o0o---

Sự-tích ông Devadatta hãm-hại Phật và chia rẽ Tăng-hội

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ngự tại thành Anoupiya, thuộc về xứ Malla.

Nơi gương theo Ngài, một số đông hàng vương-tôn, công-tử trong dòng Thích-Ca, cũng xuất-gia hành-đạo.

Trong số đó, có hai vị hoàng-tử anh em ruột cùng nhau, là ông Mahānāma và ông Anuruddha (A Nậu Đa).

Ông hoàng Mahānāma đến hỏi ông Anuruddha như vậy: "Này em, giữa anh và em, ai sẽ xuất-gia?". Ông Anuruddha trả lời: "Em thì hay đau ốm, khó bề lìa bỏ gia-đình. Vậy thì anh hãy xuất-gia đi".

Ông Mahānāma liền giải cho ông Anuruddha nghe như vậy: "Này Anuruddha, người ở trong gia-đình thật lắm công nhiều việc, không khác nào chàng nông-phu phải cày sâu cuốc bẫm, gieo giống, đào mương cho

nước vào ruộng, nhổ cỏ, cấy mạ, gặt hái, rồi cột lúa lại từng bó, rồi phải đập cho rớt hạt ra, phải hốt rơm, phải đổ trấu, phải sàng lúa rồi đem đổ vô bồ. Năm sau cũng lại làm như thế, và luôn-luôn mỗi năm đều phải làm việc ấy cả. Tuy vậy, công chuyện vẫn không rỗi, mà cứ còn mãi-mãi, không sao kể xiết. Nay Anuruddha, vậy em nên nghĩ lại các điều phiền-phức trong gia-đình".

Ông hoàng Anuruddha nghe xong liền đi kiếm bà mẫu-hậu, để xin phép xuất-gia tu hành.

Lịnh mẫu-hoàng dạy rằng: "Này con ôi! Con là con yêu quý của mẹ, biết ăn ở hiền-lành, có nhiều đức tốt. Mẹ biết rằng một ngày kia, thế nào sự chết cũng làm cho mẹ con mình phải chia lìa. Nhưng hiện nay, mẹ không nỡ để cho con xuất-gia trong lúc đầu xanh tuổi trẻ!"

Ông Anuruddha xin phép mẹ lần thứ nhì nữa, cũng vô-hiệu-quả.

Đến lượt thứ ba, lệnh mẫu-hậu liền sực nhớ đến đức vua Bhaddiya đang trị-vì trong xứ. Vua này cũng thuộc dòng Thích-Ca và có tình bầu-bạn thân-thiết với hoàng tử Anuruddha. Bà nghĩ rằng ở địa-vị sang cả như vậy, đức vua Bhaddiya không khi nào chịu xuất-gia bao giờ. Bà liền nói với con như vậy: "Này Anuruddha con, nếu đức vua Bhaddiya chịu xuất-gia, thì mẹ sẽ cho phép con cùng đi với".

Ông hoàng Anuruddha tìm đến đức vua mà tâu rằng: "Tâu đại-vương, chính ngài đã làm cản trở việc xuất-gia hành đạo của tôi".

Nhà vua nghe vậy trả lời rằng: "Vậy trăm sẵn lòng giúp bạn diệt trừ sự trở-ngại ấy và sẽ đồng-ý xuất-gia theo sở-nguyện của bạn".

Đức Anuruddha nói: "Nếu được vậy thì đại-vương cùng tôi đồng xuất-gia một lượt".

- "Này bạn, thật khó bề cho trăm lìa bỏ gia-đình đặng. Ngoài việc ấy ra, trăm sẵn lòng giúp bạn trong mọi sự. Vậy bạn hãy đi tu một mình đi".

Đức Anuruddha lại tâu rằng: "Mẹ tôi có nói hễ ngài chịu xuất-gia thì bà mới cho tôi đi với. Mà đại-vương cũng vừa mới nói với tôi lời này: "Nếu trăm làm cản-trở sự xuất-gia của bạn thì trăm sẵn lòng giúp bạn diệt trừ sự trở-ngại ấy và sẽ đồng-ý xuất-gia theo sở-nguyện của bạn". Vậy xin đại-vương cùng tôi đồng xuất-gia một thể".

Hồi thời-kỳ ấy, con người rất thành-thật và biết kính-trọng lời nói của mình. Nhà vua không biết tính sao, bèn nói với ông hoàng Anuruddha rằng: "Nếu muốn vậy, thì xin bạn rón chờ trăm trong bảy năm nữa. Chừng đó, chúng mình sẽ xuất-gia một lượt". Đức Anuruddha không bằng lòng.

Vua Bhaddiya kéo ngắn thời-hạn lần hồi, từ một năm, bảy tháng, một tháng, cho đến 15 ngày, nhưng đức Anuruddha cũng cho rằng lâu quá, không thể chờ đợi.

Sau cùng, đức vua nói rằng: "Vậy bạn nhận cho trăm 7 ngày, để trăm có đủ thì-giờ lo phú-thác việc trào-chánh cho các con và em của trăm".

- "Tâu đại-vương, bảy ngày không lâu mấy, vậy tôi xin chờ đến khi đó".

Cùng một cơ-hội ấy, đức vua Bhaddiya, đức Anuruddha, đức Ananda, đức Bhagou, đức Kimbila và ông Devadatta, đều là bạn đồng-niên đã có giao-thiệp thân mến với nhau từ xưa, đồng lia bỏ gia-đình một lúc, để xuất-gia với bác thợ cạo Upali. Tất cả là 7 người.

Đi được một đôi xa, mấy vị hoàng-thân ấy ra lệnh cho kẻ bộ-hạ trở về và lúc vào một xóm gần đó, đồng cởi đồ y-phục trang-sức quý-giá, gói lại trao cho bác thợ cạo Upali, dặn bác này trở về và hứa cho các vật ấy để bác ta sinh-nhai.

Nhưng khi đi được một đôi, bác thợ cạo Upali lại nghĩ rằng: "Bọn hoàng-tộc Thích-Ca rất hung-ác. Chúng nó sẽ nghĩ rằng ta đã giết mấy vị vương-tôn ấy, thì thế nào cũng hãm-hại ta chẳng sai. —, mà mấy vị hoàng-thân đó dám bỏ nhà xuất-gia, thì ta còn đợi gì mà không làm như họ". Nghĩ vậy, bác ta liền treo gói đồ lên nhánh cây và nói rằng: "Đây là những của cải để cho những kẻ nào thấy được". Xong rồi, bác ta liền trở lại tháp-tùng với mấy vị hoàng-thân dòng Thích-Ca.

Thấy bác thợ cạo Upali lui-thủi đằng kia đi lại, mấy ông hoàng trẻ tuổi dòng Thích-Ca hỏi rằng: "Này bác Upali, tại sao bác trở lại?"

Sau khi nghe rõ tự-sự, các vị hoàng-thân rất tán-thành cử-chỉ của bác thợ cạo như vậy: "Bác trở lại với chúng tôi rất phải lẽ, vì các người dòng Thích-Ca rất hung-ác và sẽ hãm-hại bác chẳng sai".

Rồi đó, tất cả 7 vị đồng vây đoàn cùng nhau tìm đến nơi Đức Phật ngự. Khi đến nơi, họ cung-kính đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi gần bên. Ngồi xong, mấy vị hoàng-phái ấy bạch với Đức Thế Tôn như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, các người dòng Thích-Ca có tính kiêu-căng lắm. Đây là bác thợ cạo Upali, đã phụng-sự chúng tôi từ lâu. Vậy xin Đức Thế Tôn cho phép bác ấy xuất-gia trước, đừng chúng tôi có dịp chào hỏi cung-kính bác như một bậc cao-hạ. Làm vậy để giảm bớt sự kiêu-hãnh của chúng tôi về chủng-tộc".

Đức Phật liền cho phép đức Upali thọ-giới trước rồi mới tới phiên mấy ông hoàng trẻ tuổi dòng Thích-Ca.

Nhập-môn không bao lâu, và đến lúc gần mãn hạ, thì đức Bhaddiya đắc được ba cái giác, đức Anuruddha đắc huệ-nhãn, đức Ananda đắc Tu Đà Huòn và ông Devadatta thì đắc phép thân-thông-phàm mà các đạo-sĩ tu theo tôn-giáo khác cũng có thể đắc được.

Một lúc nọ, đức Bhaddiya đang ngồi dưới cội cây, la lên một cách thỏa-thích rằng: "Hạnh-phúc thay! Hạnh-phúc thay!"

Nghe vậy có nhiều vị tỳ-khưu tìm đến nơi Đức Phật ngự. Đánh lễ rồi ngồi kế bên, bạch rõ tự-sự cho Ngài biết. Mấy vị tỳ-khưu ấy lại còn bạch thêm rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hẳn thật vậy, thầy Bhaddiya không mấy gì thỏa-thích trong sự hành đạo. Cho nên thầy ta mới phát tâm đắc-chí vừa lòng khi nhớ lại thời oanh-liệt trong lúc còn làm vua".

Phật dạy một vị tỳ-khưu đi tìm đức Bhaddiya đến hỏi chuyện.

Đức Bhaddiya đến nơi, đánh lễ Đức Phật xong rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng: "Này Bhaddiya, phải có thật vậy không? Người ta nói rằng thầy vào nơi thanh-vắng, ngồi dưới cội cây trong rừng và la lên không ngớt một cách đắc-chí như vậy: "Hạnh-phúc thay! Hạnh-phúc thay!" Vậy chớ thầy nghĩ sao mà la lên như thế?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi còn là một vị vua, thì có quân-lính canh giữ nghiêm-nhặt các cung-điện từ trong đến ngoài; canh-gát từ thành-thị tới thôn-quê và luôn-luôn gìn giữ bờ cõi rất cẩn-thận. Được che-chở như vậy, mà nào đâu tôi có an-tâm. Luôn-luôn sợ-hãi, lo-lắng, thổn-thức, bồn-chồn. Bạch Đức Thế Tôn, trái lại, hiện bây giờ, dầu cho tôi vào nơi thanh-vắng, ngồi dưới cội cây, giữa rừng sâu thẳm, tôi cũng không hề sợ-hãi, lo-lắng, mà lại được an vui, tự-tại, là khác. Tôi rất vừa lòng thỏa-mãn, thân tâm an-tĩnh, nhẹ-nhàng, như giống sơn dương²¹. Vì nhớ đến sự vui thích ấy, nên tôi mới la lên không ngớt mấy câu: "Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!"

Sau khi nghe rõ tự-sự, Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

*"Kẻ nào nuôi dưỡng tâm mình bằng tư-tưởng lành,
Chẳng còn màng đến việc thế-gian.
Kẻ ấy hằng sống trong sự an vui,
Trong sự giải-thoát các điều lo-lắng, thông-khở,
Cho đến chư-thiên trông thấy phải ngợi-khen, kính-phục".*

Khi ngụ tại Anupiya được một thời-gian, Đức Phật lên đường sang xứ Kosambi. Đi một mạch tới xứ này, Ngài ngừng lại nghỉ nơi tịnh-xá Ghosita-Arama.

Lúc ấy, ông Devadatta đang tham-thiền nơi thanh-vắng, phát tâm nghĩ ngợi như vậy: "Ta có đủ tài đức. Vậy ta nên tìm coi ai có thể chủ-ý, sẵn lòng giúp cho ta được nhiều danh nhiều lợi". Ông ta liền sực nhớ lại: "Hoàng tử Adjatasattu (A Xà Thế) là một thanh-niên có nhiều tương-lai tốt đẹp. Vậy ta hãy ráng tìm cách làm vừa lòng vị đồng-cung ấy, tất-nhiên danh-lợi sẽ đến cho ta chẳng sai".

Nghĩ xong, ông Devadatta liền mặc y, mang bát, đi về thành Radjagaha (Vương Xá Thành) và được tới nơi y theo giờ nhất-định. Ông ta dùng thần-thông hóa ra một đứa trẻ, có con rắn quấn quanh mình, hiện lên ngồi trên bập vé đông-cung Adjatasattu. Hoàng-tử hết sức kinh-khủng, lo-lắng. Khi ấy, ông Devadatta lên tiếng rằng: "Này đông-cung, ngài có sợ tôi không?"

- "Phải vậy, tôi sợ ông. Mà ông là ai?"

- "Tôi là Devadatta".

- "Bạch ngài, nếu quả thật ngài là đức Devadatta, thì xin hiện lại nguyên hình đi".

Ông Devadatta liền biến lại nguyên hình, đứng trước mặt đông-cung Adjatasattu, mặc y mang bát đàng-hoàng. Đông-cung hết sức khâm-phục phép thần-thông của ông Devadatta. Từ đó, mỗi ngày, sớm mai và chiều, hoàng-tử cùng với 500 cỗ xe, đem thực-phẩm để trong 500 cái mâm, đến dâng cúng cho ông ta.

Vì say đắm trong bã lợi danh, nên ông Devadatta lại phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Đáng lẽ thì ta phải được cầm đầu coi sóc chư-tăng". Khi ý nghĩ xấu-xa ấy phát-khởi, thì các pháp thần-thông của ông ta đều biến mất.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết-pháp cho một nhóm đông thính-giả nghe và có đức vua đến dự. Ông Devadatta liền đứng dậy khóat rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay Ngài đã già yếu tuổi cao, đã lao công khó nhọc nhiều rồi và không còn sống được bao lâu nữa. Vậy xin Đức Thế Tôn bình tâm vui hưởng sự lạc-thú mà Ngài đã tìm được trên cõi này. Xin Đức Thế Tôn giao-phó chư-tăng lại cho tôi cầm đầu coi sóc".

Đức Phật trả lời rằng: "Hỡi Devadatta! Không thể được. Nhà người chớ nên hy-vọng cai-quản chư-tăng. (Devadatta cầu xin lần nữa, Đức Phật cũng trả lời như vậy). Đến lượt thứ ba, Đức Phật nói rằng: "Nhu Lai đã không trao quyền cho Sariputta (Xá Lợi Phất), hay là Moggallana (Mục Kiền Liên), cai-quản chư-tăng, thì có lý nào lại giao cho người là một kẻ nói nhảm".

Ông Devadatta nghĩ rằng: "Trước mặt nhà vua và các bộ-hạ, Phật đã chẳng nhận lời ta, mà lại còn chê ta là kẻ nói nhảm-nhí, và khen-tặng Sariputta và Moggallana". Nổi giận và bất-bình, ông ta liền đánh lễ Phật rồi lui gót.

Đây là mới lần thứ nhất, Devadatta để cho lộ vẻ bất-bình đối với Đức Thế Tôn. Khi ấy, Đức Phật gọi các chư thầy tỳ-khưu lại mà dạy rằng: "Vậy chư-tăng nên bố-cáo cho trong thành Radjagaha biết rằng hiện nay Devadatta đã thay đổi tâm-tính, không còn giống như lúc trước. Vậy thì bất cứ sự hành-động nào, hoặc lời nói nào của Devadatta làm hay nói ra, đều là do ý riêng của Devadatta, chớ chẳng phải do Phật, do Pháp, do Tăng hành-động hay nói ra".

Đức Phật kêu Đức Sariputta mà dạy rằng: "Nhà ngươi nên bố-cáo cho trong thành Radjagaha biết rằng Devadatta đã bị trục-xuất ra khỏi tăng-hội".

Đức Sariputta lại bạch với Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, khi xưa cũng tại thành Radjagaha này, tôi đã bố-cáo khen-tặng công-đức của Devadatta rằng: "Vĩ-đại thay các phép thần-thông! Vĩ-đại thay oai-đức của ngài Devadatta!" Vì vậy, nên nay tôi rất bỡ-ngỡ nếu công-bố cho trong thành Radjagaha biết sự trục-xuất ông ta".

Đức Phật hỏi đức Sariputta rằng: "Ngày xưa, ngươi khen tặng Devadatta, như vậy có đúng với sự-thật hay không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, rất đúng với sự-thật vậy".

- "Vậy thì ngày nay, ngươi cũng nên tuyên-bố đúng theo sự-thật, rằng Devadatta đã bị trục-xuất ra khỏi tăng-hội".

- "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin vâng lời".

Rồi đó, Đức Sariputta vào thành Radjagaha, có dắt theo một nhóm đông tỳ-khưu, để bố-cáo cho dân-giả biết rõ về sự trục-xuất Devadatta.

Khi ấy, những kẻ hạ-tiện, vô tín-ngưỡng, tối-tăm, khờ-dại, bàn với nhau rằng: "Các thầy sa-môn dòng Thích-Ca có tâm ganh-tị; mấy ông phân-bua, hờn-ghét về các lợi-lộc và sự niềm-nở của thí-chủ đối với Devadatta".

Trái lại, những kẻ có nhiều đức-tin, tâm trí sáng-suốt, thì nghĩ rằng: "Có lẽ vì chuyện chi đại-sự, bất-thường, đã xảy ra, nên Đức Thế Tôn mới dạy công-bố sự trục-xuất Devadatta cho trong thành Radjagaha được biết".

Lúc đó, ông Devadatta tìm đến vị đông-cung Adjatasattu mà nói rằng: "Tâu Đông-cung, thuở xưa kia, người ta được sống lâu. Còn hiện nay thì tuổi thọ của hàng nhân-loại rất ngắn ngủi. Nếu để vậy mà chờ cho đến lúc chết đi nữa, thì ngài cũng chỉ còn ở địa-vị hoàng-tử mà thôi. Chi bằng Đông-cung

nên hạ-sát vua cha để đoạt lấy ngôi cửu-ngũ. Về phần tôi, thì tôi sẽ giết Đức Thế Tôn để dành ngôi Phật".

Hoàng-tử Adjatasattu nghĩ rằng: "Đại-Đức Devadatta này có nhiều thân-thông phép lạ; ông ta biết rõ chuyện vị-lai".

Đông-cung liền lấy một báu kiếm dắt vào lưng, đường-đột xông vào cung-nội một cách hung-hăng. Rủi thay, ông ta bị các quan cận-thần nhà vua bắt gặp, lục-soát trong mình thấy gươm báu quả-tang.

Mấy vị quan ấy hỏi đông-cung rằng: "Vậy chớ ngài tính làm gì?"

- "Ta tính giết cha ta".

- "Ai xui giục ngài làm chuyện ấy?"

- "Đức Devadatta dạy ta".

Khi ấy, có vài vị quan nghĩ rằng: "Đông-cung Devadatta và cả thầy hàng tăng-chúng đều đáng tội xử-tử".

Vài vị quan khác cho rằng: "Các thầy sa-môn có làm điều chi nên tội; chỉ có hoàng-tử Adjatasattu và Devadatta mới đáng hành-hình". Sau rốt, có mấy ông quan khác lại nói rằng: "Không nên xử-tử ai cả, mà cần phải tâu lại cho nhà vua rõ coi ngài định-đoạt ra sao".

Nghĩ vậy, các quan thị-vệ liền dẫn đông-cung đến trước mặt vua cha là Bimbisara (Bình Sa Vương, hay Tần Bà Xa) mà tâu cho ngài rõ tự-sự.

Vua cha hỏi rằng: "Vậy chớ các khanh tính xử cách nào?"

Sau khi nghe rõ ý-tưởng của ba nhóm quan thị-vệ (như đã nói trên), nhà vua phán rằng: "Này chư-khanh, đức Phật, đức Pháp, đức Tăng, không có liên-quan chi tới chuyện này cả. Vì Đức Thế Tôn đã cho công-bố trong thành Radhagaha rằng: "Hiện nay, Devadatta đã thay đổi tâm-tính, không còn giống như khi trước nữa. Bất-cứ sự hành-vi nào, hoặc lời nói nào của Devadatta, đều là do ý riêng của Devadatta, chớ chẳng phải do Phật, do Pháp, do Tăng hành-động hay nói ra".

Kế đó, nhà vua xử:

- Lột chức những ông quan nào muốn xử-tử đông-cung Devadatta và chư-tăng.

- Giáng-cấp các vị quan nào tính hành-hình đông-cung và Devadatta.

- Còn mấy vị nào tính không làm tội ai cả, mà có sáng-kiến đem chuyện ấy tâu lại cho ngài rõ, thì đều được thăng chức và ban thưởng.

Xong rồi, đức vua mới hỏi hoàng-tử Adjatasattu như vậy: "Này Đông-cung, tại sao con muốn giết cha?"

- "Tâu phụ-hoàng, vì con muốn thống-trị giang-san".
- "Nếu con muốn làm vua, thì đây này, cha trao ngôi lại cho con".

Liền khi ấy, vua Bimbisara nhường ngôi lại cho thái-tử Adjatasattu.

Ông Devadatta tìm đến vị tân-quân Adjatasattu mà tâu rằng: "Xin đại-vương cho quân-gia giúp tôi để giết thầy Gotama".

Vua Adjatasattu liền ra lệnh cho quân-lính như vậy: "Các người phải vâng-lệnh Đức Devadatta khi ngài sai-khiến điều chi".

Ông Devadatta kêu một tên quân mà dặn rằng: "Thầy Gotama ở chỗ kia. Người hãy đi hạ sát ông ta rồi trở về theo lối này".

Trên đường về của tên quân đi thích-khách Đức Phật, ông Devadatta có cho hai tên quân khác ở đó và dạy như vậy: "Hai người phải hạ-thủ kẻ nào đi ngang qua đây, rồi trở về theo lối kia". Trên nẻo đường về của hai tên này, ông ta lại cho bốn tên quân khác chực sẵn để giết hai tên kia. (Devadatta đặt quân-lính nhiều ngã và dặn dò như vậy cả, cho đến nhóm sau rốt gồm cả 16 tên quân²²).

Người lính thứ nhất liền nai-nịt khí-giới hẩn-hòi, tìm đến nơi Đức Phật ngự. Nhưng khi đến trước Ngài, anh ta vội dừng chân lại, lộ vẻ sợ-hãi, lo-âu.

Đức Thế Tôn thấy vậy nói rằng: "Người chớ sợ, hãy bước lại gần đây".

Tên lính vội-vã liệng guom, quăng ná đến quì trước Đức Phật mà bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, vì si-mê, điên-cuồng, khờ-dại, nên tôi đã gây ra tội-lỗi, cố-ý đến đây để thích-khách Ngài. Xin Đức Thế Tôn tha-thứ các tội-lỗi ấy cho tôi, đừng tôi tránh những điều quấy về sau".

Đức Phật dạy rằng: "Thật vậy, nhà người đã gây nên tội-lỗi. Nhưng người biết nhận lỗi và ăn-năn, sám-hối, vậy Như Lai xá tội-lỗi ấy cho người. Vì một khi kẻ nào biết nhìn-nhận tội-lỗi mình và biết ăn-năn tự hối, kẻ ấy đã có phần tấn-hóa trong giáo pháp của Như Lai vậy".

Rồi Đức Phật thuyết-pháp cho tên quân ấy nghe theo thứ tự. Ngài bắt đầu giải về các pháp: bố-thí, trì-giới, quả vui nơi cõi trời, sự tai-hại xấu-xa của tình-dục và các điều lợi-ích về sự dứt bỏ. Khi Đức Phật xét thấy người ấy thông-hiểu và có nhiều đức-tin chân-chánh rồi, thì Ngài khởi sự thuyết về những pháp đặc sắc nhất của chư Phật là: Sự khổ, nguyên-nhân của sự khổ, tư-cách diệt khổ và con đường để đi đến nơi dứt khổ (Tứ Diệu Đế).

Cũng như một thừa vải không lem lấm, ăn màu một cách mau chóng, đao quả mở sáng ra cho người ấy thấy rõ chân-lý và biết rằng, hễ có sanh thì tất-nhiên phải có diệt. Nhờ vậy, người ấy được biết rõ chân-lý, được làm chủ

chân-lý, được thắm-nhuần chân-lý, say đắm trong chân-lý, diệt sự hòai-nghi, tin chắc Phật-pháp là cao-thượng hơn cả (đắc quả Tu Đà Huòn).

Người ấy bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hay quá, đúng quá! Không khác nào người ta đỡ đứng dậy một vật đã bị ngã, hoặc-giả người ta tìm được vật gì bị giấu kỹ, như kẻ mù đi lạc bước được đưa về nẻo tốt, như chỗ tối-tăm được hưởng ánh-sáng của ngọn đèn, làm cho người có mắt có thể xem rõ mọi vật. Cũng như thế ấy, tôi đã được Đức Thế Tôn truyền pháp với nhiều cách-thức khác nhau. Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép tôi qui-y và nương nhờ nơi Ngài cho đến trọn đời".

Đức Phật dạy người ấy rằng: "Vậy nhà ngươi chớ nên đi theo đường này, mà hãy trở về theo nẻo kia²³".

Lúc ấy, hai tên lính đứng gác ngõ về của người trước không thấy dạng ai cả, liền cùng nhau đi tìm, kẻ gặp Đức Phật đang ngồi dưới cội cây. Họ đến trước Đức Phật đánh lễ rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn thuyết-pháp cho họ nghe như khi nãy. Sau khi qui-y thọ giới rồi, Phật liền chỉ đường khác cho họ trở về. Lần-lần tới phiên mấy tốp sau: bốn người, tám người và 16 người, Đức Phật cũng đều dạy như vậy cả.

Khi đó, người thứ nhất trở về bạch với ông Devadatta rằng: "Tôi không thể hạ-sát Đức Phật đặng, vì Đức Thế Tôn có rất nhiều hạnh-kiêm và các pháp nhiệm-mầu".

Ông Devadatta nói: "Vậy thì ta không cần đến ngươi đâu. Để tự tay ta sẽ giết Đức Phật cho mà coi".

Lúc ấy, Đức Phật đang đi kinh-hành dưới bóng triền núi Kỳ Xà Quật (núi kên kên). Ông Devadatta leo lên chót núi, xô một tảng đá to lăn xuống, cốt-ý làm hại Đức Thế Tôn. Tức thì, hai chót núi tự-nhiên khép lại với nhau, ngăn không cho hòn đá rơi xuống. Chỉ có một mảnh đá nhỏ văng ra trúng nhằm chân Đức Phật chảy máu.

Đức Thế Tôn ngược mắt lên nói với Devadatta như vậy: "Đây là lần thứ nhất, nhà ngươi đã gây lên tội ác và sẽ bị trả quả gần đây. Vì ngươi đã cố-ý làm chảy máu và hãm-hại Đức Phật".

Chư tăng, khi hay tin Devadatta chú-tâm hại Đức Thế Tôn, thì thấy-thấy đều lo-ngại: Ông thì tung vái ra tiếng, ông thì khẩn-nguyện làm-thâm, mong cầu sự che-chở cho Đức Phật. Nghe vậy, Đức Phật hỏi tôn-giả Ananda. Đức Ananda bạch cho Đức Phật rõ mọi việc. Ngài liền dạy Đức Ananda đòi chư-tăng đến hầu chuyện.

Tăng-chúng đến nơi, đánh lễ Đức Phật xong rồi ngồi kế bên. Đức Thế Tôn nói rằng: "Này các thầy tỳ-khuru, không thể nào và không ai có tài nào làm cho một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác phải chết vì một tai-nạn góm ghê được. Này các thầy tỳ-khuru, vậy các ngươi nên trở về, ai vào tịnh-thất này. Các đấng Như Lai không cần đến sự che chở của ai cả".

Hồi thời-kỳ ấy, tại thành Radjagaha, có một con voi tên là Nalagiri, rất hung-hăng và có tánh thù ghét loài người. Ông Devadatta tìm đến chuồng voi mà nói với mấy tên nài rằng: "Ta đây rất thân-thích với đức vua và có cách làm cho các ngươi được thăng chức và ban thưởng trọng-hậu. Vậy các ngươi nên nghe lời ta, khi nào thấy thầy Gotama đi ngang qua đây thì mau thả con voi ấy ra và rượt nó chạy ra đường lớn". Mấy tên nài vâng lời.

Sáng sớm ra, Đức Thế Tôn mặc y mang bát, dắt nhiều tăng-chúng theo sau, lên đường vào thành Radjagaha để trì-bình khát-thực. Thấy dạng Ngài, mấy tên nài liền mở cửa chuồng, đuổi voi Nalagiri chạy ra. Voi thấy Đức Phật đằng trước, liền hung-hăng xông tới phóng vòi lên cao, ngóc đuôi, vẩy tai, ra dáng dữ-tợn.

Thấy voi Nalagiri từ xa lướt tới, chư-tăng bạch với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, voi Nalagiri rất hung-ác và có tánh thù-nghịch loài người, đã đến kia. Vậy xin Đức Thế Tôn trở bước" (nói hai lần như vậy).

Đức Phật dạy rằng: "Này các tỳ-khuru, các ngươi chẳng nên sợ-hãi. Không thể nào và không có ai tài nào làm cho một đấng Chánh-Đẳng Chánh-Giác phải chết vì một tai-nạn ghê-gớm được. Tất cả các Đấng Như Lai chỉ tịch diệt khi thời giờ đã đến bằng một cái chết tự-nhiên" (chư-tăng cầu-khẩn Đức Phật lần thứ nhì và lần thứ ba, Đức Phật cũng trả lời như vậy).

Lúc ấy, dân-chúng trong thành đều leo lên các tầng lầu cao, trên các hành-lang hoặc trên nóc nhà để coi. Bọn hèn-hạ, kém đức-tin, ngu-muội, tối-tăm, xâm-xì với nhau rằng: "Chà! Thầy sa-môn đẹp thật, nhưng sẽ bị con voi làm hại". Nhóm người có đức-tin, hiểu biết chân-lý, thì cho rằng: "Đây là một cuộc tranh-đấu giữa voi loài thú và voi chúa-tể loài người".

Đức Phật liền rải lòng từ-bi đến voi Nalagiri. Được gọi nhuần mồi từ-bi mát-mẻ, voi liền hạ vòi xuống, đến gần Đức Phật, dùng chân trước mặt Ngài.

Đức Thế Tôn lấy bàn tay mặt vuốt-ve trên trán voi và ngâm kệ như vầy:

"Này voi ôi! Ngươi chẳng nên đặng đến voi chúa-tể loài người.

Vì đó là một sự công-hãm muôn phần tai-hại.

Này voi ôi! sau khi thác, kẻ nào làm hại voi chúa-tể loài người,

Không mong gì được sự an vui.

Ngươi chẳng nên hung-dữ, hững-hờ,

*Vì kẻ hững-hờ không sao được đến chốn an vui.
Người nên ăn ở cách nào để đạt sự an vui".*

Voi Nalagiri liền lấy vòi lau chân Đức Thế Tôn, rồi đem bụi dính ở chân Ngài mà vãi tủa lên đầu nó; xong việc, nó lui lại, bái chào Đức Thế Tôn với cặp mắt chăm-chỉ nhìn Ngài.

Trở về chuồng, bắt đầu từ đó, voi Nalagiri trở nên hiền-hậu. Dân chúng thấy vậy, hát lên mấy câu như vậy:

*"Người đời có thể dạy nó bằng gậy, bằng đót, bằng roi.
Những bậc đại-hiền điều-khiên voi ấy,
Chẳng cần đến gậy hay võ-khí chi-chi".*

Lúc ấy, dân-chúng rất hờn-oán, xôn-xao, bất-mãn, nói với nhau rằng: "Khôn-nạn thay, hung-ác thay, cái lão Devadatta lại đi tìm cách hãm-hại một đấng đại-trí đại-lực như Ngài Gotama!". Bắt đầu từ đó, lễ lộc về phần Devadatta mỗi ngày một suy-giảm; trái lại, lễ lộc đến cho Đức Phật mỗi ngày càng thêm đầy đủ.

Khi các lễ vật và danh-vọng bị sa-sút, Devadatta và một số tỳ-khưu phải đến các nhà thường-dân để khất-thực, dân-chúng rất hờn-oán, xôn-xao, bất-mãn và nói rằng: "Thế nào? Thầy đạo-sĩ dòng Thích-Ca mà có thể sống được với vật thực của thường-dân bô-thí à? Mấy thuở có ai lại chẳng thích cao-lương mỹ-vị? Ai đâu lại chẳng ưa những vật tốt lành²⁴?"

Nghe lời đồn ấy, chư-tăng bạch cho Đức Phật rõ. Ngài dạy rằng: "Này các thầy tỳ-khưu, vậy Như Lai cấm-nhật không cho hơn ba vị được thọ lãnh chung vật thực nơi một nhà dân-giả, vì có ba lẽ: phòng-ngừa kẻ ác tâm, không làm bận-lòng thí-chủ, tránh sự lợi-dụng chia rẽ tăng-già do kẻ xấu gây nên và vì lòng từ-bi đối với thiện-nam tín-nữ. Như thế, thầy tỳ-khưu dùng vật thực do một nhóm tỳ-khưu hơn 3 vị thọ lãnh (trong một nhà thí chủ) sẽ bị hành-phạt theo luật của tăng-hội".

Lúc đó, ông Devadatta đi tìm thầy tỳ-khưu Kokalika và hai vị tỳ-khưu Kotamoraka, Tissaka với con của Khandadevi là Samuddadatta mà nói rằng: "Các ngài hãy lại đây, chúng ta sẽ tìm cách chia rẽ tăng-chúng và tín-đồ của thầy Gotama".

Nghe vậy, thầy Kokalika nói với Devadatta như vậy: "Thầy Gotama có oai-lực đồng-mãnh lắm. Chúng ta làm thế nào được?"

Devadatta trả lời rằng: "Chúng ta hãy tìm đến thầy Gotama để trình-bày với ông ta 5 điều yêu-cầu như sau đây: "Bạch Đức Thế Tôn, Đức Như Lai thường dùng nhiều phương-pháp để chỉ rõ sự ích-lợi cho những kẻ nào có ít

lòng tham muốn, có đức tri-túc, dễ-dãi trong sự thọ lãnh thực-phẩm hay vật-dụng, đã diệt trừ các điều xấu nơi tâm, đã lánh xa tình-dục, có đầy đủ sự cung-kính, nhẫn-nại và đức-tin. Bạch đức Thế Tôn, năm điều học sau đây sẽ đem lại nhiều sự kết-quả tốt đẹp":

1. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên ở nơi rừng vắng cho đến trọn đời. Vị nào vào gần xóm sẽ phạm giới-cấm;
2. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên đi khát-thực cho đến trọn đời. Vị nào nhận thọ-thực trong một nơi nào sẽ phạm giới-cấm;
3. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu phải mặc y phục bằng vải rách lượm được và chăm-khíu lại cho đến trọn đời. Vị nào nhận lãnh y may sẵn do thiện-tín dâng cúng sẽ phạm giới-cấm;
4. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu nên ngụ dưới cội cây cho đến trọn đời. Vị nào ở nơi tịnh-thất sẽ phạm giới-cấm;
5. Tốt hơn là các thầy tỳ-khưu chẳng nên dùng cá cho đến trọn đời. Vị nào dùng cá sẽ phạm giới-cấm.

"Nếu thầy Gotama không nhận những điều ấy, thì chúng ta sẽ lấy cơ đó mà lập tăng-hội riêng".

Thầy Kokalika rất đồng-ý và nói rằng: "Phải rồi, chúng ta sẽ có thể làm chia rẽ tăng-chúng và tín-đồ của thầy Gotama bằng cách ấy; vì đại đa-số hay chú-ý đến các pháp tu khổ-hạnh".

Tính xong, Devadatta liền dắt những bạn thân của ông ta đi tìm Đức Phật mà bạch rõ năm điều học cải-cách như đã nói trên.

Đức Thế Tôn trả lời rằng: "Này Devadatta, không thể được:

1. Tùy thích, vị nào muốn ngụ nơi rừng vắng hay gần xóm, cũng được.
2. Tùy thích, vị nào muốn đi khát-thực hay muốn thọ trai-tặng, cũng được.
3. Tùy thích, vị nào muốn mặc y bằng vải rách lượm được và chăm-khíu lại, hay thọ lãnh y may sẵn do thí-chủ dâng, cũng được.
4. Còn sự ngụ dưới cội cây, Như Lai đã cho phép các thầy tỳ-khưu được tùy-tiện trong tám tháng mỗi năm.
5. Sự dùng cá, khỏi phạm giới khi nào có đủ ba điều kiện sau đây: kẻ dùng không thấy bắt cá, không nghe hoặc không biết rằng người ta bắt cá cốt ý làm vật thực dâng cho mình".

Ông Devadatta rất thoả-mãn khi nghe Đức Phật không chịu nhận lời yêu-cầu của mình. Ông ta liền đứng dậy, đi vòng quanh Đức Thế Tôn, đánh lễ rồi lui gót, dắt các bạn đồng ra về.

Devadatta vào thành Radjagaha công-bố cho nhóm dân biết như vậy: "Chúng tôi đã có trung bày những điều học như thế kia, song thầy Gotama chẳng chịu nhận lời. Vậy về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ hành theo mấy điều học ấy".

Lúc đó, những kẻ kém đức-tin, ngu-muội, tối-tăm, xâm-xì với nhau rằng: "Do mấy vị sa-môn, dòng Thích-Ca kia đã diệt trừ ái-dục và biết trau-giồi tâm-tính cho trở nên trong sạch, tốt lành. Còn về phần thầy Gotama, thì ông ta bằng lòng sống trong sự đầy đủ, sung-sướng".

Nhóm người có đức-tin, hiểu biết chân-chánh, rất căm-hờn, bất-mãn, thì cho rằng: "Vi sao Devadatta lại tìm cách làm chia rẽ tăng-chúng và các tín-đồ của Đức Thế Tôn?"

Nghe vậy, chư tăng đến bạch cho Đức Phật rõ tự-sự.

Đức Thế Tôn thuyết rằng: "Kẻ nào làm chia rẽ Tăng trong lúc chư-tăng đang ăn ở hòa-nhã cùng nhau, thì phải chịu tội-lỗi trong một kiếp trái đất và phải chịu sự hành-phạt nơi cảnh địa-ngục nước sôi trong một kiếp nữa".

"Còn kẻ nào đem lại sự hòa-nhã cho chư-tăng lúc tăng-chúng đang bị chia rẽ, kẻ ấy sẽ được hưởng quả vui nơi cõi trời trong một kiếp".

Lúc ấy, tôn-giả Ananda, trong buổi sáng sớm, mặc y, mang bát, vào thành Radjagaha khát-thực. Ông Devadatta thấy đức Ananda liền men đến gần mà nói rằng: "Này đạo-hữu Ananda, bắt đầu từ hôm nay, tôi định làm lễ phát-lộ²⁵ và thực-hành giới bốn ngoài khuôn-khổ và qui-tắc của Đức Phật và tăng-hội".

Sau khi vào thành Radjagaha khát-thực và trở về độ xong rồi, đức Ananda tìm đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ rồi ngồi kế bên mà bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay Devadatta định làm chia rẽ tăng-hội".

Đức Phật nghe qua thốt rằng: "Người có tâm lành làm điều tốt một cách dễ-dàng. Trái lại, kẻ dữ rất khó bề làm nên việc tốt. Người có tâm ác làm điều xấu rất dễ-dàng. Trái lại, một đấng Như Lai khó bề làm nên việc xấu".

Hôm ấy, nhằm ngày lễ phát-lộ, Devadatta đứng lên giữa tăng-chúng, cầm một xấp lá thắm mà tuyên-bố rằng: "Bạch các ngài, chúng tôi có tìm đến thầy Gotama và đã trình với ông ta năm điều học (như đã nói trên). Nhưng thầy Gotama không khứng nhận lời. Vậy chúng ta nên hành-động theo cách-

thức riêng của chúng ta. Vậy những vị nào tán-thành năm điều học nói trên, xin hãy rút một lá thăm".

Lúc bây giờ, có 500 thầy tỳ-khuru thuộc về sắc dân Vajjis ở tại thành Vesali, mới thọ giáo, không rõ Devadatta đang cầm vật gì trong tay. Những vị tỳ-khuru ấy đều nhận lãnh thăm của Devadatta (vì tưởng rằng năm điều học ấy đúng theo pháp, theo luật và lời giáo-huấn của Đức Phật). Nhờ dùng mảnh-khoé ấy mà Devadatta làm chia rẽ được tăng-hội, và dắt 500 thầy tỳ-khuru kia lên ngự trên đỉnh núi Gaya.

Hai vị đại-đức Sariputta và Moggallana liền tìm đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ xong rồi ngồi kế bên. Đức Sariputta bạch với Đức Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, Devadatta đã dắt 500 thầy tỳ-khuru lên núi Gaya rồi".

- "Này Sariputta và Moggallana, hai người nên mở lòng từ-bi đối với những vị tỳ-khuru ấy. Vậy các người nên mau tìm họ, chớ khá trễ nãi".

- "Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi xin vâng".

Nói xong, hai ngài liền đứng dậy, đánh lễ, đi vòng quanh Đức Phật rồi lui gót lên đường về núi Gaya.

Lúc ấy, có một vị tỳ-khuru đứng gần bên Đức Phật phát lên khóc.

Phật hỏi: "Vì sao nhà người khóc?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, cho đến hai trò giỏi nhất của Phật, là Sariputta và Moggallana, cũng còn theo Devadatta và công-nhận giáo-lý của Devadatta".

- "Hỡi thầy tỳ-khuru, không phải Sariputta và Moggallana công-nhận giáo-lý của Devadatta đâu; hai vị ấy đi kêu 500 thầy tỳ-khuru kia trở về".

Trong khi đó, Devadatta đang ngồi giữa một nhóm đông tăng-chúng mà thuyết-pháp, thoạt thấy hai ngài Sariputta và Moggallana đến nơi, ông ta nói với chư-tăng rằng: "Này các thầy tỳ-khuru, quả thật vậy, giáo pháp của ta rất đúng chân-lý, nên chỉ hai trò giỏi nhất của thầy Gotama cũng đến nghe ta thuyết".

Nghe Devadatta nói vậy, thầy Kokalika đáp rằng: "Bạch ngài, ngài chớ nên vội tin Sariputta và Moggallana, vì hai người ấy thuộc hạng xấu-xa có nhiều ác ý".

Devadatta nói rằng: "Đạo-hữu ôi, tuy vậy, chúng ta cũng phải niềm-nở với họ, bởi họ đã công-nhận giáo-lý của ta".

Rồi đó, ông ta mời Đức Sariputta ngồi chung với mình và nói như vậy: "Xin đạo-hữu Sariputta hãy ngồi xuống đây".

Đức Sariputta chẳng nhận lời mời ấy. Ngài kiếm một chỗ gần đó mà ngồi. Devadatta dùng hết tài-lực mình để thuyết-pháp, dạy bảo, làm cho các thầy tỳ-khuru rất vừa lòng. Thuyết tới một giờ khuya, ông ta liền yêu-cầu Đức Sariputta như vậy: "Này đạo-hữu Sariputta, chư-tăng còn đang hăng-hái chăm-chú nghe pháp và chưa buồn ngủ. Vậy xin đạo-hữu hoan-hỉ giảng thêm cho các vị ấy nghe. Tôi đã mỏi-mệt và muốn đi nằm nghỉ một chút".

Đức Sariputta khứng chịu. Devadatta liền trải y xuống, nằm nghiêng mình bên tay mặt. Vì mỏi-mệt quá đỗi, nên ông ta nằm ngủ mê-man, chẳng hay biết chi cả.

Lúc ấy, Đức Sariputta thuyết về các quả-báo cao-siêu của sự hoằng-pháp cho tăng-chúng nghe. Còn Đức Moggallana thì giải về quả-báo của các pháp thân-thông. Trong khi nghe pháp, những thầy tỳ-khuru được huệ nhãn mở sáng, làm cho thấy rõ chân-lý và hiểu rằng: "Mỗi vật nào, hễ có sanh thì tất-nhiên phải có diệt".

Đức Sariputta nói với các thầy tỳ-khuru rằng: "Hỡi các ngài! Chúng ta nên đi tìm Đức Thế Tôn. Vị nào công-nhận giáo pháp của Đức Phật, xin hãy theo tôi".

Rồi đó, hai ngài liền dắt 500 vị tỳ-khuru kia trở về Vehuvana.

Thầy Kokalika đánh thức Devadatta dậy mà nói rằng: "Này đạo-hữu Devadatta, ông mau chỗi dậy. Mấy vị tỳ-khuru của ông đã theo Sariputta và Moggallana đi hết rồi. Tôi đã nói với ông rằng chẳng nên quá tin nơi hai người ấy, vì chúng nó thuộc về hạng xấu-xa có nhiều ác ý".

Trong khi đó, một giọt máu đào nóng hổi, tụt cửa miệng Devadatta tuôn ra.

Hai vị Đại-Đức Sariputta và Moggallana trở về đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi kê bên. Đức Sariputta bạch như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho biết coi có nên làm lễ xuất-gia lại cho những vị tỳ-khuru bị chia rẽ kia chăng?"

- "Này Sariputta, không cần chi phải làm lễ xuất-gia lại cho các tỳ-khuru bị chia rẽ ấy đâu, và nên cho những vị ấy sám-hối tội-lỗi đã phạm là đủ. Này Sariputta, vậy chớ Devadatta tiếp rước nhà nguoi cách nào?"

(Đức Sariputta thuật rõ mọi việc cho Đức Phật nghe).

Đức Thế Tôn liền thuyết cho tăng-chúng nghe như vậy:

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Thuở nọ, có một cái ao lớn trong rừng. Gần ao ấy, có nhiều thớt voi rừng trú-ngụ. Mỗi khi những voi đó lội xuống ao, thì chúng nó lấy vòi nhỏ mấy cọng sen để làm vật thực. Chúng nó đập rửa cọng sen

cho thật sạch rồi mới ăn. Nhờ vậy mà những thớt voi ấy được mạnh khỏe, tốt tươi, tránh khỏi sự chết và điều khổ-não về cái chết".

"Mà trong đám voi ấy, cũng có nhiều voi con thấy vậy bắt chước làm theo. Chúng nó cũng lội xuống ao, cũng lấy vòi nhỏ những cọng sen để làm vật thực. Nhưng vì không chịu rửa cọng sen cho thật sạch, để vậy ăn luôn cả bùn và các vật dơ bẩn dính theo sen, nên chi đoàn voi con kia không được tốt tươi, khỏe mạnh. Chúng nó hằng phải vong-mạng và bị khổ-não về sự chết (do cách ăn chẳng được sạch sẽ ấy)".

"Này các thầy tỳ-khưu, cũng như thế đó, Devadatta sẽ bị chết một cách khổ-não vì muốn bắt chước làm theo Như Lai".

"Không khác nào thớt voi con, vì muốn bắt chước làm theo voi lớn, nên phải ăn bùn, ăn đất, dẫm đạp sinh lây, ăn những cọng sen và thức suốt đêm dưới nước".

"Kẻ nào muốn bắt chước mà không làm đúng theo Như Lai phải bị chết một cách khổ-não".

"Này các thầy tỳ-khưu, thầy tỳ-khưu nào có đủ tám đức-tính mới đáng là bậc hoằng-pháp. Mà tám đức-tính ấy là như thế nào? Là thầy tỳ-khưu:

1. phải biết cách nghe (pháp),
2. phải biết cách làm cho kẻ khác nghe theo,
3. phải biết học hỏi,
4. phải biết ghi nhớ,
5. phải biết thông-hiểu,
6. phải biết cách giải rõ cho kẻ khác cùng hiểu,
7. rất giỏi-giảng, bất-thiệt trong việc giao-tế với bằng-hữu, với kẻ nghịch,
8. chẳng làm cho phát-sinh những sự xung-đột, cãi-lấy cùng nhau.

"Này các thầy tỳ-khưu, đó là tám đức-tính mà thầy tỳ-khưu phải có, mới xứng-đáng làm tròn nhiệm-vụ của một bậc hoằng-pháp".

"Này các thầy tỳ-khưu, chính Sariputta là người có đủ tám chi ấy và rất xứng-đáng để làm tròn nhiệm-vụ của một bậc hoằng-pháp. Mà tám chi ấy là như thế nào? (Đức Phật nói lại tám điều như đã kể trên) và ngâm kệ rằng:

*Kẻ nào vào chỗ đông người đang xông-xao cãi-lấy,
Mà chẳng dục-dự, sợ-hãi trong khi nói, biết bày-tỏ ý-kiến mình,
Tin chắc lời mình thốt ra, và không hờn giận đối với những lời bất-nhã.
Kẻ ấy thật xứng-đáng ruổi-dung trên đường hoằng-pháp.*

"Này các thầy tỳ-khuru, Devadatta, vì bị tám ác pháp làm chủ thân tâm và hằng say đắm theo chúng nó, nên thế nào cũng phải chịu đau đớn thống-khổ trong một kiếp của trái đất".

"Mà tám ác pháp ấy là như thế nào? Tâm-trí của Devadatta hằng:

1. Say đắm trong lợi-lộc và bị lợi-lộc làm chủ,
2. Khao-khát lợi-lộc,
3. Say đắm danh-dự,
4. Khao-khát danh-dự,
5. Say đắm sự sang-trọng,
6. Khao-khát sự sang-trọng,
7. Tham muốn một cách tội-lỗi xấu-xa,
8. Rẻ-rúng tình bạn-lữ.

"Này các thầy tỳ-khuru, đó là tám ác pháp đã làm chủ thân tâm, đã làm cho Devadatta say đắm, nên phải chịu đau đớn, thống-khổ trong một kiếp của trái đất".

"Vậy các thầy tỳ-khuru nên biết mình nên tự-chủ lấy mình mỗi khi:

- có sự lợi-lộc hay thiệt-thòi phát-sinh,
- có danh-dự hay sự suy-sụp xảy đến,
- có sự cao-sang hay thấp-hèn phát-khởi,
- có ý nghĩ tham muốn tội-lỗi phát-sinh,
- có tư-tưởng xấu-xa đối với bằng-hữu.

"Mà tại sao phải làm như vậy? Này các thầy tỳ-khuru, vì các điều cám-dỗ ấy chỉ đem lại sự bồn-chồn, lo-lắng, cho kẻ nào thiếu nghị-lực để kèm-chế lấy mình, mỗi khi chúng nó phát-sinh đến cho kẻ đó. Trái lại, người nào biết tự-chủ, thì những sự cám-dỗ ấy không sao phát-sinh lên được. Vì đó, các thầy tỳ-khuru phải ráng giữ mình (Đức Phật lập lại những điều nói trên)".

"Này các thầy tỳ-khuru, các người nên biết mình đối với tám điều cám-dỗ ấy. Làm như thế, các người sẽ mau tấn-hóa".

Có ba điều cám-dỗ làm cho Devadatta phải quên mình, say đắm, nên phải chịu đau đớn, thống-khổ, trong một kiếp của trái đất. Mà ba điều ấy như thế nào?

1. Là những bạn xấu mà Devadatta hằng thân-cận;
2. Là sự ham muốn tội-lỗi, xấu-xa;
3. Là thiếu sự tinh-tấn trên đường chân-lý (khi Devadatta thấy mình được chút ít danh-vọng rồi tự cho là đủ).

"Đó là ba điều cám-dỗ".

Phật ngâm kệ như vậy:

"*Thật ra, các người chẳng nên để cho bất cứ sự ham muốn nào thâm-nhập vào tâm,*

"*Các người dòm lại coi quả-báo như thế nào?*

"*Kẻ mà ai cũng cho là người trí-thức học hỏi cao-thâm,*

"*Có danh thơm tiếng tốt như Devadatta,*

"*Mà vì tánh cống-cao ngã-mạn, mong hãm-hại Đức Như Lai,*

"*Nên phải sa-đọa vào cảnh a-tỳ địa-ngục, chịu hành-hình thảm-khốc.*

"*Vì các tật xấu-xa, con người hung-ác chẳng chút từ-tâm,*

"*Dám phi-báng bậc Trọn-Lành Tối-Thượng,*

"*Không khác nào kẻ đổ một chậu thuốc độc, mong làm bản biển đông,*

"*Mà chẳng làm sao được, vì biển cả thật muôn phần to lớn.*

"*Cũng như kẻ nào mong phi-báng để làm nhục Đức Như Lai,*

"*Thì càng vô hiệu-quả, đối với đấng Trọn-Lành thân tâm mát-mẻ.*

"*Vậy các bậc sa-môn có giới hạnh nên tìm lấy bạn lành để nương nhờ.*

"*Lời dạy dỗ của bạn lành sẽ đem đến nơi dứt khổ".*

-- VINAYA, CULLAVAGA VII

---o0o---

Những việc đã xảy ra trong khi đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, thì quả đất rung-động một cách dữ-dội, hãi-hùng; tiếng gấm, tiếng sét nổi vang trong khắp cõi trời (Tam-giới).

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, vị Phạm Thiên Sahampati ngâm kệ như vậy:

"*Tất cả chúng-sinh có sự sống,*

"*Đều phải bỏ lại xác thân phức-tạp,*

"*Là cái khối do vật-chất tinh-thần phối-hợp,*

"*Để tạo nên cá-thể giả-tạm này,*

"*Tại chốn thiên-đàng cũng như trong cảnh nhân-gian.*

"*Cho đến đức-thầy là bậc tối-thượng hơn cả loài người,*

"*Là đấng kế-nghiệp cho các đại-hiền thuở trước,*

"*Là bậc học hỏi uyên-thâm, có trí-tuệ hoàn-toàn cao-cả,*

"*Cũng đã tịch-diệt rồi ...".*

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, vị trời Sakha²⁶, chúa-tể chư thiên ngâm kệ rằng:

"Danh và sắc của mỗi chúng-sinh thật không bền vững.
"Cách sanh hay diệt đều là lẽ tự-nhiên.
"Luôn-luôn cái diệt hằng nối gót cái sanh.
"Chỉ không còn sanh tử mới thật là an vui tuyệt-đối".

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, Đại-Đức Anuruddha²⁷ ngâm kệ rằng:

"Khi bậc thoát-ly trần-tục,
"Đã tịch-tĩnh vào Niết-Bàn an vui tuyệt-đối,
"Khi đáng đại-hiền đến buổi lâm-chung,
"Sự vày-xé của tử-thần cũng không thể nào lay-chuyển tâm Ngài.
"Luôn-luôn quả-quyết, cứng-cỏi,
"Ngài bình-tĩnh chiến-thắng các điều đau-khổ,
"Do sự chết gây nên,
"Rồi như ngọn lửa sáng kia vụt tắt.
"Cũng như thế ấy, và đây là lần chót,
"Tâm Ngài đã hoàn-toàn giải-thoát ..."

Khi Đức Thế Tôn tịch-diệt, lúc Ngài lìa bỏ cõi trần, tôn-giả Ananda²⁸ ngâm kệ rằng:

"Đầu rờn gáy, tâm-linh khủng-khiếp,
"Khi Đấng Trọn-Lành hoàn-toàn đức-hạnh,
"Đức Phật-Đà cao-cả lên đường tịch-diệt ...".

Khi Đức Thế Tôn diệt-độ, trong hàng tăng-chúng, giữa những bậc tỳ-khưu chưa diệt được phiền-não, có nhiều vị vẫy tay lên trời khóc than, kể-lẽ. Có nhiều vị khác nhào lặn xuống đất, than-van, hối-tiếc rằng: "Đức Thế Tôn đã sớm bỏ cõi trần! Đáng ân-nhân sao vội nhập Niết-Bàn như thế? Ánh-sáng thế-gian sao vội tắt?"

Trái lại, những vị tỳ-khưu nào đã diệt được phiền-não thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại trong cảnh khổ ấy, vì các ngài nghĩ rằng: "Tất cả những vật phối-hợp đều phải hư-hoại. Chúng nó không sao tránh khỏi sự tiêu diệt".

Liền đó, Đại-Đức Anuruddha an-ủi các vị tỳ-khưu như vậy: "Hỡi các đạo-hữu! Xin các đạo-hữu chớ nên khóc than, thất-vọng. Đức Phật hằng giảng dạy rằng đó là lẽ tự-nhiên. Những vật nào có liên-hệ với ta, những vật mà ta thương yêu triu-mền, tất-nhiên chúng ta phải chia lìa, phải rời bỏ, phải mất chẳng sai. Nay các đạo-hữu, như thế thì vật nào có nguyên-nhân là sự sanh, sự tạo-tác, sự phối-hợp làm cho phát-khởi, không sao tránh khỏi sự hư-hoại đặng. Một chúng-sinh không sao tránh khỏi sự diệt-vong. Nay các đạo-hữu, các chư-thiên sẽ chê trách nếu chúng ta để lộ vẻ âu-sầu, thất-vọng".

Tôn-giả Ananda hỏi rằng: "Bạch Đức Anuruddha, vậy chớ ngài muốn nói về hạng chư-thiên nào?"

- "Này đạo-hữu Ananda, có nhiều hạng chư-thiên, tuy ở tại cõi trời, nhưng vẫn còn mến tiếc thế-gian này. Cũng có những hạng chư-thiên khác ở trên mặt đất và hằng quyên-luyến thế-gian. Tất cả các hạng chư-thiên ấy bức đầu, bức tóc, vẫy tay than khóc, nhào lặn xuống đất, kể lể rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

"Trái lại, những hạng chư-thiên ít phiền-não thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại, trước cảnh ấy, vì các ngài nhớ câu kệ-ngôn như vậy: "Thật vậy, những vật phối-hợp đều phải hư-hoại. Chúng nó không sao tránh khỏi sự tiêu diệt đặng".

Rồi đó, tôn-giả Ananda cùng với Đại-Đức Anuruddha luận về đạo-lý suốt cả đêm trường. Ngài Anuruddha nói với tôn-giả Ananda rằng: "Xin đạo-hữu Ananda sang thành Kusinara tâu với vua Malla như vậy: "Tâu Đại-Vương, Đức Thế Tôn đã nhập Niết-Bàn rồi. Vậy xin Đại-Vương tùy-tiện sắp đặt cách nào cho ổn-thỏa".

- "Tôi xin vâng theo ý ngài".

Sáng sớm ra, Đức Ananda mặc y mang bát, dắt theo một vị tỳ-khưu, nhắm thành Kusinara trực-chỉ. Lúc ấy, các vị hoàng-gia Malla đang hội-họp cùng nhau tại triều để bàn tính việc nước.

Tôn giả Ananda thân-hành vào đền vua Kusinara, và khi tới nơi, ngài tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, Đức Thế Tôn đã nhập Niết-Bàn rồi. Vậy xin Đại-Vương tùy-tiện sắp đặt cách nào cho ổn-thỏa".

Khi nghe đức Ananda thuật rõ mấy điều, đàn bà, trẻ con, thầy-thầy đều hết sức buồn-bã, đau đớn, khổ-não. Người thì bức đầu, bức tóc, vẫy tay lên trời khóc than thảm-thiết; kẻ thì nhào lặn xuống đất, thất-vọng, kể-lể rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

Các ông hoàng Malla liền ra lệnh cho kẻ bộ-hạ gom hết thầy những vật thơm, bông hoa và các dụng-cụ về lễ nhạc khắp trong thành Kusinara. Rồi các dân-tộc Malla lấy hết những vật thơm, bông hoa, các dụng-cụ, âm nhạc ấy và 500 bộ y, kéo nhau lên đường sang Upavattana, vào rừng Sala, thuộc lãnh-thổ của họ, đến tại chỗ đức Thế Tôn tịch-diệt. Và suốt ngày đêm ấy, họ hành lễ, cúng dường, tôn-kính, sùng-bái kim-thân Đức Thế Tôn bằng các những cuộc: múa hát, kèn trống, bằng các vật thơm, bằng bông hoa. Họ lấy những bộ y đã đem theo, và các tràng hoa, kết lại thành một cái kiệu đẹp đẽ.

Khi ấy, các vị hoàng-gia Malla hỏi Đức Ananda rằng: "Bạch Đại-Đức, vậy phải làm cách nào để tấn-liệm kim thân Đức Như Lai?"

- "Hỡi các ngài! Các ngài nên hành tang-lễ Đức Như Lai như các thể-thức bậc đế-vương".

Rồi Đức Ananda liền dạy mấy vị hoàng-gia Malla những cách táng-chung của các bậc đế-vương mà ngài đã được nghe Đức Thế Tôn chỉ dẫn lúc trước.

Mấy vị hoàng-gia Malla, tại thành Kusinara, sai những bộ-hạ mình tom góp tất cả bông gòn trong kinh-đô. Họ hiệp nhau lại quấn kim-thân Đức Thế Tôn trong một khổ vải mới. Xong rồi, họ bao xung quanh bằng một lớp bông gòn dày. Kế đó, họ lại quấn trong một khổ vải mới nữa, và làm như vậy cho đến khi kim thân Đức Thế Tôn được hoàn-toàn bao-bọc trong 500 khổ vải mới và 500 lớp bông gòn. Rồi họ để kim-thân vào trong một cái hòm bằng sắt và có tấm dầu, rồi để hòm ấy vào trong một cái hòm thứ nhì nữa cũng bằng sắt và có tấm dầu. Xong xuôi, mấy vị hoàng-gia Malla ấy khiêng hòm để trên một cái giàng hỏa dựng lên toàn bằng các loại cây trầm hương.

Khi ấy, các hoàng-gia Malla nghĩ rằng: "Hôm nay đã trễ quá rồi. Rất khó bề cử-hành lễ trà-tỳ²⁹ đặng. Vậy chúng ta nên hoãn lại ngày mai, rồi sẽ thiêu táng kim-thân". Tính xong, họ lại cúng dường, tôn-kính, sùng-bái kim-thân Đức Phật bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng các vật thơm, bằng bông hoa. Họ lấy những bộ y và các tràng hoa, kết lại thành một cái kiệu đẹp đẽ, rực-rỡ ... Họ làm như vậy luôn cả ngày thứ nhì, rồi đến ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu.

Tới ngày thứ bảy, các ông hoàng Malla nghĩ rằng: "Chúng ta nên đem kim-thân Đức Thế Tôn ra phía ngoài thành, đến một chỗ thuộc về hướng nam, để chúng ta tôn-kính, sùng-bái, cúng dường Ngài bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, chất thơm, và luôn dịp chúng ta sẽ cử-hành cuộc lễ trà-tỳ tại nơi ấy".

Rồi đó, tám ông hoàng Malla liền tắm gội sạch-sẽ, mặc y phục mới, xúm nhau khiêng kim thân Đức Thế Tôn, nhưng không làm cách nào đỡ lên nổi.

Họ liền bạch với Đức Anuruddha rằng: "Bạch Đại-Đức, chẳng hay tại duyên-cớ chi làm cho tám vị hoàng thân Malla, đã tắm gội sạch-sẽ, đã mặc y phục mới, mà không thể đỡ nổi kim thân Đức Thế Tôn để khiêng đi?"

Đức Anuruddha trả lời rằng: "Các ngài ôi! Vì ý-định của các ngài khác với ý-định của chư-thiên".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ ý-định của chư-thiên là thế nào?"

- "Các ngài ôi! Ý-định của các ngài như vậy: "Chúng ta nên đem kim-thân Phật đến một nơi thuộc về hướng nam để hành-lễ hỏa-táng tại nơi ấy. Trái lại, các vị chư-thiên có ý-định rằng: "Chúng ta nên đem kim-thân Phật về phía bắc thành Kusinara. Theo cửa bắc, chúng ta kéo thẳng vào chính giữa thành rồi trở ra theo cửa thành tây. Chúng ta tôn-kính, sùng-bái, cúng dường kim-thân Ngài bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, bằng những vật thơm, và luôn dịp chúng ta sẽ hộ-tống kim-thân vào thánh-địa Malla, tại Makutabandhana, thuộc về hướng tây, để chúng ta hành-lễ hỏa-táng".

Các vị hoàng-gia Malla bạch rằng: "Bạch đại-đức, chúng tôi xin làm theo ý muốn của chư-thiên".

Liền khi đó, trong khắp kinh-đô Kusinara, cho đến các nơi bản-thiếu như đường nương, hầm cống và những nơi rác rến, thấy-thấy đều có hoa tiên (Mandarava) từ hư-không rơi xuống, bao-phủ một lớp rất dày. Những chư-thiên trong các cõi trời, hoặc tại thế-gian này, và tất cả dân-cư Malla tại thành Kusinara, đồng cùng nhau tôn-kính, sùng-bái, cúng dường kim-thân Đức Thế Tôn bằng những cuộc múa hát, kèn trống, bằng bông hoa, bằng các vật thơm. Rồi kim-thân Phật được hộ-tống về phía bắc; do cửa bắc đi vào trung-tâm kinh-đô Kusinara và trở ra theo cửa thành tây, đem đến thánh-địa Makutabandhana của dòng vương-thất Malla và ngừng lại nơi đây.

Trong khi ấy, Đức Maha-Kassapa cùng với 500 thầy tỳ-khưu đang hành-trình trên con đường từ Kusinara để sang thành Pava. (Tới một chỗ nọ), Đức Maha-Kassapa tách ra khỏi đường cái, đến ngồi dưới một cội cây.

Ngay lúc đó, thấy một vị đạo-sĩ tu lỏa-thê từ xa đi đến, đại-đức Maha-Kassapa liền hỏi rằng: "Này bạn, chắc bạn có được biết đức thầy của chúng tôi chớ?"

- "Thật vậy, tôi đã được biết Ngài. Mà thầy Gotama đã tịch-diệt được bảy hôm rồi. Vì đó nên tôi mới có nhánh hoa tiên Mandarava này".

Khi nghe mấy lời ấy, trong những vị tỳ-khưu chưa diệt được phiền-não, có nhiều vị vẫy tay lên trời than khóc; có nhiều vị khác nhào lặn xuống đất, thất-vọng, kể-lẽ rằng: "Đức Thế Tôn diệt-độ sớm thật! Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn sớm thật! Ánh-sáng thế-gian tắt sớm thật!"

Trái lại, những vị tỳ-khưu nào đã diệt-tận phiền-não (arhat) thì rất bình-tĩnh, nhẫn-nại, trước cảnh ấy, vì các ngài nghĩ rằng: "Mỗi vật phối-hợp đều phải hư-rã. Không ai tài nào tránh khỏi sự tiêu-hoại đặng".

Khi ấy, trong nhóm tỳ-khưu, có thầy Subhada³⁰ là người được gia-nhập vào tăng-hội trong buổi lão-niên. Thầy tỳ-khưu Subhada nói với tăng-chúng như

vậy: "Hỡi các ngài! Các ngài chớ khóc than, đau khổ, làm chi. Chúng ta khỏi phải vương lầy ông đại sa-môn nữa. Đã lâu, chúng ta hằng bị bó buộc vì những lời khuyên-răn, dạy bảo của ông ta, như là: 'Các người hãy làm như thế này; các người hãy làm như thế kia'. Kể từ đây, chúng ta sẽ được tự-do làm theo sở-thích và chẳng làm theo điều nào không vừa ý chúng ta".

Nhưng Đức Maha-Kassapa lại nói với tăng-chúng rằng: "Hỡi các đạo-hữu! xin các đạo-hữu chớ có khóc than đau khổ. Đức Phật hằng giảng-giải rằng đó là lẽ tự nhiên. Những vật nào có liên-hệ với ta, những vật mà ta hằng thương yêu, triu-mến, tất nhiên chúng ta phải chia lìa, phải rời bỏ, phải bị mất chẳng sai. Nay các đạo-hữu, như vậy, vật nào có nguyên-nhân là sự sanh, sự tạo-tác, sự phối-hợp làm cho phát-khởi, thì không thể nào tránh khỏi sự hư-hoại. Cũng như thế ấy, một chúng-sinh không sao tránh khỏi sự diệt-vong đặng".

Khi ấy, bốn ông hoàng Malla tắm gội sạch-sẽ, mặc y-phục mới, hiệp nhau nổi lửa lên đốt giàn thiêu kim thân Đức Thế Tôn, nhưng họ không làm sao cho lửa bắt cháy được.

Các dân tộc Malla ở tại thành Kusinara bèn hỏi Đức Anuruddha rằng: "Bạch Đại-Đức, vậy chớ tại duyên-cớ nào?"

- "Hỡi các ngài, vì ý-định của chư-thiên khác với ý-định của các ngài".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ ý-định của chư-thiên như thế nào?"

- "Hỡi các ngài, chư-thiên có ý-định như vậy: "Đức tôn-giả Maha-Kassapa, cùng với 500 chư thầy tỳ-khuru, đang hành-trình trên con đường từ Pava để trở về Kusirana. Giàn thiêu kim thân Đức Thế Tôn không thể phát hỏa trước khi Đức Maha-Kassapa được đánh lễ bàn chân Ngài".

- "Bạch Đại-Đức, chúng tôi xin làm theo ý-muốn của chư-thiên".

Khi ấy, tôn-giả Maha-Kassapa thân-hành đến Makutabhamdana, vào thánh-địa Malla, nơi mà người ta đã sắp đặt giàn hỏa để làm lễ trà-tỳ kim thân Đức Thế Tôn. Lúc đến nơi, ngài tề-chỉnh, khoác y lên vai, chấp tay, cúi đầu, đi quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, rồi cung kính đánh lễ. Tiếp theo đó, 500 thầy tỳ-khuru, cũng tề-chỉnh, khoác y lên vai, chấp tay, cúi đầu, đi quanh giàn thiêu ba vòng, rồi cung-kính đánh lễ kim-thân Đức Thế Tôn.

Sau khi ngài Maha-Kassapa cùng 500 vị tỳ-khuru làm lễ kim-thân Đức Thế Tôn xong rồi, giàn thiêu mới phát hỏa.

Tất cả: da, thịt, ngũ-tạng, gân và các chất lỏng trong kim-thân Đức Phật đều tiêu tan hết, chẳng còn dấu vết gì trong đồng tro tàn than vụn. Chỉ còn lại có chất xương (xá-lợi) mà thôi.

Khi kim-thần Đức Thế Tôn cháy tan, thì dân-chúng Malla đem lại đủ thứ nước hoa để tưới lên giàn hỏa.

Rồi đó, các hoàng-gia Malla tại thành Kusinara đem xá-lợi Đức Thế Tôn để tại kim-ngân-điện, giữa đền vua. Xung quanh, có hai vòng quân-lính nai-nịt khí-giới hăn-hoi để canh giữ; và luôn-luôn như vậy, trong bảy ngày đêm, họ tôn-kính, sùng-bái, cúng dường xá-lợi Đức Phật bằng những cuộc múa hát, kèn trống bằng bông hoa và các vật thơm.

Trong lúc ấy, quốc-vương xứ Magadha (Ma Kiệt Đà) là Adjatasattu (A Xà Thế) hay tin Đức Thế Tôn nhập-diệt tại Kusinara. Ngài liền sai sứ-giả đến cho quốc-vương Malla biết như vậy: "Thuở trước, Đức Thế Tôn cũng thuộc dòng vương-giả như trẫm. Trẫm có quyền thọ lãnh một phần xá-lợi của Đức Thế Tôn đem về dựng lên một cái tháp để thờ phụng, và luôn dịp trẫm sẽ cử hành một cuộc lễ long-trọng đặng cúng dường xá-lợi ấy".

Tiếp theo đó, quốc-vương Licchavis tại thành Vesali, cũng hay tin Đức Phật nhập-diệt tại Kusinara. Ngài cũng sai sứ-giả chuyển đến vua Malla (mấy lời như đã nói trên).

Lần-lần những vị vua:

- Dòng Sakyas (Thích-Ca) ở Kapilavattu (Ca Tỳ La Vệ),
- Dòng Boulis ở Allatkappa,
- Dòng Koliyas ở Ramagama,
- Dòng Malla ở Pava,

và một vị Bà La Môn ở Vethadipa, đều xin như vậy cả.

Khi tiếp-kiến các sứ-giả của mấy nước kể trên xong rồi, các nhân-vật trong hoàng-tộc Malla, tại thành Kusinara, liền đứng lên bố-cáo cho công-chúng biết như vậy: "Đức Thế Tôn diệt-độ trong lãnh-thổ chúng tôi. Vậy chúng tôi không thể nào chịu rời xá-lợi ấy".

Lúc đó, vị trưởng-lão Dona đứng lên tuyên-bố rằng:

"Xin các ngài nghe tôi phân-giải đôi lời:

Đức Phật hằng khuyến-hóa các điều nhĩn-nại.

Vì lẽ ấy, chẳng nên làm cho sự phân chia bảo-vật

Của Đấng Trọn-Lành tới-thượng hơn tất cả chúng-sinh, Thành cơ-hội để
gây mầm binh-đao bạo-động.

Hỡi các ngài! Vậy chúng ta nên hòa-nhĩ cùng nhau,

Chia xá-lợi ra tám phần ổn-thỏa,

Để tạo ra thánh-tháp khắp nơi,

Cho người chiêm-ngưỡng ánh quang-minh bất-diệt".

Nghe xong, các vị hoàng-tộc Malla liền nói với trưởng-lão Dona rằng: "Vậy người hãy chia xá-lợi Đức Thế Tôn ra tám phần đồng nhau".

- "Tôi xin vâng lời các ngài".

Rồi đó, vị trưởng-lão Dona chia xá-lợi Đức Phật ra làm tám phần. Xong việc, ông ta nói với các vị hoàng-tộc Malla rằng: "Xin các ngài cho tôi cái ô đựng xá-lợi này; tôi sẽ dựng lên một cái tháp để hành-lễ cúng dường trọng-thể".

Các nhân-vật Malla liền trao cái ô không cho trưởng-lão Dona.

Nhưng sau cùng, các vị hoàng-tộc Moryas ở Pippalivāna cũng hay tin Đức Thế Tôn diệt-độ tại Kusinara. Họ cũng sai sứ-giả chuyển sang quốc-vương Malla mấy lời như vậy: "Thuở trước, Đức Thế Tôn cũng thuộc giòng vương-giả như chúng tôi. Chúng tôi có quyền thọ hưởng một phần xá-lợi Đức Phật đem về dựng lên một tháp để phụng thờ, và luôn dịp chúng tôi sẽ hành-lễ cúng dường xá-lợi ấy".

Sau khi biết rằng xá-lợi đã được chia xong rồi, họ đành hốt đồng tro tàn, đem về thờ-phụng.

Rồi đó:

- Đức vua xứ Magadha, là Adjatasattu, dựng lên tại thành Radjagaha (Vương Xá) một tháp và hành-lễ cúng dường phần xá-lợi của Ngài thọ lãnh;
- Các vị hoàng-tộc giòng Licchavis cũng dựng tháp và hành-lễ cúng dường tại thành Vesali;
- Các vị hoàng-tộc giòng Sakyas dựng tháp và hành-lễ tại thành Kapilavattu (Ca Tỳ La Vệ);
- Các vị hoàng-tộc Koliyas dựng tháp và hành-lễ tại thành Ramagama;
- Các vị hoàng-tộc giòng Bulis dựng tháp và hành-lễ tại thành Allakappa;
- Người Bà La Môn ở xứ Vedhadīpa dựng tháp và hành-lễ tại thành ấy;
- Các vị hoàng-tộc giòng Malla ở Pava dựng tháp và hành-lễ tại thành Pava;
- Các vị hoàng-tộc giòng Malla ở Kusinara dựng tháp và hành-lễ tại thành Kusinara;
- Vị trưởng-lão Dona dựng tháp và hành-lễ cúng dường cái ô đựng xá-lợi;
- Các vị hoàng-tộc Morisyas dựng tháp và hành-lễ cúng dường mớ tro quý tại thành Pippalivāna.

Tất cả có tám thánh-tháp phụng thờ xá-lợi, một cái phụng thờ ô đưng xá-lợi và một cái thờ tro (thieu táng kim-thân Đức Thế Tôn).

Công việc được sắp đặt an bài như thế ấy.

Như vậy thì:

"Trong tám phần xá-lợi của Đấng Hoàn-Toàn Giác-Ngộ,
"Của Bạc Tối-Thượng hơn tất cả loài người,
"Xứ Ấn Độ thọ hưởng bảy phần để cúng dường chiêm-ngưỡng;
"Phần thứ tám về hoàng-tộc Ramagama đảm-nhận;
"Một đức Dantha³¹ được phụng thờ tại cõi chư-thiên (Cung trời Đạo Lợi);
"Một đức Dantha khác tại kinh-đô Ganghara;
"Một đức Dantha tại quốc-độ Kalinga;
"Một đức Dantha về phần Long Vương gìn giữ;
"Tất cả báu vật để làm bằng-chứng cho thế-gian sùng-bái cúng dường.
"Vì những cách cúng dường cao-thượng,
"Là phương-châm thành-kính Bốn Sư,
"Của những bậc quyền cao thế cả,
"Như chư-thiên, hoàng-tộc, long-vương.
"Vậy các người nên chấp tay phủ phục.
"Di-tích này thế mặt Cha Lành,
"Vì trải qua biết bao thế-kỷ,
"Rất khó bề gặp Phật giáng-sinh".

-- MĀHA PARINIBBĀNA SUTTA XVI

---o0o---

Sử-tích kết-tập Tam-tạng Pháp-bảo

"Phật Pháp có một phẩm vị, là sự giải-thoát, cũng như nước trong biển cả chỉ có một phẩm vị mặn mà thôi" -- Phật ngôn

Vài lời của soạn-giả:

Thế-thường, trong một gia-đình nhiều của đông con, thì làm sao cũng có đứa này đứa khác. Người cha, dầu cho nghiêm-khắc đến đâu, cũng không thể nào bắt-buộc chúng nó ăn ở theo khuôn-khổ cho được. Khi cha mẹ mãn-phần, có đứa muốn gìn giữ của phụ-âm cho nguyên- vẹn và sống theo cổ-tục. Đứa khác lại muốn chia sớt tài-sản cho mau để tự-do bay nhảy. Lắm lúc, trong thời song-thân còn tại thế, chúng nó đã để mắt lờm nhau vì những của-cái ấy.

Trong Phật-Giáo, mầm chia rẽ đã được ông Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) khởi-xướng từ khi Đức Phật còn tại thế. Lúc kết-tập kỳ nhất, mầm chia rẽ

cũng đã phát-sinh trong vài trường-hợp không đáng kể. Mà chia rẽ là nguyên-nhân làm cho phát-sinh những sự bịa đặt, thêm bớt trong các Thánh Kinh, một tai-hại và là kẻ đại-nghịch của Phật-Giáo.

Vì bịa đặt mà một số đông người Ấn cho trận giặc tinh-thần được mô-tả trong quyển BHAGAVA-GITA là một cuộc chiến-tranh thật-sự, nên họ mới giết hại sinh-vật để tế-lễ.

Vì sửa đổi một vài chữ trong kinh veda mà nhóm Bà La Môn Giáo khu-khu chấp giữ phong-tục thiêu luôn người goá-phụ khi chồng chết.

Không hiểu các nhà bác-học diễn-giải Phật-Giáo ra thế nào mà những nhà sư: Tây Tạng, Nhật Bản, Mông Cổ, v.v. ... mang súng ra trận một cách tự-nhiên.

Không biết do ai dạy bảo mà một số người tu Phật Việt-Nam chúng ta lại nói rằng Phật cho phép uống rượu khi đau và sát hại những con vật nhỏ như: kiến, rệp, muỗi v.v. ... lúc nào cần-thiết.

Mấy điều kể trên chứng-tỏ rằng sự chia rẽ và thêm bớt trong kinh sách là một điều hại lớn. Nên chi các bậc tu-hành chân-chánh phải cần đến phương-pháp hội-hợp các bậc thiện-trí-thức để củng-cố nền Phật-Giáo Nguyên-Thủy.

Vì vậy mới có những cuộc tổ-chức Kết-Tập Tam-Tạng từ cổ chí kim.

* * *

Các kinh-diễn Nam-phạn (Pāli) có chép những kỳ-hội kết-tập tam-tạng theo những trường-hợp sau đây:

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ nhất

(Khâu truyền) Lối bốn tháng sau khi Phật tịch, có 500 vị đại A-La-Hán nhóm họp tại thành Radjagaha (Vương Xá) dưới quyền chủ-tọa của Đức Maha-Kassapa (Đại-Đức Ca-Điếp).

Mục-đích của Hội: Số là, sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn, phần đông các bậc Thánh Văn cho rằng sự duy-trì kiếp sống của các ngài trên thế-gian này chẳng còn ý-vị chi nữa, nên khuyên nhau nhập Vô-Dur Niết-Bàn. Có bốn-phận gìn giữ Giáo Pháp, Đức Maha-Kassapa liền vội-vã thỉnh các thánh-tăng hội lại để củng-cố những lời di-huấn của Phật.

Kết cuộc: trong cơ-hội ấy, Đức Ananda (A-Nan) lập lại những câu Phật-Ngôn mà chính ngài đã được nghe Đức Thế Tôn thuyết ra, để kết-thành hai Tạng: Kinh và Luận. Còn Đức Upali thì công-bố các điều-học mà Phật đã cấm-chế hàng tăng-chúng để kết-thành Tạng Luật, gồm lại có 227 giới

chánh và nhiều giới phụ mà hiện nay Phái Theravada (Nguyên-Thủy) vẫn còn thọ-trì nguyên vẹn. Hội lại quyết-định chẳng sửa đổi những điều-học nhỏ-nhen mà Đức Phật đã cho phép trong lúc Ngài còn tại thế³².

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ nhì

(Khẩu truyền) Cách kỳ trước lối 100 năm về sau, có 700 vị thánh-tăng nhóm họp tại thành Vésali, nhằm đời vua Asoka thứ I.

Mục-đích của Hội: Bàn cãi về việc sửa đổi và chế-biến thêm 10 điều học mới do nhóm tỳ-khưu Vajjiputra đề-xướng mà trong ấy có mấy điều-học quá dễ-dãi như việc cầm vàng bạc, được thọ-thực khi quá ngọ ... và mấy điều-học quá khổ-hạnh của ông Devadatta đã cầu xin Đức Phật thuở trước, nhưng bị Ngài bắt lời.

Kết cuộc: Chư thánh-tăng không chấp-nhận những điều canh-cải ấy. Phật-Giáo bị chia rẽ làm hai phái lớn kể từ đây:

- Phái "Trường-Lão Bảo-Thủ" (Sthavira-Theravada), có khi gọi là Thượng Tọa Bộ, nguyện thọ-trì giới y như lời Đức Phật dạy khi xưa;
- Phái "Đại Chúng Cải Cách" (Mahasangika), hay gọi là Đại Chúng Bộ, tổng-hợp các nhà sư với hàng cư-sĩ tại-gia, có mục-đích thay đổi và thêm bớt các điều-học cho dễ bề tu-hành và thu-thập tín-đồ.

Kỳ kết-tập toàn-thể lần thứ ba

(Khẩu truyền) Cách kỳ trước 118 năm về sau (lối 253 năm trước tây lịch) do hoàng-đế Asoka Đệ Nhị (vua Chuyển Luân Vương A Dục) triệu-tập. Có 1.000 thánh-tăng hội-họp tại đền vua trong thành Pātaliputra.

Mục-đích của Hội: Củng-cố Tam-Tạng Pháp-Bảo Nguyên-Thủy. Sa-thải các phần-tử xấu-xa trong tăng-hội. Phái những bậc Thịnh Văn sang các nước láng-giềng để truyền-bá chánh pháp.

Kết cuộc: Vô-số kẻ ngoại-đạo tự mặc áo cà-sa, mang bình bát trà-trộn vào trong hàng tăng-chúng để tìm cách nuôi mạng dễ-dàng, bị đức vua trục-xuất. Nhiều vị đại A La Hán được phái sang các xứ miền Bắc Ấn Độ như: Cachemire, Gandhara, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Tây Tạng v.v. ... để truyền đạo. Cũng trong cơ-hội này, Đức Mahinda (con của vua A-Dục) đem Pháp-Bảo mà ngài đã thuộc nằm lòng trong kỳ kết-tập lần thứ ba, sang khẩu-truyền trên đảo Tích Lan.

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ tư

(Khẩu truyền) Do Đức Mahinda tổ-chức tại đảo Tích Lan trong thời-gian Ngài ngụ tại đó, cũng trong vòng thế-kỷ thứ ba trước Tây-lịch, với mục-đích củng-cố Tam-Tạng Pháp-Bảo tiếng Pāli của hội kết-tập kỳ thứ ba qui-định.

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ năm

(Chép ra văn-tự) Vào lối thế-kỷ thứ nhất trước Tây-lịch, do 500 vị A-La-Hán hội tại một ngôi chùa trong đảo Tích Lan (chùa này của đức Mahinda tạo thưở trước) nhằm trào vua Tích Lan Vatta-Gamani³³.

Mục-đích của Hội: Củng-cố Pháp-Bảo chân truyền và kết-tập Tam-Tạng ra văn-tự lần thứ nhất.

Kết cuộc: Hội quyết-định dùng chữ bôn-xứ (Tích Lan) để chép các kinh-điển đã được truyền-khẩu từ xưa đến nay bằng tiếng Pāli vào những tờ lá của một loại cây thốt-nốt trong xứ. Chính các Thánh-Kinh được kết-tập ra văn-tự kỳ này được lưu-truyền cho đến ngày nay trong những nước: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cao Miên, vân-vân ...

Kỳ kết-tập địa-phương lần thứ sáu

(Bằng chữ) Do Đức Buddhaghosa chủ-trương trên đảo Tích Lan, sau khi Phật diệt-độ được hơn 900 năm, với mục-đích canh-cải lại vài chỗ bất-đồng giữa kinh-điển Pāli/Magadha và kinh-điển Pāli/Tích Lan.

Từ ấy trở về sau, trong các nước tu theo Phật Giáo Nguyên-Thủy, như: Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, Lào, Cao Miên ..., thỉnh-thoảng có những cuộc tổ-chức kết-tập địa-phương để lo việc bảo-tồn Thánh Pháp cho đến 5.000 năm.

* * *

Trên đây, chỉ là những cuộc kết-tập Tam-Tạng theo truyền-thống Nguyên-Thủy, ngoài ra còn có những cuộc kết-tập Tam-Tạng theo truyền-thống Đại Chúng Bộ (Đại Thừa) được tổ-chức tại miền Bắc Ấn Độ.

---o0o---

HẾT

¹ Có nhiều hạng Phạm Thiên được hưởng tuổi thọ lâu hơn nhân-loại.

² Vua A Xà Thế.

³ Lời của Ngài A-Nan.

⁴ Ngày giới của Bà La Môn Giáo, mỗi tháng có 4 ngày như vậy, để cho các tín-đồ làm lễ tế thần bằng nước cam-lộ (Soma) hoặc bằng cách sát hại sinh-vật để lấy máu cúng dường.

⁵ Tu theo ngoại-đạo.

⁶ Xin được vật chi dùng vật nấy, không hành-động sai giới bôn của Đức Phật để nuôi mạng sống.

-
- ⁷ Trái cây nào mà hạt còn có thể gieo trồng đặng.
- ⁸ Xin xem phép chánh-định của Đại-Đức Hộ-Tông.
- ⁹ Phép Minh-sát.
- ¹⁰ Trong kinh nói cái kho chứa đồ.
- ¹¹ Đức Phật không dùng tiếng người đối với kẻ ngoại-đạo.
- ¹² Làm chủ điều-khiển được.
- ¹³ Tự chủ điều-khiển mình.
- ¹⁴ Bậc xuất-gia tu-hành.
- ¹⁵ Âm chỉ tất cả chúng-sinh còn mắc trong vòng sinh tử luân-hồi.
- ¹⁶ Âm-chỉ ông Siha, một vị thống-soái của vua xứ Licchavis.
- ¹⁷ Đạo-quả của 4 bậc thánh: Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán.
- ¹⁸ Còn chấp ta.
- ¹⁹ Diệt được sự chấp ta.
- ²⁰ Đức A Nan.
- ²¹ Man rừng.
- ²² Làm vậy để dễ phi-tang
- ²³ Cho khỏi bị hại.
- ²⁴ Vì lúc trước Devadatta được hàng vương-giả bố-thí trọng-hậu, khỏi tri-bình.
- ²⁵ Lễ sám-hối giữa chư-tăng hai lần trong mỗi tháng.
- ²⁶ Đức Đề Thích.
- ²⁷ Đức A-Nậu-Đa.
- ²⁸ Đức A-Nan.
- ²⁹ Thiêu-táng.
- ³⁰ Không phải thầy Subhada được nhập-môn trong giờ chót của Phật.
- ³¹ Xá-lợi Răng.
- ³² Có kinh chép rằng thầy tỳ-khưu Purna cùng 500 môn-đệ vào phòng nhóm trẻ và tuyên-bố rằng ông ta chỉ hành theo những điều-học nào chính mình đã được nghe Đức Phật thuyết ra mà thôi. Đây là khởi đầu của mầm chia rẽ.
- ³³ Sau khi kết-tập thứ 5 tại đảo Tích Lan, hơn 100 năm, trên lục-địa Ấn Độ, đức vua Kanishka có triệu-tập tại kinh-đô Kudalavana (xứ Cachemire) một hội-nghị Kết-Tập để chép Tam-Tạng Pháp-Bảo ra tiếng Sanscrit (Bắc Phạn), một thứ tiếng gốc của Bà La Môn Giáo thường dùng. Bắt đầu từ đây, Phật-Giáo đã chia hẳn ra làm hai phái lớn: Tiểu-Thừa (Nihayana) và Đại-Thừa (Mahayana). Những danh-từ Đại-Thừa và Tiểu-Thừa được Bắc-Tông bịa ra để tự cho mình là lớn lao, cao-thượng và biếm nhẽ sự eo hẹp, thấp hèn của Nam-Tông. Và từ đó về sau, mỗi Tông đều tự-tiện nhóm họp để kết-tập riêng của mình. Bắc-Tông không nhìn-nhận kỳ kết-tập thứ 5 của Nam-Tông, cũng như Nam-Tông chẳng hề biết đến kỳ hội Kanishka vậy.

Pháp trích lục
Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Tập 2

9. Kỳ thị về giai cấp

Người Bà La Môn Assalayana đến hỏi Phật:

"Bạch thầy Gotama, các người Bà La Môn thường nói: "Chỉ có những nhân vật dòng Bà La Môn là cao quý hơn hết. Tất cả những giai cấp khác là thấp hèn. Chỉ có người Bà La Môn mới có nước da trắng trẻo đẹp đẽ. Còn những người thuộc giai cấp khác thì có nước da ngăm. Chỉ có người Bà La Môn là trong sạch thanh cao. Còn những kẻ khác đều thấp hèn đê tiện. Chỉ có người Bà La Môn là con cháu đích tông của trời Phạm Thiên (Brahama), được sanh ra từ cửa miệng ngài. Họ là đệ tử của trời Phạm Thiên và là kẻ thừa tự ngài".

Đức Phật đáp:

"Này Assalayana, vậy chớ người nghĩ thế nào? Những phụ nữ Bà La Môn cũng có kinh kỳ như các phụ nữ khác. Họ cũng có ghen như các phụ nữ khác, cũng cho con bú. Tại sao người Bà La Môn cũng từ đàn bà sanh ra lại khoe khoang cho mình là cao quý hơn mấy giai cấp khác?"

- Bạch thầy Gotama: "Tuy thầy nói vậy nhưng họ vẫn quả quyết như thế".

Đức Phật hỏi:

"VẬY CHỚ NGƯỜI CÓ NGHE TRONG VÀI XỨ LÂN BANG CHỈ CÓ HAI HẠNG NGƯỜI LÀ GIA CHỦ VÀ TÔI TỚ ĐÓ SAO? VÀ MỘT ĐÔI KHI NGƯỜI CHỦ TRỞ THÀNH TÔI TỚ VÀ ĐƯA TỚ ĐỔI SANG ĐỊA VỊ CHỦ GIA?"

- "BẠCH THẦY NÓI PHẢI ĐÓ, NHƯNG MẤY NGƯỜI BÀ LA MÔN VẪN CỐ CHẤP RẰNG MÌNH LÀ CAO THƯỢNG HƠN CẢ".

- "NÀY ASSALAYANA, NGƯỜI NGHĨ SAO? CÓ PHẢI NHỮNG NGƯỜI BÀ LA MÔN LÚC SANH TIỀN PHẠM TỘI SÁT HẠI SANH VẬT, TRỘM CƯỚP, TÀ DÂM NÓI DỐI, HUNG DỮ, TÀ KIẾN... SAU KHI CHẾT CŨNG BỊ ĐẠO VÀO BỐN ĐƯỜNG ÁC ĐẠO?"

- "CHÍNH PHẢI VẬY, BẠCH THẦY GOTAMA, DÙ LÀ CON NGƯỜI THUỘC ĐÒNG BÀ LA MÔN, THUỘC GIAI CẤP CAO SANG QUYỀN QUÝ, NGƯỜI THƯƠNG GIA HAY NÔ LỆ, MỘT KHI ĐÃ GÂY RA NGHIỆP DỮ THÌ SAU KHI CHẾT SẼ BỊ SANH VÀO CẢNH GIỚI KHỔ ĐAU HOẶC BỊ HÀNH PHẠT NƠI ĐỊA NGỤC. BẠCH THẦY NÓI RẤT ĐÚNG, NHƯNG CÁC NGƯỜI BÀ LA MÔN VẪN ĐỊNH NINH RẰNG HỌ LÀ CAO QUÝ HƠN HẾT, LÀ CON CHÁU ĐÍCH TÔNG CỦA TRỜI PHẠM THIÊN".

- "NÀY ASSALAYANA, CÒN PHẢI CHẴNG CHỈ CÓ NGƯỜI BÀ LA MÔN NÀO BIẾT LÀM NHỮNG ĐIỀU LÀNH, KHÔNG SÁT SANH, TRỘM CƯỚP, TÀ DÂM, NÓI DỐI, HUNG DỮ, TÀ KIẾN... SAU KHI CHẾT SẼ ĐƯỢC THỌ SANH VÀO CẢNH AN VUI, ĐƯỢC HƯỞNG PHƯỚC NƠI CỠ THIÊN ĐÀNG, CÒN NHỮNG THIỆN NHÂN KHÁC THÌ KHÔNG ĐƯỢC SAO?"

- "BẠCH THẦY GOTAMA, TẤT CẢ NHỮNG AI BIẾT LÀM LÀNH LÁNH DỮ, DÙ HỌ THUỘC GIỚI BÀ LA MÔN, CHIẾN SĨ, THƯƠNG GIA HAY LAO ĐỘNG THÌ THẢY THẢY ĐỀU ĐƯỢC HƯỞNG QUẢ VUI CHỚ CHẴNG RIÊNG GÌ CHO GIAI CẤP BÀ LA MÔN. THẦY NÓI RẤT ĐÚNG, NHƯNG HỌ CŨNG VẪN TIN RẰNG MÌNH LÀ CAO QUÝ HƠN CẢ".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ có hạng Bà La Môn mới biết noi theo đường phạm hạnh, biết tu tập, trau dồi giới đức, từ bi bác ái để trở nên an tịnh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ phiền não, còn những giai cấp khác lại không được?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là người trong giới Bà La Môn, người chiến sĩ, thương gia hay nô lệ đều cũng có thể tu tập, trau dồi đức hạnh, từ bi bác ái, để trở nên an tịnh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ phiền não. Tuy nhiên, nhóm Bà La Môn cũng nói rằng họ là cao thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, phải chăng chỉ có người Bà La Môn dùng bột xà phòng xuống sông tắm gội sạch sẽ còn những người khác thì không?"

- "Bạch thầy, ai nấy cũng có dùng bột xà phòng tắm gội sạch sẽ như nhau chớ, chẳng riêng gì người Bà La Môn. Nhưng họ vẫn cho rằng mình đứng trên các giai cấp khác".

- "Này Assalayana, ví dụ có một đức vua cho gọi vào triều 100 người thuộc giai cấp khác nhau và phán: "Vậy trong số 100 người đó, những ai thuộc dòng Bà La Môn hay cao quý, hãy lấy một mớ cây Sala, cây trầm hương hay cọng sen khô đem đốt cháy lên cho nóng.

"Này Assalayana, vậy phải chăng chỉ có hai hạng người đó có thể lấy những thứ kê trên đốt thành lửa nóng cháy đỏ, sáng ngời, lên cao ngọn, còn hai hạng thương gia và lao động thì làm không được? Hoặc những kẻ khác nữa, như thợ làm bẫy, thợ đan rổ tre, thợ đóng thùng xe, dân phu rửa thùng phân, lấy cây mục của máng cho heo, cho chó ăn, lấy thùng cây nhuộm vải, lấy que cây thầu dầu đem đốt lên, thì họ không được lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn hay sao?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là hạng người nào, dùng bất cứ cây hay vật dẫn hỏa nào cũng có thể đốt lên lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn. Thầy nói phải, nhưng mấy ông Bà La Môn vẫn cho rằng họ là cao thượng hơn hết."

- "Này Assalayana, thêm một ví dụ nữa. Có hai anh em ruột dòng Bà La Môn. Một người thì thông minh lão luyện, thông suốt cả ba bộ kinh Phệ Đà (Vêda) rất sành sỏi trong việc tế lễ, còn người kia dốt nát, gàn dở. Hỏi vậy mỗi khi có dịp cúng kiến tổ tiên hoặc tế lễ thánh thần, người nào được lễ vật nhiều và kính trọng hơn?"

- "Bạch thầy Gotama, chính người học cao hiểu rộng, sành sỏi trong việc tế lễ cúng kiến được kính nể và thụ hưởng lễ vật nhiều hơn".

Phật hỏi:

- "Nhưng nếu thầy Bà La Môn học hỏi uyên thâm, sành nghề cúng tế đó lại vô giới hạnh, có tánh nét xấu xa tàn bạo, còn người thất học kia lại tánh tình hòa nhã, giới đức thanh cao, thì người nào sẽ được lễ vật nhiều và trọng nể hơn?"

- "Bạch thầy Gotama, lẽ tất nhiên các tín thí sẽ kính nể và dâng cúng dồi dào đến thầy Bà La Môn có giới hạnh trong sạch, tánh tình khiêm tốn, dễ thương. Vì kẻ có giới đức, tánh tình hiền hạ không thể đem lại điều lợi ích nào cả".

- "Này Assalayana, giờ đây người đã bắt đầu lãnh hội rõ rệt đấy! Từ sự kiện về dòng giống, giai cấp, bước qua giai đoạn bùa chú thần quyền, người đã nhận thức cuối cùng giá trị quan trọng về giới hạnh con người là cao quý hơn cả, bất phân giai cấp dòng giống.

"Đó là Giáo Lý căn bản của Như Lai vậy".

10. Thế nào là bậc Sa Môn?

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại tinh l'ṣsapura thuộc về xứ Anga. Ngài có thuyết:

"Hỡi này các Tỳ kheo! Dân chúng gọi các người là Sa môn và nếu có ai hỏi tới, các người cũng đều công nhận như thế. Vậy các người phải ăn ở cách nào cho xứng đáng với phẩm hạnh sa môn?"

"Này các Tỳ kheo, chúng ta là kẻ xuất gia đang hành trình trên đường siêu việt. Nhờ cô công trau giồi giới đức, chúng ta được người tín thí dâng cúng và thọ hưởng bốn món vật dụng như: tam y quả bát, vật thực, chỗ ở, thuốc men. Người hành đạo chân chánh thọ được nhiều quả báu tốt lành như thế. Vậy chẳng phải chúng ta rời bỏ thế gian trong sự thiếu thốn, không được lợi lộc gì, mà tư cách xuất gia thật ra rất cao thượng hữu ích thế nào? Và nó mang lại biết bao thành quả tốt tươi cao thượng.

"Này các Tỳ kheo, còn người xuất gia không thực hành đúng đắn đường lối tu tập là thế nào? Đó là:

- Thầy Tỳ kheo có tánh tham lam khao khát, chẳng chịu dứt bỏ lòng tham dục
- Thầy Tỳ kheo có tư tưởng xấu xa tội lỗi và không tìm cách diệt trừ nó;
- Thầy Tỳ kheo còn tánh sân hận cộc cằn thô lỗ;
- Thầy Tỳ kheo ra vẻ thu thúc, giả nhân giả nghĩa để gạt gẫm tín đồ;
- Thầy Tỳ kheo còn tánh thù hằn, oán giận, uất ức;

- Thầy Tỳ kheo có tánh ganh tị chẳng muốn ai khác hơn mình.
- Thầy Tỳ kheo keo kiệt, bõn xẽn, ham tom góp vật này vật nọ để làm của riêng;
- Thầy Tỳ kheo có tánh xảo quyết dối trá, dùng lời không ngay thật, nói ướm để được bố thí.
- Thầy Tỳ kheo có ác tâm tham muốn bất chánh;
- Thầy Tỳ kheo thường suy nghĩ tà vạy, có tánh tà kiến.

"Nhu Lai nói các Tỳ kheo đó không chịu chừa bỏ những tánh xấu xa tội lỗi. Chúng phải bị đọa vào cảnh khổ cùng, gánh nhiều đau khổ vì chẳng giữ đúng theo phạm hạnh Sa môn. Chúng là những kẻ che giấu con dao bén dưới bộ áo cà sa. Như Lai đã khuyên hòa rành mạch những điều đó khi người giới tử xin thọ cụ túc giới để bước chân vào đạo.

"Nhu Lai không cho rằng đời đạo đức có thể tượng trưng bằng những kẻ chỉ khoát áo cà sa cho có lệ, hoặc những đạo sĩ lừa lọc, rách rưới bản thiu, những kẻ thân hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rần chịu đựng phong sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra cách ăn uống kham khổ khác thường, những kẻ thông thạo các thánh kinh, sành nghề bùa chú, những kẻ mang búi tóc đang trên đỉnh đầu.

"Này các Tỳ kheo, nếu chiếc áo cà sa có oai lực diệt trừ được tất cả những tật: Tham lam, sân hận, ganh tị, bõn xẽn, xảo quyết, ác tâm, tà kiến, thì cha mẹ hoặc người thân chỉ cần khoát lên đũa bé bộ áo cà sa khi nó mới chào đời và căn dặn như vậy: "Ngươi rất hân hạnh mặc được mảnh áo

nhiệm màu này, vì nó có đủ năng lực làm tiêu tan các tật xấu xa tội lỗi: tham lam, sân hận, ganh tị, bòn xén, xảo quyệt, ác tâm, tà kiến..."

"Có một số Tỳ kheo tuy vẫn mặc y mang bát nhưng thân tâm như bản thấp hèn, ngoan cố chẳng chịu tẩy trừ nét xấu. Lẽ đó, Như Lai không công nhận họ là Sa môn chỉ vì mình mặc áo cà sa, cũng như những đạo sĩ lừa lỏ, bản thù, rách rưới, những kẻ thân hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rần chịu đựng phong sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra lối ăn uống kham khổ khác thường, những kẻ thông thạo các thánh kinh, sành nghề bùa chú, những người mang búi tóc đan trên đỉnh đầu..."

"Này các Tỳ kheo, vậy người xuất gia phải giữ nếp sống như thế nào để xứng đáng với danh hiệu Sa môn? Đó là:

- Khi thầy Tỳ kheo có tánh tham lam, có tư tưởng xấu xa, cộc cằn thô lỗ, thu thúc giả dối, hay thù oán, ganh tị, keo kiệt, dối trá, ác tâm, tà kiến, nhưng biết nhận thức những điều ấy là xấu xa đê tiện, rồi để hết nghị lực trau dồi phẩm hạnh ngày thêm trong sạch thanh cao. Như Lai gọi người ấy mới thật xứng đáng với danh hiệu Sa môn.

"Thầy Tỳ kheo tự trải nghiệm lấy bản thân, biết rằng mình đã tẩy trừ được các điều như nhớp, thoát ly ra khỏi thế sự. Mà khi biết mình đã hoàn toàn trong sạch, người phát tâm vui thích với hạnh phúc thanh cao. tinh thần thơ thới, thân tâm an tĩnh thản nhiên, người rất vừa lòng toại nguyện. Tâm tư thâm nhuần tình thương rộng lớn, người rải tửa từ bi bác ái khắp bốn phương tám hướng, rải từ bên trên, bên dưới, bên ngang và khoảng giữa. Người được giải thoát ra khỏi

tham lam, sân hận, si mê, thông thả ngao du đây đó, không còn điều chi sợ hãi lo âu.

"Lúc này thầy Sa môn trở nên yên lặng như hồ nước trong trẻo, mát mẻ, ngọt ngào, có những bực thang đưa tới một nơi thắng cảnh vô cùng hấp dẫn. Khi đó nếu có chàng lữ khách đang đau khổ vì khát nước dưới cơn nóng buốt, thân hình uể oải, từ phương đông đi tới, chàng ta có thể nhờ hồ nước nhiệm màu cứu rỗi, khiến thân tâm được phục sức, thơ thới nhẹ nhàng và lướt qua khỏi những nỗi thống khổ trong cuộc hành trình diệu vợi. Nếu có những lữ khách từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam, hoặc bất cứ ở đâu đến cũng đều nhận được sự hỗ trợ quý báu của hồ nước nhiệm màu.

"Này các Tỷ kheo, khi một con người thuộc hàng vương giả rời bỏ gia đình sự nghiệp đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm trì Giới Luật của Đức Như Lai, thì tâm tư người được tràn ngập từ bi bác ái. Người trở nên an tĩnh, chẳng bị thế sự buộc ràng lay chuyển. Người đã thành đạt mức độ tịnh tâm tuyệt diệu, đã diệt trừ phiền não, vì đã thực hành đúng theo đường lối của các bậc Sa môn.

"Những người thuộc dòng Bà La Môn hoặc các giai cấp khác như thương gia, lao động, rời bỏ gia đình của cải đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm trì Giới Luật của Đức Như Lai, thì tâm tư họ cũng được tràn ngập từ bi bác ái, được an tĩnh không bị thế sự buộc ràng lay chuyển. Những người ấy đã thành đạt mức độ tịnh tâm tuyệt diệu, đã diệt trừ phiền não, vì đã thực hành đúng đường lối của bậc Sa môn.

-- Trung Bộ Kinh

Lời của dịch giả

Bài pháp trên đây rất phù hợp với thời đại hiện nay, vì các tôn giáo đang bị một số đông những phần tử bất hảo nhảy vào gây lung đoạn.

Phật Ngôn có câu: "Tài sản duy nhất của loài chim là cái đuôi và cặp cánh. Thầy Tỳ kheo chỉ sống tri túc với mảnh y để che thân và vắt com bố thí để no lòng. Đi đâu người chỉ mang theo tam y và quả bát".

Tục ngữ cũng thường nói: "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo". Tuy nhiên bất cứ thời đại nào, bất cứ trong đạo giáo nào cũng có một số lớn phần tử chẳng có chút tài sản gì để vứt bỏ, chẳng có nghề nghiệp nào để sanh sống, trà trộn vào khuấy rối bề hành đạo của những bậc chân tu, lợi dụng lừa gạt tín đồ để nuôi mạng và đôi khi cũng tạo nên sự nghiệp kết xù là khác.

Đối diện với các đạo sĩ, Tỳ kheo, linh mục, khất sĩ, phủ thân bằng lớp nâu sòng, hoặc lỏa lồ rách rưới kham khổ, hoặc gặp những nhà truyền giáo học vấn cao thâm, ăn nói hoạt bát, hạng phàm nhân chúng ta rất khó bề nhận định ai là bậc tu hành chân chánh. Biết bao người lợi dụng chiếc áo cà sa, biết chế ngự kẻ tín thí bằng nhiều lý luận tráo trở xảo quyệt. Trước mặt công chúng họ ra vẻ thu thúc như con cò đứng yên một chỗ, lim dim đôi mắt chờ đớp mồi ngon nhưng ít ai biết được sự sanh hoạt riêng tư của họ là thế nào?

Cũng có vài hành giả bày trò tham thiên nhập định giữa đám đông trong khi các bậc hiền triết đều ẩn dật trong nơi thanh vắng xa xóm, xa người. Cũng có hạng nói mình giữ hạnh đầu đà, ôm bát ra đi từ mờ sáng đến tối mới trở về rồi nói mình đi khát thực, đổ dưới cội cây, nghỉ trưa nơi vắng vẻ, nhưng khi màn đêm sụp xuống thì sợ mất an ninh.

Khổ nổi, số đông tin đồ lại không dám dòm ngó ông thầy sợ mang tội, cho rằng nằm trên chiếu rách cũng đỡ hơn nằm đất. Vị giáo sư say sưa bài học nhưng vẫn là thầy của các trò khi vào lớp.

Những thứ dây chùm gởi này đã có từ lâu, nên Đức Phật mới giải bày rành mạch như trên nhằm mục đích dạy con người biết cách phân biệt kẻ chánh người tà để gieo giống lành trên mảnh đất phì nhiêu, biết rõ thật sự ai là kẻ "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo" có nếp sống giản dị như loài chim chỉ có cái đuôi và cặp cánh.

11. Kiến thức của những người mù

"Hỡi này các Tỳ kheo! Các người nói với Như Lai rằng có nhiều nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương thuộc những chi đạo khác nhau thường ủng hộ những kiến thức khác nhau, vui thích những lý thuyết khác nhau, hướng về các sự việc khác nhau, tin tưởng những lời lẽ khác nhau.

"Này các Tỳ kheo, có nhóm thường hay binh vực và tin tưởng như vậy: "Thế gian là trường tồn

vĩnh cửu. Đó là chân lý, còn những chuyện khác là vô lý, là dốt nát khờ khạo".

Có kẻ lại nói: "Thế gian sẽ có ngày kết thúc. Kẻ khác cho rằng thế gian sẽ không chấm dứt".

Có kẻ nói: "Căn bản của đời sống là xác thân. Kẻ khác lại nói xác thân là một chuyện, còn sự sống là chuyện khác".

Có kẻ nói: "Cái Ta sẽ biến chuyển sau khi chết, người khác nói rằng không".

Có kẻ lại nói: "Sau khi chết, cái Ta sẽ biến chuyển hoặc không biến chuyển.. Đó là chân lý, còn các ý nghĩ khác đều vô lý, đều là chuyện ngu dốt đại khờ".

Vì lẽ đó, các nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương thuộc các đạo giáo khác thường hay xung đột với nhau, ham cãi lầy, lý luận, biện minh, đấu khẩu với nhau, để bênh vực kiến thức riêng của mình và cho rằng: "Cái này là Chánh Pháp còn cái kia không phải. Cái này đúng chân lý, cái kia không đúng, vân vân...".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Những nhóm đạo sĩ, Bà La Môn hay khát sĩ du phương đó đều dốt nát mù quáng, không biết đâu là mục đích cứu cánh, đâu là chẳng phải. Không biết cái nào là Chánh Pháp và cái nào chẳng phải. Vì vậy họ thường hay xung đột với nhau, ham cãi lầy, lý luận, biện minh, đấu khẩu với nhau để ủng hộ lập trường của mình. Họ tranh chấp, phỉ báng nhau vô ích vì không thấu rõ đâu là mục đích giải thoát và đâu là không phải.

"Các người hãy nghe câu chuyện sau đây:

"Thuở xưa kia, cũng tại thành Savatthi này, có một quốc vương bày một trò chơi, ra lệnh đưa tất cả những người mù từ lúc sơ sanh vào triều để nhìn xem một con voi. Tên này nói với các người đui như vậy: "Đây là con voi". Rồi cho cho vài người sờ cái đầu voi, người khác cái tai voi, người khác cái bụng, người khác nữa cái ngà, cái vòi, cái chân, cái lưng, cái đuôi, chòm lông đuôi và nói với mỗi người mù rằng đó là con voi.

Đức vua ngự đến hỏi nhóm người đui vậy chó con voi là thế nào? Những người sờ đầu nói rằng con voi giống như cái chậu. Người sờ tai nói voi giống như cái nĩa..., ngà voi giống như lưỡi cày, vòi như cái cày, bụng như cái bồ lúa, chân như cột nhà, lưng như cái cối xay, cái đuôi như cây chà giả gạo, chòm lông đuôi như cây chổi. Mỗi người mù đều cho rằng mình nói đúng, tranh cãi dữ dội, la lối om sòm: "Phải vậy mà! Không phải đâu! Con voi là thế này chứ chẳng phải thế kia!". Rồi nhóm người mù đi đến xung đột, đấm đá nhau. Đức vua rất thích thú đùa bỡn với trò chơi ấy.

"Này các Tỳ kheo, những đạo sĩ, Bà La Môn, khất sĩ du phương trong các giáo phái khác cũng mù quáng như thế nên không nhìn thấy chi cả. Họ không biết đâu là mục đích giải thoát, đâu là không phải. Cái nào là Chánh Pháp và cái nào không phải. Lẽ đó họ luôn luôn gây ra tranh chấp, cãi vã, xung đột với nhau vì không biết rõ thế nào là mục đích giải thoát, thế nào không phải và đâu là Chánh Pháp và đâu là không phải.

-- Kinh Phật Tự Thuyết, Udana 66-69

Lời của dịch giả

*Hạng phạm phu nhận định những sự
việc với đôi mắt thịt, dùng lý trí suy*

*đoán các hiện tượng nên thường hay
lầm lẫn. Chỉ có bậc hiền triết dùng
sự hiểu biết siêu nhân mới thấu rõ
mọi vật đúng theo chân lý.*

*Đức Phật ví những đạo sĩ, Bà La
Môn, khát sĩ chưa giác ngộ như
những người mù, vì họ không thấu rõ
lý Tứ Diệu Đế và tư cách sanh diệt
của chúng sanh (Thập Nhị Nhân
Duyên) suy nghĩ vu vơ, vô căn cứ rồi
cho rằng kiến thức của mình là đúng
chân lý và phủ nhận các lý thuyết
khác.*

*Đức Phật dùng danh từ "Mục đích
giải thoát" để ám chỉ Niết Bàn.
Người chưa giác ngộ không sao hiểu
rõ Niết Bàn là thế nào. Cũng như
con cá hỏi rùa vậy nơi đất liền có
sông rạch không? Và muốn biết nó
có thể lội trên đó được không? Dù
rùa giải thích thế mấy nó cũng không
nghe.*

*Còn Chánh Pháp là nói về Tứ Diệu
Đế, giáo lý căn bản của đạo Phật.
Con người chỉ hành theo Bát Chánh
Đạo (Đạo Đế) thì mới mong thoát
khổ. Ngoài đạo Bát Chánh không thể
có đạo quả thánh nhân.*

*Những người mù mắt tuy không thấy
nhưng tai vẫn nghe kẻ khác nói, rồi
căn cứ vào đó để suy tưởng mọi việc
một cách sai lầm.*

*Trong sáu năm tu khổ hạnh, Đức Bồ
Tát Sĩ Đạt Ta đã gặp hai ông thầy là
Alara và Uddaka. Mỗi ông có đường*

lối hành đạo khác nhau và tin tưởng rằng mình đã giải thoát. Năm thầy Kiều Trần Như cũng cố chấp lối tu khổ hạnh của mình là đúng. Sau khi đắc đạo Đức Phật đã tận dụng 3500 phép thần thông nhưng vẫn không thuyết phục được Đại Đức Kassapa thờ thân lửa và sau cùng phải dùng tới phép mầu cùng tột gọi là Phép Mầu về Giáo Pháp (uy lực tuyệt đối của Đức Chánh Biến Tri) mới xong.

Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya) có ghi lại một mẩu chuyện lý thú có liên quan tới bài Pháp trên đây:

"Thuở nọ, một ông già Bà La Môn có bà vợ trẻ tuổi mà ông ta rất tưng tiu chịu chuộng. Bà vợ có ghen và lúc gần sanh buộc chồng tìm mua cho được một con khỉ đực để làm bạn với đứa trẻ sắp ra đời. Người chồng già nói: "Xin nàng hãy đợi tới lúc sanh sản rồi mới biết là gái hay trai. Nếu được con trai thì tôi sẽ mua một con khỉ đực cho nó chơi. Còn sanh gái thì tìm một con khỉ cái". Thầy Bà La Môn năn nỉ ba lần như vậy nhưng bà nung nịu không nghe nên đành ra chợ mua con khỉ đực đem về để làm vừa lòng người vợ trẻ. Bà lại sai chồng đem con khỉ đến người thợ Rattapani mượn nhuộm lông nó ra màu cho lạ hơn những con khỉ khác, và dặn chồng bảo anh thợ nhuộm phải dầy vô con khỉ cho lông nó dễ ăn màu.

Người thợ nhuộm Rattapani nói với lão Bà La Môn rằng anh ta có thể

nhuộm lông con khi ăn màu tốt được phần nào hay phần ấy chứ không thể dày vò con khi, vì làm vậy nó sẽ chết mất. Chỉ có hàng vải mới có thể dày vò cho dễ ăn màu.

Còn cô vợ trẻ của ông Bà La Môn chưa sanh con, không biết nó sẽ là gái hay trai, lại buộc người chồng già phải tìm mua con khi được cho đưa bé chơi, nững nịu bảo chồng đem con khi đi nhuộm màu và dày vò nó như nhuộm vải. Thật là điên rồ!

Bởi vậy Đức Thế Tôn, trước giờ nhập diệt có thuyết cho đạo sĩ Subhadha nghe như vậy: "Này Subhadha, người chớ nên hỏi xem các vị giáo chủ thuộc ngoại đạo đều đắc quả thánh nhân hay chỉ có vài vị đắc và vài vị không đắc? Người nên nhớ rằng bất cứ những ai thuộc chủng tộc nào, thuộc giai cấp nào, khi biết hành theo Bát Chánh Đạo thì đạo quả thánh nhân (A La Hán) vẫn còn. Ngoài Đạo Bát Chánh không có đường lối nào khác có thể đưa người đến giải thoát hoàn toàn.

(Xin xem tiếp [Tập 3](#))

-ooOoo-

[\[Mục lục\]](#)[\[Tập 1\]](#)[\[Tập 2\]](#)[\[Tập 3\]](#)[\[Tập 4\]](#)

Phật giáo Nguyên thủy

PHÁP TRÍCH LỤC T3

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Phật Bảo Tự tái bản

Pagode Buddhataranarama

3, Rue Broca

91600 Savigny Sur Orge - France

Tel: 01 69 96 49 34

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienlienhoa.net>

Chuyển sang ebook 06-12-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Ba tháng trước khi Đức Phật Thích-Ca Gotama nhập Niết-Bàn

Chế-ngự nổi kinh-hoàng nơi rừng vắng

Dòng nước tử sanh

Đức Phật giải về tư-cách vô-thường của những cảnh-vật thiên-nhiên.

Kỳ-thị về giai-cấp

Thế nào là bậc sa-môn?

Kiến-thức của những người mù

Những nguyên-tố

Những phép màu

Đức-Phật chê những phép thần-thông và tha tâm thông

Đức Phật trách phạt Tỳ-khuru Pindola Bharadvaja

Lời giáo-đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Ông hoàng Mahānāma chưa dứt trừ được phiền-não

Giây oan-trái nên mở chớ không nên buộc

Khúc gỗ trôi ra biển cả

Tư-cách dứt bỏ

Công-phu hành đạo

Thiền khái-luận về Minh sát tuệ (Vipassanā dipani)

Thiền "khái-luận"

---o0o---

Pháp Trích Lục

Ngăn-ngủi thay cái kiếp nhân-sinh! Nó thoáng qua và hầu như lần tránh.

Qui-luật của nó là cái chết, luôn-luôn ám-ảnh những niềm vui.

-- MAJJHIMA NIKAYA

---o0o---

Lời tựa

Tư-cách chẳng làm điều dữ

Tư-cách làm thêm việc lành

Tư-cách làm cho tâm trong sạch

Đó là Giáo-Pháp của Chư Phật.

Cũng như vua Mi Lan Đà muốn làm cho Đức Na Tiên bí lỗi, một trí-giả có tánh hay nguy-biến thời Trung Cổ hỏi nhà hiền-triết Hy-Lạp: "Vậy trên thế-gian này, việc gì khó làm nhất?"

Nhưng ông ta hết sức ngỡ-ngần, không hiểu gì cả khi nghe nhà hiền-triết trả lời: "Việc khó làm nhất là học để tự biết lấy mình".

Câu này đồng nghĩa với câu "Tu để thấy tánh thành Phật" mà chúng ta thường được xem qua trong các kinh sách.

Mà thật vậy, đã trải qua nhiều thế-hệ, các bậc thánh-nhân, các nhà hiền-triết, các tư-tưởng gia đều không ngớt tìm hiểu cái thực chất của con người là thế nào?

Các ngài khám-phá trong con người có nhiều đặc-tính trái-nghịch nhau: Khi thì chìm đắm xuống tận đáy sâu của tội-lỗi, khi thì vượt lên đỉnh cùng tột của giới đức thanh-cao.

Trong mỗi cá-nhân thường có hai hạng người: lúc thì tượng-trung cho loài yêu-quái hung-tàn, khi thì thánh-thiện như bậc đại-hiền cao-quý.

Những nghi-vấn về nhân-loại là bài toán rắc-rối nhất, suốt sáu ngàn năm lịch-sử thế-giới đã làm bận lòng biết bao nhà tâm-lý học, huyền-học, triết luận ... đã làm mệt mỏi biết bao ngòi bút đặc-sắc, đã làm rối-rắm những câu

ngôn-ngữ hùng-hồn, đã làm điên-đảo nhiều trí óc thông-minh trong việc tìm kiếm một lời giải-đáp thích-nghi.

Trong mỗi con người đều có một điểm linh quang cứu-cánh, nhưng nó thường bị che lấp bởi vô-minh dày đặc đượ cái tâm ái-dục củng-cố từ vô-lượng kiếp.

Điểm linh quang đó (Trí-Tuệ Giải-Thoát) chỉ phát-hiện đến những con người dũng-cảm nhiệt-thành, biết nhận-thức đúng theo chân-lý ba tướng: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của muôn loài.

Người đời cố duy-trì liên-tục những tư-tưởng về dục lạc và cũng ráng sa-thải đối-tượng của nó là sự khổ đau, nhưng đã vô-tình kéo dài niềm thống-khổ.

Phân-tách toàn-diện hiện-tượng sinh-tính giữa cái sống và cái chết cho thấy chúng ta biết cái sống, còn cái chết thì không biết. Ta sợ cái mình không biết và cũng sợ mất cái mà ta biết. Tuy-nhiên, sống và chết đều cũng nằm trong một chuỗi dài diễn biến nối-tiếp với nhau mà thôi.

Thật ra, sự sống chỉ là tư-cách lang-thang trôi giạt triền-miên của tâm thức, một hiện sinh làm bằng tranh-đấu, bằng lo-âu, bằng ái-dục, bằng sự bất an khôn-khổ để tìm một nơi yên nghỉ mà không sao đạt được.

Với nền văn-minh khoa-học hiện-đại, trên khắp mặt quả địa-cầu, từ chót cao tốt của dãy Hi Mã Lạp Sơn đến vực sâu cùng-tận của Đại Tây Dương, từ bãi sa-mạc Trung Phi nắng cháy đến miền tuyết-băng đông đặc của Bắc Cực, và còn hơn thế nữa ... đến cung trăng, chẳng một nơi nào thoát khỏi dáu chân của loài người.

Nhưng ai nấy đều thúc-thủ ngẩn-ngơ, vì không tài nào thám-hiểm nổi vực sâu của cái thế-giới thu hẹp bề cao không tới hai thước, là chính bản-thân.

Hạng phạm-phu thiếu-trí quan-niệm con người qua xác thân bằng xương bằng thịt với tứ-chi ngũ-tạng và chẳng thích thú gì khi thấy xác thân đó bị côn-trùng đục-khoét, tan rã sau khi chết, nhưng ráng tập quen với cảnh-tượng chán-chê này cho đỡ khổ.

Nhiều tôn-giáo, với lý-tưởng nông cạn, thô-sơ, cũng nhìn-nhận rằng thế-gian là khổ, nên cố suy tạo ra những cảnh-giới khác an vui, hạnh-phúc hơn, dành riêng cho con người sau khi chết. Ki Tô Giáo cho rằng con người là kẻ có tội. Hồi-Giáo nói rằng con người thuộc hạng xấu số và Bà La Môn Giáo thì dùng con người để trải-nghiệm lý-thuyết Nhị-Nguyên.

Riêng Phật-Giáo lại có một lẽ-lối nhận định vi-tế, thuận-lý, về bản-chất bí-ẩn của tất cả chúng-sinh, cho rằng sở-dĩ chúng-sinh phải bị luân-hồi khổ hải

vì luôn-luôn đeo đuổi theo những hình-ảnh giả-tạo bên ngoài và bỏ rơi cái chân tánh thiêng-liêng đã sẵn có bên trong.

Căn-bản của đạo Phật là một cuộc cách-mạng triệt-để về tâm-lý để đưa con người từ ngoại-cảnh trở lại nội-tâm, từ lãnh-vực phàm-nhân sang lãnh-vực siêu-nhân, bằng những đường lối luân-lý, đạo-đức, rất thực-tiễn và khoa-học. Đức Phật nói tâm ái-dục là người thợ tạo ra cái nhà ngũ uẩn và hân-hoan tuyên-bố khi vừa thành đạo: "Ta đã tìm ra người thợ cất nhà rồi! Từ nay người chẳng còn tạo-tác nữa". Ngài thêm rằng chính cái thân ô-trược này là nguồn gốc của muôn vàn thống-khổ.

Các tôn-giáo khác cho rằng sự khổ chỉ có ở trong thế-gian này. Đức Phật nói rằng nỗi khổ lan tràn khắp Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Dù là chư-thiên trên cõi trời vô sắc, cũng vẫn chịu khổ nhỏ-nhen vì phải mang một thân xác tuy vô-hình nhưng sẽ tan biến trong thời-gian nào đó. Lẽ ấy, người hành đạo cần phải diệt trừ ái-dục, để phá vỡ cái nhà ngũ-uẩn thì mới mong thoát khổ.

Người đời cho rằng hơn là vui, thua là khổ. Phật-Giáo dạy rằng hơn hay thua cũng đều là khổ. Trong suốt quá-trình sanh tử, tử sanh, nhiều duyên nghiệp đã biến con người trở thành tham-lam ích-kỷ, hung-hăng, tàn-bạo, sống động, tranh-chấp, xung-đột, giết hại lẫn nhau, nước mắt đổ ra nhiều hơn nước trong biển cả và đã phơi xác trên khắp bãi tha-ma.

Đúng theo tinh-thần Phật-Giáo, tư-cách an vui tuyệt-đối không phải là một cảnh-giới cố-định, cũng chẳng phải là cõi thiên-đàng hay cực-lạc, mà là một trạng-thái siêu-việt bất-di bất-dịch, như Đức Thế Tôn đã thuyết trong kinh Udana:

"Thật ra, có một vương quốc mà tại đó không có gì là rắn chắc, lưu động, nung nóng, rung chuyển (Tứ-Đại), không có quả địa-cầu này hay quả địa-cầu khác, không có cái mặt trời, mặt trăng, không cao, không thấp, không tới, không lui, không sanh, không diệt, không nền móng, không tiến triển, không hình thành. Đó là trạng-thái chấm-dứt nguồn thống-khổ (Niết-Bàn)".

Phần lớn, những thánh kinh trong các tôn-giáo khác đều được dành cho vô-số giáo-điều và nghi-lễ phụng thờ khẩn vái, cầu xin ân trên đoái-hoài cứu rỗi.

Trái lại, Đức Phật nói rất ít về bổn-phận ở đời của người Phật-Tử tại-gia, không dạy cúng kiến khẩn cầu và hầu hết tám muôn bốn ngàn Pháp Môn đều chú-trọng về đường lối hành đạo, trau-giồi giới đức, rèn luyện nội-tâm để mau thoát khổ.

Tất cả những Phật ngôn trong quyển "Pháp Trích Lục" đều nhắm về các Pháp Hành có tính-cách lợi-ích quan-trọng dành riêng cho bậc hành-giả nhiệt-thành dũng-cảm quyết-tâm đi tới mục-đích an vui cao-thượng.

Phần sau, có Thiên Khái Luận về "Minh Sát Tuệ" do Đại-Đức Thiên-Su LEDI SAYADAW sáng-tác ra từ năm 1915 tại Mandalay (Miến-Điện), công-hiến thêm nhiều tài-liệu và chi-tiết đặc-biệt để nâng-đỡ hữu-hiệu các Phật-Tử thiết-tha với Pháp tu Thiên-Định.

Huỳnh Văn Niệm

---o0o---

Đức Phật và ma-vương có liên quan chặt-chẽ với nhau, nên cả hai đều xuất-hiện cùng một lúc.

Bên này là xây-dựng, là bảo-trì, là ánh-sáng, là cõi sống.

Bên kia là tàn-phá, là hủy-diệt, là bóng tối, là cõi chết.

-- MILINDA PANHA

Ba tháng trước khi Đức Phật Thích-Ca Gotama nhập Niết-Bàn

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambudhassa

Sáng sớm, Đức Thế Tôn mặc y mang bát đi trì bình về phía thành Vesali. Sau khi trở về độ ngộ xong, Ngài dạy Đại-Đức Ananda như vậy: "Này Ananda, người hãy mang theo một chiếc chiếu cho Như Lai vào nghỉ trưa tại thánh-địa Chapala". Đức Ananda liền ôm chiếu đi theo sau Đức Phật.

Khi đến nơi, Ngài an-tọa trên chiếu và Đức Ananda cung-kính ngồi bên ngoài gần đó. Bỗng-nhiên Đức Phật mở lời: "Này Ananda, thành Vesali thật tráng-lệ huy-hoàng làm sao! Lại còn nhiều thắng-cảnh khác rất hấp-dẫn, thú-vị biết bao! Như những thánh-địa Udena và Gotamaka, thánh-địa Bảy Cây Xoài, những thánh-địa Sarandada và Chapala".

Rồi Đức Thế Tôn thuyết tiếp: "Này Ananda, người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển, đã thành-đạt bốn pháp Tứ Như Ý Túc (hay là Tứ Thần Túc), đã vượt lên tới tột điểm của Pháp-Môn ấy và có khả-năng điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, làm căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống tới một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp ấy".

"Này Ananda, Như Lai đã thực-hành và thành-đạt hoàn-toàn bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc' và biết dùng chúng làm phương-tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-gian còn lại của kiếp đó".

Thật thấy rõ-rệt. Nhưng Ngài Ananda lại không nhận-thức được sự gọi ý của Đức Thế Tôn nên vẫn im lặng, chẳng tỏ một lời thành khẩn: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài rộng lòng từ-bi, bác-ái ở lại với chúng con cho tới hết kiếp quả địa-cầu. Ở lại vì hạnh-phúc của phần đông. Ở lại vì tình thương đối với chúng-sinh, vì lợi-ích an vui cho khắp chư-thiên và nhân-loại". Rủi thay, khi ấy tâm-trí của Đức Ananda bị ma-vương ám-ảnh.

Đức Phật lập lại những lời nói đó đến lần thứ nhì, lần thứ ba, nhưng Ngài Ananda vẫn lặng thinh.

Rồi Đức Phật dạy Đại đức Ananda đi hành-sự tùy-ý, để cho Ngài an nghỉ. Đại đức Ananda đi vòng qua bên phải Đức Thế Tôn, kính-cẩn đánh lễ rồi tìm đến dưới một cội cây, ngồi cách xa nơi đó.

Vừa lúc ấy, ma-vương hiện đến, đứng trước Đức Đại Giác và khẩn cầu: "Kính bạch Đấng Chí Tôn, xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong để giữ đúng lời hứa hẹn khi Ngài vừa thành đạo. Lúc đó Ngài có nói như vậy: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, Như Lai chỉ ra đi khi nào các đệ-tử khắp hàng tứ chúng: tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, thiên-nam, tín-nữ có đầy đủ đức tin cao cả và được thuần-thục trong giáo pháp. Khi nào chúng trở nên nhiệt-thành dễ dạy, học-thức uyên-thâm. Khi nào các đệ-tử thông-suốt giáo-lý, biết tẩy-trừ những điều xấu-xa tội-lỗi. Khi nào chúng biết sống theo lẽ phải, nghiêm-trì giới-luật, có đủ khả-năng làm phát-triển chân-lý, biết truyền-bá chánh pháp một cách giới-giảng, rành-mạch. Khi nào các đệ-tử có đủ tài-đức phổ-biến giáo-lý và làm cho chánh đạo được lan rộng khắp nơi".

Ma-vương tiếp: "Kính Bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, hiện nay các tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni trong tăng-hội, những môn-đệ nam nữ tại-gia đều có đầy đủ đức tin và thuần-thục trong giáo pháp, đều nhiệt-thành dễ dạy, học-thức uyên-thâm, đều suốt-thông giáo-lý, biết tẩy-trừ những tật xấu-xa tội-lỗi, đều biết sống theo lẽ phải, nghiêm-trì giới luật, có đủ khả-năng làm phát-triển chân-lý, truyền-bá chánh pháp một cách giới-giảng, rành-mạch, biết phổ-biến giáo-lý và khuếch-trương chánh đạo lan rộng khắp nơi. Kính Bạch Đấng Chí Tôn Chí Thánh, vậy xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay. Đã đến lúc Ngài nên diệt độ cho xong, để giữ đúng lời cam-kết khi vừa thành đạo".

Khi ma-vương dứt lời, Đức Phật đáp: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, vậy ngươi nên vững dạ, toại chí reo mừng đi. Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ lìa bỏ trần-gian trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

Tại thánh-địa Chapala, với tâm-trí hoàn-toàn sáng-suốt, Đức Thế Tôn đã dứt-khoát về cuộc đời trên cõi thế.

Và lúc Ngài quyết-định vừa xong, quả địa-cầu chuyển-động vô-cùng khủng-khiếp, vòm trời tối sầm ảm-đạm, sầm sét tua vang rền khắp bốn phương tám hướng.

Đức Thế Tôn hân-hoan ngâm kệ:

*Đấng Đại Hiền từ bỏ định-kỳ về lẽ sống,
Sa-thải căn-nguyên lớn nhỏ của kiếp nhân-sinh,
Với nội-tâm an-tĩnh nhẹ-nhàng, Ngài phá vỡ mảnh thiết-y,
Nguồn-gốc của cuộc đời huyền-ảo.*

Khi ấy, Đại đức Ananda phát tâm suy-nghĩ: "Thật lạ thay! Tại sao quả địa-cầu chuyển-động khủng-khiếp như thế? Tại sao sầm sét lại bủa khắp vòm trời?". Nghĩ xong, Ngài đến nơi Phật ngự, cung-kính đảnh lễ, ngồi kế bên và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, thật lạ thay! Kỳ-diệu thay! Chẳng biết do duyên-cớ nào, do nguyên-nhân gần hay xa mà quả địa-cầu chuyển-động mạnh-mẽ và sầm sét bủa khắp vòm trời như thế?".

Đức Phật đáp: "Này Ananda, có tám nguyên-nhân gần hoặc xa làm cho trái đất rung-chuyển vì quả địa-cầu hùng-vĩ này được thành-hình trên nước, nước ở trên gió và gió ở trên hư-không. Sau đây là tám nguyên-nhân đó:

1) Có lúc những ngọn cuồng-phong thổi mạnh, làm cho khối nước lay-động dữ-dội. Tiếp theo đó, các lượn sóng ba-đào tung bủa khắp nơi làm cho quả địa-cầu rung-chuyển. Đây là nguyên-nhân gần hoặc xa thứ nhất làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

2) Khác nữa là trường-hợp một đạo-sĩ hay Bà La Môn có nhiều năng-lực nhiệm-mầu do pháp Thiên-Định, biết chế-ngự nội-tâm, hoặc một thiên-thần nào đó tham-thiền về thành-phần nhỏ của chất đất rồi đem nó ra so-sánh với khối nước rộng lớn bao-la. Trạng-thái phân chia lớn nhỏ về các hiện-tượng vật-chất đó là một phương-tiện hữu-hiệu mà những hành-giả kể trên có thể áp-dụng để làm rung-chuyển quả địa-cầu. Đây là nguyên-nhân gần hoặc xa thứ hai làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

3) Khác nữa là trường-hợp một vị Bồ-Tát sáng-suốt biết mình rời khỏi cung trời Đâu Xuất giáng-trần để kết vào thai-bào. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ ba làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

4) Khác nữa là trường-hợp Đức Bồ-Tát sáng-suốt biết mình rời khỏi lòng mẹ. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ tư làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

5) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai được hoàn-toàn giác-ngộ, thành-đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ năm làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

6) Khác nữa là trường-hợp một Đức Phật Toàn Giác chuyển bánh xe Pháp để cứu độ chúng-sinh. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ sáu làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

7) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai quyết-định rời khỏi thế-gian. Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ bảy làm cho quả địa-cầu chuyển-động.

8) Khác nữa là trường-hợp một Đấng Như Lai hoàn-toàn tịch-tĩnh vào cõi Niết-Bàn, không còn dư sót gì trên cõi thế (ngũ-uẩn tuyệt-đối tan rã). Đây là nguyên-nhân gần hay xa thứ tám làm cho quả địa-cầu chuyển-động".

---o0o---

I- Tám kiến-thức cao-thượng

"Này Ananda, còn đây là tám kiến-thức cao-thượng (liên quan đến sắc trần và các giác-quan):

1) Khi người giới-tử có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách hữu-biên (có giới-hạn), mà biết chế-ngự nó (không chấp). Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ nhất (liên quan đến sắc trần và các giác-quan).

2) Khi người giới-tử có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách vô-biên (không có giới-hạn) mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ hai.

3) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách hữu-biên mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ ba.

4) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi cao-quý hay hèn-hạ, vừa lòng hay Phật ý, có tính-cách vô-biên mà biết chế-ngự nó. Người sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về những gì mình đã thấy, đã biết. Đó là kiến-thức cao-thượng thứ tư.

5) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu xanh, hình-dáng xanh, phản-chiếu ra sắc xanh như bông cây gai mang màu xanh, có hình-dáng xanh, phản-chiếu ra màu xanh. Hoặc thứ nhưng xanh làm tại thành Bénarès ửng ra màu xanh cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu xanh mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ năm.

6) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu vàng, hình-dáng vàng, phản-chiếu ra sắc vàng như bông Kanikara mang màu vàng, có hình-dáng vàng, phản-chiếu ra màu vàng. Hoặc thứ nhưng vàng làm tại thành Bénarès ửng ra màu vàng cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu vàng mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ sáu.

7) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu đỏ, hình-dáng đỏ, phản-chiếu ra sắc đỏ như bông Bandhu Givaka mang màu đỏ, có hình-dáng đỏ, phản-chiếu ra màu đỏ. Hoặc thứ nhưng đỏ làm tại thành Bénarès ửng ra màu đỏ cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu đỏ mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ bảy.

8) Khi người giới-tử không có tư-tưởng chủ-quan về sắc trần, nhìn thấy ở ngoài bản-thân vật chi có màu trắng, hình-dáng trắng, phản-chiếu ra sắc trắng như ánh sao mai mang màu trắng, có hình-dáng trắng, phản-chiếu ra màu trắng. Hoặc thứ nhưng trắng làm tại thành Bénarès ửng ra màu trắng cả hai mặt. Người giới-tử sáng-suốt nhận-định đúng theo chân-lý về vật gì mang màu trắng mà mình đã thấy, đã biết và chế-ngự nó. Đó là kiến-thức cao-siêu thứ tám".

Tám giai-đoạn thoát-ly ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về các sắc trần:

"Này Ananda, sau đây là tám giai-đoạn thoát-ly ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về các sắc trần:

1) Khi người mang một sắc-tướng (xác thân), biết nhìn xem những sắc-tướng khác. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ nhất.

2) Khi người không biết mình mang một sắc-tướng, biết nhìn xem những sắc-tướng ở ngoài bản-thân. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ hai.

3) Khi người có ý nghĩ: "Đó là tốt tươi, đẹp đẽ" rồi hoàn-toàn bị cảm nghĩ đó thu hút. Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ ba.

4) Khi người vượt qua khỏi ý nghĩ về hình-sắc, không còn xúc-động bởi sự va chạm với sắc trần, chẳng quan tâm đến tư-cách khác biệt về hình-sắc và nghĩ rằng: "Toàn là hư-không vô-biên". Lúc đó người ở vào tình-trạng "Không Vô-Biên". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ tư (Bậc Thiền Vô Sắc thứ nhất "Không Vô-Biên Thiên").

5) Vượt qua khỏi giai-đoạn Không Vô Biên, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là Tri-Giác Vô-Biên" và bước vào trạng-thái "Thức Vô Biên". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ năm (Bậc Thiền Vô Sắc thứ hai "Thức Vô-Biên Thiên").

6) Vượt qua khỏi giai-đoạn Thức Vô-Biên, người suy nghĩ: "Chẳng có gì cả" và bước vào trạng-thái "Vô-Hữu". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ sáu (Bậc Thiền Vô Sắc thứ ba "Vô-Hữu Sở Thiên").

7) Vượt qua khỏi giai-đoạn Vô-Hữu, người suy nghĩ: "Chỉ toàn là trạng-thái Không Có Không Không về tư-tướng" và bước vào lãnh-vực "Phi Phi Tướng". Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ bảy (Bậc Thiền Vô Sắc thứ tư "Phi Phi Tướng Thiên").

8) Vượt qua khỏi lãnh-vực Phi Phi Tướng, người bước vào trạng-thái cuối cùng cao tột, chẳng còn tư-tướng và cảm-giác gì cả: "Diệt Thọ Tướng" (Giải-thoát hoàn-toàn). Đây là giai-đoạn giải-thoát thứ tám".

---o0o---

II- Lời hứa với Ma-vương

"Này Ananda, một thuở nọ, vừa sau khi thành đạo và lúc Như Lai đang ngồi nghỉ dưới cội cây Nigrodha, trên bờ sông Neranjara (Sông Ni Liên), thì ma-vương xấu-xa tội-lỗi hiện đến trước mặt Ta và nói: "Hỡi Đấng Chí Tôn Chí Thánh! Xin Ngài hãy ra đi nội hôm nay, hãy diệt độ nội hôm nay. Đã đến lúc Đấng Chí Tôn nhập Niết-Bàn".

"Này Ananda, Như Lai liền đáp: "Này ma-vương xấu-xa tội-lỗi, Ta không khi nào tịch diệt trước khi tăng-chúng và hàng thiện-nam, tín-nữ tại-gia có đầy đủ đức tin, trở nên thuần-thục dễ dạy, thông-suốt ghi nhớ giáo pháp từ phần phụ-thuộc tới phần chánh-yếu, và có đủ tài đức đem ra giảng-giải, chỉ giáo rành-mạch, phổ-biến rộng-rãi để đối-phó với những lý-thuyết sai-lầm, tà-vạy ... Ta không khi nào nhập-diệt trước khi giáo-ly trong trắng, toàn-hảo, của Ta xây-dựng chưa được khuếch-trương rộng-rãi đến hàng nhân-loại, chánh pháp chưa được thịnh-hành, phong-phú".

"Này Ananda, và hôm nay, tại thánh-địa Chapala, ma-vương cũng vừa hiện đến nhắc lại những lời Ta thốt ra khi trước. Như Lai cũng đã trả lời: "Hỡi ma-vương xấu-xa tội-lỗi! Ngươi hãy toại chí vui mừng đi. Ta sẽ ra đi trong

những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh-địa Chapala, Đức Như Lai đã sáng-suốt dứt-khoát cuộc đời trên cõi thế".

Sau khi Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Ananda mới thiết-tha thành khẩn: "Bạch Đấng Đại Giác, xin Ngài rộng lượng từ-bi, bác-ái ở lại với chúng con cho hết kiếp này. Ở lại vì tình thương đối với chúng-sinh. Ở lại vì lợi-ích an vui cho phần đông. Ở lại vì hạnh-phúc của chư-thiên và nhân-loại".

Đức Phật đáp: "Này Ananda, không thể được, nơi chốn khá khẩn cầu. Thời-kỳ van xin đã qua rồi".

Đại đức Ananda lập lại lời khẩn nguyện lần thứ nhì, lần thứ ba.

Đức Phật nói: "Này Ananda, hỏi vậy ngươi có đức tin nơi Tuệ-Giác của Như Lai không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử đã tin chắc".

- "Như vậy, tại sao ngươi còn làm rộn Ta đến lần thứ ba?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, chính đệ-tử có nghe từ cửa miệng Ngài thuyết ra như vậy: "Người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển và đã thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc', đã vượt lên tới tột điểm của pháp-môn ấy và có khả-năng điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, một căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp đó. Và Đức Như Lai cũng đã thực-hành và thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc'. Nếu muốn, Ngài có thể kéo dài cuộc sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-gian còn lại của kiếp đó".

Đức Phật hỏi: "Ngươi đã nhớ chắc như vậy?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, phải".

- "Đó là lỗi tại ngươi. Như Lai đã ngõ lời rõ-ràng minh-bạch. Nhưng vì quá tối-tăm, nên ngươi không suy đoán ra sự gợi ý và chẳng khẩn cầu Ta ở lại. Đức Như Lai có thể khước-từ hai lượt trong lúc đó, nhưng tới lần thứ ba ắt đã nhận lời. Đó là lỗi tại ngươi. Vì ngươi quá tối mê, lầm-lẫn".

"Này Ananda, và cũng trong hôm nay, tại thánh-địa Chapala, Như Lai có gợi ý như vậy: "Thành Vesali thật tráng-lệ huy-hoàng làm sao! Lại còn có nhiều thắng-cảnh khác rất hấp-dẫn thú-vị biết bao! Như những thánh-địa Udena và Gotamaka, thánh-địa Bảy Cây Xoài, hai thánh-địa Sarandada và Chapala". Rồi ta lại nói: "Người nào đã thực-hành, đã làm phát-triển, đã thành-đạt bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc', đã vượt lên tới tột điểm của pháp-môn đó và có khả-năng

điều-khiển nó tùy theo sở-thích, thì người dùng đó làm một phương-tiện, làm căn-bản. Nếu muốn, người có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hoặc suốt thời-gian còn lại của kiếp đó". Ta cũng có nói: "Nhu Lai đã thực-hành và thành-đạt hoàn-toàn bốn pháp 'Tứ Như Ý Túc' và biết dùng chúng làm phương-tiện. Nếu muốn, Ta có thể kéo dài đời sống bằng một kiếp trái đất hay suốt thời-kỳ còn lại của kiếp đó". Nếu không tối mê và suy-đoán được những điều ấy, hẳn người đã thỉnh cầu Nhu Lai ở lại. Ta có thể khước-từ lần thứ nhất, lần thứ hai, nhưng chấp-nhận đến lượt thứ ba. Đó là lỗi tại người. Vì người đã tối mê lâm-lẫn".

"Này Ananda, giờ đây Ta nhắc lại những lời đã công-bố trước kia rằng: "Bản-chất của những vật cấu-tạo thân yêu trùu-mեն là vô-thường, khôn-quản. Thế nào cũng phải xa lìa chúng. Không sao khác được. Mỗi vật được thành-hình do sự phối-hợp, tất-nhiên phải có ngày tan rã. Làm sao tránh khỏi sự đổ vỡ đặng? Không tìm đâu ra một trường-hợp như vậy".

"Này Ananda, bởi lẽ đó Nhu Lai đã vất bỏ xác thân, đã thoát-ly ra khỏi quan-niệm về sắc-tướng và chẳng ngại gì đến sự kéo dài kiếp sống, nên Ta đã dứt-khoát công-bố: "Đấng Nhu Lai sẽ ra đi trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Nhu Lai sẽ nhập Niết-Bàn". Không vì lẽ tham sống mà Nhu Lai chẳng giữ lời nói? Sự việc này được quyết-định với đầy đủ trí-tuệ, không sao thay đổi đặng".

Rồi Đức Thế Tôn dạy Đại đức Ananda nhóm họp tất cả tăng-chúng tại phòng giảng Kutagara để nghe lời giáo-huấn trước buổi chia ly.

---o0o---

III- Những di-ngôn tối-hậu tại Vesali

Đức Thế Tôn vào ngự trong phòng giảng Kutagara.

Ngài an-tọa trên bực thảm xong rồi thuyết:

"Hỡi này các tỳ-khưu! Những chân-lý đã được khám-phá, Nhu Lai đều đem ra chỉ dạy các người. Các người nên ráng học-hỏi suốt-thông, cố gắng thực-hành. Các người nên chú-tâm quán xét về những chân-lý ấy, hãy phổ-biến rộng-rãi khắp gần xa, làm cách nào cho chân pháp được trường-tồn, vĩnh-cửu, bền-bỉ lâu dài vì lợi-ích của phần đông, vì tình thương chúng-sinh, vì hạnh-phúc an vui cho chư Thiên và nhân-loại".

"Này các tỳ-khưu, mà những chân-lý đã được khám-phá và Nhu Lai đem ra chỉ dạy các người là thế nào? Đó là:

- Tứ Niệm Xứ (Bốn Pháp Niệm Tương căn-bản).
- Tứ Chánh Cần.

- Tứ Như Ý Túc.
- Ngũ Căn.
- Ngũ Lực.
- Thất Giác Chi (Bảy nhân sanh quả Bồ Đề).
- Bát Chánh Đạo.

"Hỡi các tỳ-khưu! Vậy các người hãy nghe đây:

"Tất cả những vật hữu-vi (cấu-tạo) đều phải hư hoại. Các người nên đem hết sức mình để tìm lối thoát. Đức Như Lai sẽ tịch diệt trong những ngày sắp tới. Kể từ hôm nay, hết ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn".

Rồi Ngài ngâm kệ:

*Những năm dài nay đã tròn đủ.
 Kiếp sống Ta cũng đã tới ngày chấm dứt.
 Vĩnh-biệt các con, Như Lai sắp ra đi.
 Và chỉ biết trông cậy nơi Ta.
 Vậy các con hãy luôn-luôn chăm chú, ghi nhớ biết mình.
 Hãy bền lòng niệm tưởng, quán xét nội tâm.
 Kẻ nào một dạ chẳng sờn,
 Sẽ vượt qua khỏi trùng-dương sanh tử,
 Sẽ kết-thúc tất cả những điều thống-khổ.*

-- MAHAPARINIBBANA SUTTA, XVI - DIGHA NIKAYA

Lời của soạn giả:

A. Ấn-ý của Đức Phật về cảnh-vật

Cũng như phần đông hạng phàm-nhân, nhà sư khảo Phật Học Pháp P. Oltramara nhận-định sai-lầm về đoạn kinh Đại Niết-Bàn, cho rằng Đức Phật còn có tâm trữu-mền thân-bằng quyến-thuộc và còn luyến-tiết trần-gian, nên Ngài thường tìm cách cứu độ người thân và ca-ngợi những cảnh-vật đẹp đẽ, vân-vân ... Thật ra, Đức Phật luôn-luôn hết lòng tế-độ những người hữu-duyên nên tế-độ. Ngài tiếp độ cha mẹ, vợ con, chẳng qua là những nhân-vật này đã có kết-duyên với Ngài trong vô-số kiếp quá-khứ. Bằng-cớ là Đức Phật không thể độ cha vợ Ngài là đức vua Thiện Giác. Ngoài ra, khối người nhờ Ngài dạy bảo nên được giác-ngộ còn nhiều hơn gia-quyến Ngài gấp muôn triệu lần. Ngài độ từ kẻ cướp Angulimala đến những loài ác-thú và các thiên-thần hung-hăng, ngoan-cố.

Tại đây, trường-hợp ca-ngợi thành Vesali và những thánh-địa chỉ là một gợi ý. Nếu Đức Ananda suy đoán ra, thì đã thỉnh Ngài kéo dài kiếp sống để cứu độ chúng-sinh lâu hơn nữa.

B. Tám kiến-thức cao-thượng (nói về Minh Sát Tuệ)

Nói về bậc hành-giả nhiệt-thành, dù với kiến-thức riêng-tư hoặc xuyên qua trực-nghiệm về những sự-việc bên ngoài bản-thân cũng biết nhận-định đúng theo chân-lý về các vật-thể hay màu sắc và cho rằng đó là những vật phối-hợp, không thực-tế, là vô-thường, chỉ thể hiện được là do hoạt-động sai-lầm của các giác-quan và tư-tưởng mà thôi.

Đức Phật dùng những màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, để giải-thích rằng khi nào trình-độ của hành-giả phát-triển cao tột thì người có thể bắt chấp về màu sắc. Vì màu sắc có năng-lực va chạm mạnh-mẽ đối với giác-quan hơn những vật khác.

C. Tám giai-đoạn giải-thoát ra khỏi ảnh-hưởng của tâm ái-dục về sắc trần

1) Hành-giả nhận-định thân mình là giả tạm và biết rõ tính-cách vô-thường của những hình-sắc khác ở ngoài bản-thân.

2) Hành-giả không còn để-ý tới xác thân và cũng không cho rằng những vật ở ngoài bản-thân là thực-tế (trạng-thái trong lúc tham-thiền).

3) Tới giai-đoạn này, hành-giả rất vui thích, hỉ, xả và an-tĩnh (trạng-thái của Tam Thiên).

---o0o---

Chế-ngự nổi kinh-hoàng nơi rừng vắng

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá của trưởng-giả Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ, có người Bà La Môn tên Janussoni đến viếng.

Sau khi đánh lễ, chào hỏi xã-giao và ngồi xong, ông ta hỏi Phật: "Thưa Thầy Gotama¹, có những thanh-niên con nhà cao-quý rất tin-tưởng và xin thọ giáo cùng Thầy. Họ rời bỏ gia-đình như kẻ hành-hương đi tìm sống lang-thang trong cảnh không nhà. Họ vất-vả theo đạo-sĩ Gotama, tôn ông là bậc thầy và chấp-nhận Giáo-Lý của ông".

Đức Phật đáp: "Này Janussoni, chính phải vậy, có những chàng thanh-niên con nhà cao-quý, tin-tưởng Như Lai, nên đã rời gia-đình như kẻ hành-hương đi tìm sống lang-thang trong cảnh không nhà".

- "Thưa Thầy Gotama, như vậy thì chẳng có chi khôn-quản nông-nôi bằng cuộc sống nơi chốn rừng sâu hoang vắng, không người, xa thôn xa xóm. Cảnh quanh-hiu như thế hẳn đề nặng lên thầy tỳ-khưu phải sống cô-đơn nơi u-tịch, kinh-hoàng làm cho tâm-trí người luôn-luôn xao-xuyến nếu chưa đạt tới mức-độ tâm cao cả".

- "Này người Bà La Môn, phải như vậy. Trước khi được giác-ngộ, Như Lai cũng sống trong tình-trạng lo-âu sợ-hãi như thế. Nhưng Ta lại suy-nghĩ: "Thật rất khó lòng sống nơi chốn rừng sâu âm-u vắng-vẻ, đối với thầy đạo-sĩ bỏ gia-cư đi tìm nơi ẩn-dật, cô-đơn, hiu-quạnh, nhưng tâm-trí không trong sạch, chứa đầy tham-dục, nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Những kẻ sống nơi rừng vắng, nhưng còn tham-lam, sân-hận, si-mê, lười-biếng, có tư-tưởng tà-vạy, tính-tình bôn-chôn, ngờ-vực, nhạy-cảm, nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Hoặc những kẻ ẩn-dật nơi rừng vắng mà còn công-cao, ngã-mạn, ham muốn xấu-xa, mong tìm danh-lợi, vô nghề-nghiệp khi ở ngoài đời, tính-tình bất-cẩn, tìm vào rừng trú-ẩn nhất-thời, hoặc muốn ngao-du cho biết đây biết đó, hoặc điên-rồ, tọc-mạch ... nên phải sợ-hãi kinh-hoàng. Vì chưa sắp đặt thân tâm phù-hợp với cuộc sống cô-đơn nên những kẻ ấy phát tâm sợ-hãi, kinh-hoàng".

"Này người Bà La Môn, còn về phần Như Lai, khi nào ẩn-dật nơi rừng vắng, thì Ta đã vất bỏ tất cả những điều xấu-xa nhơ-nớp đó, cố gắng giữ mình trong sạch từ hành-động, từ lời nói, từ ý nghĩ, tâm-trí luôn-luôn an-tĩnh, thắm-nhuần từ-bi, nhẫn-nại. Như Lai là một trong số những chàng thanh-niên thuộc gia-đình cao-quý rời bỏ gia-cư đi tìm sống cô-đơn nơi rừng vắng hoang-vu, u-tịch, với phạm-hạnh trong sạch, thanh-cao, nên Ta rất hoan-hỷ thích-thú sống nơi rừng vắng".

"Này Janussoni, lúc đó một ý nghĩ phát-sinh đến cho Ta: "Tại sao Ta không thừa dịp những đêm trăng khuyết hay trăng tròn, những đêm trăng thượng-tuần hoặc hạ-tuần, tìm rút vào chốn thâm sâu cùng cốc, an-tọa dưới một cội cây, nơi thường phát-sinh nhiều cảnh-tượng rừng mình, rờn gáy, để trải-nghiệm xem mức-độ kinh-sợ lên cao thế nào?"

"Này Janussoni, rồi thừa dịp những đêm trăng tròn, hay những đêm trăng thượng-tuần hoặc hạ-tuần, ta đi sâu vào rừng vắng, ngồi dưới tàng cây to, nghỉ đêm tại nơi thường phát-sinh nhiều cảnh-tượng rừng mình rờn gáy. Lúc Ta đang tĩnh-tọa, có nhiều giống thú rừng men đến gần. Một con sơn-dương phóng qua phía trước. Một con công làm rớt những cành cây khô. Gió thổi rào rạc xuyên qua những lá vàng. Ta tự nghĩ: "Nỗi lo-sợ kinh-hoàng đã tới rồi! Mà tại sao Ta lại ngồi yên để tiếp đón nó? Biết vậy, Ta cương-quyết sáng-suốt đương đầu với thử-thách và chế-ngự điều sợ-hãi".

"Này Janussoni, lúc Ta đang đi, nỗi sợ-hãi kinh-hoàng lại phát-sinh. Biết vậy, Ta không dừng bước, không ngồi xuống, không nằm, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Khi Ta đang đứng, nỗi lo-sợ kinh-hoàng cũng phát-sinh. Biết vậy, Ta không đi, không ngồi, không nằm, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Khi Ta đang nằm, nỗi lo-sợ kinh-hoàng cũng phát-sinh. Biết vậy, Ta không đứng dậy, không đi, không ngồi, sáng-suốt cương-quyết đương đầu với thử-thách và chế-ngự nó".

"Này Janussoni, có nhiều đạo-sĩ cho rằng ngày và đêm cũng như nhau, Như Lai lại nói: "Ngày là ngày, và đêm vẫn là đêm".

"Người thức-thời có thể nhận-định về Như Lai đúng theo chân-lý như vậy: "Một con người thoát-ly ra khỏi tham-dục si-mê đã xuất-hiện trên thế-gian vì lợi-ích của phần đông, vì an vui, hạnh-phúc của chư-thiên và nhân-loại".

"Này Janussoni, rồi Ta nhất-quyết, tâm-trí chăm chú không xao-lãng, thân-hình an-tĩnh, không rung-động, tập-trung tư-tưởng".

"Vứt bỏ năm pháp chướng-ngại: tham-dục, sân-hận, hôn-trầm, phóng-tâm và hoài-nghi, Ta bước vào Sơ Thiên với tâm: Tâm, Sát, Phi lạc, An Vui và Định".

"Tiếp theo đó, tâm Ta trở nên an-tĩnh và tư-tưởng thẳng-bằng, không còn Tâm và Sát và Ta nhập vào Nhị Thiên".

"Kế đó, Ta trở nên an vui thơ-thới, thoát-ly ra khỏi tham-dục, tâm-trí yên-tĩnh, ghi nhớ biết mình và bước vào Tam Thiên với tâm: Xả, An Vui và Định, giai-đoạn mà bậc hiền-triết hằng hoan-hô: Hạnh-phúc thay! Khi con người được an-trú trong sự an-tĩnh và ghi nhớ biết mình!"

"Vứt bỏ tất cả những nỗi vui buồn, dẹp qua một bên những ký-ức khổ vui quá-khứ, thân tâm an-trụ thơ-thới, nhẹ-nhàng và chỉ còn lại tâm Niệm và tâm Xả, Ta nhập vào Tứ Thiên".

"Này Janussoni, với tâm-trí an-định, sáng-suốt, trong sạch chẳng chút bợn nhơ, Ta tìm nhớ lại những kiếp quá-khứ. Bắt đầu 1 kiếp, rồi 2, 3, 4, 5, 10, 20, 50, 100, 1.000, 100.000 kiếp. Trong mỗi kiếp tái-sinh ra sao? thuộc gia-đình nào? tên họ chi? làm nghề gì? vui khổ ra sao? rồi chết và tái-sinh nữa với định-mệnh như thế nào? mỗi-mỗi Ta đều biết rõ".

"Tiếp theo đó, Ta hướng tâm quan-sát qua lãnh-vực của các chúng-sinh, thấu rõ những tình-trạng sanh diệt, nghiệp-báo, luân-hồi, vận-mạng ... của chúng".

"Sau cùng, Ta chú-tâm quán xét về tư-cách sanh diệt của những Nhân và Duyên đúng theo chân-lý, biết rằng đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là tư-cách diệt khổ và đây là con đường đưa đến nơi dứt khổ.

Biết do đâu mà phiền-não phát-sinh và khi tẩy-trừ được: tham-dục, sân-hận, si-mê, màn vô-minh tan biến, Ta biết rằng đã được hoàn-toàn giác-ngộ, đã sống đầy đủ cuộc đời đạo-đức, mọi việc đã làm xong và chẳng còn phận-sự gì trên thế-gian này nữa".

"Này Janussoni, người có thể nghĩ rằng: "Hiện nay, thầy Sa-Môn Gotama cũng chưa diệt được tham-lam, sân-hận, si-mê. Bởi vậy, thầy tìm sống cuộc đời cô-độc nơi hoang-vắng". Nhưng người chớ có ý nghĩ sai-lầm như thế. Sở-dĩ Như Lai thích sống cô-đơn là vì quan-niệm được nhiều điều lợi-ích nơi rừng vắng, âm-u, cô-tịch. Chẳng những giờ đây Ta tìm được sự lợi-ích cho bản-thân, mà cũng vì lòng từ-bi, bác-ái đối với những kẻ nào biết lấy đó làm gương để đến sau".

Tới đây thầy Bà La Môn Janussoni liền mọp xuống kính cẩn: "Thật quả như vậy, Đức Sa-Môn đáng kính Gotama, vì lòng từ-bi, bác-ái, đã làm gương cho những kẻ đến sau. Thật rất xứng-đáng là cử-chỉ của bậc thánh-nhân (A La Hán) đã đi đến nơi hoàn-toàn giác-ngộ. Tuyệt-diệu thay, Đáng Chí Tôn Gotama! Cao đẹp thay! Cũng như người ta đỡ đứng vật gì ngã trên mặt đất, như tìm được vật gì bị che giấu, như chỉ nẻo cho người lạc lối, hoặc người ta đem ngọn đèn vào chỗ tối cho những ai có mắt muốn thấy rõ mọi vật. Thì cũng như thế ấy, Đáng Chí Tôn Gotama đã giải-thích giáo-lý rõ-ràng minh-bạch".

"Vậy tôi xin tôn Ngài là bậc thầy và xin nương nhờ nơi Phật-Bảo, Pháp-Bảo và Tăng-Bảo. Cầu xin Đáng Chí Tôn nhận tôi làm đệ-tử kể từ nay cho đến trọn đời".

Lời của soạn-giả:

Kinh Mahabharata có chép: "Rừng vắng thu hút những tâm-hồn chán-nản, trầm-tu mặc-tưởng. Lánh xa xã-hội nhơ-nhớp của người đời, thầy đạo-sĩ tìm ẩn-dật nơi cô-tịch, lặng-lẽ, để hủy-diệt lòng tham-dục, si-mê, nguồn gốc của muôn ngàn thống-khổ. Được tự-do, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, thầy sa-môn có đủ khí-giới để đánh bại chúng bằng cách kiểm-soát thân tâm. Người biết rằng diệt được tham-lam, sân-hận, si-mê, là chiến-thắng cả thế-gian, cả những vùng bao-la, vô-tận, nhất là chiến-thắng được bản-thân. Người hành-trình đơn-độc như loài tê giác, không vợ con, bè bạn, và chỉ nuôi sống bằng thiên-định".

Tự cổ chí kim, các bậc hiền-triết muốn tìm đạo giải-thoát đều lánh xa trần-tục, tìm vào chốn núi cao rừng thẳm để trau-giồi giới đức. Vì núi rừng có nhiều lợi thế cho những ai dũng-cảm như loài chúa sơn-lâm, quyết-tâm trì-chí tìm đến tham-thiền nhập-định. Rừng thẳm rất ít người lui tới, không tiếng tăm, náo-nhiệt, ồn-ào, như cuộc sinh-hoạt, vật-chất, tội-lỗi chốn thị-

thành. Nhưng người thế vẫn trớ-trêu bịa đặt ra những châm-ngôn: "Nhất tu thị, nhị tu lâm, Nhất tu tâm, nhĩ tu giới", trong khi mình đang quây-quần giữa giòng đời, không ngớt bận-rộn về gia-đình tài-sản.

Nếu đúng như vậy thì Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã chẳng đại gì trốn vợ, lìa con, đem chiếc gai vàng đổi lấy cuộc đời hành-khất, trải qua biết bao gian-khổ, chết sống nhiều phen nơi rừng vắng, âm-u, mới tìm ra đạo giải-thoát. Những vương-tôn công-tử, những chàng thanh-niên con nhà cao-quý, cũng chẳng điên gì bỏ cha mẹ, nhà cửa, ra đi theo vết chân của Đức Phật vào tu tập kham-khổ chốn rừng sâu. Đạo-Phật là đường lối dứt bỏ các vật cấu-tạo vô-thường, để thành-đạt những gì trường-tồn vĩnh-cửu. Vì sớm muộn gì, thân xác này cũng trở về với đất.

Đức Phật thấu rõ tâm-địa và hành-vi của chúng-sinh nên chẳng hề chống đối. Ngài chỉ nêu gương đức-hạnh cao cả cho những kẻ thức-thời, có mắt muốn thấy, có tai muốn nghe, để chọn giữa hai con đường: sanh tử khổ đau và an vui tuyệt-đối.

Cũng như phần đông chúng ta hiện nay, thầy Bà La Môn Janussoni xưa kia cũng nghi-ngờ về sự lợi-ích của cuộc sống nơi hoang-vắng nên đến hỏi Đức Phật như thế.

Riêng phần Đức Thế Tôn, tuy chẳng còn bị sắc trần lung-lạc, nhưng vì lòng từ-bi, bác-ái đối với chúng-sinh, nên vẫn tiếp-tục sống nơi rừng vắng chỉ nhằm mục-đích làm gương cho những kẻ hậu-lai. Chúng ta chớ quá ngây-thơ trước những trò chơi ngôn-ngữ của thế-gian: "Nhất tu thị, nhị tu lâm" để tiếp-tục con đường vô-vọng.

Cảnh-giới vắng-lặng làm cho thân yên-tĩnh. Thân yên-tĩnh khiến tâm trở nên thanh-tịnh, sáng-suốt, để thấy rõ trạng-thái vô-thường, mộng-ảo của thế-gian, thấu rõ đâu là cõi sống và đâu là cõi chết.

Chân-lý tuyệt-đối này đã được các bậc hiền-triết khắp thế-gian chấp-nhận tự ngàn xưa.

---o0o---

Dòng nước tử sanh

"Hỡi này các tỳ-khưu! Trên thế-gian có bốn hạng người sau đây:

- Người thả mình trôi theo dòng nước;
- Người bơi lội ngược dòng;
- Người chế-ngự được dòng nước lũ;
- Bậc sa-môn vượt qua dòng nước để lên bờ bên kia và đứng vững trên đất liền.

"Vậy người thả mình trôi theo dòng nước là thế nào?"

"Đó là trường-hợp của người có tánh buông-tuông, bê-tha theo ngũ-trần; không thấu rõ tội phước".

"Còn kẻ bơi lội ngược dòng?"

"Là người không để mình bị chìm đắm trong ngũ-trần, lục-dục; không hành-động xấu-xa, tội-lỗi; biết ghê sợ các điều thông-khổ, khốc-lóc, than-van; dứt bỏ tất cả để đi tìm sống cuộc đời phạm hạnh; đem hết tâm-lực trau-giồi giới-luật ngày thêm trong sạch, thanh-cao".

"Còn kẻ chế-ngự được dòng nước lũ?"

"Đó là người đã điều-ngự được nội-tâm; cắt đứt hoàn-toàn năm sợi dây trói mình vào thế-sự như bản thấp-hèn. Sau khi từ-giã cõi trần, người được sanh về thiên-giới rồi chứng quả Niết-Bàn, không còn trở lại thế-gian này nữa (A Na Hàm)".

"Hỡi này các tỳ-khưu! Còn bậc sa-môn đã lướt qua khỏi dòng nước lũ, sang đến bờ kia và đứng vững trên đất liền là thế nào?"

"Đó là nói về bậc xuất-gia biết dùng trí-tuệ siêu-nhân, sắc bén, để chặt đứt cội-rễ cái tâm ái-dục. Người rất an vui tự-tại, chẳng chút bợn nhơ, như ngọc kim-cương trong sáng, và đã làm xong mọi việc phải làm trên cõi thế (A La Hán)".

Sau đây là một chuyện ngụ ngôn:

"Cũng như người kia thấy con sông xuyên qua một vùng cảnh-vật xanh tươi hấp-dẫn, nước chảy êm-đềm, trong-trẻo mát-mẻ, hứng-chí lao mình xuống thả trôi theo dòng nước, không cần suy-nghĩ lợi-hại như thế nào.

Lúc đó, có một kẻ thức-thời đứng trên bờ sông la lên:

"Hỡi người kia! Rất nguy hại đấy. Người chớ khá dễ người. Con sông này có vẻ đẹp đẽ, xuyên qua vùng cây cỏ xanh tươi hấp-dẫn, nước chảy êm-đềm, trong-trẻo mát-mẻ, nhưng nếu người hờ-hững, ham vui, lao mình xuống, khi ra khúc hạ-lưu thì sẽ bị sa vào hố sâu vực thẳm. Tại đó có sóng to gió lớn, nước xoáy bạo-tàn, có nhiều loài thủy quái và cá mập hung-hăng. Chùng đó, sẽ nguy hại đến tính-mệnh và người sẽ gặp khổ-sở trăm bề".

Nghe vậy, người ấy liền dùng hết sức mình, với hai tay, hai chân, cố gắng bơi trở lên ngược dòng để thoát nạn".

"Hỡi này các tỳ-khưu!

- Dòng sông tượng-trung cho lòng tham-lam khao-khát.

- Phong-cảnh đẹp đẽ, hấp-dẫn, trong vùng là mười giây trói chặt chúng-sinh vào vòng sanh tử.
- Những hồ sâu ở hạ-lưu là năm điều chướng-ngại xô đẩy con người sa vào cảnh-giới thấp-hèn.
- Sóng to gió lớn ám-chỉ cái tâm sân-hận, ganh tị, oán-thù.
- Xoáy nước là những đục lạch của sắc trần.
- Cá mập là điều cám-dỗ tai-hại của phụ-nữ.
- Boi lội ngược dòng là quyết-tâm dứt bỏ việc đời, tìm phương cứu rỗi.
- Đem hết sức của hai tay, hai chân, bơi lên ngược dòng là tinh-tấn trau-giồi nghị-lực, cố công hành đạo, cho mau dứt khổ".

Lời của soạn-giả:

Trong kinh Tạp A Hàm (Samyutta Nikaya) có câu Phật-Ngôn: "Đến một thời-gian nào đó, nước biển cả cạn khô và nước không còn nữa. Đến một thời-gian nào đó, quả địa-cầu bị thiêu-hủy, vỡ tan, và đất không còn nữa. Nhưng các điều thống-khổ vẫn tồn-tại. Chúng-sinh vẫn bị màn vô-minh che lấp, vẫn sa vào chàm bẫy ái-dục và vẫn chen lấn nhau, hối-hả nhảy vào vòng sanh tử".

Đức Phật cho chúng-sinh thiếu khôn ngoan lại thường có tánh dễ-duôi, gặp nơi nào có trò chơi khoái-lạc thì bươn-bả xông vào, bất chấp hậu-quả sẽ ra sao.

Bốn vật chướng-ngại quan-trọng đánh đổ bậc xuất-gia là: tiền bạc, lễ vật, lời ngợi-khen và phụ-nữ.

Trong kinh Suru Tập Pháp (Pakinnakadhamma) do Đại đức Hộ Tông soạn dịch, có chép rằng lễ vật và lời ngợi-khen là miếng mồi của ngư-ông móc vào lưỡi câu. Thầy tỳ-khuru nào bám phải lưỡi câu tai-hại đó ví như nuốt mồi của ma-vương rồi bị hại. Cũng như con cá mắc phải lưỡi câu của ngư-ông và mất mạng.

Kinh Suru Tập Pháp có ghi tiếp: "Chó chóc mang bệnh ghẻ, rụng hết lông, nổi mụn mủ khắp mình, đi kiếm ăn nơi khô ráo cũng không yên, ở dưới bóng cây, nằm nơi khoảng trống và đi đến bất cứ nơi nào cũng đều chịu khổ-sở, chẳng được yên thân".

Thầy tỳ-khuru bị lễ vật và lời ngợi-khen đè nén nội-tâm rồi, dù đi đến nơi thanh-vắng cũng không yên, đến ngụ nơi khoảng trống, dưới bóng cây hay bất cứ nơi nào cũng không yên và rất khổ-sở, gặp nhiều tai-hại. Lễ vật và lời ngợi khen hằng cắt đứt da, đứt xương, rồi đến tủy xương. Thầy tỳ-khuru mắc

phải chúng, sau khi chết sẽ bị sa vào bốn đường ác-đạo. Cũng như chó chóc mang bệnh phải chịu khổ-sở trăm bề.

Thảm-họa thứ hai là phụ-nữ mà Đức Phật ví như loài cá mập háo ăn, nên dạy các đệ-tử ráng ghi nhớ biết mình mỗi khi tiếp-xúc. Khi tâm-tư của thầy tỳ-khuru bị xao-xuyến vì thình sắc phụ-nữ rồi, tuy thân xác còn ẩn-náu dưới mái thiên-môn, nhưng tâm-địa đã rời xa cửa Phật.

---oOo---

Đức Phật giải về tư-cách vô-thường của những cảnh-vật thiên-nhiên.

"Hỡi này các tỳ-khuru! Trong thời quá-khứ xa-xăm, hòn núi Vipula này mang tên là Kim Qui. Dân chúng trong vùng gọi là giống người Rohitassa. Họ sống lâu tới ba vạn tuổi, phải mất ba ngày để leo lên núi và hết ba ngày để trở xuống. Khi đó, nhằm thời-kỳ Đức Phật Konayamana (Cù Lưu Tôn) xuất-thế. Ngài có hai người đệ-tử đặc-sắc nhất, là Bhiyyosa và Uttara. Thời-gian sau đó, cái tên núi Kim Qui không còn nữa và dân chúng Rohitassa đều phân-tán. Đức Phật Konayamana cũng nhập Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"Lâu sau đó, trái núi Vipula này mang tên mới là Thanh Sơn. Dân chúng tại đây thuộc giống người Suppiyas. Họ sống được hai vạn năm, phải mất hai ngày để trèo lên núi và hết hai ngày để trở xuống. Lúc đó, nhằm thời-kỳ Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) ra đời. Ngài cũng có hai trò ưu-tú nhất, là Tissa và Bharadvaja. Rồi sau đó, cái tên núi Thanh Sơn không còn nữa, giống người Suppiyas biến mất và Đức Phật Kassapa cũng nhập Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"Giờ đây, núi này mang tên là Vipula và dân chúng trong vùng thuộc sắc tộc Magadha. Tuổi thọ rất ngắn-ngủi. Người nào sống lâu được 80 tuổi, 100 tuổi hoặc nhiều hơn vài tuổi mà thôi. Họ phí rất ít thời giờ để leo lên và trở xuống núi. Và hiện nay Như Lai giáng-trần với hai đệ tử giỏi giảng nhất, là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên".

"Không bao lâu nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-Bàn, rồi thời-gian sau đó hòn núi này chẳng còn mang tên Vipula nữa, giống người Magadha trong vùng cũng bị phân-tán".

"Này các tỳ-khuru, tính-cách giả tạm không bền vững của những vật cấu-tạo là như thế".

"Vậ các người hãy ráng chú-tâm quán xét, chớ nên say mê cố-chấp, miệt-mài với các vật hữu-vi tạm-bợ của thế-gian".

-- SAMYUTTA NIKAYA

---o0o---

Kỳ-thị về giai-cấp

Người Bà La Môn Assalayana đến hỏi Đức Phật:

"Bạch thầy Gotama, các người Bà La Môn thường nói:

"Chỉ có những nhân-vật dòng Bà La Môn là cao-quý hơn hết. Tất cả những giai-cấp khác là thấp-hèn. Chỉ có người Bà La Môn mới có nước da trắng-trẻo đẹp đẽ. Còn những người thuộc giai-cấp khác thì có nước da ngăm. Chỉ có người Bà La Môn là trong sạch, thanh-cao. Còn những kẻ khác đều thấp-hèn, đê-tiện. Chỉ có người Bà La Môn là con cháu đích-tông của Trời Phạm Thiên (Brahma), được sanh ra từ cửa miệng Ngài. Họ là đệ-tử của Trời Phạm Thiên và là kẻ thừa-tự Ngài".

Đức Phật đáp: "Này Assalayana, vậy chớ người nghĩ thế nào? Những phụ-nữ Bà La Môn cũng có kinh kỳ như các phụ-nữ khác. Họ cũng có ghen như các phụ-nữ khác, cũng cho con bú. Tại sao người Bà La Môn cũng từ đàn bà sanh ra, lại khoe-khoang cho mình là cao-quý hơn mấy giai-cấp khác?"

- "Bạch thầy Gotama, Tuy thầy nói vậy nhưng họ vẫn quả-quyết như thế".

Đức Phật hỏi: "Vậy chớ người có nghe trong vài xứ lân-bang, chỉ có hai hạng người là gia-chủ và tôi-tớ đó sao? Và một đôi khi, người chủ trở thành tôi-tớ và đưa tớ đổi sang địa-vị chủ-gia?"

- "Bạch thầy nói phải đó, nhưng mấy người Bà La Môn vẫn cố-chấp rằng mình là cao-thượng hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Có phải những người Bà La Môn lúc sinh-tiền, phạm-tội sát hại sinh-vật, trộm cướp, tà-dâm nói dối, hung-dữ, tà-kiến ... sau khi chết cũng bị đọa vào bốn đường ác đạo?"

- "Chính phải vậy, bạch thầy Gotama, dù là con người thuộc dòng Bà La Môn, thuộc giai-cấp cao-sang quyền-quý, người thương-gia hay nô-lệ, một khi đã gây ra nghiệp dữ thì sau khi chết sẽ bị sanh vào cảnh-giới khổ đau hoặc bị hành phạt nơi địa-ngục. Bạch thầy nói rất đúng, nhưng các người Bà La Môn vẫn đinh-ninh rằng họ là cao-quý hơn hết, là con cháu đích-tông của Trời Phạm Thiên".

- "Này Assalayana, còn phải chẵng chỉ có người Bà La Môn nào biết làm những điều lành, không sát-sinh, trộm cướp, tà-dâm, nói dối, hung-dữ, tà-

kiến ... sau khi chết sẽ được thọ sanh vào cảnh an vui, được hưởng phước nơi cõi thiên-đàng, còn những thiện-nhân khác thì không được sao?"

- "Bạch thầy Gotama, tất cả những ai biết làm lành lánh dữ, dù họ thuộc giới Bà La Môn, chiến-sĩ, thương-gia hay lao-động, thì thầy thầy đều được hưởng quả vui, chớ chẳng riêng gì cho giai-cấp Bà La Môn ... Thầy nói rất đúng, nhưng họ cũng vẫn tin rằng mình là cao-quý hơn cả".

- "Này Assalayana, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ có hạng Bà La Môn mới biết noi theo đường phạm hạnh, biết tu tập, trau-giồi giới đức, từ-bi, bác-ái, để trở nên an-tĩnh, phát-sinh trí-tuệ, diệt trừ phiền-não, còn những giai-cấp khác lại không được?"

- "Bạch Thầy Gotama, bất cứ là người trong giới Bà La Môn, người chiến-sĩ, thương-gia hay nô-lệ, đều cũng có thể tu tập, trau-giồi đức-hạnh, từ-bi, bác-ái, để trở nên an-tĩnh, phát-sinh trí-tuệ, diệt trừ phiền-não. Tuy-nhiên, nhóm Bà La Môn cũng nói rằng họ là cao-thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, phải chăng chỉ có người Bà La Môn dùng bột xà-phòng xuống sông tắm gội sạch-sẽ, còn những người khác thì không?"

- "Bạch thầy, ai nấy cũng có thể dùng xà-phòng tắm gội sạch-sẽ như nhau, chớ chẳng riêng gì người Bà La Môn. Nhưng họ vẫn cho rằng mình đứng trên các giai-cấp khác".

- "Này Assalayana, ví-dụ có một đức vua cho gọi vào triều 100 người thuộc giai-cấp khác nhau và phán: "Vậy trong số 100 người đó, những ai thuộc dòng Bà La Môn hay cao-quý, hãy lấy một mớ cây Sala, cây trầm hương hay cộng sen khô đem đốt cháy lên cho nóng". Này Assalayana, vậy phải chăng chỉ có hai hạng người đó có thể lấy những thứ kể trên đốt thành lửa nóng cháy đỏ, sáng ngời, lên cao ngọn, còn hai hạng thương-gia và lao-động thì làm không được? Hoặc những kẻ khác nữa, như thợ làm bầy, thợ đan rổ tre, thợ đóng thùng xe, dân phu rửa thùng phân, lấy cây mục của mán cho heo, cho chó ăn, lấy thùng cây nhuộm vải, lấy que cây thầu dầu đem đốt lên, thì họ không được lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn hay sao?"

- "Bạch thầy Gotama, bất cứ là hạng người nào, dùng bất cứ cây hay vật dẫn hỏa nào, cũng có thể đốt lên lửa nóng, cháy đỏ, sáng ngời, cao ngọn. Thầy nói phải, nhưng mấy ông Bà La Môn vẫn cho rằng họ là cao-thượng hơn hết".

- "Này Assalayana, thêm một ví-dụ nữa. Có hai anh em ruột dòng Bà La Môn. Một người thì thông-minh lão-luyện, thông-suốt cả ba bộ kinh Phệ Đà (Véda) rất sành-sỏi trong việc tế-lễ, còn người kia đốt-nát gàn dở. Hỏi vậy

mỗi khi có dịp cúng kiến tổ-tiên hoặc tế-lễ thánh-thần, người nào được lễ-vật nhiều và kính-trọng hơn?".

- "Bạch thầy Gotama, chính người học cao hiểu rộng, sành-sỏi trong việc tế-lễ cúng kiến, được kính-nể và thụ-hưởng lễ-vật nhiều hơn".

Phật hỏi: "Nhưng nếu thầy Bà La Môn học-hỏi uyên-thâm, sành nghề cúng tế đó lại vô giới hạnh, có tính-nết xấu-xa tàn-bạo, còn người thất-học kia lại tính-tình hòa-nhã, giới đức thanh-cao, thì người nào sẽ được lễ-vật nhiều và trọng nể hơn?".

- "Bạch thầy Gotama, lẽ tất-nhiên các tín thí sẽ kính-nể và dâng cúng dồi-dào đến thầy Bà La Môn có giới hạnh trong sạch, tính-tình khiêm-tôn dễ thương. Vì kẻ vô giới đức, tính-tình hèn-hạ, không thể đem lại điều lợi-ích nào cả".

- "Này Assalayana, giờ đây người đã bắt đầu lãnh-hội rõ-rệt đấy! Từ sự-kiện về dòng giống, giai-cấp, bước qua giai-đoạn bùa chú thần-quyền, người đã nhận-thức cuối cùng giá-trị quan-trọng về giới hạnh con người là cao-quý hơn cả, bất phân giai-cấp dòng giống.

Đó là giáo-lý căn-bản của Như Lai vậy".

-- MAJJHIMA NIKAYA II

---o0o---

Thế nào là bậc sa-môn?

Ta² có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại tinh-ly Assapura, thuộc về xứ Anga. Ngài có thuyết.³

"Hỡi này các tỳ-khuru! Dân chúng gọi các người là sa-môn và nếu có ai hỏi tới, các người cũng đều công-nhận như thế. Vậy các người phải ăn ở cách nào cho xứng-đáng với phẩm-hạnh sa-môn?"

"Này các tỳ-khuru, chúng ta là kẻ xuất-gia đang hành-trình trên đường siêu-việt. Nhờ cố công trau-giồi giới đức, chúng ta được người tín thí dâng cúng và thọ hưởng bốn món vật dụng như: tam y quả bát, vật thực, chỗ ở, thuốc men. Người hành đạo chân-chánh thọ được nhiều quả báu tốt lành như thế. Vậy chẳng phải chúng ta rời bỏ thế-gian trong sự thiếu-thôn, không được lợi-lộc gì, mà tư-cách xuất-gia thật ra rất cao-thượng hữu-ích thế nào? Và nó mang lại biết bao thành quả tốt tươi cao-thượng".

"Này các tỳ-khuru, còn người xuất-gia không thực-hành đứng-đắn đường lối tu tập là thế nào?"

"Đó là:

- Thầy tỳ-khuru có tánh tham-lam khao-khát, chẳng chịu dứt bỏ lòng tham-dục;
- Thầy tỳ-khuru có tư-tưởng xấu-xa tội-lỗi và không tìm cách diệt trừ nó;
- Thầy tỳ-khuru còn tánh sân-hận, cộc-cằn, thô-lỗ;
- Thầy tỳ-khuru ra vẻ thu-thúc, giả nhân giả nghĩa để gạt gẫm tín-đồ;
- Thầy tỳ-khuru còn tánh thù-hằn, oán giận, uất-ức;
- Thầy tỳ-khuru có tánh ganh tỵ, chẳng muốn ai khác hơn mình;
- Thầy tỳ-khuru keo-kiệt, bòn-xén, ham tom góp vật này vật nọ để làm của riêng;
- Thầy tỳ-khuru có tánh xảo-quyệt, dối-trá, dùng lời không ngay thật, nói ướm để được bố-thí;
- Thầy tỳ-khuru có ác-tâm tham muốn bắt chánh;
- Thầy tỳ-khuru thường suy-nghĩ tà-vạy, có tánh tà kiến".

"Như Lai nói các tỳ-khuru đó không chịu bỏ những tánh xấu-xa tội-lỗi. Chúng phải bị đọa vào cảnh khôn-cùng, gánh nhiều đau khổ vì chẳng giữ đúng theo phẩm-hạnh sa-môn. Chúng là những kẻ che giấu con dao bén ngót dưới bộ áo cà-sa. Như Lai đã khuyên hoá rành-mạch những điều đó khi người giới-tử xin thọ cụ-túc giới để bước chân vào đạo".

"Như Lai không cho rằng đời đạo-đức có thể tượng-trung bằng những kẻ chỉ khoác áo cà-sa cho có lệ, hoặc những đạo-sĩ lỏa-lồ, rách-rưới bần-thiêu, những kẻ thân-hình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường-xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ ráng chịu đựng phong-sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra cách ăn uống kham-khổ khác thường, những kẻ thông-thạo các thánh-kinh, sành nghề bùa chú, những kẻ mang búi tóc đan trên đỉnh đầu".

"Này các tỳ-khuru, nếu chiếc áo cà-sa có oai-lực diệt trừ được tất cả những tật: Tham-lam, sân-hận, ganh tỵ, bòn-xén, xảo-quyệt, ác tâm, tà kiến, thì cha mẹ hoặc người thân chỉ cần khoác lên đứa bé bộ áo cà-sa khi nó mới chào đời và căn dặn như vậy: "Người rất hân-hạnh mặc được mảnh áo nhiệm-mầu này, vì nó có đủ năng-lực làm tiêu tan các tật xấu-xa tội-lỗi: tham-lam, sân-hận, ganh tỵ, bòn-xén, xảo-quyệt, ác tâm, tà kiến ...".

"Có một số tỳ-khuru, tuy vẫn mặc y mang bát, nhưng thân tâm như bần thấp-hèn, ngoan-cổ, chẳng chịu tẩy trừ nét xấu. Lẽ đó, Như Lai không công-nhận họ là sa-môn chỉ vì mình mặc áo cà-sa, cũng như những đạo-sĩ lỏa-lồ, bần-

thiu, rách-rưới, những kẻ thân mình phủ đầy cát bụi, những kẻ thường-xuyên xuống sông Hằng tắm gội, những người sống dưới cội cây, những kẻ rắng chịu-đựng phong-sương tuyết giá, đứng như trời trồng dưới sức nóng cháy da, những kẻ bày ra lối ăn uống kham-khở khác thường, những kẻ thông-thạo các thánh-kinh, sành nghề bùa chú, những người mang búi tóc đan trên đỉnh đầu ...".

"Này các tỳ-khuru, vậy người xuất-gia phải giữ nếp sống như thế nào để xứng-đáng với danh-hiệu sa-môn?"

"Đó là:

- Khi thầy tỳ-khuru có tánh tham-lam, có tư-tưởng xấu-xa, cộc-cằn, thô-lỗ, thu-thúc giả-dối, hay thù-oán, ganh tị, keo-kiệt, dối-trá, ác tâm, tà kiến, nhưng biết nhận-thức những điều ấy là xấu-xa đê-tiện, rồi để hết nghị-lực trau-giồi phẩm-hạnh ngày thêm trong sạch thanh cao. Như Lai gọi người ấy mới thật xứng-đáng với danh-hiệu sa-môn.

- Thầy tỳ-khuru tự trác-nghiệm lấy bản-thân, biết rằng mình đã tẩy-trừ được các điều nhơ-nớp, thoát-ly ra khỏi thế-sự. Mà khi biết mình đã hoàn-toàn trong sạch, người phát tâm vui thích với hạnh-phúc thanh-cao. Tinh-thần thơ thới, thân tâm an-tĩnh, thản-nhiên, người rất vừa lòng, toại-nguyện. Tâm-tư thấm-nhuần tình thương rộng lớn, người rải tửa từ-bi, bác-ái khắp bốn phương tám hướng, rải từ bên trên, bên dưới, bên ngang và khoảng giữa. Người được giải-thoát ra khỏi tham-lam, sân-hận, si-mê, thông-thả ngao-du đây đó, không còn điều chi sợ-hãi lo-âu.

- Lúc này, thầy sa-môn trở nên yên lặng như hồ nước trong-trẻo, mát mẻ, ngọt-ngào, có những bậc thang đưa tới một nơi thắng-cảnh vô-cùng hấp-dẫn. Khi đó, nếu có chàng lữ-khách đang đau khổ vì khát nước dưới cơn nóng buốc, thân-hình uể-oải, từ phương đông đi tới, chàng ta có thể nhờ hồ nước nhiệm-mầu cứu rỗi, khiến thân tâm được phục-sức, thơ thới nhẹ-nhàng và lướt qua khỏi những nổi thông-khở trong cuộc hành-trình diệu-vợi. Nếu có những lữ-khách từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam, hoặc bất cứ ở đâu đến, cũng đều nhận được sự hỗ-trương quý-báu của hồ nước nhiệm-mầu.

"Này các tỳ-khuru, khi một con người thuộc hàng vương-giả rời bỏ gia-đình sự-nghiệp đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm-trì giới luật của Đức Như Lai, thì tâm-tư người được tràn-ngập từ-bi, bác-ái. Người trở nên an-tĩnh, chẳng bị thế-sự buộc ràng, lay-chuyên. Người đã thành-đạt mức độ tịnh tâm tuyệt-diệu, đã diệt trừ phiền-não, vì đã thực-hành đúng theo đường lối của bậc sa-môn".

"Những người thuộc dòng Bà La Môn hoặc các giai-cấp khác như thương-gia, lao-động, rời bỏ gia-đình, của cải, đi tìm sống cảnh không nhà, nếu biết nghiêm-trì giới luật của Đức Như Lai, thì tâm-tư họ cũng được tràn-ngập từ-bi, bác-ái, được an-tĩnh, không bị thế-sự buộc ràng, lay-chuyển. Những người ấy đã thành-đạt mức-độ tinh tâm tuyệt-diệu, đã diệt trừ phiền-não, vì đã thực-hành đúng theo đường lối của bậc sa-môn".

-- MAJJHIMA NIKAYA

Lời của soạn-giả:

Bài Pháp trên đây rất phù-hợp với thời-đại hiện nay, vì các tôn-giáo đều đang bị một số đông những phần tử bất-hảo nhảy vào gây lũng-đoạn.

Phật-ngôn có câu: "Tài-sản duy-nhứt của loài chim là cái đuôi và cặp cánh. Thầy tỳ-khuru rất vừa lòng với mảnh y để che thân và vắt com bó-thí để no lòng. Đi đâu, người chỉ mang theo tam y và quả bát".

Tục-ngữ cũng thường nói: "Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo".

Tuy-nhiên, bất cứ thời-đại nào, bất cứ trong đạo-giáo nào cũng có một số lớn phần-tử chẳng có chút tài-sản gì để vắt bỏ, chẳng có nghề-nghiệp nào để sinh-sống, trà-trộn vào khuấy rối bề hành đạo của những bậc chân tu, lợi-dụng lừa-gạt tín-đồ để nuôi mạng và đôi khi cũng tạo nên sự-nghiệp kết xù là khác.

Đối-diện với các đạo-sĩ, tỳ-khuru, linh-mục, khát-sĩ, phủ thân bằng lớp nâu sòng, hoặc lỏa-lồ rách-rưới kham-khổ, hoặc gặp những nhà truyền-giáo học-vấn cao-thâm, ăn nói hoạt-bát, hạng phàm-nhân chúng ta rất khó bề nhận-định ai là bậc tu-hành chân-chánh. Biết bao người lợi-dụng chiếc áo cà-sa, biết chế-ngự kẻ tín thí bằng nhiều lý-luận tráo-trở, xảo-quyệt. Trước mặt công-chúng, họ ra vẻ thu-thúc như con cò đứng yên một chỗ, lim-dim đôi mắt chờ đớp mồi ngon, nhưng ít ai biết được sự sinh-hoạt riêng-tư của họ là thế nào? Cũng có vài hành-giả bày trò tham-thiên nhập-định giữa đám đông trong khi các bậc hiền-triết đều ẩn-dật trong nơi thanh-vắng, xa xóm, xa người. Cũng có hạng nói mình giữ hạnh đầu-đà, ôm bát ra đi từ mờ sáng đến tối mới trở về rồi nói mình đi khát-thực, độ dưới cội cây, nghỉ trưa nơi vắng-vẻ, nhưng khi màn đêm sụp xuống thì sợ mất an-ninh.

Khổ nổi, số đông tín-đồ lại không dám ngó ông thầy sợ mang tội, cho rằng nằm trên chiếu rách cũng đỡ hơn nằm đất. Vị giáo-sư say sưa bài bạc, nhưng vẫn là thầy của các trò khi vào lớp.

Những thứ giây chum gói này đã có từ lâu, nên Đức Phật mới giải bày rành-mạch như trên, nhằm mục-đích dạy con người biết cách phân-biệt kẻ chánh

người tà, để gieo giống lành trên mảnh đất phì-nhiều, biết rõ thật-sự ai là kẻ "xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo" có nếp sống giản-dị như loài chim, chỉ có cái đuôi và cặp cánh.

---o0o---

Kiến-thức của những người mù

"Hỡi này các tỳ-khuru! Các người nói với Như Lai rằng có nhiều nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương, thuộc những chí đạo khác nhau thường ủng-hộ những kiến-thức khác nhau, vui thích với những lý-thuyết khác nhau, hướng về các sự-việc khác nhau, tin-tưởng những lời lẽ khác nhau".

"Này các tỳ-khuru, có nhóm thường hay binh-vực và tin-tưởng như vậy: "Thế gian là trường-tồn vĩnh-cửu. Đó là chân-lý, còn những chuyện khác là vô-lý, là dốt-nát khờ-khạo".

"Nhóm khác thì nói: "Thế gian là vô-thường, không bền vững. Đó là chân-lý, còn những chuyện khác là không đúng, là dốt nát đại khờ".

"Có kẻ lại nói: "Thế-gian sẽ có ngày kết-thúc". Kẻ khác cho rằng thế-gian sẽ không chấm dứt".

"Có kẻ nói: "Căn-bản của đời sống là xác thân". Kẻ khác lại nói xác thân là một chuyện, còn sự sống là chuyện khác".

"Có kẻ nói: "Cái Ta sẽ biến-chuyển sau khi chết". Người khác nói rằng không".

"Có kẻ lại nói: "Sau khi chết, cái Ta sẽ biến-chuyển hoặc không biến-chuyển ... Đó là chân-lý, còn các ý nghĩ khác đều vô-lý, đều là chuyện ngu dốt, đại khờ".

"Vì lẽ đó, các nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương thuộc các đạo-giáo khác, thường hay xung-đột với nhau, ham cãi lầy, lý-luận, biện-minh, đấu khẩu với nhau, để binh-vực kiến-thức riêng của mình và cho rằng: "Cái này là chánh pháp, còn cái kia không phải. Cái này đúng chân-lý, cái kia không đúng, vâng-vân ...".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Những nhóm đạo-sĩ, Bà La Môn hay khát-sĩ du-phương đó đều dốt nát, mù-quáng, không biết đâu là mục-đích cứu-cánh, đâu là chẳng phải; không biết cái nào là chánh pháp và cái nào chẳng phải. Vì vậy, họ thường hay xung-đột với nhau, ham cãi lầy, lý-luận, biện-minh, đấu khẩu với nhau để ủng-hộ lập-trường của mình. Họ tranh-chấp, phi-báng nhau vô-ích, vì không thấu rõ đâu là mục-đích giải-thoát và đâu là không phải".

"Các ngươi hãy nghe câu chuyện sau đây:

"Thuở xưa kia, cũng tại thành Savatthi này, có một quốc-vương bày một trò chơi, ra lệnh đưa tất cả những người mù từ lúc sơ-sinh vào triều để nhìn xem một con voi. Tên nài nói với các người đui như vậy: "Đây là con voi"; rồi cho vài người sờ cái đầu voi, người khác cái tai voi, người khác cái bụng, người khác nữa cái ngà, cái vòi, cái chân, cái lưng, cái đuôi, chòm lông đuôi, và nói với mỗi người mù rằng đó là con voi.

Đức vua ngự đến hỏi nhóm người đui vậy chớ con voi là thế nào? Những người sờ đầu nói rằng con voi giống như cái chậu. Người sờ tai nói voi giống như cái nĩa ... ngà voi giống như lưỡi cày, vòi như cái cày, bụng như cái bồ lúa, chân như cây cột nhà, lưng như cái cối xay, cái đuôi như cây chà giã gạo, chòm lông đuôi là cây chổi. Mỗi người mù đều cho mình nói đúng, tranh cãi dữ-dội, la-lối om-sòm: "Phải vậy mà! Không phải đâu! Con voi là thế này chớ chẳng phải thế kia!" Rồi nhóm người mù đi đến xung-đột, đấm đá nhau. Đức vua rất thích-thú đùa bỡn với trò chơi ấy".

"Này các tỳ-khuru, những đạo-sĩ, Bà La Môn, khát-sĩ du-phương trong các giáo-phái khác cũng mù-quáng như thế, nên không nhìn thấy chi cả. Họ không biết đâu là mục-đích giải-thoát, đâu là không phải; cái nào là chánh pháp và cái nào không phải. Lẽ đó, họ luôn-luôn gây ra tranh-chấp, cãi vã, xung-đột với nhau vì không biết rõ thế nào là mục-đích giải-thoát, thế nào không phải, đâu là chánh pháp và đâu là không phải".

-- UDANA 66-69

Lời của soạn-giả:

Hạng phàm-phu nhận-định những sự-việc với đôi mắt thịt, dùng lý-trí suy đoán các hiện-tượng nên thường hay làm-lẫn. Chỉ có bậc hiền-triết dùng sự hiểu biết siêu-nhân mới thấu rõ mọi vật đúng theo chân-lý.

Đức Phật ví những đạo-sĩ, Bà La Môn, khát-sĩ chưa giác-ngộ như những người mù, vì họ không thấu rõ lý Tứ Diệu Đế và tư-cách sanh diệt của chúng-sinh (Thập Nhị Nhân Duyên), suy-nghĩ vu-vơ, vô căn-cứ, rồi cho rằng kiến-thức của mình là đúng chân-lý và phủ-nhận các lý-thuyết khác.

Đức Phật dùng danh từ "Mục-đích giải-thoát" để ám-chỉ Niết-Bàn. Người chưa giác-ngộ không sao hiểu rõ Niết-Bàn là thế nào. Cũng như con cá hỏi rùa vậy nơi đất liền có nước sông rạch không? Và muốn biết nó có thể lội trên đó được không? Dù rùa giải-thích thế mấy, nó cũng không nghe.

Còn chánh pháp là nói về Tứ Diệu Đế, giáo-lý căn-bản của đạo Phật. Con người chỉ hành theo Bát Chánh Đạo (Đạo Đế) thì mới mong thoát khổ. Ngoài Đạo Bát Chánh, không thể có đạo quả thánh-nhân.

Những người mù mắt, tuy không thấy, nhưng tai vẫn nghe kẻ khác nói, rồi căn-cứ vào đó để suy-tưởng mọi việc một cách sai lầm.

Trong sáu năm tu khổ hạnh, Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đã gặp hai ông thầy, là Alara và Uddaka. Mỗi ông có đường lối hành đạo khác nhau và tin-tưởng rằng mình đã giải-thoát. Năm thầy Kiều Trần Như cũng cố-chấp lối tu khổ-hạnh của mình là đúng. Sau khi đắc đạo, Đức Phật đã tận dụng 3.500 phép thần-thông, nhưng vẫn không thuyết phục được Đại Đức Kassapa thờ thần lửa, và sau cùng phải dùng tới phép mầu cùng tột gọi là Phép Mầu về Giáo Pháp (uy-lực tuyệt đối của Đức Chánh Biến Tri) mới xong.

Kinh Majjhima Nikaya có ghi lại một mẩu chuyện lý-thú có liên quan tới bài pháp trên đây.

"Thuở nọ, một ông già Bà La Môn có bà vợ trẻ tuổi mà ông ta rất tưng-tiu, chiều-chuộng. Bà vợ có ghen và lúc gần sanh buộc chồng tìm mua cho được một con khỉ đực để làm bạn với đứa trẻ sắp ra đời. Người chồng già nói: "Xin nàng hãy đợi tới lúc sinh-sản rồi mới biết là gái hay trai. Nếu được con trai thì tôi sẽ mua một con khỉ đực cho nó chơi. Còn sanh gái thì tìm một con khỉ cái". Thầy Bà La Môn năn-nỉ ba lần như vậy, nhưng bà nũng-nịu không nghe, nên đành ra chợ mua con khỉ đực đem về để làm vừa lòng người vợ trẻ. Bà lại sai chồng đem con khỉ đến người thợ Rattapani mượn nhuộm lông nó ra màu cho lạ hơn những con khỉ khác, và dặn chồng bảo anh thợ nhuộm phải dày vò con khỉ cho lông nó dễ ăn màu.

Người thợ nhuộm Rattapani nói với lão Bà La Môn rằng anh ta có thể nhuộm lông con khỉ ăn màu tốt được phần nào hay phần nấy, chớ không thể dày vò con khỉ, vì làm vậy nó sẽ chết mất. Chỉ có hàng vải mới có thể dày vò cho dễ ăn màu.

Còn cô vợ trẻ của ông Bà La Môn chưa sanh con, không biết nó sẽ là gái hay trai, lại buộc người chồng già phải tìm mua con khỉ đực cho đứa bé chơi, nũng-nịu bảo chồng đem con khỉ đi nhuộm màu và dày vò nó như nhuộm vải".

Bởi vậy, Đức Thế Tôn, trước giờ nhập-diệt, có thuyết cho đạo-sĩ Subhadha nghe như vậy: "Này Subhadha, người chớ nên hỏi xem các vị giáo-chủ thuộc ngoại-đạo đều đắc quả thánh-nhân, hay chỉ có vài vị đắc và vài vị không đắc? Người nên nhớ rằng bất cứ những ai thuộc chủng-tộc nào, thuộc giai-cấp nào, khi biết hành theo Bát Chánh Đạo thì đạo quả thánh-nhân (A La

Hán) vẫn còn. Ngoài Đạo Bát Chánh, không có đường lối nào khác có thể đưa người đến giải-thoát hoàn-toàn.

---o0o---

Những nguyên-tố

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn hành-trình đơn-độc trên đường dài đi vào xứ Magadha (Ma Kiệt Đà). Khi tới thành Radjagaha (Vương Xá), Ngài đến xin nghỉ đêm tại nhà người thợ làm đồ gốm tên Bhaggava. Ông này nói: "Chẳng có gì làm phiền tôi cả nếu Ngài muốn nghỉ tạm tại đây. Nhưng nhà tôi hiện nay có một chàng trai đi hành-hương xin vào trọ. Vậy xin Đức Thế Tôn tùy-tiện thương-lượng với người thanh-niên ấy và muốn ở lại đây bao lâu tùy thích".

Cùng lúc đó, chàng thanh-niên Pukkusati, với đức tin nhiệt-thành, muốn tìm phương giải khổ, cũng rời bỏ gia-đình đi sống cảnh không nhà. Chàng phát-động một cuộc hành-hương trên đường dài để tìm theo vết chân của Đức Như Lai.

Khi Đức Phật xin ở trọ, Pukkusati nhã-nhận đáp: "Kính bạch Đại Đức⁴, nhà ông thợ đồ gốm rộng-rãi mát mẻ. Vậy xin ông cứ việc sử dụng, chẳng có gì làm phiền tôi cả".

Đức Thế Tôn bước vào trong, trải chiếc đệm rom, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai-nghi đó suốt đêm dài khuya-khoát. Chàng trai Pukkusati cũng trải chiếu, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước và giữ oai-nghi đó suốt đêm.

Bỗng Đức Phật hỏi: "Này chàng thanh-niên, hiện nay người đang đi kiếm ai và ai là thầy tổ của người? Chàng nương theo giáo pháp nào để tìm đường thánh thiện?"

- "Bạch Đại Đức, bậc đáng kính Gotama rời bỏ gia-tộc Thích Ca đi tìm phương cứu khổ, đã trở-thành một vị A La Hán. Danh thơm của Đức Gotama bay đến tận phương xa và đâu-đâu cũng có tiếng đồn hoan-lạc rằng Ngài là Đấng Thế Tôn, là bậc A La Hán, là Đấng hoàn-toàn giác-ngộ, có sự hiểu biết siêu-nhân. Ngài là Đấng Trọn Lành suốt-thông tam-giới, là Bậc Đại Giác, là Thầy cả chư-thiên và nhân-loại".

Đức Phật hỏi: "Này chàng tu-sĩ, vậy chớ hiện nay Đức Thế Tôn, Bậc A La Hán Đại Ngộ đó đang ngự tại đâu?".

- "Kính bạch Đại Đức, hiện nay Đức Thế Tôn, Đấng Trọn Lành, Đấng Đại Giác đang ngự trong mấy tỉnh miền Bắc, tại một kinh-đô gọi là Savathi (Xá Vệ)".

- "Này chàng thanh-niên, vậy chớ người có gặp Đức Thế Tôn lần nào chưa?"

- "Bạch Đại Đức, tôi chưa hân-hạnh được thấy Ngài bao giờ".

Khi biết Pukkusati chưa nhận-diện ra Ngài, Đức Thế Tôn ôn-tồn khuyến hóa chàng tu-sĩ: "Hỡi này chàng thanh-niên đi hành-hương! Người hãy chú-tâm ráng nghe đây:

"Trong mỗi con người có sáu nguyên-tố, sáu sự tiếp-xúc, mười tám cái tâm tìm kiếm, và bốn sự quyết-tâm. Khi người nào thấu-đáo và điều-ngự được chúng, không để cho những ý nghĩ vu-vơ, huyễn-hoặc, xâm-nhập, thì người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Chừng đó, người an trú vững-vàng trong chánh kiến, người có bảo-trì chân-lý, thỏa-thích với sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là củng-cố sự yên-lặng an vui".

"Này chàng thanh-niên đi hành-hương, đây là sự thuyết-minh nhất-trí về sáu nguyên-tố".

"Ta nói mỗi con người có sáu nguyên tố, là: đất, nước, lửa, gió, hư-không và tâm thức".

"Ta nói trong mỗi con người có sáu sự tiếp-xúc với sáu trần, là: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp".

"Ta nói trong mỗi con người có mười tám cái tâm tìm kiếm, là sáu cái tâm vui thích trong lục-trần, sáu cái tâm nhòm chán sáu trần, và sáu cái tâm trung-lập về các trần đó (không vui, không khổ)".

"Ta cũng nói trong mỗi con người có bốn sự quyết-tâm, là: hiểu biết chân-chánh (chánh kiến), bảo-tồn chân-lý, rán dứt bỏ và cố gắng thành-đạt sự yên-tĩnh".

"Ta cũng nói con người cần phải cứng rắn sống trong chánh kiến, bảo-tồn chân-lý, giữ mình chân-thật, thỏa-thích trong sự dứt bỏ và chẳng làm gì khác hơn là an trú trong trạng-thái yên lặng".

"Nhưng thế nào là người cứng rắn trong chánh kiến?"

"Trước nhất là sáu nguyên-tố mà bản-chất có thể được mô-tả như sau:

"Chất đất có thể là chủ-quan (ở trong xác thân) hay khách-quan (ở ngoài xác thân). Nên ở bên trong thì nó thuộc về một cá-nhân, mang tính-cách cá-nhân và tùy theo sở-hữu của mỗi con người. Đất có tính-cách cứng, rắn chắc hoặc những tính-cách tương-tợ. Đó gọi là nguyên-tố "đất" trong con người. Đem

nó ra so-sánh với chất đất bên ngoài thì chúng ta thấy rằng đó chỉ toàn là đất mà thôi".

"Tur-cách hiểu biết chân-chánh đúng theo thực-tế như vậy khiến chúng ta nhận định rằng đó không phải là Ta, không phải của Ta và cũng chẳng phải là bản Ngã. Khi biết nhận xét đúng theo chân-lý như thế, con người không quan-tâm gì tới chất đất và chẳng còn ngã chấp".

(Những nguyên-tố: nước, lửa, gió, hư-không, cũng được giải-thích theo thể-thức kể trên).

"Ngoài năm nguyên-tố trên đây, cái tâm được thanh-lọc trở nên trong sạch, cao-thượng, đưa con người tới trình-độ hiểu thấu rõ-rệt mọi vật và biết phân-biệt cái chi là vui, cái gì là khổ và cái gì không vui không khổ".

"Sự tiếp-xúc vừa lòng làm phát-sinh cảm-giác vui thích. Khi vui thích, người biết rõ mình đang trải-nghiệm niềm vui và người cũng biết rằng lúc nào sự tiếp-xúc thích thú không còn nữa, thì niềm vui cũng biến tan. Đối với những sự tiếp-xúc chán-chê sâu-não hoặc không vui không khổ, người cũng biết nhận định rõ-rệt đúng theo chân-lý".

"Hỡi này chàng thanh-niên đi hành-hương! Như hai khúc gỗ được cọ xát với nhau trở nên nóng làm tung-toé ra những đóm lửa, và khi chúng bị tách rời ra thì sức nóng biến tan. Thì cũng như thế ấy, sự tiếp-xúc vừa lòng làm phát-sinh cảm-giác an vui, thích thú. Khi trải-nghiệm cảm-giác đó, người biết mình đang hưởng lạc-thú và cũng biết rõ khi sự tiếp-xúc vừa lòng chấm dứt, thì niềm vui cũng chẳng còn. Đối với sự tiếp-xúc khổ sâu, hoặc không vui không khổ, người cũng biết rõ".

"Này người thanh-niên, sự thản-nhiên, thanh-tĩnh, được thanh lọc cao-thượng, nó sẽ trở nên mềm dịu, sáng chói. Như nén vàng chưa tinh-luyện (vàng đồ) được để vào khung đốt lửa lên cho cháy đỏ. Thỉnh-thoảng, người thợ kim-hoàn dùng ống đồng thổi tạt ngọn lửa lên bề mặt cục vàng rồi gấp nó đem nhúng vào nước để quan-sát coi công việc mình làm có chu-đáo không? Vàng bị đốt cháy ra và được thanh lọc tách rời các loại kim xấu khác như thế nào, để nó trở nên tinh-vi, mềm dẻo, sáng chói, rồi đem làm ra nhiều món nữ-trang như vòng, bông tai, giầy chuyền cổ ... và được kết-quả tốt đẹp. Cũng như thế ấy, sự an-tĩnh, thản-nhiên, được thanh lọc, trau-giồi cao-thượng, trở nên mềm dẻo, sáng ngời".

"Chùng đó, sự hiểu biết rõ-rệt phát-sinh đến cho người (hành-giả) như vậy: "Vậy ta thử tập-trung cái tâm được thanh lọc, trau-giồi cao-thượng này và hướng nó về lãnh-vực: Không Vô-Biên, Thức Vô-Biên hoặc Vô Hữu Sở, rồi làm phát-triển cái tâm trở nên rộng lớn bao-la trong các lãnh-vực và an trú

trong trạng-thái ấy một thời-gian khá lâu. Quả thật, ta đã thành-tự, nhưng đây cũng chỉ là những hiện-tượng được chế-tạo. Chúng chỉ có tính-cách tạm thời thoáng qua mà thôi".

"Như vậy, hành-giả chẳng phí-công tìm tòi về tư-cách sanh diệt của những vật cấu-tạo và chẳng thiết-tha gì với chúng. Người được hoàn-toàn tự-do và chẳng còn chi ràng buộc trên thế-gian này nữa".

"Được tự-do rồi, người không còn sợ-hãi lo-âu, nội-tâm không xao-xuyến và tin chắc rằng mình chẳng còn tái-sinh nữa, mình đã sống tròn đủ cuộc đời cao-thượng, các việc mình đã làm xong và không còn dính mắc với bất cứ việc gì trên cõi thế".

"Khi có cảm-giác vui, khổ, hoặc không vui không khổ phát-sinh, người biết rõ đó là những tình-cảm tạm-thời, không xem chúng là quan-trọng và chẳng quuyến-luyến ôm-ấp niềm vui".

"Khi có cảm-giác rằng xác thân mình sắp kết-liểu, người cũng biết rõ. Người biết đời sống chấm dứt như thế nào? Người biết sau khi cơ thể rã rời, tất cả những cảm-giác và niềm vui đều hòa-đồng vào cõi hoàn-toàn tịch-tĩnh".

"Chẳng khác nào cái đèn cháy được là nhờ chất dầu và cái tim của nó. Nhưng khi dầu hao, tim lụn mà người không châm dầu khơi tim, thì cái đèn phải tắt. Cũng như thế ấy, kẻ nào hiểu biết sự kết-liểu của xác thân và kiếp sống, biết luôn cả tư-cách hòa-đồng những niềm vui khổ vào cõi tịch-tĩnh khi xác thân tan rã, kẻ đó an-toàn thoát-ly ra khỏi bánh xe sanh tử".

"Thầy tỳ-khưu thuần-thục như thế là người có sự "Quyết-tâm cao cả về chánh kiến". Vì sự hiểu biết cao-siêu cùng tột là tư-cách thấy rõ trạng-thái kết-thúc nguồn thống-khổ".

"Tư-cách giải-thoát căn-cứ vào chân-lý. Sự dối-trá tự nó đã là xấu-xa, làm-lạc. Chân-lý là Niết-Bàn, là nơi chẳng còn sự dối-trá nào cả. Lẽ đó, thầy tỳ-khưu biết trau-giồi phẩm-hạnh thêm cao-thượng đã thành-đạt sự "quyết-tâm cao cả về chân-lý". Vì chân-lý cao-siêu cùng tột là Niết-Bàn, nơi chẳng còn điều chi dối-trá".

"Khi đôi mắt (tuệ giác) chưa bừng sáng, con người bị trói chặt vào cuộc sống và tha-thiết áp yêu nó. Giờ đây, màn vô-minh bị vệt, nhường chỗ lại cho ánh-sáng cao-siêu. Những sự-vật nhận-định do cặp mắt phạm-phu khi trước, hiện nay đã thay đổi. Thầy tỳ-khưu đi tới trình-độ "quyết-tâm cao cả về sự dứt bỏ". Vì tư-cách dứt bỏ cao-siêu cùng tột là giải-thoát (con người ra khỏi những sợi giây trói chặt vào đời sống)".

"Khi đôi mắt chưa bừng sáng, con người hằng làm mồi cho si-mê ái dục. Giờ đây, chúng đã bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông-minh sáng-lạng. Những sự nhận-định với cặp mắt phạm-phu lúc trước, hiện nay đã thay đổi. Những sự tối-tăm, sân-hận, oán-thù, tàn-bạo, lầm-lạc, bị diệt tận gốc rễ, nhường chỗ lại cho sự thông-minh sáng-lạng. Được trau-giồi thuần-thục như thế, thầy tỷ-khuru đi tới trình-độ "quyết-tâm cao cả về sự an-tĩnh". Vì sự an-tĩnh cao-siêu cùng tốt là dập tắt lòng tham-dục, sân-hận, si-mê".

"Ta nói kẻ nào an trú vững chắc trong trạng-thái yên-tĩnh, không còn bị những ý nghĩ vu-vơ, lầm-lạc, không lợi-ích xâm-nhập, kẻ đó đáng được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh. Nhưng thế nào là ý nghĩ không lợi-ích?"

"Nói rằng: "Ta đây" là một ý nghĩ vô-ích. Nói rằng: "Không phải Ta đây" là một ý nghĩ vô-ích. "Ta sẽ tái-sinh hay không tái-sinh ra nữa? - Ta sẽ có xác thân hay vô-hình? Hữu-tri hay vô-tri? vân-vân...", đều là những ý nghĩ vô-ích. Chúng giống như một chứng bệnh, như ung-nhot, như cái gai nhọn".

"Khi vượt qua khỏi các ý nghĩ vu-vơ không lợi-ích, người ấy được gọi là bậc Đại Hiền Thanh Tịnh, không còn sinh-trưởng nữa, không còn sợ-hãi và chẳng tham muốn gì nữa. Người đó không còn yếu-tố gì để tái-sinh. Không sinh-trưởng thì sự già nua làm sao đến được? Mà không già thì khỏi chết. Nếu không chết thì còn sợ chi nữa, và chẳng sợ-hãi thì cần gì tham muốn?"

"Hỡi chàng thanh-niên đi hành-hương! Đó là sự thuyết-minh nhất-trí về những nguyên-tố mà người cần ghi nhớ trong tâm".

Nghe xong Chánh Giáo, Pukkusati nhận ra người khuyến hóa mình chính là Đức Thế-Tôn, là Đấng Đại Giác. Chàng liền vén y bên vai phải, mọp xuống chân Ngài: "Kính bạch Đức Thế-Tôn, vì lỗi-lầm điên-dại nên con đã vô-ý xung hô với Ngài như đối với một đạo-sĩ tầm thường. Vậy xin Đức Thế-Tôn nhận lời sám-hối tội-lỗi và con nguyện sẽ không tái-phạm nữa trong buổi tương-lai".

Đức Phật nói: "Lành thay! Đó là triệu-chứng tấn-hóa trong giới bổn, khi người tự biết lỗi mình, ăn-năn sám hối và nguyện giữ gìn không cho tái-phạm sau này".

- "Bạch Đức Thế-Tôn, vậy xin Ngài cho phép con xuất-gia thọ cụ-túc giới để gia-nhập vào tăng-hội".

- "Này chàng thanh-niên đi hành-hương, vậy người có tam y quả bát rồi chưa?"

- "Bạch Đức-Thế-Tôn, chưa có".

- "Này chàng thanh-niên, Đức Chánh-Biến-Tri không thể ban cụ-túc giới xuất-gia cho kẻ nào không có y bát đặng".

Rất thoả-thích về lời giáo đạo, chàng tu-sĩ Pukkusati tỏ lòng tri-ân, vái chào Đức Thế-Tôn rồi đi tìm y bát. Nhưng lúc đi trên đường, chàng rủi bị bò húc chết. Các tỳ-khuru được tin đến hỏi Đức Phật tại sao Pukkusati vừa mới nghe Ngài thuyết-minh chánh giáo lại mang họa như thế? Vậy chớ người sẽ tái-sinh về đâu và số phận ra sao?

Đức Phật thuyết:

"Này các tỳ-khuru, chàng thanh-niên Pukkusati rất thông-minh học rộng, đã thông-suốt giáo-lý khắp các ngành, từ thô-thiển đến vi-tế. Như Lai chẳng gặp khó-khăn gì khi giáo hóa người. Pukkusati đã chặt đứt hoàn-toàn năm giây trời buộc vào kiếp sống. Chàng được sanh về cảnh giới an vui cao cả và không còn trở lại thế-gian này nữa (đắc quả thánh thứ ba, là A Na Hàm)".

Chư-Tăng đồng-thanh hoan-hỷ về lời giải-thích của Đức Thế Tôn.

-- MAJJHIMA NIKAYA 141

Lời của soạn-giả:

Trên đây là bài pháp có tầm quan-trọng, đặc-biệt dành riêng cho những bậc thượng căn. Lời lẽ rất cao-thâm, tế-nhị, khó hiểu, mang tính-cách "Siêu Thế-Gian pháp" (Lokuttara Dhamma) diễn-tả trong mỗi con người có sáu nguyên-tố. Năm cái đầu: đất, nước, lửa, gió, hư-không, thuộc về Sắc pháp. Nhưng đặc-biệt là nguyên-tố "Tâm" thuộc Danh pháp, là yếu-tố nồng cốt cho sự giải-thoát hay sa đọa. Tâm có năng-lực đưa con người tới nơi dứt khổ, là Niết-Bàn, nếu biết điều-khiển nó đúng theo lời dạy của Đức Như-Lai. Trái lại, tâm cũng có thể xô đẩy chúng-sinh vào vòng si-mê ái-dục, gây nhiều nghiệp dữ, sa vào cạm bẫy của ma-vương để, rốt cuộc, phải bị luân-hồi khổ-não triền-miên trong tam-giới.

Chúng ta nên tìm hiểu nguyên-nhân nào khiến Đức Phật thuyết-minh cho chàng thanh-niên Pukkusati nghe những điểm diệu thâm sau đây về bốn sự quyết-tâm:

*Quyết-tâm thành-đạt chánh kiến;
Quyết-tâm bảo-tồn chân-lý;
Quyết-tâm thỏa-thích trong sự dứt bỏ;
Quyết-tâm củng-cố sự thản-nhiên, an-tĩnh.*

Đó là những huân-từ có tính-cách siêu-thế, chớ chẳng phải tầm-thường. Đức Thế-Tôn dùng tuệ nhãn đoán biết rõ trình-độ và phẩm-hạnh của người thanh-niên Pukkusati là thế nào? Một chàng tu-sĩ trẻ trung giữa lúc xuân

thời, đang sống cuộc đời nhàn-nhã, buông lung, lại dũng-mãnh rời khỏi gia-cư thân-thuộc, đi sống đời hành-khất cô-đơn, cắt đứt những tình-cảm thông-thường, phát-động một cuộc hành-hương diệu-vợi, xuyên qua rừng núi hiểm nguy theo dấu chân của Đức Thế Tôn để xin xuất-gia tu theo chánh giáo ... chỉ vì được nghe qua danh-tiếng của Đức Như Lai mà thôi. Một con người, tuy còn trai trẻ, nhưng mang lòng nhiệt huyết như vậy, thế nào cũng có bộ óc thông-minh xuất chúng, thích nghe, thích hiểu, thích làm. Pukkusati là con người thực-tế dám hành-động theo lẽ phải, không do-dự, không thối-chuyển.

Vì thấu rõ tâm địa của Pukkusati, Đức Thế Tôn biết thế nào người cũng liễu-ngộ sau khi nghe pháp và chính Ngài đã cho chư-tăng biết rằng Pukkusati rất thông-minh, học rộng, nên Ngài khuyên hóa dễ-dàng.

1. Về điểm "Quyết-tâm thành-đạt chánh kiến", ở đây không phải là sự hiểu biết thông-thường của hạng phàm-nhân, biết nhận-định phải quấy, tốt xấu, lành dữ, xuyên qua các sự-việc biểu-lộ bên ngoài bản-thân, mà là sự trác-nghiệm, quán-xét đúng theo chân-lý nội-tâm về những nguyên-tố tùy-thuộc Sắc pháp và Danh pháp ẩn sâu trong mỗi cá-nhân.

Khi tuệ-giác bừng sáng sau thời-gian hành đạo nhọc thân, kham-khổ, bậc siêu-nhân nhìn thấy rõ-rệt thân mình chỉ là sự phối-hợp của những nguyên-tố: đất, nước, lửa, v.v. và các Sắc pháp đó, tự chúng cũng không bền vững, lâu dài. Lẽ ấy, hành-giả chẳng còn tung-tiu, ôm-áp, quý-trọng xác thân nữa.

Trên các nguyên-tố thô-sơ đó, Đức Phật cho Danh pháp là những trạng-thái do tâm cấu tạo, rất tế-nhị, nhưng cũng đều là vô-thường biến-đổi.

Sự hiểu biết cùng tột như vậy gọi là "Chánh Kiến Siêu Thế-Gian".

2. "Quyết-tâm bảo-tồn chân-lý" có nghĩa là giữ vững lập-trường đạo-đức của mình luôn-luôn vững chắc, dứt-khoát. Đức Phật nói Niết-Bàn là chân-lý cùng tột và chân-lý cùng tột là Niết-Bàn. Lẽ đó, các bậc hành-giả trong Phật-Giáo phải cố gìn giữ chân-lý không hề chình-lịch để nhắm thẳng mục-đích cuối cùng là Niết-Bàn. Trên đường tu tập, người không nên thỏa-thích, toại-nguyện ôm-áp vài thành quả phi-thường có tính-cách huyền-bí tạm-thời như đắc phép thần-thông, được sống lâu, biết ẩn chú, v.v. ... Luôn cả trường-hợp đắc bốn bậc Thiên Vô Sắc để hưởng phước hằng vạn triệu năm trên thiên giới, cũng không đáng say-mê ôm-áp. Sự quyết-tâm này cũng thuộc lãnh-vực Siêu Thế.

3. "Quyết tâm dứt bỏ".

Người đời có thể vì hoàn-cảnh, vì uất-hận hoặc tự-ái cá-nhân, dám bỏ địa-vị, danh-vọng, tài-sản, xa lìa quyến-thuộc. Tỉnh-thoảng, có vài kẻ chán-đời

khi nghe được đạo-lý, rồi bỏ nhà cửa, vợ con, ra đi tìm đường thánh thiện. Nhưng đây cũng là trường-hợp dứt bỏ của hạng phàm-phu do những động-cơ bất-thường thúc-đẩy, chứ không phải do sự xét đoán thông-minh. Vì chí-hướng con người luôn-luôn thay đổi vô chừng.

Lẽ đó, phát-sinh ra nhiều trường-hợp các nhà tu-hành, lúc đầu rất hăng-hái, dám ly gia cắt ái, kham-khổ hành đạo. Nhưng thời-gian sau, hoặc bị Tà Tư Duy khuấy rối, hoặc bị tiền-tài danh-lợi cám-dỗ nên sa-ngã, không tìm cách "tự giác - giác tha" trước cứu mình sau độ người, để nắm tay nhau thoát ra khỏi sông mê biển khổ.

Trên đây, Đức Phật dạy hành-giả cần phải dứt bỏ những gì quý-báu nhất của chính mình, dù là bản-thân đi nữa. Dứt bỏ những thành quả tạm thời trên đường tu tập như đắc phép màu, ếm quỷ trừ ma, bùa mê thuốc lú ... và dứt bỏ luôn cả bốn bậc Thiên Vô Sắc, thì mới mong thấu rõ chân-lý cùng tột là Niết-Bàn. Đây là tư-cách dứt bỏ Siêu Thế-Gian mà người phàm-tục ít khi biết tới.

4. "Quyết-tâm củng-cố sự thân-nhiên an-tĩnh."

Theo kinh-điển, đạo quả thánh-nhân có thể thành-đạt do hai đường lối: là "Minh Sát" (Vipassanā) và "Tịnh Tâm" (Samatha). Người không có thiên-định, nhưng đắc một trong bốn quả thánh gọi là "Sukkhavipassaka", nghĩa là dùng Tuệ Giác soi thấu tất cả để làm khô cạn phiền-não.

Người đắc quả thánh do Pháp Thiên-Định gọi là "Samaka Yānaka", nghĩa là dùng pháp Tịnh Tâm làm lắng dịu phiền-não.

Chúng ta thường có dịp gặp những con người hay trầm-tư mặc-tưởng, dáng-điệu trang-nghiêm, ít nói năng, nhưng thật-sự tâm-trung của họ chưa nhất-thiết là yên-tĩnh.

Một nhà tu-hành ngồi ngay-thẳng, đôi mắt lim-dim, tính-tình hòa-huẩn với nụ cười kín-đáo trên đôi mép, hoặc tịnh khẩu như bình, cũng chẳng có gì đảm-bảo rằng nội-tâm của người là yên-tĩnh. Lời nói hàm-hồ viễn-vong của người thế là điều vô-ích trong cuộc sinh-hoạt hằng ngày, nhưng cũng không mấy tai-hại.

Đối với bậc hành-giả, tình-thế lại tế-nhị tâm-lý hơn nhiều. Chẳng những bên ngoài người phải luôn-luôn thu-thúc, gìn giữ oai-nghi phong-độ chỉnh-tề, mà cốt-yếu là phải điều ngự nội-tâm cho an-tĩnh, thanh-cao, không cho những tư-tưởng tà tây, chẳng lợi-ích xâm-nhập, khuấy rối, làm ô-nhiễm, thì mới mong tìm thấy đạo quả. Các ý nghĩ bông-lông, vô-ích, hay Tà Tư-Duy gây trở-ngại lớn-lao cho người hành đạo. Chúng là ma-vương, là tùy phiền-

não, ẩn sâu trong tiềm-thức đã lâu đời, luôn-luôn ám-ảnh theo dõi hành-giả tận chốn núi cao rừng thẳm, cản ngăn bước tiến.

Bởi vậy, Đức Phật dạy người giới-tử phải cương-quyết gạt bỏ các ý nghĩ không lợi-ích, ráng giữ lòng thanh-tĩnh để thấu rõ chân-lý tuyệt-đối, là Niết-Bàn, và trở thành bậc Đại Hiền Thanh-Tịnh (Muni). Nghĩa là luôn-luôn sống trong sự yên lặng và chẳng làm gì khác hơn là bảo-trì thân tâm yên-tĩnh, an vui.

Nói tóm lại cho dễ hiểu, Đức Phật mô-tả con người như một Tiểu Càn Khôn (thế-giới nhỏ) được cấu-thành bởi tinh-thần và vật-chất (Danh Sắc - Nāma Rūpa). Đạo giải-thoát chỉ tìm ra nội bên trong bản-thân, chớ không thể có ở bên ngoài. Hành-giả cần phải trải-nghiệm các hiện-tượng tâm-lý (Danh pháp) và vật-chất (Sắc pháp) để tìm ra chân-lý.

Người hành đạo chỉ hoàn-tất con đường thánh-thiện khi nào tuệ-giác bừng sáng cho thấy rõ Danh và Sắc pháp đều là vô-thường, biến-đổi, cần phải loại trừ.

---o0o---

Những phép màu

"Hỡi các tỳ-khưu! Ba phép màu đó là thế nào?"

- Phép màu về thân-thông biến-hóa.
- Phép màu về Tha Tâm Thông (đoán biết tư-tưởng kẻ khác).
- Phép màu về giáo pháp.

1) "Đây là phép màu thứ nhất nói về trường-hợp một đạo-sĩ có năng-lực phi-thường, biết biến-hóa ra thiên hình vạn trạng lạ đời. Từ một, người biết phân thân ra làm nhiều người, và từ nhiều người biến lại thành một. Từ hiện-diện, người biến mất rồi tái xuất-hiện. Người có thể đi ngang qua một tường thành, hay xuyên qua đỉnh núi, như đi trên khoảng trống. Người chui xuống đất rồi trở lên dễ-dàng, như lao mình xuống nước. Người đi trên nước bằng-phẳng như trên mặt đất. Người ngao-du trên hư-không, ngồi tréo chân như chim bay. Người có thể sờ mó mặt trời hay mặt trăng theo ý muốn. Người có thể điều-khiển thân mình cho tới cõi trời Phạm Thiên. Đó là phép màu về thân-thông biến-hóa".

2) "Còn đây là phép màu về Tha Tâm Thông. Một đạo-sĩ có năng-lực huyền-bí đoán biết: "Anh đang suy tính thế này hoặc thế khác". Dù tư-tưởng kẻ khác rắc-rối mây, người cũng đoán không sai. Chỉ nắm được một triệu-chứng do tiếng nói của người, của hạng phi-nhân hay chư-thiên, người cũng đoán được tư-tưởng của họ, không sai chạy mây-may, dù đoán bao nhiêu lần

cũng không trật. Hoặc giả, ông thầy bói có hành thiên-định cũng biết được tư-tướng kẻ khác không cần bắt được triệu-chứng nào, bằng cách điều-khiển tâm mình xuyên qua tư-tướng kẻ khác. Dù đoán bao nhiêu lần cũng không sai. Đó là phép màu về Tha Tâm Thông".

3) "Còn phép màu về giáo pháp là thế nào?"

"Trong trường-hợp này, một ông giáo-chủ dạy giới-tử: "Người nên học hỏi như thế này, chớ chẳng phải như thế kia. Người phải thực-hành như thế này, chớ không phải như thế khác. Người hãy cố gắng thành-tựu phẩm-hạnh như vậy và ráng bảo-tồn mức-độ ấy". Đó là phép màu về giáo pháp".

-- *ANGUTTARA NIKAYA I*

---o0o---

Đức-Phật chê những phép thần-thông và tha tâm thông

"Này các tỳ-khuru, nhưng có trường-hợp một kẻ vô tín-ngưỡng phanh-phui châm-biếm như vậy: "Nào lạ gì? Có một thứ bùa chú gọi là Gandhari. Nhờ bùa chú đó mà ông đạo-sĩ mới biến-hóa được ra thiên hình vạn trạng, biết phân thân, chui xuống đất, đi trên nước, bay trên hư-không ..."

"Này các tỳ-khuru, vì nhận thấy sự vô-ích, bất-hảo của các phép thần-thông nên Như Lai nhòm chán không muốn chúng được phô-trương. Về phép Tha Tâm Thông cũng thế, nó chẳng tốt đẹp gì. Vì đôi khi kẻ vô tín-ngưỡng nói: "Nào lạ gì? Có một loại ngọc kim cương". Nhờ thứ ngọc đó mà ông đạo-sĩ đoán được tư-tướng kẻ khác, nào là: "Anh đang suy nghĩ thế này, toan tính thế kia ..." Vì nhận thấy sự vô-ích bất-hảo của phép Tha Tâm Thông nên Như Lai nhòm chán, không muốn chúng được phô-trương".

-- *DIGHA NIKAYA I*

---o0o---

Đức Phật trách phạt Tỳ-khuru Pindola Bharadvaja

Ngày kia, một thương-gia giàu có tại thành Vương-Xá (Radjagaha) cho treo một cái bình bát bằng cây trầm hương trên ngọn cây tre và tuyên-bố: "Nếu có thầy đạo-sĩ hay sa-môn nào tài giỏi biết phép thần-thông, lên tới ngọn tre lấy được bình bát, thì nó sẽ thuộc về phần vị đó". Sáu ông giáo-chủ nhóm ngoại-đạo đến thử tài, nhưng không xong. Khi đó, thầy tỳ-khuru Pindola Bharadvaja dùng thần-thông bay lên lấy bát. Dân chúng thành Vương Xá reo hò, vỗ tay hoan-nginh, trong lúc thầy tỳ-khuru Pindola Bharadvaja ôm bát bay quanh thành Vương Xá ba vòng, rồi theo yêu cầu của người thương-gia, ông đáp xuống sân nhà.

Nghe tiếng reo hò của dân chúng, Đức Phật hỏi. Đại đức Ananda thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, chính ngài Pindola Bharadvaja đã lấy được cái bình bát của người thương-gia, nên dân chúng mới reo hò như thế".

Đức Phật liền quở trách Đại đức Pindola Bharadvaja như vậy: "Này Pindola, hành-động đó thật chẳng xứng-đáng chút nào. Hành-động đó không hợp lẽ, không tốt đẹp đối với một sa-môn. Là việc chẳng nên làm. Tại sao với cái bình bát không ra gì, người lại phô-trương cho người đời biết những việc phi-thường, những phép thần-thông? Như vậy, chẳng khác nào một phụ-nữ vén khó lên cho người xem để được một Māsaka mẻ góc".

Sau khi quở trách Đại đức Pindola Bharadvaja xong, Đức Phật thuyết: "Này các tỳ-khưu, các người không nên biểu-diễn những chuyện phi-thường, những phép thần-thông trước công-chúng. Tỳ-khưu nào bất tuân sẽ bị phạt theo điều luật "Hành ác" của giới bản. Này các tỳ-khưu, hãy đập bể cái bình bát đó, đem cán ra thành bột phân rồi các người chia nhau để thoa tay".

-- VINAYA II

Lời của soạn-giả:

Nói về bản-chất, phép thần-thông là con dao hai lưỡi, lợi ít hại nhiều, không thể đưa tới giác-ngộ, nên Đức Phật cấm-đoán các đệ-tử không cho biểu-diễn trước công chúng. Thật ra, nó chỉ là thành quả của bốn năng-lực căn-bản "Iddhi pādas" (Tứ Chánh Căn): Tập-trung ý muốn, tập-trung nghị-lực, tập-trung tư-tưởng và tập-trung sự quan-sát trong pháp hành thiên-định. Một đôi khi, Đức Phật và Đại đức Mục Kiền Liên cũng thi-thố phép mầu, nhưng với mục-đích cứu độ kẻ khác. Phần đông hành-giả đắc Phạm Định thường ưa thích phép thần-thông, ôm-ấp bám dính nó rồi trở nên cống-cao, ngã-mạn, để sau cùng phải mang họa, như trường-hợp ông Đề Bà Đạt Đa.

Trong ba phép mầu kể trên, Đức Phật chỉ khuyến-khích về cái thứ ba, là phép mầu về giáo pháp. Đây là uy-lực tuyệt-đối, phi-thường, về nội-tâm để chế-ngự tư-tưởng của đối-phương, mà chỉ các Đấng Toàn Giác mới có. Đức Thế Tôn đã bắt buộc phải áp-dụng phép mầu này trong hai trường-hợp làm cho 5 ông Kiều Trần Như và Đức Ca Diếp (Urueva Kassapa, giáo-chủ nhóm thờ thần lửa Djatilas) phải vâng lời và xin thọ giáo với Ngài:

1) Chỉ sau khi nghe Đức Phật tiết-lộ rằng Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, năm ông Kiều Trần Như mới thôi gọi Ngài là bạn và chịu tiếp rước.

2) Dù Đức Thế Tôn đã thi-thố đến 3.500 phép lạ, nhưng Đức Ca Diếp vẫn cho mình là tài giỏi cao-thượng hơn Đức Phật. Ông chỉ chịu phục-tùng khi nghe Đức Phật cho biết rằng ông chưa đắc đạo quả gì cả.

---o0o---

Lời giáo-đạo của Đức Thế Tôn cho ngài Rahula nghe

Ta có nghe như vậy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại rừng tre gần thành Vương Xá. Cùng lúc đó, Đại đức Rahula cũng an-trú hành đạo tại Ambalatthika. Sau khi xuất định, Đức Phật lên đường đi về phía Ambalatthika. Từ xa thấy dạng Đức Thế Tôn, Đại đức Rahula vội-vã sắp đặt chỗ ngồi và mang nước đến cho Ngài rửa chân. Đến nơi, Đức Phật an-tọa và rửa chân xong, Đại đức Rahula đánh lễ rồi ngồi kế bên.

Đức Phật để dư lại dưới đáy ô chút ít nước và hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy chút nước dưới đáy ô không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia thật mỏng-manh, ít ỏi, khi người không hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Đổ hết nước trong ô rồi Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy nước trong ô đã đổ hết ra ngoài không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia bị vất bỏ khi chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Úp ô xuống, Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy cái ô úp xuống không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia bị đảo-lộn khi chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá và không chân-thật".

Lật ngửa ô lên, Ngài hỏi: "Này Rahula, ngươi có thấy cái ô lật ngửa trông trơn không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

- "Thì cũng như thế đó, Rahula, đời đạo-đức của kẻ xuất-gia thật rỗng-không, khi người chẳng biết hồ-thẹn, tha-hồ đối-trá, thiếu chân-thật".

- "Hỡi này Rahula! Cũng như thớt voi trận của đức vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Nhưng lúc lâm trận, nó chỉ làm phận-sự với hai cặp trước, với hai cặp sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi ..., nhưng vẫn lo bảo-vệ cái vòi của nó để khỏi thương-tổn".

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Nhưng khi lâm trận, nó làm phận-sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi, song vẫn lo bảo-tồn cái vòi của nó để khỏi thương-tổn. Như thế, con voi không chịu hy-sinh hết mình cho đức vua".

"Này Rahula, nhưng nếu thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Lúc lâm trận, nó làm phận-sự với hai cẳng trước, với hai cẳng sau, với thân-hình phía trước, thân-hình phía sau, với cái đầu, với hai vành tai, với cặp ngà, với cái đuôi và luôn cả cái vòi của nó".

"Tên nài nghĩ rằng: "Đây là thớt voi trận của nhà vua có cặp ngà dài, cứng chắc, thuộc loại voi giống, được huấn-luyện để xông-pha chiến-địa. Khi lâm trận, nó dám hy-sinh hết mình cho đức vua, thì chẳng có việc gì nó không làm được".

"Này Rahula, cũng như thế đó, kẻ nào không biết hổ-thẹn, tha-hồ dối-trá, thì không có việc gì xấu-xa tội-lỗi mà người chẳng dám làm. Lẽ đó, người hãy cố luyện-tập như vậy: "Dù trong lúc nói chuyện vui đùa, tôi nhất-quyết không hề dối-trá".

Phật hỏi tiếp: "Rahula, vậy người biết cái gương dùng để làm gì?".

- "Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi thấy mặt, để phản-chiếu mọi vật".

- "Cũng thế ấy, Rahula, con người cần soi sáng, nghĩa là phải suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng thân, suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng khẩu, suy đi nghĩ lại kỹ-càng trước khi hành-động bằng ý".

"Này Rahula, dù muốn làm bất cứ việc gì bằng thân, người phải suy-nghĩ kỹ-lưỡng về hành-vi đó. Người tự hỏi rằng: "Hành-động bằng thân này sẽ mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta không? Có tai-hại cho kẻ khác không, hoặc có tai-hại cho cả hai? Hành-động đó sẽ gây ra nghiệp dữ và đến khổ đau không?" Nếu người suy-nghĩ thấy: "Hành-động bằng thân mà ta định làm đây là xấu-xa nguy hại cho ta, nguy hại cho kẻ khác, hoặc nguy hại cho cả hai. Hành-động đó sẽ gây ra nghiệp dữ, đưa đến khổ đau". Rahula, chừng đó người phải cố-gắng gạt bỏ ý nghĩ muốn làm việc đó".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân mà ta định làm đây không mang lại hậu-quả xấu-xa cho ta, không mang lại hậu-quả xấu-xa cho kẻ khác, hoặc cho cả hai. Đó là hành-động tốt tươi cao-thượng sẽ đưa đến hạnh-phúc an vui". Chừng đó người nên làm việc ấy".

"Này Rahula, khi đang hành-động bằng thân, người cũng nên suy-nghĩ: "Vậy chớ việc ta đang làm bằng thân đây sẽ mang lại cho ta những hậu-quả xấu-xa tai-hại chẳng? Hoặc tai-hại cho kẻ khác hay cả hai? Việc đó có xấu-xa tội-lỗi và sẽ đưa đến khổ đau không?" Này Rahula, nếu suy-nghĩ thấy việc đang làm bằng thân là xấu-xa đê-tiện, nó mang lại hậu-quả tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai, và sẽ đưa đến khổ đau, chùng đó người nên đình-chỉ ngay việc làm đó".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân mà ta đang làm đây không mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai và nó chẳng đưa đến khổ đau". Chùng ấy người nên tiếp-tục làm việc đó".

"Này Rahula, khi một việc làm bằng thân đã thực-hiện rồi, người nên suy-nghĩ: "Vậy chớ hành-động bằng thân vừa rồi sẽ mang lại cho ta những hậu-quả xấu-xa tai-hại chẳng? Nó sẽ tai-hại cho kẻ khác hoặc cả hai không?" Này Rahula, nếu suy-nghĩ thấy việc đã làm bằng thân đó là tai-hại cho mình, cho kẻ khác hoặc cả hai, thì người nên sám-hối tội-lỗi với Như Lai hay các vị cao-tăng và nguyện sẽ chẳng tái phạm về sau".

"Này Rahula, nhưng nếu người suy-nghĩ: "Hành-động bằng thân vừa rồi không mang lại hậu-quả xấu-xa tai-hại cho ta, cho kẻ khác, hoặc cho cả hai. Đó là hành-động tốt tươi cao-thượng sẽ đưa tới hạnh-phúc an vui". Chùng đó người nên phát tâm hoan-hỷ thỏa-thích và ráng ghi nhớ, niệm tưởng phước báu về việc lành đã làm xong bằng thân".

(Những hành-động do khẩu, do ý, cũng được giải-thích như thể-thức kể trên).

"Này Rahula, bất cứ là trong thời quá-khứ, trong buổi tương-lai, hoặc hiện nay, các đạo-sĩ hay Bà La Môn muốn cho những hành-vi về thân, khẩu, ý của mình được đứng-đắn thanh-cao, cho ngày thêm trong sạch, cần phải suy đi nghĩ lại kỹ-càng trong mỗi việc làm, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, cân phân, tính-toán ... và luôn-luôn suy-nghĩ".

Đức Thế Tôn dứt lời, Đại đức Rahula phát tâm hoan-hỷ thỏa-thích về sự khuyên-hóa của Đức Như Lai.

-- MAJJHIMA NIKAYA 61

Lời của soạn-giả:

Trong cuộc lễ xuất-gia, với sự chứng-minh của chư cao-tăng đại-đức, thầy tỳ-khưu long-trọng nguyện vâng giữ những điều học ghi trong giới bốn của Đức Phật.

Ngoài giới cấm Bất Cộng Trụ (bị trục-xuất ra khỏi giáo-hội) và Tăng Tàn (cấm-phòng) thì các giới khác có thể được ân-xá sau khi người phạm giới biết ăn-năn, sám-hối và cam-kết không tái phạm. Đúng theo tinh-thần của Tạng Luật, sự chân-thật của bậc xuất-gia là yếu-tố tối-trọng để bảo-trì giới hạnh của người tu-sĩ cho mau tiến hóa, và sự dối-trá là điều nguy hại làm tắt nghẽn đường đạo-đức.

Thầy tỳ-khuru không những gìn giữ giới hạnh trang-nghiêm bên ngoài, mà cần nhất là phải thành-thật với chính bản-thân, ráng tránh xa, ghê sợ các điều quấy do thân, khẩu, ý, và biết hổ-thẹn tội-lỗi.

Cũng như quả địa-cầu nâng đỡ vạn-vật, giới-luật có tính-cách bảo-trì, nâng đỡ, người tu-hành đi tới mục-đích cao cả và kẻ nào chẳng biết hổ-thẹn, tránh xa tội-lỗi, cố tâm ém nhẹm việc làm bất chánh, không chịu sám-hối, chừa cải, mà vẫn duy-trì tăng tướng giả-dối bên ngoài, Đức Phật nói:

- *Đòi đạo-đức của người đó rất ít, cũng như chút nước còn đọng dưới đáy ô;*
- *Đòi đạo-đức của người đó bị vắt bỏ, cũng như chút nước bị tạt hết ra ngoài;*
- *Đòi đạo-đức của người đó đảo-lộn như cái ô úp xuống;*
- *Đòi đạo-đức của người đó rỗng-không như cái ô lật ngửa trống trơn.*

---o0o---

Ông hoàng Mahānāma chưa dứt trừ được phiền-não

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn cây sung, trong lãnh-thổ của dòng Thích-Ca, gần kinh-đô Kapila-vatthu (Ca Tỳ La Vệ). Hoàng-Tử Mahānāma tìm đến nơi, cung-kính đánh lễ, ngồi kế bên Ngài và hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn, trước đây tôi có nghe và hiểu biết giáo-lý của Ngài thuyết ra như vậy: "Sự tham-lam làm cho tâm-trí như bản. Sự sân-hận làm cho tâm-trí như bản. Sự si-mê làm cho tâm-trí như bản". Và tôi đã quan-niệm giáo pháp đúng như thế. Nhưng chẳng biết tại sao một đôi khi những ý nghĩ tham-lam xâm-chiếm tâm-trí tôi. Những tư-tưởng sân-hận, si-mê lại xâm-chiếm tâm-trí và khuấy rối tôi".

"Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ còn cái chi ở trong người tôi khiến cho phiền-não Tham-Sân-Si một đôi khi xâm-chiếm, khuấy rầy tâm-trí tôi như vậy?"

Đức Phật đáp: "Này Mahānāma, vì người chưa chịu dứt bỏ "cái chi" đó nên các trạng-thái Tham-Sân-Si mới vài khi có cơ-hội xâm-chiếm tâm-trí. Chắc như vậy, Mahānāma, nếu "cái chi" đó bị dập tắt và không tồn-tại, thì người đâu còn bận-bịu với gia-đình? Ở trong gia-đình, người tìm được nhiều thú vui để thỏa-mãn lòng tham-dục. Vì lẽ "cái chi" đó chẳng bị sa-thải, nên

người mới thích sống trong gia-đình để tìm các thú vui, hầu thỏa-mãn lòng tham-dục".

"Này Mahānāma, sự tham muốn (ngũ-trần) nào có mùi vị gì? Chúng chỉ làm cho đảo-điên, thất-vọng, mà thôi. Tham muốn sắc trần là nỗi khốn-cùng tột độ. Nếu người giới-tử cao-quý biết nhận-định đúng theo chân-lý lòng tham-dục là xấu-xa, nhưng chẳng chịu dứt bỏ cái tâm tìm kiếm thú vui trong sắc trần, thì người không tìm đâu ra hạnh-phúc và trở nên cao-thượng".

"Này Mahānāma, còn người giới-tử cao-quý biết dùng trí huệ tuyệt-vời để quán xét cho thấy rõ-rệt những điều đó, biết rõ sự khao-khát vô bờ bến của lòng tham muốn, biết rõ những nỗi điên-đảo khốn-cùng của sắc trần xấu-xa, tội-lỗi, và biết rõ mình chỉ được hạnh-phúc an vui, được trở nên cao-thượng khi nào biết tránh xa sự tìm kiếm những thú vui theo ngũ-dục".

"Này Mahānāma, về phần Như Lai, lúc chưa giác-ngộ, khi chưa đắc đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác, khi còn chiến-đấu để thành-đạt Tuệ Giác, Ta cũng nhận thấy những nỗi khốn-quẫn của tâm tham muốn. Nhưng ngoài các thú vui trần-tục xấu-xa, tội-lỗi, Ta chẳng tìm đâu được an vui, hạnh-phúc. Ta vẫn không tìm cách lánh xa và cố đeo đuổi theo chúng. Đến khi thành-đạt trí huệ cùng tột, Ta mới thấu rõ bản-chất thực-tế của lòng tham-dục như hiện nay và biết rằng chỉ sống ngoài tham-dục mới tìm được an vui, hạnh-phúc, mới trở nên cao-thượng. Rồi Ta cố-gắng tránh xa, chẳng tìm những thú vui trần-tục nữa".

"Này Mahānāma, các thú vui của tâm tham-dục chỉ là những trạng-thái do giác-quan tiếp nhận. Sự thỏa-thích, toại lòng, đều do chúng đưa vào. Những nỗi thống-khổ của lòng tham-dục là muốn vật chi không được. Hoặc giả được rồi nó lại mất đi vì bị lửa thiêu cháy, bị nạn lụt hay những tên trộm mang đi".

"Nỗi khổ đau của tâm tham-dục là thế này: "Nó khiến gây ra chiến-tranh giữa những người này và người khác, làm phát-sinh thương tật, chết chóc, gây thiệt-hại cho kẻ láng-giềng, rồi phải đau đớn vì bị hành-phạt, tra-tấn, trăm-quyết". Niềm thống-khổ của lòng tham-dục là như thế đó".

"Này Mahānāma, một thuở nọ, Như Lai đang ngự trên chót núi Kỳ Xà Quật (Núi kên kên). Cùng lúc đó, tại quả núi Hắc Sơn, phía bên đồi của các đạo-sĩ, có rất nhiều người lỏa thể tu khổ-hạnh thuộc phái "Đứng", không khi nào ngồi hay nằm. Vì đó, họ phải chịu biết bao thống-khổ nhọc-nhàn".

Một buổi trưa, sau khi xuất định như thường-lệ, Như Lai đứng dậy, cất bước dạo sang phía những người tu lỏa thể và hỏi: "Hỡi các bạn! Tại sao các

người lại sống lỏa-lò, đứng hoài, không chịu ngồi ghế, không chịu nằm trên giường? Làm vậy các người ắt bị đau khổ hao-mòn biết mấy?"

Nhóm lỏa thể trả lời: "Này ông bạn⁵, thầy của chúng tôi, là giáo-chủ Nāthaputta, rất thông-minh trí huệ, hiểu thấy tất cả. Ông quả-quyết đã thành-đạt Tuệ-Giác và tuyên-bố như vậy: "Dù ở yên hay cử-động, ngủ hay thức, Tâm Nhân và Tuệ-Giác của ta không hề bị gián-đoạn". Thầy của chúng tôi còn dạy: "Hỡi này các đạo-sĩ! Trước kia, các người đã gây ra nghiệp dữ. Vì vậy, hôm nay các người phải kiên-trì khổ-hạnh, gánh chịu đau đớn nhọc-nhẫn, như thế để đền bù lại các tội-lỗi ngày xưa. Khi thân xác bị dày vò như thế, thân khẩu ý bị hành-hạ kèm hãm như thế, khiến các người khỏi trả quả đón đau về buổi tương-lai. Bằng đường lối khổ-hạnh, các người đã hủy-diệt những nghiệp cũ và chẳng gây ra nghiệp mới, không có hành-vi mới. Hành-vi mới chấm dứt thì không tạo nghiệp. Nghiệp bị hủy-diệt thì nỗi thống-khổ cũng tiêu tan. Không khổ thì cảm-giác chẳng còn. Cảm-giác không còn thì muôn ngàn khổ-não sẽ hao-mòn, khô cạn". Đó là những điều tuyệt-hảo của chúng ta. Chúng ta nên hoan-hỉ tự-hào với kiến-thức ấy".

"Này Mahānāma, chừng đó Như Lai nói với các người lỏa thể: "Hỡi các ông bạn lỏa thể! Vậy các người có biết rõ kiếp trước mình đã có sanh ra làm người không? Có khi nào các người nghĩ rằng kiếp trước mình chẳng được sanh ra làm người chẳng?"

- "Này ông bạn, chúng tôi không biết".

- "Các người có biết kiếp trước mình có gây ra nghiệp dữ hay đã lánh xa tội-lỗi không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Các người có biết rõ trong kiếp trước mình đã gây ra điều xấu-xa, tội-lỗi, như thế nào không?"

- "Chúng tôi không biết".

- "Các người có biết với những khổ đau quá-khứ, những khổ đau được tồn-trữ, cộng thêm với những khổ-não hiện nay, mình có thể diệt tận nguồn thống-khổ không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Các người có thể nghĩ rằng làm như vậy trong kiếp hiện-tại, thì những điều xấu-xa tội-lỗi chấm dứt và sẽ đạt được mục-đích tốt lành cao-thượng không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Hỡi này các ông bạn lửa thê! Các người đã công-nhận rằng không biết kiếp trước mình đã được sanh làm người hay không? Chẳng biết kiếp trước mình đã có gây ra nghiệp lành hay nghiệp dữ? Không biết hành-vi mình khi đó là thế nào? Không biết với nghiệp quá-khứ và nghiệp tồn-trử đã gây khổ đau, cộng với cách hành thân hoại thể hiện nay, có thể diệt-tận nguồn thống-khổ không? Các người cũng không biết phải chăng trong kiếp hiện-tại các việc xấu-xa, tội-lỗi, đều chấm dứt và mục-đích cao-thượng đã thành-đạt? Như thế các đạo-sĩ lửa thê không khác gì những hạng người bị sanh vào cảnh giới khôn-cùng, bàn tay đẫm máu vì đã gây ra nhiều nghiệp dữ".

- "Hỡi thầy Gotama! Hạnh-phúc không sao thành-đạt được bằng sự an vui, no đủ. Thật ra, chỉ nhờ đường lối khổ-hạnh, con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung-túc, đầy đủ đem lại hạnh-phúc, thì hắc đức vua Senya Bimbisara (Bình Sa Vương) là hoàn-toàn hạnh-phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong-phú hơn thầy Gotama rất nhiều".

- "Các ông đạo-sĩ nói hơi vội-vã chẳng kịp nghĩ suy kỹ-lưỡng. Như Lai xin hỏi: "Vậy chớ giữa hai nhân-vật cao-quý, Ta và đức vua Bimbisara, ai là người có hạnh-phúc nhiều hơn".

- "Này thầy Gotama đáng kính, thật quả vậy, chúng tôi đã vội-vàng hấp-tấp, thiếu suy-nghĩ khi nói rằng hạnh-phúc không sao thành-đạt được bằng sự an vui, no đủ. Chỉ nhờ đường lối khổ-hạnh, con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung-túc, đầy đủ, mang lại hạnh-phúc thì đức vua Senya Bimbisara hẳn là hoàn-toàn hạnh-phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son, phong-phú, hơn thầy Gotama rất nhiều. Tuy-nhiên, nên để chuyện đó qua một bên và chúng tôi xin hỏi lại: "Vậy chớ giữa hai nhân-vật cao-quý đó, đức vua Bimbisara và thầy Gotama đáng kính, ai là người sống cuộc đời hạnh-phúc hơn?"

- "Tới phiên Như Lai xin hỏi lại, các người nên trả lời cách nào cho thỏa-đáng: Vậy các ông nghĩ sao? Đức vua Magadha là Senya Bimbisara có thể nào ở yên không cử-động, hoặc im-lặng chẳng thốt một lời, trong thời-gian bảy ngày, bảy đêm, mà vẫn hạnh-phúc chẳng?"

- "Này ông bạn, không sao thế được".

- "Còn Như Lai thì có thể giữ thân hình yên-tĩnh, không cử-động, chẳng thốt một lời trong thời-gian một ngày và một đêm, nhưng vẫn hoàn-toàn an vui, hạnh-phúc. Không những vậy thôi, Như Lai có thể ở yên, trầm-lặng chẳng thốt một lời suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, hay bảy ngày bảy đêm, nhưng vẫn được hạnh-phúc hoàn-toàn. Như vậy các ông nghĩ thế nào? Giữa đức vua Bimbisara xứ Magadha và Ta, ai hạnh-phúc hơn?"

- "Thầy Gotama đáng kính, nếu vậy thì Ngài hẳn được hạnh-phúc, an vui hơn vua xứ Magadha, là Senya Bimbi-sara, rồi".

-- MAJJHIMA NIKAYA 14

---o0o---

Giây oan-trái nên mở chớ không nên buộc

Lúc nọ, có xảy ra trong nhóm tỳ-khưu nhiều sự cãi vã, tranh-chấp, đưa đến xung-đột với nhau bằng võ-lực. Dân-chúng hay biết rất phiền-hà, bực-bội. Những tỳ-khưu không liên-can còn biết phải quấy, đến thông-báo. Đức Phật dạy: "Hỡi này các đệ-tử! Khi tư-cách bất tuân giới luật, vô phẩm-hạnh và hận thù xâm-chiếm các người, tốt hơn các người nên ngồi trên ghế cách xa nhau, mặc sức quơ tay múa chân, hoặc đầu khầu, nhưng chớ nên âu-đả cùng nhau".

Nhưng lời khuyên hóa của Đức Thế Tôn chẳng có kết-quả. Một tỳ-khưu khác tới cho Đức Phật hay: "Con xin thành khẩn thỉnh Đức Thế Tôn, vì lòng từ-bi, bác-ái, ngự đến xem qua và dạy bảo".

Đức Phật liền ngự đến giữa nhóm tỳ-khưu đang xung-đột và nhắc lại chuyện hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala. Sau một cuộc chiến-tranh, vua Dighiti bị phân-bội, thua trận và vua chiến-thắng Brahmadata xứ Kasi bắt được vua Kosala cùng hoàng-hậu đem đi hạ-ngục để chờ ngày hành-quyết.

"Hỡi này các tỳ-khưu! Lúc đó hoàng-tử trẻ trung Dighavu phát tâm suy-nghĩ: "Đã hèn lâu ta không được đến thăm viếng mẹ cha. Vậy ta sẽ lên đường nội hôm nay". Rồi chàng thanh-niên Dighavu đi vào thành Bénarès nhìn thấy vua cha và hoàng-hậu bị trói ké bằng giây to, đầu cạo trọc và quân-lính dẫn đi xuyên qua các đường phố giữa những tiếng trống vang rền. Thấy vậy, chàng bước đến gần cha mẹ. Vua Dighiti xứ Kosala thấy con liền la lên: "Này Dighavu thân mến, con chớ nên để kéo dài... Con chớ nên nóng-nảy, vội-vàng. Vì không thể lấy hận thù rửa được hận thù. Chỉ có dứt bỏ hận thù thì mới dập tắt được hận thù".

"Hỡi các tỳ-khưu! Khi nghe vậy, dân-chúng nghĩ rằng: "Có lẽ ông vua Dighiti xứ Kosala này điên hay mê sáng? Chàng trai Dighavu chẳng liên-can gì cả, tại sao ông ta lại nói: "Chớ để kéo dài... Chớ nóng-nảy, vội-vàng?" Vua Dighiti trả lời: "Này các bạn, tôi không phải điên hay mê sáng gì cả. Kể nào thức-thời sẽ hiểu được những lời tôi nói".

"Này các tỳ-khưu, những tên lính, sau khi dắt vua Kosala và hoàng-hậu đi khắp nẻo đường trong thành-phố rồi trở ra theo cửa hướng nam, chúng chặt

đút vua Kosala và hoàng-hậu ra làm bốn khúc mang đi bỏ khắp bốn hướng ở ngoại thành, để lại người canh gác, rồi rút lui".

"Khi ấy, chàng thanh-niên Dighavu liền đem theo rượu mạnh đi vào thành Bénarès cho quân-lính gác uống say mềm. Khi chúng say, té nằm la liệt dưới đất, Dighavu liền gom hài cốt cha mẹ lại để lên giàn hỏa tế-lễ, chấp tay đi vòng quanh ba lần".

"Này các tỳ-khưu, xong việc, chàng trai Dighavu liền đi vào rừng khóc than thảm-thiết rồi gặt lẹ trở lại thành Bénarès, đến các chuông tượng gân đều vua nói với tên nài trưởng: "Này ông, tôi rất mong học được nghề khiên voi".

- "Hỡi chàng thanh-niên! Được lắm, chàng cứ vào đây mà học".

"Này các tỳ-khưu, lúc trời vừa rạng sáng, hoàng-tử Dighavu từ trong chuông voi, với giọng thâm-trầm kỳ-diệu, cất lên tiếng hát du-dương và thanh-thoảng hòa cùng tiếng sáo mê-hồn di-chuyển theo luồng gió ban mai thanh-khiết nhẹ nhàng. Đức vua Brahmadata xứ Kasi thức giấc vào lúc đó, nghe được giọng ngâm, tiếng sáo hấp-dẫn lạ-thường, liền phán hỏi quân hầu: "VẬY CHỚ KẸ NÀO TỪ SÁNG SỚM Ở TRONG CHUÔNG VOI, THỔI SÁO VÀ HÁT NGHE ÊM TAI, TUYỆT-DIỆU NHƯ THẾ?"

- "Tâu Đại Vương, chính một chàng trai mới xin vào học nghề khiên voi cho ngài đó".

- "Vậy các người hãy dẫn nó lại đây cho trẫm xem".

- "Dạ xin vâng".

Khi Dighavu tới nơi, đức vua hỏi: "Này chàng thanh-niên hiền-lành kia, có phải chính người thổi sáo và hát trong lúc trời rạng sáng đó không?"

- "Tâu Đại Vương, phải".

- "Vậy nhà người hãy thổi sáo và hát thêm cho trẫm nghe nữa xem?"

Hoàng-tử Dighavu vâng lời và trở hết tài ba để tìm ân-huệ và sự tin-cậy của nhà vua.

Vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Này chàng trai hiền-lành kia, vậy người hãy ở lại đây hầu trẫm".

Chàng thanh-niên Dighavu vâng lệnh và trở thành người hầu đáng tin cậy của vua.

Chàng thức dậy sớm hơn vua, đi ngủ sau vua, vui lòng vâng dạ và hành-sự theo mạng-lệnh của ngài, có tính-nết đều-hòa, nhu-thuận, lời nói dễ thương.

Không lâu sau đó, chàng được đức vua Brahmadata tín-dụng, luôn-luôn sống cận bên ngài.

"Này các tỳ-khuru, ngày nọ đức vua Brahmadata xứ Kasi dạy: "Hỡi chàng trai thân mến! Người hãy sắp đặt một cỗ long xa để chúng ta đi săn bắn".

Thắng ngựa xong, Dighavu đến tâu vua: "Tâu Đại Vương, long xa đã sắp đặt xong, xin ngài tùy-tiện".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Vua Brahmadata xứ Kasi ngự lên xe và chàng Dighavu cầm cương ngựa tìm cách tách khỏi quân-lính tùy-tùng phía sau, rồi rẽ qua ngõ khác. Sau khi vượt hết một đoạn đường dài, nhà vua phán: "Này chàng trai thân mến, người hãy dừng xe lại cho trăm năm nghỉ mệt một chút".

Hoàng-tử Dighavu vâng lời dừng xe lại, bước xuống đất rồi ngồi trên hai cẳng. Đức vua Brahmadata nằm xuống gối đầu trên bắp vế chàng rồi ngủ mê-man vì đi đường mệt-mỏi.

"Này các tỳ-khuru, lúc đó chàng thanh-niên Dighavu phát-sinh ý nghĩ: "Nhà vua Brahmadata xứ Kasi này đã gây cho gia-đình ta muôn vàn đau khổ. Do ông mà chúng ta mất hết quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, giang-san. Đã vậy, ông còn giết cha mẹ ta. Giờ đây, đã đến lúc ta phải rửa sạch hận thù". Tính xong, chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Nhưng chàng sức nhớ lại lời cha dặn khi trước: "Không nên để kéo dài, hỡi đứa con thân mến! ... Không nên nóng-nảy, vội-vàng. Vì hận thù không sao rửa được hận thù và chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù". Như vậy, ta không nên cãi lời cha dạy". Nghĩ xong, Dighavu để gươm vào vỏ. Chàng suy đi nghĩ lại như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba, rồi để gươm vào vỏ".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc đó, đức vua Brahmadata đang ngủ mê bỗng giật mình hoảng-hốt. Chàng Dighavu hỏi: "Tâu Đại Vương, chẳng biết tại duyên có chi, Ngài đang ngủ ngon lành, bỗng-nhiên lại giật mình hoảng-hốt, tỏ vẻ kinh-hoàng sợ-hãi như vậy?"

Nhà vua đáp: "Hỡi người bạn trẻ! Trăm ngủ năm mộng thấy hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala, đang tuốt gươm toan hạ sát ta, nên mới giật mình hoảng-hốt, kinh-hoàng, sợ-hãi như thế".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc ấy hoàng-tử Dighavu đặt tay trái lên đầu vua Brahmadata, tay phải tuốt gươm ra khỏi vỏ và nói: "Chính tôi là Dighavu đây. Tôi là đông-cung thái-tử của vua Dighiti xứ Kosala. Đại Vương đã gây quá nhiều đau khổ cho gia-quyến tôi. Ngài đã hủy-diệt quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, giang-san của chúng tôi. Đã vậy, ngài còn giết hại cha mẹ tôi. Giờ đây, đã đến lúc tôi phải rửa sạch hận thù".

"Này các tỳ-khuru, đức vua Brahmadata xứ Kasi liền cúi đầu quì mọp xuống chân Dighavu khẩn-khoản: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Hãy tha chết cho trẫm, hãy để trẫm được toàn mạng".

Dighavu trả lời: "Tâu Đại Vương, làm sao tôi có thể tha chết cho ngài đặng? Chính ngài nên dung-tha cho tôi mới phải".

Nhà vua đáp: "Thế thì xin chàng hãy tha chết cho trẫm và trẫm cũng để chàng được an-toàn".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Như thế, vua Brahmadata và Dighavu đều hoan-hỷ xóa bỏ hận thù, tha chết cho nhau. Hai người nắm tay tuyên-thệ sẽ không làm hại lẫn nhau".

Rồi vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Này bạn thân mến Dighavu, vậy chàng hãy sắp đặt long xa để chúng ta trở về". Dighavu vâng lời, hai người lên xe quay trở lại nhập vào đoàn quân hộ-vệ.

"Hỡi này các tỳ-khuru, đức vua Brahmadata xứ Kasi về tới triều, trong thành Bénarès, liền cho hội tất cả quân-thần và phán: "Này các khanh, nếu gặp được hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala, thì các khanh sẽ xử-sự thế nào?"

Vài vị quan tâu: "Tâu Bệ Hạ, chúng tôi sẽ chặt tay chàng. Chúng tôi sẽ chặt chân chàng. Chúng tôi sẽ chặt luôn cả chân tay. Chúng tôi sẽ cắt tai chàng. Chúng tôi sẽ theo mũi chàng. Chúng tôi sẽ cắt cả tai, mũi chàng. Chúng tôi sẽ chặt đầu chàng".

Đức vua phán: "Thì đây là hoàng-tử Dighavu, con vua Dighiti xứ Kosala. Nhưng trẫm cảm nhứt không cho ai đụng tới chàng. Vì chàng đã tha chết cho trẫm và trẫm cũng cam-kết để chàng được toàn-thân".

Rồi vua Brahmadata xứ Kasi hỏi: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Nhưng tại sao cha chàng trước khi chết lại dặn: "Chớ nên để kéo dài ... Chớ nên nóng-nảy, vội-vàng?"

Dighavu trả lời: "Tâu Đại Vương, trước khi chết vua cha có dạy: "Chớ nên để kéo dài", có nghĩa là không nên để hận thù kéo dài thêm nữa. Ngài nói: "Chớ nên nóng-nảy, vội-vàng!", có nghĩa là chớ nên nóng lòng lôi kéo bạn bè tấn-công để rửa hận. Vua cha lại nói: "Không thể lấy hận thù rửa sạch hận thù, mà chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù", có nghĩa là khi Đại Vương giết cha mẹ tôi, nếu tôi tìm cách hãm-hại ngài thì tất-nhiên quan quân của ngài sẽ giết tôi, rồi bè đảng của tôi tìm cách báo-oán, tàn-sát lại quân-lính của Đại Vương. Làm vậy, không sao lấy hận thù để dập tắt hận thù đặng. Tâu Đại Vương, nhưng giờ đây, ngài đã tha mạng sống cho tôi và

tôi cũng chẳng sát hại ngài. Như vậy, sự dứt bỏ hận thù đã dập tắt hận thù. Đó là những lời trần-trối của vua cha trước khi thăng-hà".

"Hỡi này các tỳ-khuru! Lúc đó, vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Tuyệt-diệu thay! Chàng thanh-niên Dighavu thật rất thông-minh, nên đã lãnh-hội được những lời trời-trấn bóng gió, khó hiểu, của vua cha". Nói xong, ngài ra lệnh trả lại quân-lính, chiến xa, kho-tàng, của cải, đất đai cho Dighavu và gả luôn công-chúa cho chàng".

Đức Thế Tôn thuyết tiếp: "Này các tỳ-khuru, đó là tư-cách bền tâm, nhẫn-nại, nhu-thuận của các vua chúa trị-vì thiên-hạ. Còn đối với các người là bậc xuất-gia, nương theo giáo pháp tìm đường thánh thiện, các người cũng phải bền tâm, nhẫn-nại thế nào để nghiêm-trì giới luật, bảo-tồn chân-lý chói người, rạng-rỡ trên khắp thế-gian".

Đức Phật dạy thêm lần thứ hai và thứ ba nữa: "Vậy các người (những vị đang xung-đột) hãy dừng lại, thôi tranh-chấp, thôi xung-đột, thôi cãi vã". Và cũng ba lần, các tỳ-khuru ngoan-có trả lời: "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Pháp Vương, xin bền tâm, nhẫn-nại, để sống an vui hạnh-phúc. Còn những chuyện cãi vã, tranh-chấp, xung-đột, ấu-đả là phần trách-nhiệm của chúng tôi ... và chúng tôi vẫn tiếp-tục".

Đức Phật nghĩ: "Bọn điên rồ này thật là ngoan-có, cứng đầu, ngã chấp quá đỗi và chẳng dễ gì dạy bảo". Nói xong Ngài đứng dậy ra về.

-- MAHAVAGGA X 2

Lời của soạn-giã:

Sự việc trên đây chứng tỏ chẳng những chỉ hiện nay mới có xảy ra những sự bất-hòa trong hàng tăng-chúng. Lúc Đức Phật còn tại thế, trường-hợp xung-đột cãi vã giữa các tỳ-khuru cũng đã có lần gây-cán lên cao-độ, đến nỗi Ngài không dàn xếp nổi và phải rút vào rừng vắng, bỏ mặc cho họ tranh-chấp với nhau. Nhưng các tín-đồ thời ấy sáng-suốt, khôn ngoan, khi biết rõ tự-sự, chẳng còn trong sạch dưng cúng vật thực nữa. Các tỳ-khuru ngoan-có, vì đói khổ, thiếu-thốn, phải tìm thỉnh Đức Phật về.

Hiện nay, có nhiều phần tử xuất-gia vô giới hạnh, ganh tị, chia rẽ, thù nghịch, mà vẫn được các đệ-tử cung-phụng ám no đầy đủ nên vẫn hui-hiu tự-đắc, ý-lại, tiếp-tục sấn bước trên đường tội-lỗi để phá-hoại Phật-Giáo. Nếu chúng ta biết lựa ruộng tốt để gieo trồng như người xưa, thì lợi-ích biết bao?

Tôn-chỉ của Đạo-Phật là: Từ-bi, bác-ái, vị-tha, bền tâm, nhẫn-nhục. Thánh Gandhi cũng noi theo đường lối đó để tổ-chức phong-trào "Đề kháng bất

bạo động" chống lại đế-quốc Anh suốt 30 năm. Ông nói: "Sự nhẫn-nhục bất bạo-động khiến cho quả đấm của kẻ bạo-tàn rơi vào khoảng trống, vô hiệu-lực, vì không có phản-ứng nào".

Trong câu chuyện trên đây, hai quốc-vương Dighiti, Brahmadata và hoàng-tử Dighavu đều là những nhân-vật can-trường, đức-độ phi-thường, nên đều biết xử-sự đúng theo lẽ phải:

- Vua Dighiti xứ Kosala bại trận và bị bắt cùng hoàng-hậu, biết rằng thế nào cũng không tránh khỏi cái chết, nên dặn con chớ nên báo oán
- Hoàng-tử Dighavu rất thông-minh, hiếu-thuận, thông-thấu tội phước, nghiệp quả, nên hành-động theo lời trăng-trối của vua cha, không ám-hại kẻ thù.
- Còn vua chiến-thắng Brahmadata xứ Kasi, không vì đó mà trở nên kiêu-cãnh, tự-đắc, bạo-tàn, mà lại biết tôn-trọng chữ Tín, biết đánh-giá thái-độ quân-tử của đông-cung Dighavu, nên trả lại tất cả giang-san sự-nghiệp và chọn chàng làm phò-mã.

Cổ-nhân có nhiều đức-tính cương-trực chân-thành, biết xử-sự đúng theo tinh-thần Phật-Giáo nên hằng được hạnh-phúc an vui. Ngày nay, con người quá mê say vật-chất, tính-tình hẹp lượng, ích-kỷ, ngã chấp, hành-động xấu xa, vô ý-thức, để, rớt cuộc, phải chịu khổ đau.

Câu chuyện trên đây đáng là tấm gương soi sáng muôn đời.

---o0o---

Khúc gỗ trôi ra biển cả

Đức Thế Tôn thuyết: "Hỡi này các tỳ-khưu! Các người có nhìn thấy khúc gỗ đang trôi lều-bều trên dòng nước sông Hằng đó không?"

"Nếu khúc cây đó không tấp vào bờ bên này hay đổ vào bờ bên kia. Nếu nó chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu nó không bị mắc kẹt dưới đáy sâu. Nếu nó không bị những chúng-sinh thuộc nhân-loại, hoặc hạng phi-nhân, vớt đem đi. Nếu nó không bị nước lũ lôi cuốn làm tan vỡ và nếu nó không mục thối trong ruột, thì tất-nhiên khúc gỗ đó sẽ trôi sông sẽ ra tới ngoài khơi, nó từ-từ trôi ra biển cả, nó sẽ lướt qua những lượn sóng ba-đào, vượt khỏi các chướng-ngại vật để trôi ra biển cả".

"Này các tỳ-khưu, thì cũng như thế ấy, nếu các người không tấp vào bờ bên này hay bờ bên kia. Nếu các người chẳng bị chìm dưới giòng nước đang chảy mạnh. Nếu các người không bị những chúng-sinh thuộc nhân-loại, hay hạng phi-nhân, hãm hại. Nếu các người không bị nước lũ cuốn đi và nếu các người không mục thối bên trong, thì các người sẽ hướng về Niết-Bàn, từ-từ

trôi tới Niết-Bàn. Các người sẽ vượt qua những trở-ngại khó-khăn để đến Niết-Bàn".

"Này các tỳ-khưu, bờ bên này của sông Hằng là lãnh-vực của lục-căn với tính-cách chủ-quan. Bờ bên kia là lãnh-vực của lục-căn với tính-cách khách-quan. Chìm dưới giòng nước đang chảy mạnh ám-chỉ lòng tham muốn vô bờ-bến của người đời. Mắc kẹt dưới đáy sông là tâm ngã chấp, cố bám đời sống hão-huyền, cho rằng đây là thân ta, đây là của ta, đây là ta".

"Còn những chúng-sinh thuộc nhân-loại hãm-hại các người như thế nào?"

"Đó là trường-hợp người làm chủ gia-đình bị dính mắc giữa vòng thế-tục, vui thích hoặc phải chịu đau khổ vì đời, phải chia sẻ các niềm vui nỗi khổ với những kẻ sống quanh mình, luôn-luôn bận-rộn vì nhu-cầu, vì sự ràng-buộc gia-đình, chẳng biết tới khi nào mới làm xong nhiệm-vụ".

"Còn các người bị hạng phi-nhân thôn-tính ra sao?"

"Đó là nói về kẻ xuất-gia tìm đạo cứu-cánh lại ước mong được sanh làm chư-thiên. Người đó hằng khẩn-nguyện như vậy: "Mong sao với công-đức nhọc-nhân trên đường tu tập, khổ-hạnh nghiêm-trì giới-luật đúng theo phẩm-hạnh sa-môn, tôi sẽ được tái-sinh về cõi thiên-đàng".

"Bị giòng nước lũ cuốn đi, có nghĩa là sa vào bẫy ngũ-trần tội-lỗi".

"Còn mục thúì bên trong là thế nào?"

"Đây là ám-chỉ những con người thấp-hèn đê-tiện, vô giới hạnh, nuôi mạng bất chánh xấu-xa, hay giầu lỗi mình, thường khoe-khoang tài đức. Là những bạn đồng-hành hay lừa dối, xảo-quyệt, cống cao, ngã mạng, thân tâm như bản, lòng dạ chứa đầy tham-dục, ví như đồng rác thúì tha".

-- SAMYUTTA NIKAYA IV

Lời của soạn-giã:

Đức Phật ví thầy tỳ-khưu như khúc gỗ trôi sông, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, bỏ nhà cửa, thân thuộc, ra đi tìm sống cảnh cô-đơn trước những phong-ba bão-táp. Vậy người phải ráng cẩn-thận, đừng để dính mắc vào cạm bẫy của ma-vương trong nhiều trường-hợp xấu-xa, tội-lỗi, và chỉ chú-tâm hướng về mục-đích cuối cùng là Niết-Bàn.

Người thế, từ vô-thỉ, đã chịu ảnh-hưởng vật-chất nặng-nề, có đủ trí óc thông-minh và khả-năng đem lại danh-vọng tiền bạc rất dễ-dàng, nhưng không tài nào thấu nổi thực-tế của con người là ra sao. Lẽ đó, họ cho đời là tươi đẹp và tranh-đấu để củng-cố kiếp nhân-sinh ngăn-ngủi là hợp-lý.

Trên đây, Đức Phật cố-ý khuyến-hóa các bậc xuất-gia nên cố-gắng trau-giồi giới đức, sáng-suốt biết mình trong mỗi hành-động, lời nói và tư-tưởng, thì trước sau gì cũng thoát khỏi vòng sanh tử, cũng như khúc gỗ nổi lều-bều trên mặt nước vượt qua tất cả vật chướng-ngại, để trôi lặn ra biển cả.

---o0o---

Tư-cách dứt bỏ

Có người tại-gia cư-sĩ tên là Potaliya đến viếng Đức Phật và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay tôi đã đình-chỉ cuộc kinh-doanh thương-mãi và từ bỏ tất cả công việc hằng ngày".

Đức Phật đáp: "Này người tại-gia cư-sĩ, những công việc hằng ngày mà người vừa nói là một chuyện. Còn các công việc hằng ngày theo đường lối của kẻ có đức-hạnh là chuyện khác".

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Có tám điều học mà người làm chủ gia-đình cần phải thực-hành để dứt bỏ công việc hằng ngày, là:

- 1) Không sát hại sinh-vật và cố tránh sự sát hại;
- 2) Không lấy vật gì của kẻ khác và cố tránh sự sang-đoạt món chi không ai cho mình;
- 3) Không nói dối và cố-gắng dùng lời chân-thật;
- 4) Không nói xấu kẻ khác và cố tránh xa lời nói đâm thọc;
- 5) Không ham muốn xấu-xa và cố tránh sự tham-lam;
- 6) Không chỉ-trích kẻ khác và cố tránh sự phê-phán;
- 7) Không nên sân-hận và cố tránh sự nóng giận hung-hăng;
- 8) Không nên cống cao ngã mạn và ráng khiêm-tốn nhẫn-nhục.

Đó là tám công việc hằng ngày mà người đạo hạnh cần phải thực-hành".

"Này người tại-gia cư-sĩ, ý-nghĩa về điều học sát hại sinh-vật là thế nào?"

"Ví dụ, có người chủ gia-đình phát tâm suy-nghĩ: "Ta hãy ráng từ bỏ tánh hung-bạo đối với các sinh-vật, vì đó là điều chướng-ngại rất tai-hại. Nếu sát hại sinh-vật, ta sẽ bị lương-tâm cắn rứt về sự hung-hăng tàn-bạo đó. Những kẻ thức-thời hiền-hậu biết được sẽ chê trách ta là người độc-ác. Sau khi chết, xác thân tan rã, ta sẽ bị đọa vào cảnh giới khôn-cùng. Đó là điều trở-ngại trên đường đạo đức. Tránh xa sát hại sinh-vật khiến ta khỏi mang nghiệp dữ về sau".

(Đức Phật giải-thích bảy điều học tiếp theo cùng với thể-thức như trên).

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Cũng như con chó thân hình ốm o gầy cỗi vì thiếu ăn, chạy vào lò thịt được tên đồ tể vắt cho khúc xương bò không dính chút thịt nào và chỉ còn rỉ-rả vài giọt máu không sao đủ no lòng. Thì cũng như thế

ấy, người giới-tử cần nên suy-nghiĩ như vậy: "Những đục-lạc và sắc trần nào có khác chi khúc xương khô, không làm cho đỡ đói và chỉ mang lại nhiều đau khổ mà thôi".

"Nhờ sáng-suốt biết nhận-xét sự việc đúng theo thực-tế chẳng còn làm-lẫn, người giới-tử không cần quan-tâm tới những điều vô-ích tai-hại và cố gắng tìm rõ chân-lý, làm phát-triển chân-lý, ráng đập tắt tâm khao-khát thèm-thường về những vật cấu-tạo trên thế-gian cho đến mức độ chẳng còn tham muốn gì nữa".

"Hỡi người tại-gia cư-sĩ! Đó là phương-thức từ bỏ đúng theo đạo hạnh của người giới-tử tại-gia. Đó là những công việc hằng ngày mà con người cao-quý cần phải cố gắng thực-hành".

-- MAJJHIMA NIKAYA-1

---o0o---

Công-phu hành đạo

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Như Lai không cho rằng tư-cách giác-ngộ có thể thành-đạt dễ-dàng mau chóng, mà là kết-quả của nhiều công-phu kham-khổ, nhọc-nhân, được thực-hành từ giai-đoạn đúng theo qui-tắc, với mức-độ tiến triển nhịp-nhàng suốt lịch-trình tu tập".

"Trong trường-hợp này, một người kia có đức tin tìm đến (bậc thiện-trí-thức) chú-tâm, lắng tai nghe giáo pháp và cố gắng ghi nhớ nằm lòng. Người trác-nghiệm mức quan-trọng của Pháp học là thế nào, và phát tâm thỏa-thích trong giáo-lý. Người trở nên nhiệt-thành, thức-tỉnh đạo tâm, cân nhắc chánh tà, phải quấy, rồi quyết-định thực-hành đường lối đúng theo hoài-bảo. Người quan-niệm giáo pháp là đúng chân-lý, rồi dùng trí thông-minh phân-tách, suy-nghiệm, lĩnh-hội một cách sáng-suốt".

"Sau đây là bốn phương-thức được dành cho người giới-tử khi mới bước chân vào đạo:

Tinh-tấn tránh xa các pháp xấu-xa, tội-lỗi;
Tinh-tấn lướt qua khỏi các điều thấp-hèn, đê-tiện;
Tinh-tấn làm cho tiến triển các pháp hành;
Tinh-tấn bảo-tồn những pháp cao-thượng.

"Các người hãy nghe đây:

1) Tinh-tấn tránh xa các pháp xấu-xa:

Trong trường-hợp này, người giới-tử cố-gắng trau-giồi tâm-trí, chẳng cho nó khiêu-gợi những tư-tưởng hoặc hành-động xấu-xa, tội-lỗi, khi chúng chưa

phát-sinh. Mỗi khi va chạm với sắc trần hay bất cứ vật gì, người chẳng quan-tâm đến và chú-ý quán xét về các trạng-thái đê-tiện như-nhóp của sắc trần. Người suy-nghĩ về những nghiệp-báo tai-hại nếu không kiểm-soát được lục-căn.

2) Tinh-tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê-tiện:

Người giới-tử cố-gắng rèn-luyện thân tâm để vượt qua khỏi các pháp xấu-xa, tội-lỗi, đã phát-sinh, đem hết nghị-lực điều-ngự tư-tướng và ráng hủy-diệt chúng không cho tái diễn.

3) Tinh-tấn làm cho phát-triển các pháp lành:

Người giới-tử hướng thiện-chí của mình về các việc lành chưa phát-sinh, làm cho nguyên-tố giác-ngộ (Bojjhanga) được tiến triển thêm, có tâm vui thích nơi thanh-vắng, cố đập tắt phiền-não để đi lần tới giải-thoát.

4) Tinh-tấn bảo-tồn những pháp cao-thượng:

Người giới-tử luôn-luôn chú-tâm về những điều tốt tươi cao-thượng đã phát-sinh rồi, không để cho tư-duy cao đẹp đó tiêu-tan, mà rán làm cho nó phát-triển đến mức độ toàn-hảo (Bhavana), tâm-trí luôn-luôn sáng-suốt chiến-đấu.

"Này các tỳ-khuru, dù phải nương theo học-hỏi với một ông giáo-chủ thiếu đức-hạnh, hằng ngày lo tom-góp nhiều của cải lợi-lộc, các trò của ông ta cũng không được tự-do muốn làm gì thì làm, chẳng tuân theo kỷ-luật. Các môn-đệ cũng phải kính-nể ông ta chớ không dám ngoan-cổ cứng đầu khó dạy, buông lung tùy-ý".

"Như vậy, lúc tìm theo học-hỏi với một Đấng Toàn Giác có giới luật trang-nghiêm, sống ngoài nếp xa-hoa, vất bỏ tiền-tài danh-lợi, thì hẳn người giới-tử cần phải thu-thúc kỷ-cương như thế nào?"

"Về điều này, khi một giới-tử có đức tin trong giáo pháp và muốn nương theo giáo pháp, tất-nhiên phải nhìn-nhận: "Đức Như Lai là Thầy Tổ và mình đây là trò. Ngài suốt-thông tất cả, còn mình thì tối-tăm ngu dốt".

"Có tánh phục-tùng dễ dạy như thế, giáo pháp sẽ đem lại cho giới-tử nhiều nghị-lực và mau tấn-hóa. Người lấy giáo pháp làm nguyên-tắc và suy-nghĩ: "Ta sẽ hết lòng tinh-tấn, cố-công hành đạo. Dù cho thịt, da, gân, xương ta bị rã-rời, dù máu khô cạn, ta cũng không thối chuyển. Ta quyết-tâm tinh-tấn trau-giồi đạo-hạnh, nếu chưa đạt được mục-đích mà con người có thể thành-tựu bằng khả-năng và nghị-lực".

-- MAJJHIMA NIKAYA

Thiền khái-luận về Minh sát tuệ (Vipassanā dipani)

Ledi Sayadaw Maha-Thera

Niệm tưởng biết mình (chánh niệm) là con đường ra khỏi cái chết.

Không niệm tưởng quên mình là con đường đưa vào cõi chết.

Những kẻ ghi nhớ biết mình, không chết.

Những kẻ vô-ý quên mình, cũng như đã chết rồi.

-- DHAMMAPADA

Lời giới-thiệu

Nhằm giúp ích giới hành-giả Phật-tử cho mau tấn-hóa, ngài Ledi Sayadaw Maha Thera, một bậc cao-tăng thiền-sur có tên tuổi tại Miến Điện cách nay 58 năm, đã dày công sáng-tác ra Thiền Khái-Luận sau đây, để giải-thích đầy đủ những chi-tiết liên-quan tới các yếu-tố về pháp-môn Thiền-Định.

Mục-đích của đường lối "Minh Sát" (Vipassanā) là quán xét, phân-tách, giải tỏ tất cả những hiện-tượng Danh và Sắc (Danh Pháp, Sắc Pháp) phát-sinh trong mỗi cá-nhân để nhận-thức rõ-rệt bản-chất: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của chúng, hầu diệt trừ ngã chấp, đi đến giác-ngộ.

Từ vô-thỉ, thành-kiến về cái ngã (Attā), mà các tôn-giáo khác thường gọi là linh-hồn, đã ăn sâu vào tâm-trí của hạng phàm-nhân (Puthujjana) vì lẽ con người thường si-mê, lầm-lạc, vô-tình hoặc gián-tiếp.

Trước khi bước vào khoa "Minh Sát", hành-giả phải tìm hiểu tại sao lý-thuyết về cái "Ngã" thành hình và do đâu nó xâm-nhập quá sâu vào kiến-thức con người. Lý-thuyết đó chỉ sụp đổ khi hành-giả trở nên thuần-thục, biết phân-tách, sắp-đặt có thứ-tự đúng theo chân-lý những vật do nguyên-nhân cấu-tạo và nhận-thức rõ-rệt các Danh-Pháp - Sắc-Pháp tùy-thuộc vào chúng.

Khi tham-thiền, hành-giả cần phải ghi nhớ rằng tất cả các pháp hữu-vi đều không bền vững, thay đổi, diễn-biến không ngừng trong mỗi刹那 tư-tưởng. Nghĩa là chúng nó sanh ra rồi diệt, diệt rồi sanh mãi-mãi. Nhận-thức các sự-vật như thế gọi là thấy rõ đúng theo chân-lý về ba tướng: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã.

Đức Phật dạy: "Hỡi này các tỳ-khuru! Đạo quả thế nào cũng đến cho những ai quyết-chí kiên-trì tu tập". Đó là Đức Phật muốn khuyến-khích các hành-giả không nên thối chuyễn, bỏ dở công-phu, mà phải bền tâm nhẫn-nại, tiếp-tục học-hành cho tới khi đắc đạo. Trong số tu-sĩ xuất-gia hay tại-gia, có vài vị giới đức viên dung, bền tâm rèn luyện, có khả-năng thấu rõ chân-lý và cũng có vài vị kém thông-minh, tiến bước chậm-chạp. Hạng sau này, nếu

không giác-ngộ kiếp này, thì cũng sẽ thành-dạt đạo quả trong những kiếp sau, vì thế nào công-phu tu tập cũng mang lại quả lành.

---o0o---

Thiên "khái-luận"

Thiên "Khái-luận" gồm những yếu-tố sau đây:

- Vipallāsas: là những ảo-tưởng;
- Mannanās: là những ý nghĩ ngông-cuồng về các sự-vật;
- Abhinivesas: là thành-kiến không gì lay-chuyên nổi;
- Bhūmis: là giai-đoạn căn-bản của tâm làm phát-sinh những giai-đoạn khác;
- Gatis: là những giai-đoạn tiếp nối, biến chuyển thoảng qua hoặc tiến tới;
- Saccas: là những chân-lý tương-đối và tuyệt-đối;
- Parinnās: là tuệ-giác nội-tâm cao cả.

1. Ảo-tưởng (Vipallāsa)

Vipallāsa có nghĩa là "Ảo-Tưởng" giả-dối, nhận-định sai-lầm, cho việc phải là quấy, cái quấy là phải.

Có ba loại ảo-tưởng:

Ảo-tưởng về sự nhận-thức (Sannā-vipallāsa)

Ảo-tưởng về sự suy-tưởng (Citta-vipallāsa)

Ảo-tưởng về kiến-thức (Diddhi-vipallāsa).

a) Ảo-tưởng về sự nhận-thức chia ra làm bốn:

Nhận-thức sai-lầm tư-cách vô-thường là trường-cửu,

Nhận-thức sai-lầm tư-cách không trong-sạch là trong sạch,

Nhận-thức sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,

Nhận-thức sai-lầm tư-cách không có cái Ngã (hay linh-hồn) là hữu-ngã.

b) Ảo-tưởng về sự suy-tưởng chia ra làm bốn:

Suy-tưởng sai-lầm tư-cách vô-thường là trường-cửu,

Suy-tưởng sai-lầm tư-cách không trong sạch là trong sạch,

Suy-tưởng sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,

Suy-tưởng sai-lầm tư-cách vô-ngã là hữu-ngã.

c) Ảo-tưởng về kiến-thức chia ra làm bốn:

Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách vô-thường là trường-cửu,

Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách không trong sạch là trong sạch,

Kiến-thức sai-lầm cho rằng điều xấu là tốt,

Kiến-thức sai-lầm cho rằng tư-cách vô-ngã là hữu-ngã.

Chuyện con nai rừng thấy hình nộm cho là người (để giải-thích ảo-tưởng về sự nhận-thức)

Ở giữa một khu rừng lớn, có người thôn-quê làm ruộng. Mỗi khi anh ta đi vắng thì những con nai rừng thường vào ăn hết đám mạ non. Người nông-dân liền làm một cái hình nộm bằng rom giống như hình người, để làm cho nai hoảng-sợ. Anh ta đan rom thành thân hình, cái đầu, hai tay, hai chân, lấy nước vôi sơn một cái chậu tròn rồi trùm lên trên. Anh lấy quần áo rách mặc vào và gắn trên tay hình nộm một cái cung và cây tên.

Cũng như thường-lệ, đám nai rừng xông vào ăn mạ. Khi đến gần thấy cái hình nộm, chúng nó tưởng là người thật, nên hoảng-hốt bỏ chạy.

Để giải-thích, bầy nai trước kia đã có lần thấy người ta. Chúng đã ghi nhớ hình-dáng con người, tay chân, mặt mũi ... Giờ đây, chúng thấy hình giả rồi cho là người thật. Như vậy, bầy nai đã nhận-thức sai-lầm.

Ảo-tưởng này cũng có thể mô-tả bằng trường-hợp một lữ khách đi lạc đường, ngớ-ngẩn hoang-mang không biết định hướng Đông Tây từ nơi mình đứng để tìm lối ra, tuy mặt trời vẫn lặn hay mọc và người có thể nhìn thấy với đôi mắt mở sáng. Sự lầm-lẫn này, một khi ăn sâu vào trí óc, rất khó lòng sa-thải.

Có biết bao nhiêu sự việc mà chúng ta nhận-thức sai-lầm, không đúng chân-lý, nhất là hai trạng-thái vô-thường và vô-ngã. Như vậy, ảo-tưởng về sự nhận-thức khiến chúng ta nhìn xem sự-vật khác với thực-tế, cũng như con nai rừng, tuy đôi mắt mở lớn, lại cho cái hình nộm là người thật.

Chuyện thầy phù-thủy bày phép lạ (để giải-thích ảo-tưởng về sự suy-tưởng)

Có một khoa ảo-thuật làm cho đám đông thấy những cục đất mà tưởng là vàng hay bạc. Trò ảo-thuật này có năng-lực xoay chuyển được nhãn thức thông-thường và đem thay vào đó một nhãn thức khác thường. Phương-thức ma-giáo này có thể làm đảo-lộn trong khoảnh-khắc sự xét đoán. Nhưng trò ảo-thuật đó trở nên vô-hiệu đối với người biết điều-ngự thân tâm vững-vàng. Người suy-tưởng thấy rõ đó là đất, chớ không phải vàng hay bạc. Nhưng khi người bị trò ảo-thuật áp-đảo tinh-thần (nói về người nhẹ bóng vía) thì thấy đất đó trở thành vàng hay bạc chói ra sáng ánh. Như vậy, sự nhận-định và tư-tưởng của người là sai-lầm, không đúng sự thật.

Cũng như thế đó, ý nghĩ và tư-tưởng của chúng ta sanh thói quen nhận-định sai-lầm, lấy giả làm thật và phải hoang-mang điên-đảo.

Ví-dụ lúc trời sẩm tối, thường khi chúng ta nhận lầm cái thân cây là người ta. Hoặc giả thấy một lùm cây lại tưởng là con voi hay thấy voi tưởng lùm cây.

Trên thế-gian, phần nhiều những ý nghĩ sai-lầm trong khi quan-sát các sự-vật đều do ảo-tưởng về sự suy-tưởng có tính-cách mạnh-mẽ hơn ảo-tưởng về nhận-thức. Nó lừa-đảo, khiến các sự-vật vô-lý trở thành chí-lý. Ảo-tưởng này có thể bị loại-trừ khi chúng ta biết chú-ý tìm tòi về nhân-duyên của các sự-vật.

Chuyện người đi lạc đường (để giải-thích ảo-tưởng về kiến-thức)

Có một khu rừng lớn bị nhiều ma-quỉ yêu-tinh ám-ảnh. Chúng thường biến-hóa ra thành-thị, xóm làng.

Chợt có những du-khách không thông-thạo đường lối trong rừng đi đến. Bọn yêu-tinh biến tạo ra những đô-thị, thôn-xóm đẹp-đẽ, hấp-dẫn, như cảnh thiên-đàng. Chúng lại hóa ra làm chư-thiên, nam có, nữ có. Chúng sáng-tạo ra nhiều đường xá đẹp đẽ xuyên qua những phong-cảnh huy-hoàng, chẳng kém gì thiên-giới.

Các hành-khách đến đó thấy đường của yêu-tinh, ngờ rằng nó sẽ đưa mình tới những đô-thị phồn-ba, tráng-lệ, nên bỏ đường tốt đang đi, rồi phải lang-thang vất-vả trên lộ-trình quái-gỗ, phỉnh-phờ, và rốt cuộc bị sa vào các thành-thị yêu-tinh, chịu khổ-não trăm bề.

Trong câu chuyện, rừng lớn ám-chỉ Tam-Giới, là: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Những lữ-khách là hàng nhân-loại. Đường tốt tượng-trung cho chánh kiến. Đường sai-lạc của ma-quỉ nguy-tạo là tà kiến.

Ở nơi đây, chánh kiến có hai: chánh kiến thế-gian và chánh kiến siêu-thế-gian.

Chánh kiến thế-gian là nói về các chúng-sinh hiểu biết nghiệp quả lành dữ, tốt xấu, biết rằng nó là tài-sản của mình và luôn theo sát bên mình trong đời sống.

Chánh kiến siêu-thế-gian có nghĩa là suốt-thông giáo pháp nguồn-gốc của ngũ-uẩn về tư-cách vô-ngã, thấu rõ các yếu-tố chủ-quan và khách-quan của lục-căn (āyatanas).

Trong hai loại chánh kiến đó, cái thứ nhất ám-chỉ con đường tốt đẹp của thế-gian còn ở trong vòng sanh tử luân-hồi. Con đường đưa tới cảnh an vui tương-đối của nhân-loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, cũng như những lâu-đài, cung-điện tại trần-gian và trên thiên-giới. Cái thứ nhì mang tính-cách siêu-

phạm với những yếu-tố giác-ngộ. Đó là con đường tốt đẹp đưa người ra khỏi bánh xe sanh tử luân-hồi, đưa đến Niết-Bàn.

Tà kiến có nghĩa là không thông-thấu nghiệp quả lành dữ, tốt xấu, đưa đến thống-khổ, bằng ước mơ vô-vọng, thiếu trí-tuệ (Natthikadiddhi), hay hoài-nghi (Ahetukadiddhi) và chấp trạng-thái hư-vô (Akiriya diddhi). Đó là những con đường dẫn người đi lạc lối. Những cảnh-giới khổ đau được dành riêng cho: súc-sinh, A Tu La, ngã-qui, tội-nhân trong các địa-ngục, ví cũng như các thành-thị của loài yêu-quái.

2. Tư-cách nông-cuồng thiếu-trí (Mannanā)

Mannanā có nghĩa là nông-cuồng, khờ-dại, kém thông-minh, si-mê, hay suy-nghĩ viễn-vong, tin-tưởng sai-lầm, là tư-cách vô-ý-thức làm phát-sinh những ảo-tưởng. Ảo-tưởng khiến cho tối-tăm khờ-dại và phát-sinh điên-đảo.

Có ba loại nông-cuồng thiếu-trí:

Ngông-cuồng do ái-dục (Tanhā mannanā),

Ngông-cuồng do ngã mạn (Māna mannanā).

Ngông-cuồng do suy-nghĩ lầm-lạc (Diddhi mannanā).

a) Ngông-cuồng do ái-dục nghĩa là có tư-tưởng kỳ-dị bao-la: "Đây là Ta ... Đây là bản ngã!", luyện-ái ôm-ấp cái không phải là ta, không phải là của ta, trong khi chẳng có gì có thể gọi là ta hay của ta. Tuy-nhiên, thói thường con người hay nhận-định về những sự-vật chủ-quan (của mình) và khách quan (ở bên ngoài) như vậy: "Cái này là của ta. Cái kia không phải của ta", hay là: "Cái này là bản ngã, còn cái kia không phải". Sự suy-tưởng phân-biệt mơ-hồ như vậy gọi là: nông-cuồng do ái-dục.

Những vật chủ-quan ám-chỉ thân-thể và các bộ-phận trong con người. Còn những vật khách-quan là nói về cái chi ở bên ngoài, cũng như bà con, cha mẹ, vân-vân ..., và tài-sản của mình.

b) Ngông-cuồng do ngã mạn có nghĩa là đánh-giá quan-trọng những gì thuộc về mình, như: " Ta đây - Ta là thế này". Khi bị khuyến-kích un-đức bởi những ý nghĩ đó, con người trở thành cống cao, ngã mạn, hieu-hiu tự-đắc. Ở đây, những yếu-tố chủ-quan là tự-đắc, ỷ-lại vào hiệu-lực hay-ho của: mắt, tai, chân tay ... của trí khôn-ngoan hiểu biết, của sức-khỏe mình, vân-vân ...

Còn những yếu-tố khách-quan là ám-chỉ sự cống cao, hống-hách về gia-đình sung-túc, quyền-thế, về sự giao-thiệp rộng-rãi, về nếp sống, nhà cửa, của tiền, vân-vân ...

c) Ngông-cuồng do suy-nghĩ lầm-lạc có nghĩa là đánh-giá quan-trọng những vật trong bản-thân, như: thân ta, lập-trường của ta, sức-khỏe, bản-chất, tâm-

hòn, nghị-lực của ta. Trong ngôn-ngữ dùng để ám-chỉ cái "bình đất" hoặc cái "chén đất", người ta hiểu rằng do chất đất để làm ra "bình" và "chén", rồi khi đất thành-hình thì được gọi là "bình", là "chén".

Cũng như người ta lấy sắt làm ra bình, chén, rồi gọi là "bình sắt", "chén sắt". Như thế, đất và sắt đều là yếu chất của hai món đồ dùng đó.

Thì cũng như thế ấy, đất là bản-chất của hình-hài các chúng-sinh và của cái "Ngã", khiến con người nhận-định ngộng-cuồng, cho rằng chất đất là "Bản ngã" (Ta).

(Những nguyên-tố khác cấu-hợp thành xác thân như: nước, lửa, gió, vân-vân ..., cũng được giải-thích như thế-thức trên đây).

Đó là sự ngộng-cuồng do suy-nghĩ, nhận-định sai-lầm.

Cả ba loại ngộng-cuồng do: ái-dục, ngã mạn làm-lạc cũng được gọi là ba "Thế-lực" (Gāhas) dững-mãnh trói chặt con người. Chẳng những thế, chúng còn liên-tục gây ra nhiều sự ngộng-cuồng làm-lẫn khác xấu-xa, tội-lỗi, vô bờ bến, chẳng biết lúc nào mới chấm dứt, nên cũng được gọi là "Papancas".

3. Thành-kiến bất-di bất-dịch (Abhinivesa)

Abhinivesa có nghĩa là thành-kiến, là đức tin được ghi sâu trong trí óc một cách vững chắc, không gì lay-chuyển nổi, như những trụ lạng bằng đá trong các đền tháp, hoặc những cột cái của ngôi nhà to lớn.

Có hai loại thành-kiến bất-di bất-dịch:

Thành-kiến rắn chắc do ái-dục (Tanhābhinivesa),

Thành-kiến do si-mê làm-lạc (Diddhābhinivesa).

a) Thành-kiến do ái-dục là sự tin chắc rằng: Thân này là của ta ... đầu, chân, tay, mắt, mũi, vân-vân ... đều là của ta. Nhưng trên thực-tế, chúng đâu nào phải của ta, và luôn-luôn tin như vậy trong vô-lượng kiếp.

b) Thành-kiến vì si-mê làm-lạc là tin-tưởng chắc rằng có một cái Ngã (hay linh-hồn) trong con người hay sinh-vật, cho đó là một quyền năng tối-thượng, bất-di bất-dịch, có uy-lực điều-khiển xác thân.

Hai thứ thành-kiến nói trên cũng có thể gọi là: Tanhānissaya và Diddhinissaya. Chúng được xem như hai cây trụ vững chắc, to lớn, nâng đỡ năm uẩn, xác thân và tâm thức, hoặc như hai cái trạm lớn để cho hạng phàm-phu (Puthujjanas) ngồi nghỉ.

4. Giai-đoạn căn-bản (Bhūmi)

Bhūmi có nghĩa là giai-đoạn, hay tình-trạng, căn-bản của các sinh-vật, từ đó chúng nảy-nở, tiến triển thêm.

Tình-trạng căn-bản có hai:

Tình-trạng căn-bản của hạng phàm-nhân (Puthujjana bhūmi),

Tình-trạng căn-bản của bậc siêu-nhân (Ariya bhūmi).

a) Nếu nhận-định đúng theo chân-lý, thì tình-trạng căn-bản của người thế chỉ là một ảo-tưởng về kiến-thức mà thôi (tà kiến). Vì tất cả chúng-sinh có sự sống trên thế-gian đều mang theo ảo-tưởng về kiến-thức, nên có ý nghĩ sai-lầm, cho rằng: "Trong bản thân ta, chắc có vật gì rất cao đẹp, thiết-yếu, trường-tồn, bền-bỉ".

- Tư-cách ngông-cường do si-mê lầm-lạc (Diddhi mannanā),
- Kiến-thức sai-lầm (Diddhi gāha),
- Tư-cách gia-tăng sự lầm-lạc (Diddhi papanca), và
- Thành-kiến bất-di bất-dịch do si-mê lầm-lạc (Diddhi abhinivesa)

đều là những giai-đoạn, những trạm dừng chân, những vật nâng đỡ, những bển dò dành riêng cho hạng phàm-nhân ngồi nghỉ. Và khi nào bị dính mắc, được sự nâng đỡ trong một địa-thế sai-lầm vững chắc như thế, con người không sao thoát-ly ra khỏi vòng sanh tử.

b) Trái lại, tình-trạng căn-bản của bậc có giới-đức hay thánh-nhân (Ariya bhūmi) là tình-thế của hạng siêu-nhân cao-quý không còn sự lầm-lẫn nào cả. Nói theo ý-nghĩa tuyệt-đối, đó là sự hiểu biết chân-chánh (chánh kiến), sự nhận-thức chân-chánh, sự suy-nghĩ chân-chánh (Chánh Tư Duy) đưa tới nhận-định: "Ở trong ta, trong xác thân ta, chẳng có cái chi là tốt đẹp, là thiết yếu, là trường-tồn vĩnh-cửu".

Vì lẽ bậc phạm-hạnh hay thánh-nhân luôn-luôn sống trong chánh kiến, nên chánh kiến có thể gọi là giai-đoạn hoặc tình-trạng căn-bản của bậc siêu-nhân. Khi thành-đạt được chánh kiến đó, con người đã vượt qua khỏi tình-trạng căn-bản của phàm-nhân để bước qua giai-đoạn căn-bản của bậc siêu-nhân và được gọi là "Ariyan".

5. Tư-cách chuyển kiếp (Gati)

Gati có nghĩa là thay đổi, diễn biến, làm lại kiếp sống mới hoặc làm cho tiến hóa, phát-triển nhiều kiếp sống, nhiều giai-đoạn khác.

Có hai loại chuyển kiếp:

Chuyển kiếp của hạng phàm-nhân (Puthujjana gati),

Chuyển kiếp của bậc siêu-nhân (Ariya gati).

a) Chuyển kiếp của hạng phàm-nhân là tư-cách thay đổi rời rạc, không nhất-định được kiếp sống tương-lai của mình là thế nào, mà thường bị bắt buộc

phải sa vào một trong 31 cảnh giới tái-sinh tùy theo sự đưa đẩy của những nghiệp (Kammas) tạo ra trong quá-khứ.

Mỗi chúng-sinh, khi xuất-hiện, nhất-quyết phải mang lấy thảm-họa của cái chết đang chờ sẵn, và lúc chết cũng chắc-chắn phải bị phân-tán (Vinipātana), bị lọt vào bất cứ kiếp sống nào (không biết vui hay khổ, sang hay hèn). Lẽ đó, sự chết và sự phân-tán vô-định là hai nỗi thống-khổ đi đôi với nhau của mỗi chúng-sinh. Trong hai cái khổ đó, tư-cách phân-tán qua kiếp sống mới, sau khi chết, còn tệ-hại hơn cái chết. Vì lẽ bốn cảnh-giới khổ đau, mà to lớn nhất là A Tỳ địa-ngục, đang mở rộng cửa đợi chờ kẻ phàm-phu (Puthujjana) khi vừa từ-giã trần-gian, vừa bỏ lại kiếp người.

Tại sao người đời lại sợ chết? Vì sau khi chết, chúng-sinh phải bị phân-tán, chẳng biết sẽ được sanh về cõi nào. Nếu không có sự phân-tán, thì hẳn người đời có thể lựa chọn kiếp sống mới của mình tùy theo sở-thích và chẳng ai còn sợ chết nữa. Tuy-nhiên, cũng có hạng chúng-sinh muốn tìm cái chết để đổi lấy kiếp sống mới (vì đã sống quá lâu trong một kiếp, như chư-thiên cõi Vô Sắc).

Theo kinh "Kānakaochapa Sutta", lý-do khiến những chúng-sinh bị sa vào cảnh giới khốn-cùng, khó bề được tái-sinh làm người, vì lẽ các chúng-sinh đó bị chuyển vào địa-thế thấp-hèn khốn-quần, luôn-luôn nhìn xuống thấp và chẳng hề ngó lên cao.

Nhìn xuống thấp có nghĩa gì? Vì sự si-mê được gia-tăng, củng-cố vững chắc thêm từ kiếp này qua kiếp khác, như nước sông rạch chảy xuống đồng bằng đất thấp, nên những chúng-sinh thuộc bốn đường ác đạo càng bị sa-đọa thêm. Đối với chúng, các con đường đưa về cõi an vui cao-thượng đều bế-tắt và chỉ còn lại mấy đường bần-cùng, khốn-khổ, mà thôi. Đó là ý-nghĩa của câu nói "Nhìn xuống thấp". Cũng như câu chuyện con rùa đui, các bậc hiền-triết cho rằng không gì khốn-đốn, nguy-hiêm bằng tư-cách phân-tán kiếp sống mới của người mê-tục sau khi chết.

b) Còn thế nào là tư-cách chuyển kiếp của bậc siêu-nhân (Ariya gati)?

Đó là trạng-thái tương-phản của sự phân-tán (Vinipātana), là thoát-ly ra khỏi sự phân-tán vô-định về kiếp sống sau khi chết, hoặc giả hủy-diệt sự phân-tán đi đôi với cái chết của mỗi chúng-sinh. Đó là tư-cách chuyển kiếp về cõi an vui theo sự lựa chọn. Nghĩa là giải-thoát ra khỏi lãnh-vực chuyển kiếp của hạng phàm-nhân (Puthujjana gati) để bước sang lãnh-vực chuyển kiếp siêu-nhân (Ariya gati).

6. Chân-lý (Sacca)

Sacca là chân-lý, là thực-tại của mỗi sự-vật được nhận-định đúng theo bản-chất của nó.

Có hai loại chân-lý:

Chân-lý ước-định hay tương-đối (Sammuti sacca), hay là "tục đế".

Chân-lý cùng tốt hay tuyệt-đối (Paramattha sacca), hay là "chân đế".

a) Trong hai thứ chân-lý đó, chân-lý tương-đối là khoa ngôn-ngữ mà phân-đồng người đời hay dùng để mô-tả: "Có một cái Ngã", "Có một linh-hồn trường-cửu", "Có một sinh-vật", "Có một con người", "Có chư-thiên", "Có Trời Đấng-Thích", "Có con voi", "Có cái đầu, cái tay", vân-vân ...

Chân-lý ước-định này (tục đế) là thực-tế đối với các sự hiện-hữu mà người đời dễ thực-hành và nó tương-phản với sự đối-trá thông-thường.

Cũng có một lẽ-lỗi ngôn-ngữ khác dùng để tránh né sự không chân-thật và chẳng làm phiền hay đụng chạm tới người khác. Ví-dụ nói: "Có thể có một cái Ngã bất-di bất-dịch, trường-tồn vĩnh-cửu", hay nói: "Cũng có thể có một linh-hồn không xuất-hiện hoặc biến mất từng lúc trong kiếp sống". Nhưng nếu nói theo chân-lý tuyệt-đối, thì đây chỉ là một ảo-tưởng (Vipallāsa), một sự nhận-định sai-lầm, cho cái vô ngã, cho cái không có thực-thể là cái Ngã (Ta). Khi nào kiến-thức lầm-lạc đó còn nguyên vẹn, thì con người khó bề thoát-ly ra khỏi bánh xe sanh tử.

b) Trái lại, chân-lý cùng tốt, hay tuyệt-đối (chân đế) là tư-cách phủ-định cái thực-tại về các hiện-tượng (vật-chất và tâm-lý do giác-quan nhận xét). Xin nói về chân-lý với tính-cách quyết-định: "Nguyên-tố rắn chắc (như đất) có thật", "Nguyên-tố lưu-động (như nước) có thật", "Nguyên-tố nóng (như lửa) có thật", "Nguyên-tố rung chuyển (như gió) có thật" ... Tư-tưởng, tình-cảm, tâm thức, sự tiếp xúc ... đều có thật" hay là "sắc uẩn có thật" ...

Nhưng nói về chân-lý với tính-cách phủ-định, thì là: "Không có cái Ngã", "Không có linh-hồn trường-cửu", "Không có con người, chư-thiên, Đấng-Thích ..., không có con voi, vân-vân ...".

Khi nói như vậy, chúng ta quan-niệm rằng hiện giờ chẳng có một thực-thể nào đáng gọi là cái Ngã, hay linh-hồn trường-cửu, bất-biến. Với cách nói: "Không có chúng-sinh", không có ... v.v. ..., có nghĩa là hiện nay chỉ có những nguyên-tố tinh-thần và vật-chất mà thôi. Những nguyên-tố đó không phải con người, không phải sinh-vật, chư-thiên, v.v. ... Như thế, chẳng có một cá-nhân nào ngoài những nguyên-tố đó.

Chân-Lý sau này là cùng tốt, là tuyệt-đối. Nó có tính-cách tương-phản với ảo-tưởng sai-lầm và cũng có thể lẫn-lộn với ảo-tưởng mà chúng ta gọi là

"chân-lý ước-định hay tương-đối". Kẻ nào thấu rõ sự lẫn-lộn của hai loại chân-lý đó và biết tìm cách sa-thải, hủy-diệt ảo-tưởng, kẻ ấy mới có thể tránh khỏi những đau khổ của vòng sanh tử luân-hồi, làm cho đời sống đạo-đức tiến-hóa một cách cao-thượng.

Theo chân-lý tương-đối, thì con người có thật, sinh-vật có thật. Nhân-loại và các chúng-sinh khác đều di-chuyển, diễn biến liên-tục trong biển cả về nguồn sống.

Nhưng theo chân-lý tuyệt-đối thì chẳng có người hay sinh-vật nào cả. Người và sinh-vật cũng không di chuyển, diễn biến liên-tục từ kiếp này qua kiếp khác.

Vậy hai chân-lý đó tương-phản với nhau như thế nào? Cũng có thể chúng ta chấp-nhận cả hai. Vì mỗi chân-lý đều là đúng, tùy theo sự nhận-định tương-quan về các sự-vật.

Ta chớ nên chống lại khi nghe một người nọ nói: "Có con người, có sinh-vật ...". Theo chân-lý tương-đối, vì thật ra con người hay sinh-vật đang ở trước mắt ta.

Và nếu có người thứ hai nữa nói theo chân-lý tuyệt-đối rằng: "Không có người, không có sinh-vật, mà chỉ toàn là những hiện-tượng (pháp) Danh và Sắc" thì người thứ nhất cũng không nên phủ-nhận. Mà thật đúng như vậy, người có trí huệ siêu-nhân chỉ thấy toàn là những Danh Pháp và Sắc Pháp mà thôi.

Như thế, danh-từ "đất" không thể mô-tả cái bình hay cái chén, mà nó ám-chỉ chất đất. Bình và chén cũng không thể mô-tả chất đất mà đó chỉ là sự tương-tượng (Santhāna pannatti) do tâm-trí nhận-định theo bề ngoài xuyên qua: hình-sắc, kiểu mẫu, công-phụ, để chế-biến đất thành ra bình và chén. Như vậy, phải chấp-nhận đúng theo chân-lý tuyệt-đối là: "Bình đất hay chén đất đều không có".

Sau đây, là sự phân-tách, đúng theo chân-lý tuyệt-đối, 28 Sắc pháp căn-bản:

A) 18 Đặc-tính vật-chất có khả-năng nảy-nở và phát-triển (Jāta rūpani):

<ol style="list-style-type: none">1) Nguyên-tố rắn chắc hay duỗi ra (như đất)2) Nguyên-tố lưu-động hay kết-hợp (như nước)3) Nguyên-tố nóng hay rọi sáng (như lửa)4) Nguyên-tố xúc-động hay rung-chuyển (như gió)	Tứ Đại
---	--------

5) Mắt 6) Tai 7) Mũi 8) Lưỡi 9) Thân 10) Tâm	Lục Căn
11) Giống cái (hay nữ) 12) Giống đực (hay nam)	Hai giống
13) Sinh-lực	Đặc-tính vật-chất của sự sống
14) Vật thực	Đặc-tính vật chất để nuôi mạng
15) Hình-sắc (Sắc) 16) Âm-thanh (Thính) 17) Mùi (Hương) 18) Vị	Bốn Trần

B) 10 Đặc-tính không có khả-năng vật-chất để nảy-nở và phát-triển (Ajāta rūpani):

19) Không-gian (có tính-cách giới hạn)	
20) Tiếp-xúc bằng thân 21) Tiếp-xúc bằng lời nói	Hai sự đụng
22) Tư-cách nhẹ-nhàng 23) Tư-cách dịu-dàng 24) Tư-cách thích-hợp	Ba tính chất
25) Tư-cách kết-hợp 26) Tư-cách tiếp-nối 27) Tư-cách suy-nhược 28) Tư-cách vô-thường (làm cho hư hoại hay hết)	Bốn đặc điểm

7. Tuệ-giác nội-tâm cao-thượng (Parinnā)

Minh sát cho thấy rõ ba tướng: "Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã" làm phát-sinh ba tuệ-giác nội-tâm như sau:

- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Vô-thường (Anicca vipassanānāna)
- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Khổ-não (Dukkha vipassanānāna)
- Tuệ-giác nội-tâm thấy rõ trạng-thái Vô-ngã (Anattā vipassanānāna).

Trong ba tuệ-giác đó, cái thứ ba là thiết-yếu nhất để phá-tan si-mê lầm-lạc về lý-thuyết "Linh-hồn" (hay cái Ngã). Nhưng muốn đắc tuệ-giác về vô-ngã, hành-giả cần phải hiểu rõ điểm thứ nhất (tư-cách vô-thường). Vì nhận-định được trạng-thái vô-thường, người mới biết thế nào là vô-ngã. Nhưng hiểu biết cái thứ nhất (vô-thường) chưa đủ để thấu-đáo triệt-để cái thứ nhì (khổ-não). Do cái tuệ thứ hai chưa được đạt đáo hoàn-toàn, nên mới có sự phân chia ra bốn quả thánh, vì ái-dục và ngã mạn (vi-tế) vẫn còn tồn-tại, đến hai quả sau là: "A Na Hàm và A La Hán" mới dứt tuyệt.

Như thế, trong kiếp này, may-mắn được gặp giáo pháp của Đức Phật, chúng ta nên cố công trì-chí tham-thiền, quán tưởng về trạng-thái vô-thường của vạn-vật, để thông-thấu triệt-để trạng-thái vô-ngã (tuệ-giác thứ ba). Sau đây là câu Phật-Ngôn để chứng-minh điều đó:

"Hỡi này Meghiya! Kẻ nào thông-suốt trạng-thái vô-thường, tất-nhiên tư-cách vô-ngã phát-sinh rõ-rệt. Kẻ nào thấu-đáo tư-cách vô-ngã, thì sự ngông-cuồng, cố-chấp sai-lầm về cái Ngã cũng tiêu-tan".

Muốn tham-thiền về Minh Sát Tuệ, ngoài những nơi thanh-vắng rất cần-thiết cho pháp-môn Tịnh-Tâm (Samatha), hành-giả, về Vipassanā, có thể thực-hành tu tập bất cứ tại chỗ nào. Khi công-phu tạo-luyện được chín mùi, tuệ-giác nội-tâm làm thấy rõ tư-cách vô-thường có thể phát-sinh trong lúc ta đang nghe một bài diễn-văn, hoặc còn sống giữa gia-đình. Đối với những hành-giả hiểu biết thâm sâu, các hiện-tượng ở trong bản-thân hay ngoài bản-thân, ở trong nhà hay ngoài nhà, ở trong làng hay ngoài làng, đâu-đâu cũng là những đề-mục quán-tưởng để thành-đạt tuệ-giác về sự vô-thường.

Muốn hành pháp Minh Sát cho có kết-quả, cần nhất phải quán xét, phân-tách luôn-luôn những trạng-thái thay đổi, hay diễn biến cấp-bách toàn-diện (Santativiparināma), hoặc thay đổi nhỏ-nhen từ-từ nhưng liên-tục (Santatianathā-bhāva) của các sự-vật mà chúng ta có thể thấy và trác-nghiệm. Tóm lại, tuệ-giác nội-tâm chỉ phát-sinh tùy theo sự nhận-định sáng-suốt, đúng theo chân-lý, ba trạng-thái: Vô-thường - Khổ-não - Vô-ngã, của các pháp.

Sau đây là những điểm cốt-yếu dành riêng cho các hành-giả tu "Minh Sát Tuệ":

Trong ba tuệ-giác nội-tâm, trước nhất phải cố-gắng thành-đạt cái Tuệ về "Vô-thường". Vì hạng phàm-nhân hằng ngày luôn-luôn tiếp-xúc với cảnh-vật bên ngoài, nên dễ có cơ-hội để trắc-nghiệm. Những cử-động của một tài-tử trên màn ảnh, thực-hiện bằng vô-số hình nhỏ trong cuộn phim cho thấy nhiều sự thay-đổi liên-tiếp và đó là một trạng-thái "Vô-thường". Trên sân-khấu, những anh kép hát tới lui, nhảy nhót, ca hát, bày trò với nhiều điệu-bộ luôn-luôn thay đổi cũng là một trạng-thái vô-thường. Sự hoạt-động, thay đổi của những cơ-quan hay tế-bào trong thân-thể chúng ta cũng là những trạng-thái vô-thường. Đứa trẻ nằm khi mới sanh, vài tháng sau biết lật, biết ngồi. Rồi ít lâu sau biết đi, biết nói và tiếp-tục lớn thêm, cũng là những trạng-thái vô-thường. Nhưng đây là vô-thường có tính-cách chậm-chạp, từ-từ, liên-tục, gọi là "Santatianathābhāva".

Những biến-chuyển xảy ra thành-linh, bất cập, chớp nhoáng, đem lại sự thay đổi toàn diện, như: chết chóc, nạn hỏa, nạn lụt, sát sanh, chiến tranh tàn sát khủng-khiếp, tai-nạn lưu-thông, bệnh nặng cấp-kỳ, giàu trở thành nghèo hay nghèo trở nên giàu một cách mau chóng bất ngờ, đều là những trạng-thái vô-thường, nhưng với tính-cách mau chóng và quan-trọng, nên gọi là "Santativiparināma".

Trạng-thái vô-thường là đặc-tính sau cùng (thứ 28) trong bản liệt kê trên đây, cho biết rằng nó đồng nghĩa với tư-cách "hủy-diệt hay chết". Thấy được vô-thường, tất-nhiên thấy rõ tư-cách sanh diệt của các Danh và Sắc pháp.

Trước hết, hành-giả nên tham-thiền, quán tưởng các hiện-tượng vật-chất, nhất là "tứ đại", và sáu cái tâm ái-dục về sắc trần thuộc phần tâm-lý.

Nếu trong một ngày, hành-giả thấy rõ một cách liên-tục vô-số lần tư-cách sanh diệt của tứ đại (đất-nước-lửa-gió), thì tư-cách sanh diệt của các Sắc pháp tùy-thuộc vào tứ đại cũng phát-hiện. Về những Danh pháp cũng thế, khi thấy được tư-cách sanh diệt của những loại tâm ái-dục, thì các Danh pháp khác tùy-thuộc cũng xuất-hiện cùng lúc, nhất là các pháp liên-quan tới mây uẩn: Thọ-Tướng-Hành-Thức.

Vô-số sự thay đổi trong một bước đi, một cử-động hoặc oai-nghi, đều là những trạng-thái vô-thường. Chúng ta có thể nhận-định rõ-rệt tư-cách vô-thường và hủy-diệt các Danh và Sắc pháp bằng cách quán xét các sự thay đổi thường-xuyên trong bản-thân mình, để thành-đạt tuệ-giác nội-tâm về tư-cách "hủy-diệt các pháp". Như thế có nghĩa là chúng ta đã thuận-thục trong việc Minh Sát tất cả những diễn biến, thay đổi, từ lớn đến nhỏ, trong mỗi

giây, mỗi chập, về các bộ-phận trong cơ-thể. Chùng đó, sự rèn-luyện pháp Minh Sát của hành-giả được xem như đã hoàn-tất đầy đủ.

Hoàn-tất đầy đủ ở đây có nghĩa là được thực-hành đúng-đắn và tuệ-giác này (thấy rõ vô-thường) mang lại sự sáng-suốt thường-xuyên trong đời sống, chớ chưa hẳn là hoàn-toàn giác-ngộ. Tư-cách giác-ngộ để đắc quả thánh-nhân đến mau hay chậm, còn tùy-thuộc vào duyên nghiệp và cơ-hội viên-mãn do các pháp hành cao-thượng hơn. Cũng không biết chắc-chắn lúc nào đạo quả phát-sinh. Dù là bậc thánh Tu Đà Huòn cũng không biết chắc lúc mình được nhập lưu, vì thời-gian tồn-trữ của những ô-nhiễm tiềm-tàng không thể nào biết nổi. Có nhiều hành-giả chưa thấu-đáo chu-kỳ của các ô-nhiễm tiềm-tàng, tưởng rằng mình đã nhập lưu, nhưng vẫn còn tà kiến và hoài-nghi.

Dù sao, các hành-giả về Minh Sát Tuệ cũng nên tiếp-tục cố-công quán tưởng về tư-cách vô-thường cho tới khi kết-thúc. Đến bậc thánh A La Hán cũng không hề xao-lãng trong pháp hành Minh Sát, để giữ cho nội tâm yên-tĩnh. Nếu bền tâm trì-chí tu tập suốt đời. Đến khi vượt qua khỏi tình-tạng phàm-nhân (Puthujjana bhūmi) thì hành-giả sẽ bước sang giai-đoạn siêu-nhân (Ariya bhūmi) hoặc trước khi chết hay trong lúc chết, và được tái-sinh về thiên-giới.

Ledi Sayadaw, 1915

Lời của soạn-giả:

Ảo-tưởng (Vipallāsa), Tư-cách ngông-cuồng, si mê, làm lẫn (Mannanā), và Thành-kiến không gì lay-chuyển nổi (Abhivivesa) được đề-cập trong Thiên Khái-Luận là ba yếu-tố rất tai-hại, làm cho người đời thêm tối-mê ngã chấp, mà cũng là những vật chướng-ngại lớn-lao chận đứng bước tiến của người hành đạo. Khi bị các chướng-ngại đó chế-ngự rồi, thì con người trở nên tà kiến, làm-lẫn và kéo dài vô-tận cảnh-tượng sanh tử khổ đau.

1. Ảo-Tưởng

Có một số hành-giả tu thiên-định thuộc các đạo-giáo bị các ảo-tưởng lôi cuốn, đặc-biệt là ảo-tưởng về kiến-thức (Diddhivipallāsa), lấy giả làm thiệt, thấy trật tướng trùng, cho Tà là Chánh. Nhiều khi thấy đi dạo cảnh tiên, nói chuyện với trời Phật thánh thần, hoặc nhiều chuyện quái-gở khác, rồi say mê ôm-ấp các cảnh giới giả-tạo đó khiến cho tinh-thần hoang-mang điên-đảo.

Ảo-tưởng này được giải-thích bằng câu chuyện "Người đi lạc trong rừng" thấy đường xá phong-cảnh giả-tạo đẹp đẽ liền bỏ lộ-trình cũ, xông vào nẻo

mới, đi đến đô-thị của loài yêu-quái, rồi bị lạc trong rừng lớn là Tam Giới: Dục Giới - Sắc Giới - Vô Sắc Giới, không sao thoát ra khỏi đặng.

2. Tư-cách nông-cuồng suy-nghĩ viễn-vong làm-lẫn (Mannanā)

Ba Sự nông-cuồng làm-lẫn do ái-dục, ngã mạn và suy-nghĩ tà tây, khi khởi đầu không mấy tai-hại, nhưng lâu năm chầy tháng sẽ trở-thành những thế-lực "Gāha" hay "Thành-kiến" tạo thêm nhiều sự làm-lẫn khác. Bị dính mắc vào đó, con người càng gia-tăng ái-dục cống cao và không sao đi đến giải-thoát đặng, như chuyện vị Đại Phạm Thiên Baka và Uruvela Kassapa, giáo-chủ nhóm thờ thần lửa rất ngã mạn, tự cho mình là trong sạch cao-thượng hơn Đức Phật.

3. Thành-kiến không gì lay-chuyển nổi (Abhinivesa)

Thành-kiến sai-lầm do ái-dục (Tanhābhinivesa) khiến con người khư-khư tin chắc rằng thân-xác này là của mình. Nhưng nguy hại nhất là thành-kiến do si-mê làm-lẫn (Dittha bhinivesa), cho rằng có một linh-hồn bất-di bất-dịch chế-ngự con người. Đây là nguồn cội của đức tin về thần-quyền tha lực, về một quyền năng tối-thượng, về đáng tạo-hóa điều-khiển muôn loài vạn vật, không đúng với tôn-chỉ của đạo Phật.

4. Tư-cách chuyển kiếp (Gati)

Danh-từ chuyển kiếp ở đây không đồng nghĩa với "luân-hồi", mà ám-chỉ sự di-chuyển của chúng-sinh từ cảnh-giới này qua cảnh-giới khác.

Phân-tán kiếp sống sau khi chết (Vinipātana) có nghĩa là con người, khi lìa trần, sẽ bị phân chia tán lạc vào các cảnh-giới mới.

Người đời ghê sợ bị phân-tán sau khi chết hơn là sợ chết, vì lẽ không biết chắc mình sẽ tái-sinh về đâu trong 31 cảnh giới. Không biết mình sẽ được sanh làm người nữa chăng? Hay là bị sa vào bốn đường ác đạo? Nói tóm lại, con người vô đạo đức, chẳng thông nghiệp quả, thì không thể lựa chọn kiếp sau của mình là thế nào.

Trái lại, những bậc phạm-hạnh tại-gia hay xuất-gia quyết-tâm hành đạo, dù hiện nay chưa giác-ngộ, thế nào đạo quả cũng sẽ đến trong những kiếp tương-lai, như hột giống gieo xuống đất mọc lên cây và thế nào cũng đơm bông trở trái trong thời-gian nào đó. Chỉ có những bậc thánh mới biết chắc về kiếp tới của mình: Tu Đà Huần biết còn tái sanh 7 kiếp. Tư Đà Hàm, một kiếp. A Na Hàm không trở lại thế-gian nữa và A La Hán đã chấm-dứt nguồn sanh tử.

5. Chân-lý tương-đối "tục-đế" và tuyệt-đối "chân-đế" (Sammuti Sacca và Paramattha Sacca)

Mỗi chân-lý đều có ý-nghĩa riêng của nó:

- Chân-lý tương-đối, hay ước-định, là thực-tiến đối với hạng phàm-nhân, chỉ biết nhận xét các sự-vật xuyên qua hoạt-động của các giác-quan. Rất khó bề phủ-nhận cái hiện tượng của cây xoài hay con chó khi chúng nó ở trước mắt chúng ta. Cũng như niềm vui hay khổ thật sự được biểu-lộ bằng nụ cười hay tiếng khóc.

- Trái lại, chân-lý tuyệt-đối là sự xét đoán đúng theo thực-tế của "tuệ-giác nội tại" dựa theo ba trạng-thái: Vô-thường, Khổ-não, Vô-ngã, của những sự-vật phát-sinh tùy-thuộc Danh và Sắc pháp.

Đối với hạng thế-nhân, hai chân-lý đó có thể lẫn-lộn, mơ-hồ, khó phân-biệt rõ-rệt.

Nhưng các bậc hiền-triết, nhờ cố gắng trì-chí tìm-tòi học-hành và, khi đi đến trình-độ cao cả, thành-đạt tuệ-giác nội tại, thì các ngài biết phân chia ranh-giới giữa hai chân-lý tương-đối và tuyệt-đối, rồi sa-thải cái chân-lý ước-định của người thế-tục, để chấp-nhận chân-lý tuyệt-đối siêu-thoát và bước qua lãnh-vực siêu-nhân.

6. Tuệ-giác nội tại (Parinna)

Tuệ-giác nội tại thấy rõ trạng-thái vô-thường (Aniccavipassanānāna) có hai thứ:

- Trạng-thái thay đổi cấp-bách toàn-diện (Santatīvi-parinnāma),
- Trạng-thái thay đổi nhỏ-nhen, nhưng từ-từ liên-tục (Santatiānathābhāva).

Phần đông, người thế chỉ quan-niệm tư-cách vô-thường về trạng-thái thứ nhất, như chết chóc, tai-nạn, ốm đau, giàu nghèo, vãn-vân ..., và ít để ý tới cái thứ hai.

Trái lại, các bậc phạm-hạnh tại-gia hoặc xuất-gia, ngoài việc nhận-thức những diễn biến lớn lao bất cập, các ngài luôn-luôn để tâm đến các sự thay đổi của đũa bé mới sanh rồi từ-từ trưởng-thành, đến những trạng-thái diễn biến ở ngoài và trong bản-thân, từ hơi thở, từ các cử-động, ăn nói, từ hoạt-động của cơ-thể đến các tư-tưởng, để quan-niệm đúng theo chân-lý về các Danh và Sắc pháp hữu-vi giả tạm, hầu lướt qua khỏi giai-đoạn phàm-nhân (Puthujjana bhūmi) để bước sang giai-đoạn siêu-nhân (Ariya bhūmi).

Lược giải trên đây nhằm mục-đích làm sáng tỏ thêm cho những độc-giả chưa quen với lối diễn tả thâm sâu của Đại-Đức Thiên-Sư Ledi Sayadaw.

Và những hành-giả nhiệt-thành với Minh Sát Tuệ nên phẩn-khởi đặt hy-vọng vào câu Phật-Ngôn:

"Viriyavato bhikkhave kim nāma na sijjhati".

"Hỡi này các tỳ-khưu! Thật ra thế nào thành quả cũng đến với những ai luôn-luôn tinh-tấn thực-hành".

---o0o---

HẾT

¹ Người ngoại-đạo thường xưng-hô vô-lẽ như vậy

² Đại Đức Ananda.

⁴ Chàng Pukkusati chưa nhận ra Đức Phật nên xưng hô như vậy.

⁵ Người ngoại-đạo xưng hô như vậy.

Pháp trích lục
Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Tập 4

17. Ông hoàng Mahanama chưa dứt trừ được phiền não

Một thửa ruộng Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn cây sung trong lãnh thổ của dòng Thích Ca, gần kinh đô Kapilavatthu (Ca Tì La Vệ). Hoàng tử Mahanama tìm đến nơi, cung kính đánh lễ, ngồi kế bên Ngài và hỏi:

"Bạch Đức Thế Tôn, trước đây tôi có nghe và hiểu biết Giáo Lý của Ngài thuyết ra như vậy: "Sự tham lam làm cho tâm trí như bản. Sự sân hận làm cho tâm trí như bản. Sự si mê làm cho tâm trí như bản". Và tôi đã quan niệm Giáo Pháp đúng như thế. Nhưng chẳng biết tại sao một đôi khi những ý nghĩ tham lam xâm chiếm tâm trí tôi. Những tư tưởng sân hận, si mê lại xâm chiếm tâm trí và khuấy rối tôi.

"Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ còn cái chi ở trong người tôi khiến cho phiền não Tham - Sân - Si một đôi khi xâm chiếm khuấy rầy tâm trí tôi như vậy?"

"Đức Phật đáp:

"Này Mahanama, vì người chưa chịu dứt bỏ "cái chi" đó nên các trạng thái Tham - Sân - Si mới vài khi có cơ hội xâm chiếm tâm trí. Chắc như

vậy Mahanama, nếu "cái chi" đó bị dập tắt và không tồn tại, thì người đâu còn bận bịu với gia đình? Ở trong gia đình người tìm được nhiều thú vui để thỏa mãn lòng tham dục. Vì lẽ "cái chi" đó chẳng bị sa thải nên người mới thích sống trong gia đình để tìm các thú vui hầu thỏa mãn lòng tham dục.

"Này Mahanama, sự tham muốn (ngũ trần) nào có mùi vị gì? Chúng chỉ làm cho đảo điên thất vọng mà thôi. Tham muốn sắc trần là nỗi khốn cùng tột độ. Nếu người giới tử cao quý biết nhận định đúng theo chân lý lòng tham dục là xấu xa nhưng chẳng chịu dứt bỏ cái tâm tìm kiếm thú vui trong sắc trần, thì người không tìm đâu ra hạnh phúc và trở nên cao thượng.

"Này Mahanama, còn người giới tử cao quý biết dùng trí tuệ tuyệt vời để quán xét cho thấy rõ rệt những điều đó, biết rõ sự khao khát vô bờ bến của lòng tham muốn, hiểu rõ những nỗi điên đảo khốn cùng của sắc trần xấu xa tội lỗi và biết rõ mình chỉ được hạnh phúc an vui, được trở nên cao thượng, khi nào biết tránh xa sự tìm kiếm những thú vui theo ngũ dục.

"Này Mahanama, về phần Như Lai lúc chưa giác ngộ, khi chưa đắc đạo quả Chánh Đẳng Giác, khi còn chiến đấu để thành đạt Tuệ Giác, Ta cũng nhận thấy những nỗi khốn khổ của tâm tham muốn. Nhưng ngoài các thú vui trần tục xấu xa tội lỗi, Ta chẳng tìm đâu được an vui hạnh phúc. Ta vẫn không tìm cách lánh xa và cố đeo đuổi theo chúng. Đến khi thành đạt trí tuệ cùng tột, Ta mới thấu rõ bản chất thực tế của lòng tham dục như hiện nay và biết rằng chỉ sống ngoài tham dục mới tìm được an vui hạnh phúc, mới trở nên cao thượng. Rồi ta cố gắng tránh xa, chẳng tìm những thú vui trần tục nữa.

"Này Mahanama, các thú vui của tâm tham dục chỉ là những trạng thái do giác quan tiếp nhận. Sự thỏa thích toại lòng đều do chúng đưa vào. Những nỗi thống khổ của lòng tham dục là muốn vật chi không được. Hoặc giả được rồi nó lại mất đi vì bị lửa thiêu cháy, bị nạn lụt hay những tên trộm mang đi.

"Nỗi khổ đau của tâm tham dục là thế này: "Nó khiến gây ra chiến tranh giữa những người này và người khác, làm phát sanh thương tật chết chóc, gây thiệt hại cho kẻ lảng giềng, rồi phải đau đớn vì bị hành phạt, tra tấn, trăm quyết". Niềm thống khổ của lòng tham dục là như thế đó.

"Này Mahanama, một thuở nọ, Như Lai đang ngự trên chót núi Kỳ Xà Quật (núi Kên kên). "Cùng lúc đó tại quả núi Hắc Sơn phía bên đồi của các đạo sĩ có rất nhiều người lửa thể tu khổ hạnh thuộc phái "Đứng" không khi nào ngồi hay nằm. Vì đó họ phải chịu biết bao thống khổ nhọc nhằn.

"Một buổi trưa, sau khi xuất định như thường lệ, Như Lai đứng dậy, cất bước dạo sang phía những người tu lửa thể và hỏi:

"Hỡi này các bạn! Tại sao các người lại sống lơ lửng, đứng hoài không chịu ngồi ghê, không chịu nằm trên giường? Làm vậy các người ắt bị đau khổ hao mòn biết mấy?".

"Nhóm lửa thể trả lời:

"Này ông bạn, thầy của chúng tôi là giáo chủ Nathaputta (Ni-kiến Tử) rất thông minh trí tuệ, hiểu thấu tất cả. Ông quả quyết đã thành đạt Tuệ Giác và tuyên bố như vậy: "Dù ở yên hay cử động, ngủ hay thức, Tâm Nhãn và Tuệ Giác của ta không hề bị gián đoạn". Thầy chúng tôi còn dạy: "Hỡi này các đạo sĩ! Trước kia các người đã

gây ra nghiệp dữ. Vì vậy hôm nay các người phải kiên trì khổ hạnh, gánh chịu đau đớn nhọc nhằn như thế để đền bù lại các tội lỗi ngày xưa. Khi thân xác bị dày vò như thế, thân khẩu ý bị hành hạ kèm hãm như thế, khiến các người khỏi trả quả đón đau về buổi tương lai. Bằng đường lối khổ hạnh, các người đã hủy diệt những nghiệp cũ và chẳng gây ra nghiệp mới, không có hành vi mới. Hành vi mới chấm dứt thì không tạo nghiệp. Nghiệp bị hủy diệt thì nỗi thống khổ cũng tiêu tan. Không khổ thì cảm giác chẳng còn. Cảm giác không còn thì muôn ngàn khổ não sẽ hao mòn khô cạn". Đó là những điều tuyệt hảo của chúng ta. Chúng ta nên hoan hỉ tự hào với kiến thức ấy".

"Này Mahanama, chừng đó Như Lai nói với các người lỗi thế:

"Hỡi các ông bạn lỗi thế! Vậy các người có biết rõ kiếp trước mình đã có sanh ra làm người không? Có khi nào các người nghĩ rằng kiếp trước mình chẳng được sanh ra làm người chẳng?".

- "Này ông bạn, chúng tôi không biết".

- "Các người có biết kiếp trước mình có gây ra nghiệp dữ hay đã lánh xa tội lỗi không?".

- "Chúng tôi không được biết".

- "Các người có biết rõ trong kiếp trước mình đã gây ra điều xấu xa tội lỗi như thế nào không?".

- "Chúng tôi không biết".

- "Các người có biết với những khổ đau quá khứ, những khổ đau được tồn trữ, cộng thêm với những khổ não hiện nay, mình có thể diệt tận nguồn thống khổ không?".

- "Chúng tôi không được biết?".

- "Các người có thể nghĩ rằng làm như vậy trong kiếp hiện tại thì những điều xấu xa tội lỗi chấm dứt và sẽ đạt được mục đích tốt lành cao thượng không?"

- "Chúng tôi không được biết".

- "Hỡi này các bạn lỏa thể! Các người đã công nhận rằng không biết kiếp trước mình đã được sanh làm người hay không? Chẳng biết kiếp trước mình đã gây ra nghiệp lành hay nghiệp dữ? Không biết hành vi mình khi đó là thế nào? Không biết với nghiệp quá khứ và nghiệp tồn trữ đã gây khổ đau, cộng với cách hành thân hoại thể hiện nay có thể diệt tận nguồn thống khổ không? Các người cũng không biết phải chăng trong kiếp hiện tại các việc xấu xa tội lỗi đều chấm dứt và mục đích cao thượng đã thành đạt? Như thế các đạo sĩ lỏa thể không khác gì những hạng người bị sanh vào cảnh giới khốn cùng, bàn tay đầm máu vì đã gây ra nhiều nghiệp dữ".

- "Hỡi thầy Gotama! Hạnh phúc không sao thành đạt được bằng sự an vui no đủ. Thật ra chỉ nhờ đường lối khổ hạnh con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung túc đầy đủ đem lại hạnh phúc thì hắc đức vua Senya Bimbisara (Bình Sa Vương) là hoàn toàn hạnh phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong phú hơn thầy Gotama rất nhiều".

- "Các ông đạo sĩ nói hơi vội và chẳng kịp nghĩ suy kỹ lưỡng. Như Lai xin hỏi: "Vậy chớ giữa hai nhân vật cao quý, Ta và đức vua Bimbisara, ai là người có hạnh phúc nhiều hơn".

- "Này thầy Gotama đáng kính, thật quả vậy, chúng tôi đã vội vàng hấp tấp, thiếu suy nghĩ khi

nói rằng hạnh phúc không sao thành đạt được bằng sự an vui no đủ. Chỉ nhờ đường lối khổ hạnh con người mới mong thoát khổ. Nếu sự sung túc đầy đủ mang lại hạnh phúc thì đức vua Senya Bimbisara hẳn là hoàn toàn hạnh phúc. Vì nhà vua sống cuộc đời vàng son phong phú hơn thầy Gotama rất nhiều. Tuy nhiên nên để chuyện đó qua một bên và chúng tôi xin hỏi lại: "Vậy chớ giữa hai nhân vật cao quý đó, đức vua Bimbisara và thầy Gotama đáng kính, ai là người sống cuộc đời hạnh phúc hơn?".

- "Tôi thiên Như Lai xin hỏi lại, các người nên trả lời cách nào cho thỏa đáng. Vậy các ông nghĩ sao? Đức vua xứ Magadha là Senya Bimbisara có thể nào ở yên không cử động hoặc im lặng chẳng thốt một lời trong thời gian bảy ngày, bảy đêm mà vẫn hạnh phúc chăng?".

- "Này ông bạn, không sao thể được".

- "Còn Như Lai thì có thể giữ thân hình yên tĩnh không cử động, chẳng thốt một lời trong thời gian một ngày và một đêm nhưng vẫn hoàn toàn an vui hạnh phúc. Không những vậy thôi, Như Lai có thể ở yên, trầm lặng chẳng thốt một lời suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, hay bảy ngày bảy đêm nhưng vẫn được hạnh phúc hoàn toàn. Như vậy các ông nghĩ thế nào? Giữa đức vua Bimbisara xứ Magadha và Ta, ai hạnh phúc hơn?".

- "Thầy Gotama đáng kính, nếu vậy thì Ngài hẳn được hạnh phúc an vui hơn vua xứ Magadha là Senya Bimbisara rồi".

-- Trung Bộ, 14

18. Giây oan trái nên mở chớ không nên buộc

Lúc nọ có xảy ra trong nhóm Tỳ kheo nhiều sự cãi vả tranh chấp đưa đến xung đột với nhau bằng võ lực. Dân chúng hay biết rất phiền hà bức bối. Những Tỳ kheo không liên can còn biết phải quấy đến thông báo, Đức Phật dạy: "Hỡi này các đệ tử! Khi tư cách bất tuân Giới Luật, vô phẩm hạnh và hận thù xâm chiếm các người, tốt hơn nên ngồi trên ghế cách xa nhau, mặc sức quơ tay múa chân, hoặc đấu khẩu, nhưng chớ nên âu đả cùng nhau".

Nhưng lời khuyên hóa của Đức Thế Tôn chẳng có kết quả. Một Tỳ kheo khác tới cho Phật hay: "Con xin thành khẩn thỉnh Đức Thế Tôn, vì lòng từ bi bác ái ngự đến xem qua và dạy bảo".

Đức Phật liền ngự đến giữa nhóm Tỳ kheo đang xung đột và nhắc lại chuyện hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala. Sau một cuộc chiến tranh, vua Dighiti bị phản bội thua trận và vua chiến thắng Brahmadata xứ Kasi bắt được vua Kosala cùng hoàng hậu đem đi hạ ngục để chờ ngày hành quyết.

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó hoàng tử trẻ trung Dighavu phát tâm suy nghĩ: "Đã hèn lâu ta không được đến thăm viếng mẹ cha. Vậy ta sẽ lên đường nội hôm nay. Rồi chàng thanh niên Dighavu đi vào thành Bénarès nhìn thấy vua cha và hoàng hậu bị trói ké bằng giây to, đầu cạo trọc và quân lính dẫn đi xuyên qua các đường phố giữa những tiếng trống vang rền. Thấy vậy chàng bước đến gần cha mẹ. Vua Dighiti xứ Kosala thấy con liền la lên: "Này Dighavu thân mến, con chớ nên để kéo dài... Con chớ nên nóng nảy vội vàng. Vì không thể lấy hận thù rửa được hận thù. Chỉ có dứt bỏ hận thù thì mới dập tắt được hận thù".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Khi nghe vậy dân chúng nghĩ rằng: "Có lẽ ông vua Dighiti xứ Kosala này

điên hay mê sảng? Chàng trai Dighavu chẳng liên can gì cả, tại sao ông ta lại nói: "Chớ để kéo dài... chớ để nóng nảy vội vàng?". Vua Dighiti trả lời: "Này các bạn, tôi không phải điên hay mê sảng gì cả. Kẻ nào thức thời sẽ hiểu được những lời tôi nói".

"Này các Tỳ kheo, những tên lính sau khi dắt vua Kosala và hoàng hậu đi khắp nẻo đường trong thành phố rồi trở ra theo cửa hướng nam. Chúng chặt đứt vua Kosala và hoàng hậu ra làm bốn khúc mang đi bỏ khắp bốn hướng ở ngoại thành, để lại người canh gác rồi rút lui.

"Khi ấy chàng thanh niên Dighavu liền đem theo rượu mạnh đi vào thành Bénarès cho quân lính gác uống say mềm. Khi chúng say té nằm la liệt dưới đất, Dighavu liền gom hài cốt cha mẹ lại để lên giàn hỏa tế lễ, chấp tay đi vòng quanh ba lần.

"Này các Tỳ kheo, xong việc chàng trai Dighavu liền đi vào rừng khóc than thảm thiết rồi gạt lệ trở lại thành Bénarès, đến các chuông tượng gần đền vua nói với tên nài trưởng: "Này ông, tôi rất mong học được nghề khiến voi".

- "Hỡi chàng thanh niên! Được lắm, chàng cứ vào đây mà học".

"Này các Tỳ kheo, lúc trời vừa rạng sáng, hoàng tử Dighavu từ trong chuông voi, với giọng thâm trầm kỳ diệu cất lên tiếng hát du dương, và thỉnh thoảng hòa cùng tiếng sáo mê hồn di chuyển theo luồng gió ban mai thanh khiết nhẹ nhàng. Đức vua Brahmadata xứ Kasi thức giấc vào lúc đó, nghe được giọng ngâm tiếng sáo hấp dẫn lạ thường liền phán hỏi quân hầu: "Vậy chớ kẻ nào từ sáng sớm ở trong chuông voi, thổi sáo và hát nghe êm tai tuyệt diệu như thế?".

- "Tâu Đại Vương, chính một chàng trai mới xin vào học nghề khiên voi cho ngài đó".

- "Vậy các người hãy dẫn nó lại đây cho trẫm xem".

- "Dạ xin vâng".

"Khi Dighavu tới nơi, đức vua hỏi:

"Này chàng thanh niên hiền lành kia, có phải chính người thổi sáo và hát trong lúc trời rặng sáng đó không?".

- "Tâu Đại Vương, phải".

- "Vậy nhà người hãy thổi sáo và hát thêm cho trẫm nghe nữa xem?".

"Hoàng tử Dighavu vâng lời và trở hết tài ba để tìm ân huệ và sự tin cậy của nhà vua.

"Vua Brahmadata xứ Kasi phán:

- "Này chàng trai hiền lành kia, vậy người hãy ở lại đây hầu trẫm".

"Chàng thanh niên Dighavu vâng lệnh và trở thành người hầu đáng tin cậy của vua.

"Chàng thức dậy sớm hơn vua, đi ngủ sau vua, vui lòng vâng dạ và hành sự theo mạng lệnh của ngài, có tánh nết điều hòa nhu thuận, lời nói dễ thương. Không lâu sau đó chàng được đức vua Brahmadata tín dụng luôn luôn sống cận bên ngài.

"Này các Tỳ kheo, ngày nọ đức vua Brahmadata xứ Kasi dạy: "Hỡi chàng trai thân mến! Người hãy sắp đặt một cỗ long xa để chúng ta đi săn bắn".

"Thắng ngựa xong Dighavu đến tâu vua:

- "Tâu Đại Vương, long xa đã sắp đặt xong, xin ngài tùy tiện".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Vua Brahmadata xứ Kasi ngự lên xe và chàng Dighavu cầm cương ngựa tìm cách tách khỏi quân lính tùy tùng phía sau rồi tẻ qua ngõ khác. Sau khi vượt hết một đoạn đường dài, nhà vua phán: "Này chàng trai thân mến, người hãy dừng xe lại cho trăm năm nghỉ mệt một chút".

"Hoàng tử Dighavu vâng lời dừng xe lại, bước xuống đất ngồi trên hai cẳng. Đức vua Brahmadata nằm xuống gối đầu trên bấp về chàng rồi ngủ mê man vì đi đường mệt mỏi.

"Này các Tỳ kheo, lúc đó chàng thanh niên Dighavu phát sanh ý nghĩ: "Nhà vua Brahmadata xứ Kasi này đã gây cho gia đình ta muôn vàn đau khổ. Do ông mà chúng ta mất hết quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, giang sơn. Đã vậy ông còn giết cha mẹ ta. Giờ đây đã đến lúc ta phải rửa sạch hận thù". Tính xong chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Nhưng chàng sực nhớ lại lời cha dặn khi trước: "Không nên để kéo dài, hỡi đứa con thân mến!... Không nên nóng nảy vội vàng. Vì hận thù không sao rửa được hận thù và chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù. Như vậy ta không nên cãi lời cha dạy". Nghĩ xong, Dighavu để gươm vào vỏ. Chàng suy đi nghĩ lại như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba rồi để gươm vào vỏ.

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó đức vua Brahmadata đang ngủ mê bỗng giật mình hoảng hốt. Chàng Dighavu hỏi: "Tâu Đại Vương, chẳng biết tại duyên có chi? Ngài đang ngủ ngon lành bỗng nhiên lại giật mình hoảng hốt, tỏ vẻ kinh hoàng sợ hãi như vậy?".

"Nhà vua đáp: "Hỡi người bạn trẻ! Trẫm ngủ nằm mộng thấy hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala đang tuốt gươm toan hạ sát ta nên mới giết mình hoảng hốt kinh hoàng sợ hãi như thế".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc ấy hoàng tử Dighavu đặt tay trái lên đầu vua Brahmadata, tay phải tuốt gươm ra khỏi vỏ và nói: "Chính tôi là Dighavu đây. Tôi là đông cung thái tử của vua Dighiti xứ Kosala. Đại vương đã gây quá nhiều đau khổ cho gia quyến tôi. Ngài đã hủy diệt quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, giang san của chúng tôi. Đã vậy ngài còn giết hại cả cha mẹ tôi. Giờ đây đã đến lúc tôi phải rửa sạch hận thù".

"Này các Tỳ kheo, đức vua Brahmadata xứ Kasi liền cúi đầu quì mọp xuống chân Dighavu khấn khoản: "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Hãy tha chết cho trẫm, hãy để trẫm được toàn mạng".

"Dighavu trả lời:

- "Tâu Đại Vương, làm sao tôi có thể tha chết cho ngài đặng? Chính ngài nên dung tha cho tôi mới phải".

"Nhà vua đáp:

- "Thế thì xin chàng hãy tha chết cho trẫm và trẫm cũng để chàng được an toàn".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Như thế vua Brahmadata và Dighavu đều hoan hỷ xóa bỏ hận thù tha chết cho nhau. Hai người nắm tay tuyên thệ sẽ không làm hại lẫn nhau".

"Rồi vua Brahmadata xứ Kasi phán:

- "Này bạn thân mến Dighavu, vậy chàng hãy sắp đặt long xa để chúng ta trở về". Dighavu vâng

lời, hai người lên xe quay trở lại nhập vào đoàn quân hộ vệ.

"Hỡi này các Tỳ kheo, đức vua Brahmadata xứ Kasi về tới triều trong thành Bénarès liền cho hội tất cả quần thần và phán: "Này các khanh, nếu gặp được hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala thì các khanh sẽ xử sự thế nào?"

"Vài vị quan tâu: "Tâu bệ hạ chúng tôi sẽ chặt tay chàng. Chúng tôi sẽ chặt chân chàng. Chúng tôi sẽ chặt luôn cả chân tay. Chúng tôi sẽ cắt tai chàng. Chúng tôi sẽ theo mũi chàng. Chúng tôi sẽ cắt tai mũi chàng. Chúng tôi sẽ chặt đầu chàng".

"Đức vua phán:

- "Thì đây là hoàng tử Dighavu con vua Dighiti xứ Kosala. Nhưng trăm cam nhật không cho ai đụng tới chàng. Vì chàng đã tha chết cho trăm và trăm cũng cam kết để chàng được toàn thân".

"Rồi vua Brahmadata xứ Kasi hỏi:

- "Hỡi bạn thân mến Dighavu! Nhưng tại sao cha chàng trước khi chết lại dặn: "Chớ nên để kéo dài... Chớ nên nóng nảy vội vàng?"

"Dighavu trả lời:

"Tâu Đại Vương, trước khi chết vua cha có dặn: "Chớ nên để kéo dài". Có nghĩa là không nên để hận thù kéo dài thêm nữa. Ngài nói: "Chớ nên nóng nảy vội vàng!" Có nghĩa là chớ nên nóng lòng lôi kéo bạn bè tấn công để rửa hận. Vua cha lại nói: "Không thể lấy hận thù rửa sạch hận thù, mà chỉ có dứt bỏ hận thù mới mong dập tắt hận thù". Có nghĩ là khi Đại Vương giết cha mẹ tôi, nếu tôi tìm cách hãm hại ngài thì tất nhiên quan quân của ngài sẽ giết tôi, rồi bè đảng của tôi tìm

cách báo oán tàn sát lại quân lính của Đại Vương. Làm vậy không sao lấy hận thù để dập tắt hận thù đặng. Tâu Đại Vương nhưng giờ đây, Ngài đã tha mạng sống cho tôi và tôi cũng chẳng sát hại ngài. Như vậy sự dứt bỏ hận thù đã dập tắt hận thù. Đó là những lời trần trối của vua cha trước khi thăng hà".

"Hỡi này các Tỳ kheo! Lúc đó vua Brahmadata xứ Kasi phán: "Tuyệt diệu thay! Chàng thanh niên Dighavu thật rất thông minh nên đã lĩnh hội được những lời trối trăng bóng gió khó hiểu của vua cha". Nói xong Ngài ra lệnh trả lại quân lính, chiến xa, kho tàng, của cải, đất đai cho Dighavu và gã luôn công chúa cho chàng."

Đức Thế Tôn thuyết tiếp:

"Này các Tỳ kheo, đó là tư cách bền tâm, nhẫn nại, nhu thuận của các vua chúa trị vì thiên hạ. Còn đối với các người là bậc xuất gia nương theo Giáo Pháp tìm đường thánh thiện, các người cũng phải bền tâm nhẫn nại thế nào để nghiêm trì Giới Luật bảo tồn Chân Lý chói ngời rạng rỡ trên khắp thế gian".

Đức Phật dạy thêm lần thứ hai và thứ ba nữa: "Vậy các người (những vị đang xung đột) hãy dừng lại, thôi tranh chấp, thôi xung đột, thôi cãi vã". Và cũng ba lần các Tỳ kheo ngoan cố trả lời: "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Pháp Vương, xin bền tâm nhẫn nại để sống an vui hạnh phúc. Còn những chuyện cãi vã, tranh chấp, xung đột, ấu đả là phần trách nhiệm của chúng tôi... và chúng tôi vẫn tiếp tục".

Đức Phật nghĩ: "Bọn điên rồ này thật là ngoan cố, cứng đầu, ngả chấp quá đỗi và chẳng dễ gì dạy bảo". Nói xong Ngài đứng dậy ra về.

Lời của dịch giả.

Sự việc trên đây chúng tỏ chẳng những chỉ hiện nay mới có xảy ra những sự bất hòa trong hàng Tăng chúng. Lúc Phật còn tại thế, trường hợp xung đột cãi vả giữa các Tỳ kheo cũng đã có lần gây cán lên cao độ đến đôi Ngài không dàn xếp nổi và phải rút vào rừng vắng, bỏ mặc cho họ tranh chấp với nhau. Nhưng các tín đồ thời ấy sáng suốt khôn ngoan, khi biết rõ tự sự chẳng còn trong sạch dâm cúng vật thực nữa. Các Tỳ kheo ngoan cố, vì đôi khổ thiếu thôn phải tìm thỉnh Phật về.

Hiện nay có nhiều phần tử xuất gia vô giới hạnh, ganh tị, chia rẽ, thù nghịch mà vẫn được các đệ tử cung phụng ám no đầy đủ nên vẫn hui hui tự đắc, ý lại, tiếp tục sấn bước trên đường tội lỗi để phá hoại Phật Giáo. Nếu chúng ta biết lựa ruộng tốt để gieo trồng như người xưa thì lợi ích biết bao?

Tôn chỉ của Đạo Phật là: "Từ bi, bác ái, vị tha, bên tâm, nhân nhục".

Thánh Gandhi cũng noi theo đường lối đó để tổ chức phong trào "Đề kháng bất bạo động" chống lại đế quốc Anh suốt 30 năm. Ông nói: "Sự nhân nhục bất bạo động khiến cho quả đấm của kẻ bạo tàn rơi vào khoảng trống, vô hiệu lực, vì không có phản ứng nào".

Trong câu chuyện trên đây, hai quốc vương Dighiti, Brahmadata và hoàng tử Dighavu đều là những nhân vật can trường, đức độ phi thường, nên đều biết xử sự đúng theo lẽ phải.

Vua Dighiti xư Kosala bại trận và bị bắt cùng hoàng hậu, biết rằng thế nào cũng không tránh khỏi cái chết nên dặn con chớ nên báo oán.

Hoàng tử Dighavu rất thông minh hiếu thuận, thông thấu tội phước nghiệp quả, nên hành động theo lời trăng trối của vua cha, không ám hại kẻ thù.

Còn vua chiến thắng Brahmadata xư Kasi không vì đó mà trở nên kiêu căng, tự đắc, bạo tàn, mà lại biết tôn trọng chữ Tín, biết đánh giá thái độ quân tử của đông cung Dighavu, nên trả lại tất cả giang san sự nghiệp và chọn chàng là phò mã.

Cổ nhân có nhiều đức tánh cương trực chân thành, biết xử sự đúng theo tinh thần Phật Giáo nên hằng được hạnh phúc an vui. Ngày nay con người quá mê say vật chất, tánh tình hẹp lượng ích kỷ, ngã chấp, hành động xấu xa vô ý thức để rớt cuộc phải chịu khổ đau. Câu chuyện trên đây đáng là tấm gương soi sáng muôn đời.

19. Khúc gỗ trôi ra biển cả

Đức Thế Tôn thuyết:

"Hỡi này các Tỳ kheo! Các người có nhìn thấy khúc gỗ đang trôi lều bều trên dòng nước sông Hằng đó không?"

"Nếu khúc cây đó không tấp vào bờ bên này hay đổ vào bờ bên kia. Nếu nó chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu nó không bị mắc kẹt dưới đáy sâu. Nếu nó không bị những chúng sanh thuộc nhân loại hoặc hạng phi nhân vớt đem đi. Nếu nó không bị nước lũ cuốn làm tan vỡ và nếu nó không mục thúi trong ruột thì tất nhiên khúc gỗ đó sẽ trôi suông sẽ ra tới ngoài khơi, nó từ từ trôi ra biển cả, nó sẽ lướt qua những lượn sóng ba đào, vượt khỏi các chướng ngại vật để trôi ra biển".

"Này các Tỳ kheo, thì cũng như thế ấy, nếu các người không tấp vào bờ bên này hay bờ bên kia. Nếu các người chẳng bị chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh. Nếu các người không bị những chúng sanh thuộc nhân loại hay hạng phi nhân hãm hại. Nếu các người không bị nước lũ cuốn đi và nếu các người không mục thúi bên trong, thì các người sẽ hướng về Niết Bàn, từ từ trôi tới Niết Bàn. Các người sẽ vượt qua những trở ngại khó khăn để đến Niết Bàn".

"Này các Tỳ kheo, bờ biển này của sông Hằng là lãnh vực của lục căn với tánh cách chủ quan. Bờ bên kia là lãnh vực của lục căn với tánh cách khách quan. Chìm dưới dòng nước đang chảy mạnh ám chỉ lòng tham muốn vô bờ bến của người đời. Mắc kẹt dưới đáy sông là tâm ngã chấp, cố bám đời sống hảo huyền, cho rằng đây là thân ta, đây là của ta, đây là ta.

"Còn những chúng sanh thuộc nhân loại hãm hại các người như thế nào?"

"Đó là trường hợp người làm chủ gia đình bị dính mắc giữa lòng thế tục, vui thích hoặc phải chịu đau khổ vì đời, phải chia sẻ các niềm vui nỗi khổ với những kẻ sống quanh mình, luôn luôn bận rộn vì nhu cầu, vì sự ràng buộc gia đình chẳng biết tới khi nào mới làm xong nhiệm vụ.

"Còn các người bị hạng phi nhân thôn tính ra sao?"

"Đó là nói về kẻ xuất gia tìm đạo cứu cánh lại ước mong được sanh làm chư thiên. Người đó hằng khẩn nguyện như vậy: "Mong sao với công đức nhọc nhằn trên đường tu tập, khổ hạnh nghiêm trì giới luật đúng theo phẩm hạnh sa môn, tôi sẽ được tái sanh về cõi thiên đàng".

"Bị dòng nước lũ cuốn đi có nghĩa là sa vào bảy ngũ trần tội lỗi".

"Còn mục thú vị bên trong là thế nào?"

"Đây là ám chỉ những con người thấp hèn đê tiện, vô giới hạnh nuôi mạng bất chánh xấu xa, hay giấu lỗi mình, thường khoe khoang tài đức. Là những bạn đồng hành hay lừa dối, xảo quyệt, công cao, ngã mạng, thân tâm như bản, lòng dạ chứa đầy tham dục ví như đồng rác thú vị tha."

-- *Tương Ưng Bộ IV*

Lời của dịch giả

Đức Phật ví thầy Tỳ kheo như khúc gỗ trôi sông, chẳng còn bị vật chi ràng buộc, bỏ nhà cửa thân thuộc ra đi tìm sống cảnh cô đơn trước những phong ba bão táp. Vậy người ấy phải ráng cẩn thận, đừng để dính mắc vào chạm bẫy của ma vương trong nhiều

trường hợp xấu xa tội lỗi và chỉ chú tâm hướng về mục đích cuối cùng là Niết Bàn.

Người thế gian, từ vô thi, đã chịu ảnh hưởng vật chất nặng nề, có đủ trí óc thông minh và khả năng đem lại danh vọng tiền bạc rất dễ dàng, nhưng không tài nào thấu nổi thực tế của con người là ra sao. Vì lẽ đó họ cho đời là tươi đẹp và tranh đấu để củng cố kiếp nhân sinh ngắn ngủi là hợp lý.

Trên đây, Đức Phật cố ý khuyến hóa các bậc xuất gia nên cố gắng trau dồi giới đức, sáng suốt biết mình trong mỗi hành động, lời nói và tư tưởng, thì trước sau gì cũng thoát khỏi vòng sanh tử, cũng như khúc gỗ nổi lều bều trên mặt nước vượt qua tất cả vật chướng ngại để trôi lăn ra biển cả.

20. Tư cách dứt bỏ

Có người tại gia cư sĩ tên là Potaliya đến viếng Phật và nói:

"Bach Đức Thế Tôn, hiện nay tôi đã đình chỉ cuộc kinh doanh thương mại và bỏ tất cả công việc hàng ngày". Đức Phật đáp:

"Này người tại gia cư sĩ, những công việc hàng ngày mà người vừa nói là một chuyện. Còn các công việc hàng ngày theo đường lối của kẻ có đức hạnh là chuyện khác.

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Có tám điều học mà người làm chủ gia đình cần phải thực hành để dứt

bỏ công việc hàng ngày là:

- Không sát hai sanh vật và cố tránh sự sát hại.
- Không lấy vật gì của kẻ khác và cố tránh sự sang đoạt món chi không ai cho mình.
- Không nói dối và cố gắng dùng lời chân thật.
- Không nói xấu kẻ khác và cố tránh xa lời nói đâm thọc.
- Không ham muốn xấu xa và cố tránh sự tham lam.
- Không chỉ trích kẻ khác và cố tránh sự phê phán.
- Không nên sân hận và cố tránh sự nóng giận hung hăng.
- Không nên công cao ngạo mạn và ráng khiêm tốn nhẫn nhục.

"Đó là tám công việc hàng ngày mà người đạo hạnh cần phải thực hành.

"Này người tại gia cư sĩ, ý nghĩa về điều học sát hại sanh vật là thế nào?"

"Ví dụ có người chủ gia đình phát tâm suy nghĩ: "Ta hãy ráng từ bỏ tánh hung bạo đối với các sanh vật, vì đó là điều chướng ngại rất tai hại. Nếu sát hại sanh vật ta sẽ bị lương tâm cắn rứt về sự hung hăng tàn bạo đó. Những kẻ thức thời hiền hậu biết được sẽ chê trách ta là người độc ác. Sau khi chết, xác thân tan rã ta sẽ bị đọa vào cảnh giới khốn cùng. Đó là điều trở ngại trên đường đạo đức. Tránh xa sát hại sanh vật khiến ta khỏi mang nghiệp dữ về sau.

(Đức Phật giải thích bảy điều học tiếp theo cũng với thể thức như trên).

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Cũng như con chó thân hình ốm o gầy còi vì thiếu ăn, chạy vào lò thịt được tên đồ tể vát cho khúc xương bò không dính chút thịt nào và còn rỉ ra vài giọt máu không sao đủ no lòng. Thì cũng như thế ấy, người giới tử cần nên suy nghĩ như vậy: "Những đục lặc và sắc trần nào có khác chi khúc xương khô không làm cho đỡ đói và chỉ mang lại nhiều đau khổ mà thôi".

"Nhờ sáng suốt biết nhận xét sự việc đúng theo thực tế chẳng còn lầm lẫn, người giới tử không cần quan tâm tới những điều vô ích tai hại và cố gắng tìm rõ chân lý, làm phát triển chân lý, ráng đập tắt tâm khao khát thèm thuồng về những vật cấu tạo trên thế gian cho đến mức độ chẳng còn tham muốn gì nữa.

"Hỡi người tại gia cư sĩ! Đó là phương thức từ bỏ đúng theo đạo hạnh của người giới tử tại gia. Đó là những công việc hàng ngày mà con người cao quý cần phải cố gắng thực hành".

-- Trung Bộ 1

21. Công phu hành đạo

"Hỡi các thầy Tỳ kheo! Như Lai không cho rằng tư cách giác ngộ có thể thành đạt dễ dàng mau chóng mà là kết quả của nhiều công phu kham khổ nhọc nhằn được thực hành từ giai đoạn đúng theo qui tắc với mức độ tiến triển nhịp nhàng suốt lịch trình tu tập.

"Trong trường hợp này, một người kia có đức tin tìm đến (bậc thiện tri thức) chú tâm, lắng tai nghe Giáo Pháp và cố gắng ghi nhớ nằm lòng. Người trải nghiệm mức quan trọng của Pháp học là thế nào và phát tâm thỏa thích trong Giáo Lý. Người trở nên nhiệt thành, thức tỉnh đạo tâm, cân nhắc

chánh tà phải quấy rồi quyết định thực hành đường lối đúng theo hoài bảo. Người quan niệm Giáo Pháp là đúng chân lý rồi dùng trí thông minh phân tách, suy nghiệm, lĩnh hội một cách sáng suốt.

"Sau đây là bốn phương thức được dành cho người giới tử khi mới bước chân vào đạo:

- 1) Tinh tấn tránh xa các pháp xấu xa tội lỗi.
- 2) Tinh tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê tiện.
- 3) Tinh tấn làm cho tiến triển các pháp lành.
- 4) Tinh tấn bảo tồn những pháp cao thượng.

"Các người hãy nghe đây:

Tinh tấn tránh xa các pháp xấu xa: Trong trường hợp này người giới tử cố gắng trau dồi tâm trí chẳng cho nó khiêu gợi những tư tưởng hoặc hành động xấu xa tội lỗi khi chúng chưa phát sanh. Mỗi khi va chạm với sắc trần hay bất cứ vật gì người chẳng quan tâm đến và chú ý quán xét về các trạng thái đê tiện nhơ nhớp của sắc trần. Người suy nghĩ về những nghiệp báo tai hại nếu không kiểm soát được lục căn.

Tinh tấn lướt qua khỏi các điều thấp hèn đê tiện: Người giới tử cố gắng rèn luyện thân tâm để vượt qua khỏi các pháp xấu xa tội lỗi đã phát sanh, đem hết nghị lực điều ngự tư tưởng và ráng hủy diệt chúng không cho tái diễn.

Tinh tấn làm cho phát triển các pháp lành: Người giới tử hướng thiện chí của mình về các việc lành chưa phát sanh làm cho Bảy Nguyên Tố Giác Ngộ (Bojjhanga) được tiến triển thêm, có

tâm vui thích nơi thanh vắng, cố đập tắt phiền
nã để đi lần tới giải thoát.

Tinh tấn để bảo tồn những phép cao thượng:

Người giới tử luôn luôn chú tâm về những điều
tốt tươi cao thượng đã phát sanh rồi, không để
cho tư duy cao đẹp đó tiêu tan, mà ráng làm cho
nó phát triển đến mức độ toàn hảo (Bhavana),
tâm trí luôn luôn sáng suốt chiến đấu.

"Này các Tỳ kheo, dù phải nương theo học hỏi
với một ông giáo chủ thiếu đức hạnh, hằng ngày
lo tom góp nhiều của cải lợi lộc, các trò của ông
ta cũng không được tự do muốn làm gì thì làm,
chẳng tuân theo kỷ luật. Các môn đệ cũng phải
kính nể ông ta chứ không dám ngoan cố cứng đầu
khó dạy, buông lung tùy ý".

"Nhu vậy, lúc tìm theo học hỏi với một Đấng
Toàn Giác có Giới Luật trang nghiêm, sống ngoài
nếp xa hoa, vất bỏ tiền tài danh lợi, thì hẳn người
giới tử cần phải thu thúc kỷ cương như thế nào?"

"Về điều này, khi một giới tử có đức tin trong
Giáo Pháp và muốn nương theo Giáo Pháp tất
nhiên phải nhìn nhận: "Đức Như Lai là Thầy Tổ
và mình đây là trò. Ngài suốt thông tất cả, còn
mình thì tối tâm ngu dốt".

"Có tánh phục tùng dễ dạy như thế, Giáo Pháp sẽ
đem lại cho giới tử nhiều nghị lực và mau tấn
hóa. Người lấy Giáo Pháp làm nguyên tắc và suy
nghĩ: "Ta sẽ hết lòng tinh tấn cố công hành đạo.
Dù cho thịt, da, gân, xương ta bị rã rời. Dù máu
khô cạn ta cũng không thối chuyển. Ta quyết tâm
tinh tấn trau giồi đạo hạnh nếu chưa đạt được
mục đích mà con người có thể thành tựu bằng
khả năng và nghị lực."

-[Hết]-

-ooOoo-

[\[Mục lục\]](#)[\[Tập 1\]](#)[\[Tập 2\]](#)[\[Tập 3\]](#)[\[Tập 4\]](#)

[\[*Thư Mục
chính*\]](#)

*Last updated: 29-05-
2000*

*Web master:
binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com*